

# THE MYSTICAL WORLD OF JAVA

*By Mas Prio Hartono*



UNDISCOVERED WORLDS PRESS



*A Hummingbird  
Book*

## **Java Huyền Bí**

Nguyên tác **The Mystical World of Java** của Dr. Prio Hartono

© 2.2011 Minh Thần

Phiên bản 2013 - 2016 Góc Nhỏ

# Java Huyền Bí

Nguyên tác

**The Mystical World of Java**

của

Dr. Prio Hartono

dịch giả

**Minh Thần**

  
2016



## Mục lục

Woronoto	9
Tinh thần duy linh ở Java	18
Một bậc lão thành	30
Thế giới vô hình	61
Sự sống sau khi chết	69
Con mắt tâm linh	78
Nogosora ông vua của các Kris	90
Thờ cúng tổ tiên	105
Năm đức tính của người Java	129
Đạo Phật ở Java	152
Những trải nghiệm cá nhân	157
Đạo Hindu ở Java và sự tăng trưởng của linh hồn	172
Wayang Kulit	184
Lời Bạt	213



## Woronoto

Tôi sinh ngày 24 tháng 6 năm 1930 tại Jakarta, thủ đô của Cộng Hòa Indonesia. Jakarta nằm gần bờ biển phía bắc của miền Tây Java. Tuy nhiên, song thân tôi ban đầu là những người gốc gác ở miền Trung Java. Phụ thân sinh ở Jogjakarta và mẫu thân quê quán ở Purwojero, một thành phố cách phía tây Jogjakarta khoảng 40 dặm. Song thân đến Jogjakarta ở, khi phụ thân nhận một việc làm công chức tại Bộ Nội Vụ.

Tuy được nuôi nấng và cho ăn học ở Jakarta, nhưng những kỳ nghỉ hè những đứa nhỏ như chúng tôi được đưa về nhà của mẫu thân tại miền Trung Java. Nhờ vậy mà chúng tôi duy trì được mối liên hệ với quê hương gốc của mình cùng với nền văn hóa của nó.

Căn nhà ông bà tôi nằm trong một thôn xã nhỏ bé và khá hẻo lánh tên Woronoto là nơi cách phía ngoài Purwojero khoảng 3 dặm. Sau khi đi trên một con đường dài có bóng cây, ta cảm thấy hoan hỉ được bước vào thôn xã. Phong cảnh mênh mông của ruộng lúa khiến cảm thấy được khuây khỏa và vui sướng. Những

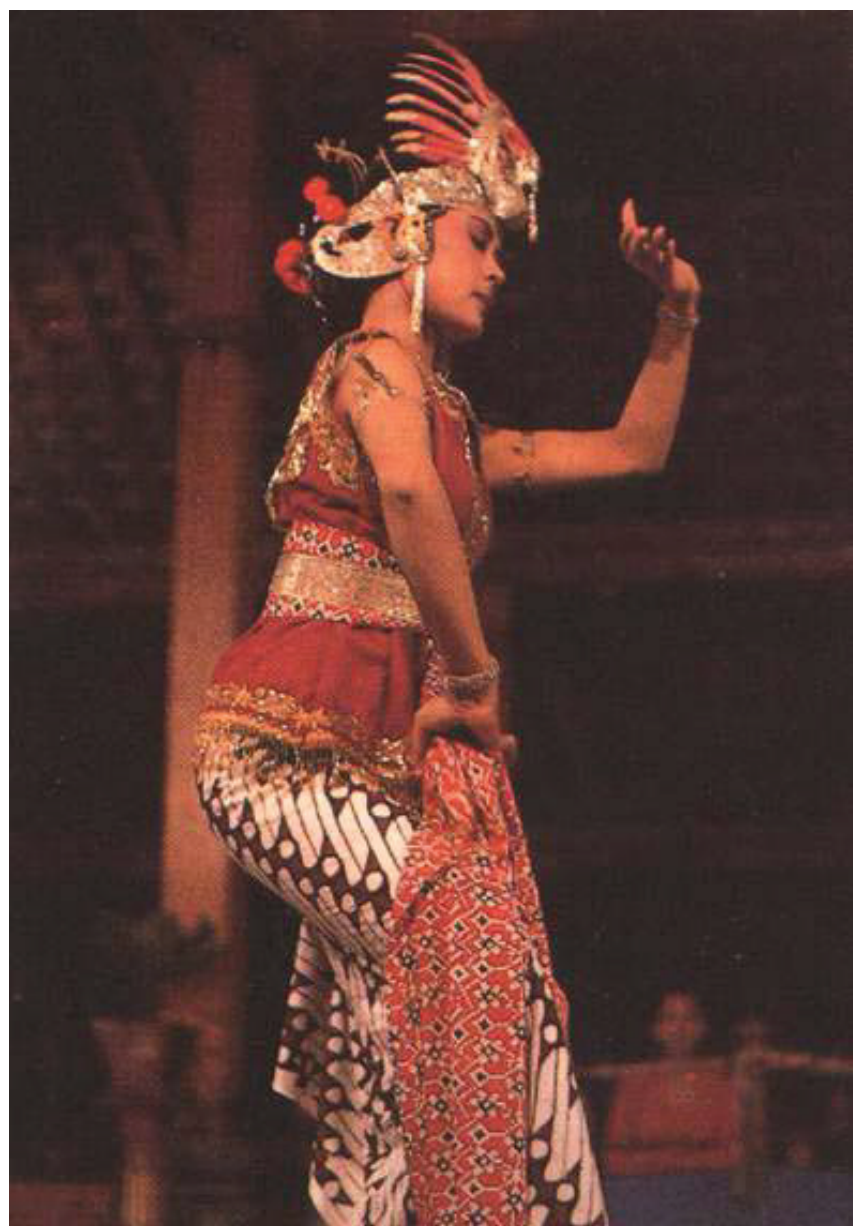
thôn xóm lúa thừa trông như những hòn đảo nhỏ bé dưới ánh mặt trời, những cây dừa cao lớn lắc lư dưới nền trời, tất cả đều tỏa ra một sự chào đón nồng ấm cho kẻ trở về cố hương.



Tôi luôn vui mừng được ở nơi thôn xã của ông bà. Đối với tôi đó là một thiên đàng của vùng nhiệt đới. Lúc sáng tinh mơ, tôi thường được tiếng gáy của gà trống đánh thức. Một cảnh mặt trời mọc đẹp để thường tươi cười với mình, khi tôi mở cửa sổ.

Thiên nhiên thật yên lặng và an hòa. Trên những cánh đồng trồng lúa, hết đoàn chuồn chuồn này tới đoàn chuồn chuồn khác, nhỏ bé đủ cỡ và màu sắc khác nhau, thỉnh thoảng nhanh chóng đâm bổ xuống để bắt mồi là những côn trùng nhỏ xíu. Khi mặt trời mọc cao trên đầu, một làn gió nhẹ mát mẻ và dịu dàng vuốt ve tôi. Cảnh mặt trời lặn có nhiều màu sắc với những bầy chim bay





về tổ, khiến cho cảnh vật buổi chiều được phong phú. Những đêm có trăng, đi dạo chút ít với thân nhân và bạn bè tự nó là thú vui. Những đêm thiếu ánh trăng, hàng ngàn con chuồn chuồn này tới hàng ngàn con khác lấp lánh rực rỡ hơn trong đêm u tối. Cơn mưa luôn được đón mừng trong một ngày nóng cháy. Ban đêm âm thanh cơn mưa và không khí mát mẻ luôn khiến tôi cảm thấy ấm cúng, khi được ngồi trên một chiếc ghế dài bằng tre, bên cạnh ánh đèn dầu lửa lung linh, hay khi ngủ trên giường dưới chiếc sarong của mình.

Tôi lấy làm vui thích được tắm trong nước cạn trong tươi của một dòng sông chảy trên một đá có những hòn đá của núi lửa. Đôi khi tôi đi chăn trâu cùng với những đứa trẻ của thôn xã chỉ vì vui thích, nhưng thú tiêu khiển mà tôi thích nhất là ngồi trên lưng một con trâu, khi nó đang ăn cỏ.

Dân quê gắn bó với nhau như một đại gia đình. Có nhiều dịp để giải trí. Thôn xã có dàn nhạc *gamelan* (một nhạc cụ 5 thanh âm) riêng biệt. Ngay khi còn nhỏ, những đứa trẻ của thôn xã đã bắt đầu tập chơi nhạc. Chúng cũng học những lối múa cổ truyền của Java. Khi lớn tuổi hơn, chúng có thể tham dự vào đoàn *wayang wong* là những người diễn một vở kịch cổ truyền tả thuật lại những truyền thuyết thời xưa của *Ramayana* và *Mahabaratha*, bằng cách vừa ca hát và chơi nhạc, vừa nhảy múa, kể truyện và diễn xuất. Những trang phục sặc sỡ làm cho cuộc diễn xuất được huy hoàng thêm.

Sự cố long trọng hơn là những *selematans*. Gốc của *selematan* là từ *selemat* có nghĩa là an toàn. Một *selematan* là một dịp tụ họp theo đó chủ nhà mời người ta đến ăn uống và cầu nguyện. Đó là một vấn đề cộng đồng. Thân nhân, hàng xóm và bạn bè đến giúp làm thức ăn. Khi mọi người đã đến, thường là khoảng 7 giờ chiều, và ngồi khoanh chân trên những chiếc chiếu trên sàn nhà, người chủ lễ, thường là một người lớn tuổi thông thạo đạo lí và những tập tục cổ truyền, điều khiển buổi lễ cầu nguyện cho sự an toàn, hạnh phúc và thịnh vượng của người được làm *selematan* cho.

Sau lễ cầu nguyện thì có một thời gian trong đó giới trẻ đưa thức ăn cho buổi lễ. Người chủ lễ giải thích ý nghĩa của những món ăn tượng trưng cho điều này điều nọ.

Một *selematan* được làm, khi một đứa bé sinh ra, khi vết thương trên lỗ rốn của đứa bé được lành lặn, và có một *selematan* khác vào ngày thứ 35 sau khi sinh ra, đó là cái chu kì theo đó mình lọt lòng mẹ. Ngày của một tuần lễ 7 ngày trùng hợp với ngày của tuần lễ 5 ngày thuộc lịch Java.

Ngoài tuần lễ gồm chủ nhật, thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy, như của Âu Tây, người Java còn có tuần lễ 5 ngày theo âm lịch, và những ngày đó được gọi là *Legi*, *Pahon*, *Pon*, *Wage* và *Kliwon*. Nếu ai đó sinh vào ngày Thứ Ba-Pon, thì điều này được coi là ngày sinh đích thực, là điều định đoạt định mệnh của mình, tính tình trong số tử vi và những ảnh hưởng của trời đất. Cứ 35 ngày là có một sinh nhật Thứ Ba-Pon. Người Java không ăn mừng ngày tháng mình sinh ra, mà là những ngày tháng *wetonan* hay *wyosan* (theo tiếng Java thượng lưu), nghĩa là ngày mình lọt lòng mẹ.

*Selematan* của ngày thứ 35 cũng được dành cho người mẹ của đứa bé mới sinh ra. Sau cái *selematan* đó, bà được quyền tiếp nối lại những quan hệ nhục dục với chồng mình. Khi đứa bé lần đầu tiên đụng chạm đất, nghĩa là khi nó bắt đầu bò, một *selematan* được làm. Một *selematan* khác được làm, khi tới tuổi cắt bao quy đầu. Công phu nhất là những loạt *selematan* cho lễ cưới kéo dài nhiều ngày. Cũng có một *selematan*, khi cô dâu mang bầu được 7 tháng và đang chờ đợi đứa con đầu tiên của mình được sinh ra.

Ngoài những *selematan* riêng tư còn có những *selematan* công cộng. Chẳng hạn như một *selematan* cho ngày chào đời của ngôn sứ Muhammed. Có một *selematan* cho tháng *Suro*, một tháng năm long trọng trong đó những của gia truyền được lau chùi, rửa sạch và bôi dầu. Và việc ăn mừng lễ *Lebaran* hay *Idul Fitri*, khi trai

giới *Ramadhan* xong xuôi.

*Selematan* không chỉ để cho người sống. Cũng có những cái cho linh hồn của những người đã chết. Có một *selematan* trước khi đi đưa đám, và sau đó buổi chiều sau đám tang. Tiếp theo là những *selematan* vào ngày thứ 3, thứ 7, thứ 40 và thứ 100 sau cái chết. Có một *selematan* để tưởng niệm lần thứ nhất sau khi chết, để tưởng niệm lần thứ hai sau khi chết, và cái *selematan* cuối cùng là vào ngày thứ 1000 sau khi chết.

Tháng trước *Ramadhan* hay tháng trai giới được gọi là *Ruwah*. Gốc của *Ruwah* là từ *arwah*, nghĩa là những linh hồn ở thế giới bên kia. Ở Java người ta cho rằng linh hồn của thân nhân, cha mẹ, và tổ tiên đến thăm mình trong tháng đó. Thế nên, thiên hạ ở Java làm một *selematan* gọi là *ruwahan* là một *selematan* để chào đón những linh hồn đến thăm. Một *selematan* nữa được làm cho người chết khoảng lúc tháng trai giới xong xuôi. Nó được gọi là *punggahan* mà gốc là từ *munggah*, nghĩa là đi lên trên. Nó được làm để chúc cho những linh hồn đến thăm được an lành và êm xuôi trở về thiên đàng. Một *selematan* cũng được làm trước khi trồng lúa. Tất nhiên, cái *selematan* lúc gặt lúa là một dịp rất vui vẻ.

Những người ở *Wenoreto* nghèo nàn về vật chất, theo tiêu chuẩn Âu Tây. Nhưng giữa họ với nhau, họ không cảm thấy nghèo nàn. Họ vui vẻ, mẫn nguyện, độ lượng, dễ gần gũi, hiếu khách, lương thiện và có cả tinh thần hài hước. Phần đông là con cháu của những người đã đi theo Hoàng Thân *Diponogero*, một người đã chiến đấu chống lại thực dân Hà Lan.

Nhiều của gia truyền dưới hình thức những *krises* (những dao găm thiêng liêng), những cây thương và những vật khác vẫn còn được tìm thấy tại khu vực *Purwogero* là đồn lũy cuối cùng của Hoàng hân *Diponogero*.

Không tiêu diệt nổi Hoàng Thân *Diponogero* sau 4 năm chiến

đấu (1826-1830), người Hà Lan cuối cùng đã có thể lừa ông đến Magelan, đề điều đình ngưng bắn. Quân lính ông không được vào thành phố, nên ông đến điều đình một mình. Tấm lòng cao thượng, được nuôi nấng và giáo dục theo một chuẩn mực khắt khe về tinh thần hào hiệp, lòng dũng cảm và lương thiện, ông đến để hòa đàm, nhưng không ngờ đó là một cạm bẫy. Thay vì trọng vọng ông là một người khách, người Hà Lan đã bắt ông và đây ông tới Sulawesi, một hòn đảo phía bắc Java, nơi ông qua đời vì tuổi tác và đau buồn.

Trong thời cai trị của thực dân Hà Lan, người Indonesia bị đàn áp và biến thành nô lệ. Họ không có ngay cả cơ hội được giáo dục đầy đủ. Dưới ách cai trị của thực dân Hà Lan chỉ có 6,5% dân Indonesia có thể đọc và viết. Phần còn lại bị khiến cho trở nên dốt nát.

Điều may mắn là văn hóa có thể truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác bằng lối truyền khẩu và qua âm nhạc, lối nhảy múa, diễn kịch, kể chuyện và thơ văn truyền miệng. Văn hóa và đạo đức quan trọng nhất được truyền lại dưới hình thức wayang *kulit* là kịch bóng múa rối.

Lòng hy vọng của mọi người được sinh khí nhờ những truyền thuyết và tiên tri. Một truyền thuyết nói tới một wali lập di, Sheikh Siti Djenar, một người trong thời Chín Vị Wali của thế kỉ 15. Một wali là vị thánh chân chính được thiên ân. Sau khi nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, Sheikh Siti Djenar không còn muốn giữ giới theo shariat. Ông chỉ quan tâm tới chân lí nội tâm, cái chân lí tuyệt đối hay hakekat là sự hòa hợp giữa con người và Thượng Đế qua sự giao tiếp với Ánh Sáng của Ngài. Ông coi tất cả những cái khác là những chuyện bậy bạ.

Những *walis* khác lấy làm lo lắng vì tình trạng đó. Thực ra, những ai đã được thiên ân là những người trực tiếp nhận được sự hướng dẫn của Thượng Đế, nhưng chỉ có ít người may mắn đã tiếp nhận được. Đám đông thì cần phải được dạy bảo cho biết những giáo lý

và lễ nghi, khiến họ được giáo dục về mặt luân lí và có được một chuẩn mực đạo đức trong xã hội. Nếu mọi người noi theo gương của Sheikh Siti Djenar, các *walis* khác nghĩ rằng điều này sẽ tạo nên hỗn loạn. Hội đồng các *walis* tìm cách giải quyết vấn đề bằng cách mời Sheikh Siti Djenar đến hội họp. Nhưng Sheikh Siti Djenar chưa từng đến lần nào. Cuối cùng hội đồng các *walis* quyết định giết chết ông, để giữ trật tự và an bình trong cộng đồng Hồi giáo.

Sau khi ông bị giết chết, họ nghe thấy một tiếng nói: “Ta chấp nhận cái chết. Nhưng ta sẽ báo thù khi một con trâu bị chứng bạch tạng xuất hiện, nó sẽ khiến các người và đám con cháu trở thành nô lệ trong 3 thế kỉ rưỡi”. “Con trâu bị chứng bạch tạng” xuất hiện dưới hình dạng người Hà Lan là những kẻ đã khiến người Indonesia trở thành nô lệ trong 350 năm. Điều này giải thích tại sao một con số nhỏ bé người Hà Lan đã có thể chiếm làm thuộc địa một đất nước có hơn 100 triệu người Indonesia. Dù cố gắng đến mấy đi nữa, người Indonesia đã không thể đánh đuổi người Hà Lan khỏi quê hương mình.

Khi tình trạng niếm thần chú của Sheikh Siti Djenar không còn tác động nữa, người Hà Lan đã bị đánh đuổi khỏi Indonesia năm 1942 mà người Indonesia không phải tốn chút công sức nào. Hầu như không đánh một trận nào, người Hà Lan đầu hàng người Nhật.

Về sự xuất hiện của người Nhật, Vua Joyoboyo đã tiên tri như sau: “Java sẽ bị một đám người làn da vàng cai trị trong khoảng khắc của một hạt ngũ cốc.” Đám người làn da vàng là người Nhật, họ cai trị Indonesia trong 3 năm rưỡi.



**Pendopo**

## Tinh thần duy linh ở Java

Trong từ điển nguyên vẹn Webster, tinh thần duy linh được mô tả như sau:

1. Niềm tin về việc tất cả sự sống được tạo nên bởi một sức mạnh tâm linh tách biệt khỏi vật chất.
2. Niềm tin về việc những hiện tượng thiên nhiên và vật thể như đá, cây, gió .vv... là những cái có sự sống và linh hồn.
3. Học thuyết về sự tồn tại của linh hồn được coi là một sự kiện độc lập.
4. Niềm tin về sự tồn tại của ma quỷ vv...

Tôi được cho đi học từ lúc được 4 tuổi tại một trường Hà Lan ở Jakarta, và sau những giờ học thì được một người Hồi giáo chính thống là *Usta* (thầy) truyền thụ cho đạo Hồi. Thế cho nên, tôi tin việc theo thuyết duy linh là mê tín dị đoan. Tuy nhiên, sau khi tự mình nghiệm thấy và chứng kiến được thế giới tâm linh, tôi đi đến



chỗ nhận thức được đằng sau tinh thần duy linh có một sự thật đáng tin cậy.

Tất cả các tôn giáo đều đề cập tới sự tồn tại của những bản chất thuộc thế giới tâm linh (như ma quỷ, thánh thần vv...) sự tồn tại của linh hồn và sự sống sau cái chết. Chính vì con người thiếu khả năng nghiệm thấy và chứng kiến được thế giới tâm linh và những linh hồn trong đó, nên điều này khiến họ kết luận rằng những thứ đó không có. Kinh nghiệm luôn là người thầy đáng tin nhất.

Ta không được gì nhiều, nếu chỉ tin cậy những gì người khác nói lại. Những gì người khác nói lại chỉ có thể dựa trên điều họ nghe nói của một người khác nữa, và người này lại của một người khác và vv... Họ càng xa rời chân lí hơn, khi càng xa cách nguồn gốc.

Wonoroto là một thôn xã tiêu biểu của miền Trung Java. Khi bước vào đó, ta nhận thấy một thế giới trong lành, khiến mình cảm thấy như đang sống trong một thời kì không bị ảnh hưởng của thời gian. Khi tôi đang viết sách này, nơi đó vẫn chưa có điện.

Nhịp sống ở Wonoroto thật chậm chạp, không ai phải hấp tấp. Mọi người đều làm việc để kiếm ăn hằng ngày, đôi khi cho tới thật khuya. Ta trông thấy những người đi đứng lúc 2 hoặc 3 giờ sáng, để mang những gánh nặng chứa nông phẩm hay hàng hóa khác tới những ngôi chợ xa xăm. Nhưng họ đi đứng một cách thoải mái, và chuyện trò với nhau trên đường đi.

Tuy nhiên, tất cả những công việc cần thiết đều được làm kịp thời. Tính toán thời gian cho đúng là một yếu tố quan trọng đối với một cộng đồng nông nghiệp phải dựa vào lòng nhân từ của Bà Mẹ Thiên Nhiên. Nhưng họ làm việc một cách thoải mái và tự nhiên, một cách thanh thản và hòa đồng với thiên nhiên.

Tuy mọi người trong thôn xã đều theo đạo Hồi, nhưng họ không bỏ quên những tín ngưỡng và tập tục cổ xưa. Việc đồng bộ hóa

một cách hài hòa những tập tục khác nhau có vẻ là điều hoàn toàn tự nhiên đối với họ.

Với điều kiện hiểu được tiếng Java, ta có thể rõ rệt trông thấy điều đó trong những *selematans* của họ. Những lời cầu kinh theo đạo Hồi của họ được tụng niệm một cách du dương, theo giọng Java nặng nề. Họ ý thức được sự tồn tại của Allah là Đấng Thượng Đế Độc Nhất Vô Nhị. Họ thừa nhận sự thật Ngôn Sứ Mohammed là Sứ Giả của Allah. Nhưng họ cũng thừa nhận sự thật có những bản chất thuộc thế giới tâm linh cư ngụ tại một vài nơi của thôn xã và kiểm soát những chỗ đó. Họ cầu xin những bản chất đó đừng quấy phá và làm hại thôn xã và cộng đồng mình. Họ tỏ lòng tôn kính và biết ơn đối với nhân vật sáng lập ra thôn xã, họ cầu xin tổ tiên chúc phúc cho mình và cầu nguyện cho tổ tiên được hạnh phúc tại thế giới bên kia.

Có hai cây đa cao lớn trong thôn xã, cả hai đều có hàng rào bằng tre chung quanh. Cây thứ nhất nằm phía tây bắc của thôn xã, và được gọi là *Serut*. Dân làng luôn tìm cách tránh né nơi chốn đó. Thậm chí họ lấy làm sợ hãi phải cày cấy những ruộng đồng chung quanh khu vực linh thiêng đó. Họ bảo nhau *Serut* là nơi cư ngụ của một thần linh đáng sợ có nhiều quyền phép và được gọi là *Kyahi Serut*.

Raden Subroto Tirtowinaru là một ông lão giữ chức phó xã trưởng ở Wonoroto. Tuy nhiên, sự thông thái và uy tín của ông còn trội hơn nhiều của ông xã trưởng. Subroto kể lại cho tôi có một đêm ông được một kinh nghiệm tâm linh trong đó ông được cho nhìn thấy quang cảnh tâm linh của *Serut*. Trong chứng nghiệm đó, ông trông thấy *Serut* là một lâu đài rộng lớn. Ông trông thấy chủ nhân của lâu đài, *Kyahi Serut*, là một thần linh nhiều quyền phép, có dáng vẻ đáng sợ. Trong lâu đài có nhiều người thuộc Wonoroto đã chết là cư dân. Hình như linh hồn quá cố của những kẻ đó ở trong lâu đài đó làm nô lệ hay đầy tớ cho *Kyahi Serut*.



Khi đến Wonoroto trong năm 1960, chính tôi đã gặp Kyahi Serut một buổi sáng vào lúc bình minh. Ông cao lớn 10 lần hơn một cây dừa, và cầm trong tay một con gà con. Tôi ngạc nhiên nghe thấy thấy “con gà con” đó la hét như một cô gái. Khi nhìn kĩ hơn, tôi thấy con gà là linh hồn của một cô gái. Tôi chặn Kyahi Serut lại và hỏi ông tại sao ông làm vậy.

Hơi càu nhàu, ông nói: “Không mắc mớ gì tới anh” và biến mất.

Buổi sáng hôm đó sau đó, tôi hỏi thăm quanh làng coi có một cô gái nào vừa mới chết hay không. Tôi không ngạc nhiên khi người ta xác nhận có một cô gái 14 tuổi vừa mới chết.

Cây đa linh thiêng khác nằm phía tây nam của thôn xã và được gọi là kapryak. Kapryak được coi là một nơi chốn Eyang (cụ) Lokajoyo thường đến để nghỉ ngơi và suy ngẫm. Kapryak là một nơi mát mẻ và yên tĩnh nhìn ra Sông Mongo. Mỗi năm một lần trong tháng Suro của âm lịch Java, nơi chốn đó được dọn sạch, và một hàng rào mới bằng tre được dựng đứng chung quanh khu vực linh thiêng đó. Eyang Lokajoyo được coi là một bậc lão thành có lòng tốt. Ông giúp những dân làng thực tình yêu cầu được giúp đỡ.

Trong tháng *Suro*<sup>1</sup> sau khi dân xã dọn sạch nơi chốn, những kẻ tin rằng lời cầu khẩn của mình chắc chắn được Eyang Lokajoyo đáp ứng, thì đem dê ra cúng dâng. Dê bị mổ thịt dưới cây đa, thịt được làm và nấu ăn tại nơi, được biến thành món ăn cho cái *selematan* xảy ra dưới cây đa. Có tới 40 con dê bị làm thịt trong dịp đó.

Những linh hồn cư ngụ tại những nơi chốn đó tất nhiên không là những linh hồn được ngộ đạo, tuy họ có thể có quyền phép.

<sup>1</sup> Suro đầu tiên của Năm Mới Java. Có người tin rằng Suro đầu tiên tượng trưng cho lúc sự sống bắt đầu. Nhiều người tỏ lòng kính trọng với Suro đầu tiên, nghĩa là lòng kính trọng với việc có sự sống linh thiêng, và trước hết là với Thượng Đế là Tạo Hóa.

Những linh hồn chưa ngộ đạo khác có thể lựa chọn cách lui về một nơi chốn hẻo lánh, chẳng hạn như trên núi hay dưới đáy biển.

Họ hàng các vua chúa ở Java vẫn còn mỗi năm đều đặn đem đồ cúng dâng linh hồn những tổ tiên đã lui về núi Merapi và Lawu, cũng như linh hồn những người đang cư ngụ dưới đáy biển của miền Nam Java.

Những hiện tượng thiên nhiên khác như trận mưa và sấm sét cũng được coi là có linh hồn và nhân cách, và do đó có ý chí. Vì thế cho nên, một số người ở Java có thể kêu gọi một cơn mưa đến, hay chặn lại không cho nó đổ xuống. Người Java thường làm *narang udan*, một việc làm để ngăn ngừa cơn mưa hay khiến nó bị trì hoãn, khi họ có một lễ lạc trọng đại. Những kẻ tầm thường thì làm điều đó với những phương tiện tầm thường, như với một củ hành và một trái ớt khô, tất cả được cắm trên đầu tàu lá dừa, và người ta nói lên những *mantras*, hay những điều mình ước mong. Những kẻ quan trọng thì kêu gọi đến giúp đỡ mình những nhân vật có uy lực tâm linh và những vật gia truyền có quyền phép như một cái *kris* hay một cây thương cổ xưa.

Có những cái *kris* và những cây thương đặc biệt dành cho mục đích đó, được gọi là *singkir banyu*, có nghĩa là ngăn ngừa nước. Ở Wonoroto có một vật gia truyền dưới hình thức một cây thương cổ xưa tên là KyahiAwu-awu Langit, nghĩa là chủ nhân của những bầu trời màu xám.

Một hôm nọ khi chúng tôi sắp đi tham quan một cảnh đẹp bằng xe ngựa bốn bánh, thì mưa chợt đổ xuống, và tất cả những gì chung quanh bầu trời đều có màu xám đen tối. Tôi bảo Raden Subroto Tirtowuranu và cậu con trai tôi, Laksmonosusilo, đem cây KyahiAwu-awu Langit ra thử, để coi nó hiệu nghiệm như thế nào. Cậu con trai tôi tỏ vẻ do dự và nghi ngờ, và nói với tôi rằng điều này sẽ không có kết quả, trong một hoàn cảnh như vậy. Tôi nói rằng nếu thử thì không có gì là hại, và hoàn cảnh thật thuận tiện

để đem cái vật gia bảo này ra thử nghiệm.

Cuối cùng cậu con trai tôi đồng ý. Họ đi vào nơi cất vật gia truyền, rút cây KyahiAwu-awu Langit ra khỏi bao, và cầu xin nó ngăn chặn hay trì hoãn cơn mưa lại.

Cơn mưa lập tức ngưng lại, và chúng tôi tiếp tục đi tham quan. Tuy chúng tôi trông thấy mưa đổ xuống chung quanh mình và đằng xa, nhưng nó không đổ xuống trên người chúng tôi. Khi chúng tôi về nhà sau chuyến đi, cơn mưa dữ dội lại bắt đầu đổ xuống thôn xã mình. KyahiAwu-awu Langit đã chứng tỏ được nó xứng đáng với cái danh hiệu cao quý của nó. Nó là một cây thương khác thường tỏa ra một mùi vị thơm ngát.

Ngoài những vật gia truyền *singkir banyu* (ngăn ngừa nước) có thể điều khiển nước, còn có những vật gia truyền *singkir angin* (ngăn ngừa gió) có thể điều khiển gió, và những vật gia truyền *singkir gromo* (ngăn ngừa lửa) có thể điều khiển lửa. Có những vật gia bảo đó trong nhà như khiến cho nhà mình được che chở khỏi bão tố, nạn lụt và hỏa hoạn.

Một hiện tượng thiên nhiên khác có linh hồn là sấm sét; nơi thôn xã tôi tại miền Trung Java nó được gọi là “Gandrik”. Theo truyền thuyết, Ki Ageng Selo, ông cố của vị lập ra triều đại Mataram, có lần đã đánh nhau với Gandrik. Ki Ageng Selo hùng mạnh tới nỗi có thể bắt sống Gandrik trong bàn tay mình. Gandrik chịu thua và đầu hàng. Ông xin được thả ra, và hứa sẽ không bao giờ đánh nhau với những con cháu của Ki Ageng Selo.

Khi tôi còn bé, bà nội tôi bảo tôi nói: “*Gandrik kulo putunipun Ki Ageng Selo*”, nghĩa là “Gandrik, tôi là cháu của Ki Ageng Selo.”

Nếu nói điều đó, bà tôi nói, Gandrik sẽ không bao giờ đụng tới mình. Tôi chỉ coi chuyện đó là huyền thoại, cho tới khi Pak Subuh kể cho tôi câu chuyện y như vậy về Ki Ageng Selo. Kể từ đó, tôi bắt

đầu không xem thường nó.

Trong ngôi chùa Hồi Demak nổi tiếng tại bờ biển phía bắc của miền Trung Java, người ta vẫn còn có thể trông thấy một đôi tấm ghép của cửa trên đó có những phác họa về sấm sét được Ki Ageng Selo khắc tạc. Trong phác họa đó, sấm sét có một cái đầu, thân mình và đuôi. Nó hầu như giống với phác họa về một con rồng, nhưng với những ngọn lửa tỏa ra từ thân mình.

Pak Subuh kể cho tôi hay là có một hôm trong những năm đầu của thập niên 30 ở Semarang, trong lúc đang mưa dữ dội, thì chợt sấm sét đáp xuống gần mình, chuyển động chung quanh thân thể mình ba lần, rồi đi mất bằng cách nổ bùng thành một tiếng sấm lớn trên trời. Khi Pak Subuh hỏi tại sao lại làm vậy, sấm sét đáp lại là nó chỉ tỏ lòng tôn kính đối với Pak Subuh. Pak Subuh cũng kể cho tôi hay là sấm sét có một cái đầu, thân mình, đuôi và một bộ tóc như của một sinh vật.

Tôi cũng có một chứng nghiệm thú vị liên quan tới Gandrik. Trong những năm cuối của thập niên 70, một trường cưỡi ngựa mượn khoảng 5 hay 6 con ngựa cái của tôi, và có một con ngựa cái sinh ra một con ngựa con. Tôi không biết là con ngựa cái đó mang bầu, khi nó được gửi tới trường cưỡi ngựa. Những con ngựa của tôi được thả lỏng ngoài đồng nơi nông trại mình trên núi, và hiển nhiên là con ngựa cái đó đã được một con ngựa non trong đàn làm cho thỏa mãn. Sau khi đến trường cưỡi ngựa được khoảng 5 tháng, con ngựa cái đó sinh ra một con ngựa con.

Tôi không có mặt nơi đó, khi điều đó xảy ra, nhưng cậu con trai Laksmonosusilo của tôi cho tôi hay là có một ông tướng đòi lấy con ngựa con đó, và nó lập tức được đem tới trại của ông trên núi. Cậu con trai tôi rất đau buồn về chuyện đó, nhưng những thường dân như chúng tôi thì chẳng làm gì được, để đòi lại quyền lợi mình đối với một tướng lãnh tại một quốc gia thuộc thế giới đệ tam. Tôi bảo cậu con trai tôi nên quy thuận và phó thác sự việc cho Thượng

Đế, rồi cầu xin nơi sự công bình của Ngài. Tôi thức nhiều đêm dưới một hàng cây đề làm *prihatin*.

Chẳng bao lâu, tôi nghe nói có hai con ngựa cái non được cưng chiều nhất của ông tướng đó đã chết trong một cuộc đua ngựa, một con bị gãy giò phải cho nghỉ ngơi. Nơi nông trại ông, con ngựa giống tốt nhất và duy nhất được du nhập của ông chợt phải chết, cả con ngựa giống nhỏ tuổi hơn và khá nhất của ông thì bị sét đánh chết ngay trong chuồng. Bốn vụ thiệt hại đó xảy ra trong vòng một tuần.

Ông tướng đó gọi điện thoại nói chuyện với tôi về những tai họa không thể ngờ được đó, và chúng tôi quyết định gặp nhau tại trường cưỡi ngựa. Ông nói với tôi mình quả thực không hiểu nổi là trong vòng một tuần có đến 4 con ngựa khá nhất của ông đã chết.

“Anh nghĩ sao đây” ông nói “con ngựa giống còn nhỏ bị sét đánh chết ngay khi còn trong chuồng.”

Tôi bảo ông là ông nên trả lại con ngựa non của tôi, và điều đó ông đã làm mà không do dự.

Trong khu vực của tôi tại miền Trung Java, thiên hạ không dám thốt lên lời thề: “Tôi sẽ bị Gandrik đánh chết, nếu không nói sự thật.” Những kẻ nói như vậy và nói dối quả thực đã bị Gandrik đánh chết trong thôn xã của chúng tôi.

Khi Vua Hamengku Buwono Thứ Tám qua đời, sấm sét tỏ lòng tôn kính bằng những tiếng nổ lớn, mặc dù hôm đó trời trong sáng. (Vị vua đó là con cháu của Ki Ageng Selo). Sấm sét là một hiện tượng vật lí thông thường. Nhưng Gandrik, một thực thể tâm linh hùng mạnh, có thể điều khiển và làm chủ được nó theo ý mình. Trong cuốn *A Dictionary of Angels* của Gustav Davidson, Gandrik được xem là ‘Chúa Tể của Ánh Chớp’ hay ‘Thiên Thần của Ánh Chớp’.



Khi người Java cúng tế và đem vật cúng đặt dưới một thân cây, một tảng đá lớn, hay tại một nơi nào khác, họ không thờ bản thân những vật thể đó, mà là đem đồ cúng cho những linh hồn cư ngụ trong đó. Họ không coi và thờ những linh hồn đó như thánh thần, mà chỉ cho đó là những thực thể tâm linh hùng mạnh.

Từ lâu trước khi đạo Hồi và đạo Thiên Chúa đến, người Java đã ý thức được sự tồn tại của Đấng Thượng Đế Duy Nhất mà họ gọi là *Dzat Ingkang Moho Kuwaos*. *Dzat* nghĩa là thực chất, *Ingkang* nghĩa là cái đó, *Moho* nghĩa là vĩ đại và *Kuwaos* nghĩa là hùng mạnh. Vậy *Dzat Ingkang Moho Kuwaos* nghĩa là cái Thực Chất Toàn Năng, hay Thượng Đế Toàn Năng.

Ta có thể sai bảo những hiện tượng thiên nhiên như gió và nước, như điều được nói đến trong Tân Ước thuộc chương 8:22-5 của Thánh Luca:

Một ngày nọ, Đức Giêsu xuống thuyền với các môn đệ. Người nói: “Chúng ta sang bên kia Biển Hồ đi!” Rồi thầy trò ra khơi. (23) Đang khi các ngài đi thuyền, thì Đức Giêsu thiếp ngủ. Một trận cuồng phong ập xuống Biển Hồ; các ngài bị ngập nước và lâm nguy. (24) Các môn đệ lại gần đánh thức Người dậy và nói: “Thầy ơi, Thầy! Chúng ta chết mất!” Người thức dậy, ngăn đê sóng gió, sóng gió liền ngừng và biển lặng ngay. (25) Người bảo các ông: “Đức tin anh em ở đâu?” Các ông hoảng sợ, thán phục và nói với nhau: “Người này là ai mà ra lệnh cho cả sóng gió, và sóng gió phải tuân lệnh?” (Bản dịch của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ)

Chương 6:45 của Thánh Máccô cho hay: Lập tức, Đức Giêsu bắt các môn đệ xuống thuyền qua bờ bên kia về phía thành Bétxaida trước, trong lúc Người giải tán đám đông. Sau khi từ biệt các ông, Người lên núi cầu nguyện. (47) Chiều đến, chiếc thuyền đang ở giữa biển hồ, chỉ còn một mình Người ở trên đất. (48) Người thấy các ông phải vất vả chèo chống vì gió ngược, nên vào khoảng canh tư đêm ấy, Người đi trên mặt biển mà đến với các ông và Người

định vượt các ông. (49) Nhưng khi các ông thấy Người đi trên mặt biển, lại tưởng là ma, thì la lên. (50) Quả thế, tất cả các ông đều nhìn thấy Người và đều hoảng hốt. Lập tức, Người bảo các ông: “Cứ yên tâm, chính Thầy đây, đừng sợ!” (51) Người lên thuyền với các ông, và gió lặng. Các ông cảm thấy bàng hoàng sửng sốt, (52) vì các ông đã không hiểu ý nghĩa phép lạ biến hoá nhiều: lòng trí các ông còn ngu muội! (Bản dịch của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ)

Đức Ki Tô lấy cái quyền năng sai bảo thiên nhiên nơi Ánh Sáng của Thượng Đế. Ki Ageng Selo lấy cái quyền năng làm chủ được sấm sét bằng cách tra dồi thực chất của lửa trong lòng mình, và Amat Sayuti lấy cái quyền năng làm chủ được gió bão bằng cách tra dồi thực chất của gió bão trong lòng mình.



Harjuno

## Một bậc lão thành

Năm 1983 một anh là đại tá trong quân đội, mời tôi đi du ngoạn miền Trung Java trên chiếc xe của anh. Vì chẳng có gì làm ở Jakarta, nên tôi rất vui mừng được đi. Khi chúng tôi đến gần miền Trung Java sau khi đi xe được 10 tiếng đồng hồ đầu đêm, tôi nói với anh bạn là mình có một căn nhà tại một thôn xã tên là Wonoroto, cách bên ngoài thành phố Purwojero độ 3 dặm. Tôi đề nghị ngủ đêm tại đó. Anh vui lòng đồng ý. Sau khi đi xe được hơn 2 tiếng đồng hồ nữa, chúng tôi đến căn nhà tôi lúc 8 giờ sáng, nơi chúng tôi nghỉ ngơi. Hôm đó là Thứ Năm-*Wage* (*Wage* là một trong những ngày của âm lịch Java)

Anh bạn đại tá Bambang Sru Hastobroto của tôi nói: ‘Đêm nay là Thứ Sáu-*Kliwon*, một đêm rất đặc biệt để đạt được năng lực tâm linh. Chúng ta nên đi tắm trong một *tempuran* (mặt nước nơi hai con sông gặp nhau). Chúng ta cần có người hướng dẫn mình, để có thể làm những gì có hiệu quả nhất. Nếu không chúng ta không biết khi nào cái năng lực tâm linh đặc biệt sẽ đến. Nếu tự mình đi, chúng ta có thể phải đợi trong nước suốt đêm. Nhưng tôi quen biết một ông cụ hay được đích xác khi nào cái năng lực tâm linh đó đến. Vậy thì chúng ta sẽ không phải đứng trong nước suốt đêm.’

Tôi do dự làm việc mạo hiểm đó. Tôi chưa từng làm điều đó trước đây, và cái ý nghĩ về việc ngâm mình ban đêm trong nước lạnh làm cho toàn thân tôi thấy rùng rợn. Nhưng anh bạn đại tá tỏ vẻ rất chân thành, và tôi không nỡ nào làm anh bị chạm tự ái hay thất vọng. Nên tôi gật đầu. Sau khi nghỉ ngơi vài tiếng đồng hồ, anh bạn đại tá ra đi tìm kiếm ông cụ. Anh may mắn tìm gặp được ông cụ, và họ cùng nhau đi về nhà tôi.

Ở thôn xã người ta gọi ông là Amat Sayuti. Ông ở trong một túp lều nhỏ bé, tại một thôn xã xa xăm tên là Tangkisan, cách một vài dặm về phía nam một thành phố nhỏ bé tên là Kutoarjo, khu trung tâm của miền Trung Java. Ông sống độc thân suốt đời. Ông ăn uống rất ít và hầu như hoàn toàn không ngủ. Dáng vóc ông nhỏ bé và rất gầy. Cơ thể ông hầu như không có chút da thịt, và chắc chắn là không có mỡ.

Đứng cạnh tôi, cái đầu của ông hầu như chưa đạt tới chiều cao của cặp vai tôi. Nhưng cặp mắt ông thì sáng chói, và ông có một cái nhìn thấu suốt. Tôi gặp ông lần đầu trong năm 1983, mặc dù ông có họ hàng với gia đình của bà ngoại tôi. Hồi đó ông đã được 123 tuổi.

Tôi nghĩ mình sẽ bị nhức đầu như búa bổ khi gặp ông, vì thông thường một nhân vật cỡ đó cần phải có một ý chí thật mạnh và sự quyết tâm, để có thể suốt đời nhịn làm tình, ăn uống và ngủ nghỉ. Nhưng tôi ngạc nhiên nhận thấy có một sự rung động tinh tế êm dịu tỏa ra nơi ông.

Khi gặp ông thầy cả của người Anh-Điêng Hopi của vùng Antelope ở Arizona trong những năm đầu của thập niên 70, tôi cũng nhận thấy một thứ rung động tương tự. Ông cụ và ông thầy cả của vùng Antelope đã nhịn được không do sức mạnh của ý chí và ham muốn, mà do bẩm sinh, và đối với họ đó là lối sống tự nhiên. Kết quả là họ có một sự hiểu biết sâu sắc và sáng suốt về cái thế giới vật chất này cũng như thế giới bên kia.



Almat Sayuti là một người mù chữ, nhưng cái khả năng liên lạc được với thế giới tâm linh cho ông quyền nhận được một nguồn hiểu biết và minh triết vô biên. Amat Sayuti và tôi bắt đầu mến nhau, ngay khi chúng tôi gặp nhau. Cuộc gặp gỡ của chúng tôi là một trong những điều ngẫu nhiên hiếm thấy chỉ có thể xảy ra một lần trong đời người.

–“Đối với tôi đi khỏi nhà trước ngày Thứ Sáu-*Kliwon* thì thật là khó. Nhưng cậu Bambang đã bắt cóc tôi đi,” ông cụ nói.

Sau những lễ nghi thông thường để làm quen nhau, ông cụ xin phép cho đi dạo cùng tôi, có cả Raden Subroto Tirtowiranu đi theo, ông xã phó, một người tình cờ có mặt nơi nhà tôi. Ông cụ nói rằng mình thường đến nhà tôi thăm, khi ông ngoại Eyang Singogopawiro vẫn còn sống trong những năm cuối của thập niên 80 thuộc thế kỉ 19 cho tới những năm đầu của thập niên 30 thuộc

thế kỉ 20. (Ông ngoại tôi mất năm 1931)

Ông cụ nói: ‘Tôi vẫn còn nhớ có một cây me, cụ Singgo thường ngồi dưới bóng cây trầm tư và thuyết giảng đạo lí cho các đệ tử. Nhưng hồi đó căn nhà xây theo kiểu cổ xưa bằng gỗ, và bây giờ thì có một căn nhà hiện đại bằng gạch nơi đây. Cụ Singgopawiro đã bán căn nhà cho chủ nhân mới này?’

-“Không phải là vậy”, Subroto đáp. “Chủ nhân mới căn nhà là cháu của Eyang Singgopawiro.”

-“Ôi chao”, ông cụ kêu la. “Vậy thì cậu có họ hàng với tôi.”

Vì sinh ra ở Jakarta là một thủ đô nơi đó không lúc nào tôi không bận bịu và phải thường xuyên đi ra nước ngoài, nên tôi chưa từng gặp ông cụ trước đây, mặc dù chúng tôi là họ hàng.

Lúc 8 giờ tối ông cụ bảo chúng tôi đi gấp tới con sông. Ngoài anh Bambang và bản thân tôi, còn có Subroto và Sastrowinoto, người lớn tuổi nhất, hiểu biết nhiều nhất về nền văn hóa Java, và cũng là Iman (người lãnh đạo trong đạo Hồi) của thôn xã. Sau một lễ nghi và lễ cầu kinh ngắn ngủi, ông cụ bảo chúng cởi quần áo ra và ngâm mình trong nước. Trăng khuyết trên trời và ban đêm thật yên lặng và tĩnh mịch. Tôi hòa đồng bản thân mình với thiên nhiên, và vui sướng trước không khí thanh bình và trầm tĩnh.

Ông cụ không cởi quần áo ra. Ông mặc hai lớp sarong, một áo sơ-mi và áo vét, trên đầu đội một chiếc peci (loại mũ cổ truyền của Indonesia). Ông đến gần mỗi người chúng tôi, và lấy nước đổ lên đầu chúng tôi. Bản thân mình đã hòa đồng với thiên nhiên, nên tôi không chú ý tới những gì đang xảy ra, và trạng thái trí óc tôi thì trống không. Nước sông sâu tới đầu vai và thật lạnh. Tôi biết ông cụ đến gần mình và đổ nước lên đầu mình, nhưng trí óc tôi không thắc mắc nghĩ tới việc làm cách nào ông cụ có thể đứng cạnh mình trên nước mà không cởi hết quần áo. Chung quanh hơi

bị chấn động, khi ông cụ đến gần Subroto.

-“Tránh xa tôi ra!” ông cụ quát.

Tôi nhìn về phía họ và trông thấy Subroto đang vồ lấy một thứ gì đó dưới chân ông cụ, và ông thì đang đuổi anh đi.

Tôi nghe thấy Bambang la hét: “Trời ơi sao mà lạnh vậy.”

Ông cụ hỏi lại: “Quá lạnh đối với cậu?”

-“Dạ, lạnh quá”, Bambang nói.

Ông cụ lấy ra một cái *kris* (dao găm cổ truyền của người Java) từ dưới áo vét, rút nó ra khỏi bao, và cầm nó làm một dấu chữ thập trên mặt nước. Đột nhiên nước sông trở nên âm ỉm.

Tôi ý thức được điều đó, và Bambang lại la hét: “Trời, sao mà dễ chịu vậy.”

Sau khi đứng trong mặt nước khoảng một tiếng đồng hồ, tôi trông thấy một ánh sáng màu xanh lá cây trên trời phía trên chúng tôi. Tôi không biết chắc Bambang, Subroto và Sastrowinoto có ý thức được hay không. Họ hình như không có phản ứng gì. Nhưng tôi biết ông cụ ý thức được, bởi vì sau khi ánh sáng biến mất, ông nói ‘Thế là xong’ và bảo chúng đi ra khỏi mặt nước.

Sau này tôi hỏi Subroto đã rón kiếm thứ gì dưới chân ông cụ. Subroto nói anh muốn biết ông đang đứng trên một tảng đá hay trên mặt nước.

-“Anh có tìm thấy tảng đá nào dưới chân ổng?” tôi hỏi.

-“Không. Nước sâu tới bả vai và tôi kinh ngạc thấy chiếc sarong



của ông cụ còn khô ráo,” Subroto hoang mang nói. Chỉ khi đó tôi mới nhận thức được là ông cụ đã nổi trên mặt nước.

Sau cái *kungkum* (ngâm mình vào nước) ông cụ không muốn ở lại lâu hơn. Ông có vẻ vội vã muốn về nhà. Nhà ông trong thôn xã Tangkisan nơi ngoại ô của Kutojaru chỉ cách 15 dặm nhà tôi ở Wonoroto. Chúng tôi lái xe đưa ông về nhà. Subroto tình nguyện ở lại nhà ông cụ đêm đó. Bambang, Sastrowinoto và tôi thì đi thẳng về nhà.

Ngày hôm sau, Subroto kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện rất lí thú: “Khi chúng tôi đến, có nhiều người đang đợi ông cụ trước nhà. Sau khi mọi người ra đi, ông cụ dẫn tôi đi dạo. Đêm đó khá tối mù, vì mặt trăng đã biến mất dưới chân trời. Tôi suýt té ngã nhiều lần, khi đi xuyên qua đồng ruộng trong đêm tối; thấy mệt mỏi phải theo kịp ông cụ, tôi dừng chân nghỉ ngơi. Ông cụ bảo tôi nắm lấy chiếc sarong của ông. Sau khi tôi làm như vậy được một vài giây, chúng tôi đến mộ của Kanjeng Ratu Bagelen (Đức Hoàng Hậu Bagelen). Chỗ đó cách xa 15 dặm. Ông cụ đốt một vài cây nhang, và đem cúng những cành hoa.”

–“Từ mộ của Nữ Hoàng Bagelen, cũng theo cách đó ông cụ dẫn tôi đến một bãi biển nơi Segoro Kidul (vùng biển miền Nam Java). Chúng tôi đến đó chỉ mất một vài giây.

Chỗ đó cách xa khoảng 20 dặm. Sau khi chúng tôi đến đó, ông cụ bảo tôi đi lấy chiếc lá một cây chuối thuộc loại đặc biệt được gọi là Chuối Vua. Tôi túm lấy được lá một cây chuối, nhưng không biết đó có là lá của Chuối Vua hay không. Dù sao tôi cũng đưa cho ông, và ông nhận lấy. Rồi ông đốt nhang, đặt nhang đang cháy cùng với vài cành hoa trên lá cây chuối, và đem tất cả đặt trên mặt nước biển. Chợt nhiên một ngọn sóng lớn đến lôi cuốn ra biển những vật cúng của ông. Tôi theo dõi với cặp mắt mình chiếc lá cây chuối, trên đó có ánh lửa đang lung linh cháy của cây nhang. Ánh lửa càng lúc càng nhỏ dần, khi lá cây chuối trôi nổi xa hơn

ra ngoài khơi, cho tới khi cuối cùng không còn thấy gì được. Ông cụ trầm lặng ngồi một lúc. Một ngọn sóng khác đến đem lá cây chuối trở lại. Những cành hoa và cây nhang không thấy đâu. Ông nói rằng những vật cúng đã được Kanjeng Ratu Kidul (Nữ Hoàng Biển Nam) chấp nhận. Ông đứng lên và bảo tôi bám vào chiếc sarong của ông; chúng tôi nổi trên mặt đất, khi về nhà ông. Tôi xin cáo từ vì buổi sáng phải đến sở làm việc. Ông đi chung với tôi tới con đường cái. Khi chúng tôi từ giã nhau, ông bảo tôi là nếu đi mà không quay mặt nhìn lại, thì tôi sẽ về tới nhà trước bình minh. Nhưng tôi không kèm được cái tính tò mò của mình. Ngay sau khi không còn trông thấy ông nữa, tôi quay mặt nhìn lại. Khi tôi làm vậy, chân mình chợt nặng như chì, thay vì có cái cảm giác thanh thản như trước đây. Tôi vừa đi vừa vấp té trên suốt đoạn đường dài 15 dặm, và chỉ đến nhà lúc 10 giờ sáng; tôi thấy mệt mỏi và khốn đốn, có mặc cảm là mình mang tội.”

Khi vẫn còn sống, Pak Subuh có lần kể cho tôi nghe rằng ông nội người có thể đi đứng trên mặt nước. Tuy tôi luôn thấy những gì Pak Subuh kể cho mình là sự thật, nhưng chuyện đi trên mặt nước đối với tôi chỉ là kể để nghe cho vui. Điều nhận thấy đó không khiến tôi cảm thấy có gì đặc biệt, ngoại trừ sự rung động của Ánh Sáng Thượng Đế làm cơ thể mình lay động. Nhưng điều này thì không có gì mới lạ với tôi.

Tuy nhiên, đêm đó sau khi ngâm mình vào nước của tempuran, một cánh cửa mở ra để tôi bước vào “Thế Giới Thần Bí của Java.” Nhờ thường xuyên đến thăm ông cụ sau khi chúng tôi làm quen lần đầu, tôi càng lúc càng quan tâm tới nền văn hóa Java và cái thế giới thần bí của nó.

Tôi còn nhớ một câu chuyện mà Pak Subuh đã kể cho tôi về Vua Agung Hanyokrokusomo của Mataram. Theo những người thuộc thế hệ trước đây ở miền Trung Java thì mỗi trưa thứ sáu Vua Agung đều đến Mecca để làm lễ tập thể. Người ta cũng kể rằng khi ông trở về từ Mecca, những *apem* hay bánh bao được dọn lên

cho ăn trước khi ông ra đi thì vẫn còn nóng. Vua Agung đã điều khiển được “*aji-aji sapu angin*” hay cái quyền năng khai thác và làm chủ được thực chất của không khí hay gió.

Theo Pak Subuh thì có một nhân vật thuộc Purjowero, miền Trung Java, một người đã ở Mecca 14 năm để học hỏi về đạo Hồi. Tên ông là Kasan. Kasan ước ao trở về Java, nhưng không thể đi được vì không có tiền mua vé đi tàu về nước.

Một hôm người ta giới thiệu ông với Vua Agung, và ở Mecca nhà vua được gọi là *Lunah Tanah Jowo* hay Ông Xã Trưởng của Đất Nước Java. Kasan xin Vua Agung giúp mình trở về Java. Vua Agung chấp thuận đem ông trở về Java, và bảo Kasan đến gặp mình sau khi làm lễ xong. Khi họ gặp nhau, Vua Agung đem Kasan tới một nơi chốn vắng lặng trong sa mạc, bảo ông bám vào eo mình và nhắm mắt lại mà không được mở ra, cho tới khi họ tới nơi. Khi cảm thấy đã đến một chỗ quen thuộc, Kasan mở mắt ra. Kasan rớt xuống một bụi tre dày đặc nơi khu vực Purwojero, và có thể tìm đường về nhà.

Tất nhiên là gia đình ông lấy làm ngạc nhiên và vui mừng, khi thấy ông lại trở về nhà. Họ nghĩ đã vĩnh viễn mất ông. Sau khi ở nhà được khoảng một năm, Kasan quyết định đến thăm vị lurah (xã trưởng) đã đem mình trở về Java. Nhưng ông không biết kiếm vị lurah đó ở đâu. Khi trước đây được hỏi là mình ở đâu, vị lurah mà ông gặp ở Mecca chỉ nói rằng mình ở nơi khu vực Mataram, và trước cửa nhà mình thì có một wringin kembar (hai cây đa giống y nhau)

Sau khi suy nghĩ lâu, Kasan cuối cùng hiểu rõ được là chỉ một ông vua mới có một *wringin kembar* trước cửa nhà mình. Nhận thức được điều đó, ông run sợ. Ông đã ngồi trên lưng một nhà vua. Ông quyết định tới Mataram, để cảm tạ vị lurah đã đem mình trở về Java. Khi đến thủ đô của Mataram, Kasan làm cái *pepe* theo truyền thống (một thỉnh cầu cho được yết kiến nhà vua, bằng cách

đứng hở ngực ngoài trời dưới ánh nắng, trước những cây đa, cho tới khi được triệu vào). Pepe nguyên văn nghĩa là phơi khô thân mình dưới ánh nắng.

Theo Pak Subuh, Kyahi Abdurachman, một ông thầy Sufi mà người đến thăm khi còn trẻ, cũng cưỡi mây gió đến Mecca trưa thứ sáu để làm lễ tập thể. Khi trở về, Kyahi Abdurachman thường đem theo một nắm cát của Mecca. Năm này qua năm khác, khu vườn thuộc ngôi chùa của ông có đầy đất cát của Mecca.

Ông em út tôi Sargito đến Wonoroto và tôi đem chú đến thăm ông cụ Sargito đã học thành kĩ sư và là một nhà thầu khôn khéo về xây cất. Tôi có thể cảm thấy Sargito đã bị sốc, khi chú bước vào nhà ông cụ. Chú không ngờ nhà ông cụ lại là túp lều nhỏ đến như vậy.

“Cậu đừng có thói ngạo mạn của kẻ giàu có,” ông cụ nói. Tôi biết cậu chỉ có (một số tiền tương đương với) \$ 20 trong túi. Mời cậu ngồi. Dù bề ngoài có tẻ đi nữa thì tôi vẫn là bà con với cậu.”

Sau này Sargito hỏi điều này có đúng không là tôi đã cho ông cụ hay chú chỉ có \$20 trong túi.

-“Thế thì chú có cho tôi hay là mình chỉ có \$20 trong túi?” tôi hỏi.

-“Không” chú nói.

-“Vậy thì làm sao tôi có thể biết được chú chỉ có \$20 trong túi? Chú biết là tôi không có thói quen lục ví chú,” tôi nói.

-“Em cũng nghĩ vậy. Em chỉ muốn hay có đúng không là ông cụ biết được nhờ khả năng tâm linh của cụ,” ông em tôi nói.

Sau này chúng tôi tài trợ cho việc căn nhà của ông cụ được sửa

sang lại.

Theo ông cụ, trong cuộc chiến cho độc lập (1945-1949) căn nhà đó, một căn nhà lớn nhất trong vùng, trở thành kho chứa lương thực cho du kích quân Indonesia, những người chiến đấu chống lại thực dân Hòa Lan. Khi tình báo Hòa Lan phát hiện được điều này, căn nhà của ông trở thành mục tiêu cho pháo binh của người Hòa Lan, khi họ bắn vào vùng Purworejo. Căn nhà cụ hoàn toàn bị phá hủy.

Một đêm nọ khi chỉ có tôi và cụ trong nhà cụ, tôi xin cho được nhìn thấy cái *kris* mà cụ đã dùng, để làm cho nước sông trở nên ấm. Cụ đi vào nơi cất những vật gia bảo, và đưa chiếc *kris* cho tôi xem. Trông nó rất bình thường, chẳng có gì đặc biệt hết. Nhưng khi đặt bàn tay phải lên chiếc *kris* để cảm nhận cái phần bên trong của nó, tôi bị chấn động vì một sự rung động mãnh liệt.

–“Cụ có được cái *kris* này bằng cách nào?” tôi hỏi.

Cụ đáp lại bằng cách kể cho tôi nghe câu chuyện sau đây: “Năm 1920 khi đang đi trên vùng Cempaka Putih thuộc Jakarta, tôi trông thấy một *tatit* (một thứ ánh sáng) lóe lên bảy lần tại cùng một nơi trên mặt đất. Ông nội tôi đã cho tôi hay đó là một dấu hiệu về việc có một chiếc *kris* hùng mạnh được chôn cất nơi đó.

Tôi đánh dấu nơi đó với một vài cục đá. Ngày hôm sau tôi dẫn tới một đoàn người đào đất để đào xuống nơi chốn đó. Họ phải đào sâu xuống 30 m, trước khi tìm thấy cây *kris*. Chủ nhân cuối cùng của cái kris đó có lẽ đã ném nó xuống một cái giếng sau này bị hoang.

Tuy đã được chôn cất nhiều thế kỷ, nhưng cái kris đó vẫn còn toàn vẹn. Không chỗ nào bị hư hại vì rỉ sét. Cầm nó dưới ánh đèn dầu, tôi nhận thấy một ánh sáng rực rỡ màu tím xanh xanh. Tôi nhớ tới việc Pak Subud đã có lần kể cho mình nghe là Java có một

loại thép thượng hạng được gọi là wesi lanang (nguyên văn nghĩa là sắt giống đực)”

-“Loại thép đó có ánh sáng rực rỡ màu tím xanh xanh, và tốt hơn loại thép thượng hạng của Đức”, Pak Subuh nói.

Hiển nhiên cây kris hùng mạnh này được làm bằng wesi lanang. Sau này ông cụ đem cây kris đó tặng ông anh cả tôi là Erdy. Khi tôi hỏi tại sao lại đem tặng ông anh cả tôi mà không tặng tôi, cụ nói rằng quyền lực của cây kris đó là về cái thế giới vật chất này, và điều này không thích hợp với tôi. Sau khi nói như vậy, cụ bước vào nơi cất vật gia bảo và lấy ra một cây kris nhỏ bé chỉ dài 5 tấc.

-“Cây kris này do tổ tiên cậu là Sunan Kalijogo làm.” (Sunan Kalijogo là một trong Chín *Walis* hay những bậc thánh thuộc đạo Hồi của thế kỉ 15).

-“Đây là cái kris mà cậu nên có và bây giờ thì nó là của cậu.”

Tôi nhận cây kris đó với hai bàn tay, và cảm tạ cụ vì tặng vật đó. Tôi thận trọng lấy cây kris ra khỏi bao để xem xét nó. Nó uốn cong có hình trăng lưỡi liềm, và trong thế giới của những cây kris thì điều này được gọi là jambio. Khi đặt bàn tay phải lên cây kris, tôi cảm thấy một sự rung động êm dịu thoát ra từ nó.

Một lần khác tôi hỏi cụ: “Cụ lớn tuổi hơn tôi nhiều. Tại sao cụ cũng gọi ông ngoại Singgopawiro bằng cụ?”

-“Vì cậu và tôi cùng thuộc một tầng lớp trong cây gia hệ. Vậy tuy lớn tuổi hơn cậu nhiều, nhưng theo gia hệ thì tôi chỉ là một người anh.” (Quả thực chúng tôi là anh em họ).

Một đêm khác, khi chỉ có một mình tôi và cụ, cụ đưa cho tôi một cây thương tương đối nhỏ bé. Cây thương có 5 chỗ cong và trông rất bình thường.

-“Làm sao cụ có được cây thương này?” tôi hỏi.

-“Tôi tìm thấy nó tại nghĩa trang Kayu Lawang. Một đêm khi đang đi dạo, tôi chợt trông thấy một *tatit* loé 7 lần tại cùng một nơi trên mặt đất. Tôi đặt một cục đá màu trắng lên chỗ đó để đánh dấu. Ngày hôm sau tôi đến đó tự mình đào nó lên. Tôi không phải đào thật sâu. Tôi tìm thấy cây thương đó, sau khi đào sâu được khoảng 3 phần 4 mét.”

-“Cây thương này, Ki Ageng Plered, là cây thương mà Pamembahan (tướng) Senopati dùng để giết chết Haryo Penangsang, một kẻ đòi lấy ngôi vua của nước Demak.

Sau khi ông chết, linh hồn Ki Ageng Plered nhập vào một cây thương. Chính là cây thương nhỏ bé này đây. Cây thương này, Ki Joleko, bay thoát khỏi kraton (lâu đài) và tự chôn cất mình tại Kayu Lawang. Khi tôi tìm thấy nó, Ki Joleko nói với tôi rằng tuy là kẻ tìm thấy nó, nhưng tôi không được quyền là chủ nhân của nó, mà chỉ được tạm thời giữ gìn nó. Tôi có nhiệm vụ đưa nó cho một người bà con sau này đến gặp mình. Và bây giờ thì tôi được cho hay cậu là người mà cây thương này phải trao cho.”

-“Vậy bây giờ nó thuộc về cậu.”

Tôi kính cẩn nhận cây thương với hai bàn tay và cảm tạ cụ.

Kayu Lawang là một nghĩa trang nơi đó vị lập ra Kabupaten Purworejo được mai táng. Theo ông cụ, Kabupaten Purworejo ban đầu là một tiểu vương quốc và là cái kabupaten đầu tiên được thành lập tại Java. Cụ nói rằng vị lập ra cái kabupaten đó là tổ tiên chúng tôi (trong trường hợp của tôi thì đó là về bên ngoại) và tên ông là Tjokrojoyo.

Vương quốc Mataram tìm cách thôn tính vương quốc nhỏ yếu hơn đó, nhưng Eyang Tjokrojoyo không muốn đầu hàng quốc

vương của Mataram. Không có một *senapotis* (tướng lãnh) nào của Mataram có thể khuất phục được ông.

Xưa kia nhiều *senapotis* là những người mà vũ khí không làm hại họ được. Có nhiều môn võ thuật siêu đẳng đặc biệt khiến cho vũ khí không thể hại họ được. Có một cái gọi là *aji-aji tameng wojo*, nguyên văn nghĩa là cái khiên thép. Nhưng Eyang có một cây thương tên là Kyahi Trijoto. Bất cứ ai bị cây thương đó đâm vào thì trông bề ngoài có vẻ như không bị thương. Máu không chảy ra, nhưng cơ thể của người bị đâm như bị đốt cháy ở bên trong. Người đó sẽ trở nên tiều tụy, rồi chết.

Vì không ai đương đầu nổi Eyang Tjokrojoyo nơi chiến trường, nên phải đình chiến và có một cuộc hòa đàm xảy ra tại một thôn xã giữa Jogjakarta và Purworejo, một nơi kể từ đó được gọi là *termon* (nguyên văn là nơi hội họp). Người dàn xếp cuộc họp đó là Sunan Kalijogo (một trong Chín *Walis* hay vị thánh ở Java). Một *wates* (giới tuyến) được vạch ra giữa Jogjakarta và Purworejo. Kể từ đó khu vực giữa Jogjakarta và Purworejo được gọi là *Wates*.

Eyang Tjokrojoyo được phong chức *bupati* (tương đương với chức quan nhiếp chính) nhưng trên thực tế ông có quyền hành tuyệt đối nơi đất nước được gọi là Kabupaten Purworejo. (Hồi đó Purworejo là một khu vực rộng lớn hơn hiện nay). Nhưng ông thừa nhận quốc vương Mataram là ông vua có uy quyền tối cao. Những con cháu trực hệ của Eyang Tjokrojoyo được gọi là các Tjokronegoro và họ cai trị Kabupaten Purworejo trong nhiều thế hệ trước thế chiến thứ hai.

Phụ thân của Amat Sayuti là con của vị Tjokronegoro cuối cùng. Ông tên là Tjokrokusumo. Tjokrokusumo không là người con sinh đầu lòng, và mẹ ông là con gái của Vua Hamengku Buwono của Jogjakarta; bà trở thành *garwo padmi* (đệ nhất phu nhân) của Bupati Tjokronegoro. Theo truyền thống, Tjokrokusumo sẽ thừa hưởng chức tước bupati của cha mình. Nhưng người anh của ông



là Soengeng, một người là con một bà vợ khác của Tjokronegoro, là một kẻ có nhiều tham vọng và đòi làm Bupati của Purworejo.

Tjokrokusumo nhượng bộ.

Ông nói: “Anh có thể trở thành bupati, nhưng không một con cháu nào của anh sẽ trở thành một bupati”.

Soengeng quả thực trở thành Bupati của Kabupaten Purworejo. Nhưng ông không dám dùng cái tên Tjokronegoro. Người ta chỉ gọi ông là Bupati Soengeng. Tjokrokusumo lui về *kraton* (lâu đài) của Jogjakarta để sống chung với mẹ ông cũng ở đó khi chồng bà chết. Ông mất chẳng bao lâu sau khi đến Jogjakarta. Nhưng trong lúc đó thì bà vợ ông, bà vẫn còn ở Purworejo, đã mang bầu được 3 tháng.

Trước khi từ biệt vợ mình để đến Jogjakarta, Tjokrokusumo nói: “Anh ra đi nhưng để lại cho em một cái thai mang đứa con trai anh. Khi tới lúc sinh ra đứa bé, em hãy đến mộ của Đức Hoàng Hậu của Bagelen. Em hãy sinh đứa bé ở đó và đặt cho nó cái tên là Suryosuwarno, Raden Mas Suryosuwarno.”

Nhưng khi sau này vợ ông lui về làng mạc của bố mẹ ở Tangkisan, Kurtoarjo, bà đặt cho nó một cái tên thường và khiêm tốn là “Amat Sayuti”. Nên Raden Mas Suryosuwarno chỉ được dân làng gọi là Amat Sayuti. Tôi vui mừng thấy mình có họ hàng và là người cùng làng với cụ. Cụ xin tôi gọi cụ là Amat Sayuti, và tôi xin cụ gọi mình là Prio, một người có họ hàng với cụ tại một làng mạc lân cận.

Tôi nghĩ một ông lão dốt chữ ở một làng mạc hẻo lánh và nhỏ bé, là một người không hiểu được bằng cấp tiến sĩ của tôi hay việc tôi đã từng đi khắp thế giới. Nhưng tôi đã sai lầm. Cụ hiểu về tôi nhiều hơn là tôi hiểu về bản thân mình. Và tôi được hay là cụ đã từng qua Âu Châu, Phi Châu, Trung Đông và những nơi chốn khác ở Á Châu, khi cụ còn trẻ.

Có lần tôi đến thăm cụ, thì cụ chợt hỏi: “Cái ‘tên thâm niên’ của cậu là gì?”

Tôi nói đó là Suryoatmojo. *Suryo* nghĩa là mặt trời và *atmojo* nghĩa là con trai. Nên Suryoatmojo nghĩa là đứa con trai của mặt trời.

–“Tên thâm niên” là dịch thoát “*asmo sepuh*” trong tiếng Java. *Asmo sepuh* nguyên văn là “tên người lớn”. Một người đàn ông mang cái tên từ lúc thơ ấu cho tới khi mình tự lập và có gia đình. Và người ta gọi mình theo cái “tên thâm niên” của mình. “Tên thâm niên” không phải là tên họ theo truyền thống Tây phương. Những người Java đã tự lập đều có cái “tên thâm niên” của mình là cái khác với tên của bố hay ông nội mình. Tôi chưa từng dùng cái “tên thâm niên” của mình trong thế giới hiện đại của những đô thị, nhưng trong làng mạc ở miền Trung Java người ta gọi tôi theo cái “tên thâm niên” của mình.

–“Ừ, như vậy thì rất gần với tên của tôi. Tên thật của tôi là Raden Mas Suryosuwarno”, ông cụ đáp khi tôi cho cụ hay về cái tên thâm niên của mình. (Raden là lối viết tắt của *rah* nghĩa là máu mủ và *adi* nghĩa là cao quý. *Mas* nghĩa là vàng bạc nhưng cũng có nghĩa là anh cả trong tiếng Java.

Chính lúc làm quen với nhau đó là lúc khiến cụ cho tôi hay về nguồn gốc của cụ cũng như về tổ tiên tôi bên ngoài. Vì cụ có vẻ như biết về tổ tiên mình, nên một hôm tôi hỏi cụ về dòng họ những tổ tiên của vợ tôi. Chúng tôi mù tịt về chuyện này, vì vợ tôi được di tôi, một người không thể có con, nhận làm con nuôi, và bà giữ thật kín cho tới chết chuyện mình có một cô con gái là con nuôi.

–“Thực ra, tôi đã truy nguyên ra dòng họ của vợ cậu cách đây vài ngày,” cụ nói.

–“Tổ tiên vợ cậu quê quán ở một làng mạc giữa Purworejo và

Kutoarjo, một nơi được gọi là Grantung.”

-“Nhưng không còn người thân nào của bà. Thực ra, bà có quan hệ với cậu qua dòng họ mẹ cậu còn ở đó. Mọi người đã đến ở nơi các đô thị. Thực ra, bà có quan hệ với cậu qua dòng họ mẹ cậu.”

Điều đáng nói là một vài ngày sau khi ông cụ tiết lộ cho tôi điều đó, một bà bác của tôi đến Wonoroto để đấm bóp cho tôi. Chẳng ai hỏi mình, bà liền kể cho tôi về cha mẹ và dòng họ của vợ tôi.

-“Bác chỉ nói ra điều này sau khi di cháu mất”, bà nói. Và những gì bà kể thì đúng y hệt với những gì ông cụ đã tiết lộ cho tôi trước đó.

Mỗi lần khi bước vào chỗ cất vật gia bảo của ông cụ, tôi luôn bị một cây lao dựng trên tường thu hút mình. Nó thu hút tôi đến nỗi tôi phải hỏi ông cụ là mình có thể lấy nó hay không.

-“Không được. Cái này không phải là đồ chơi. Vật gia bảo này rất quan trọng đối với tôi,” cụ nói.

Sau khi xin cụ 3 lần mà bị từ chối, cuối cùng tôi chịu thua.

Hơn một năm sau, tôi đến thăm cụ lúc 10 giờ sáng.

-“Ồ, tôi đang đợi cậu,” ông cụ nói. “Sáng nay khoảng 8 giờ Đức Hoàng Hậu Bagelen đến đây với xe ngựa 4 bánh. Hàng xóm ở đây nghe thấy tiếng chuông trên ngựa kêu leng keng. Nhịp điệu tiếng chuông trên ngựa của bà là 9 lần, trong khi nhịp điệu tiếng chuông trên ngựa của Nữ Hoàng Biển Nam là 8 lần.”

Tôi nhớ tới lúc mình còn là một đứa bé ở Wonoroto thì đã từng nghe thấy tiếng chuông của những con ngựa phi nước đại ngược dòng sông. Dân làng gọi âm thanh đó là *tundan*. Không chỉ có tôi mà mọi người trong làng đều nghe thấy âm thanh đó. Dân làng, kể

cả bà nội tôi, thường đáp ứng lại bằng cách cầm đập bất cứ thứ gì mà họ có được: một *lesung* (cối giã gạo), một *kentongan* (gậy đập tạo tín hiệu), một *tampah* (khay đan bằng tre) hoặc đập vào tường nhà bằng gỗ hay bằng tre.

Trong lúc làm như vậy, dân làng thường nói: “*Liwat, Liwat, Liwat*” nghĩa là “đi mau, đi mau, đi mau.”

Sống trong đại dương của vùng biển miền Nam Java, nên Nữ Hoàng Biển Nam thường đi trên nước để tới Núi Merapi hay bất cứ vùng nội địa nào khác. Người thường có thể nghe thấy âm thanh những tiếng chuông của ngựa, nhưng không thể trông thấy chúng. Chỉ một vài người có khả năng tâm linh mới có thể thấy được.

Pak Subuh kể cho tôi là khi mình còn ở Semarang, Nữ Hoàng Biển Nam đến thăm người để tỏ lòng tôn kính. Khi bà đến có một trận mưa như vũ bão báo trước. Pak Subuh nói rằng quần áo của bà có màu *ijo pupus*, nghĩa là xanh lá cây.

Ngay cả cho tới nay người ta vẫn còn sợ mặc những bộ đồ màu xanh lá cây, khi đi ra bãi của Biển Nam. Có nhiều tai nạn xảy ra, trong đó những phụ nữ mặc bộ đồ màu xanh lá cây đã bị sóng của Biển Nam cuốn đi. Nữ Hoàng Biển Nam rất hùng mạnh, và có một đạo quân đông đảo gồm các đệ tử của bà. Theo ông cụ, Nữ Hoàng Bagelen là chị của Nữ Hoàng Biển Nam. Tên thời con gái của Đức Hoàng Hậu Bagelen là Loro Sari Kuning và của Đức Hoàng Hậu Biển Nam là Loro Sarwi Kuning.

Ông cụ bảo tôi đi theo ông vào chỗ cất đồ gia bảo.

Cụ đưa cho tôi cây lao mà tôi từng muốn lấy.

–“Cụ làm gì vậy?” tôi hỏi.

-“Đức Hoàng Hậu Bagelen chỉ thị cho tôi đưa cho cậu cây Kyahi Trijoto,” cụ nói.

Tôi rùng mình. Hèn chi cụ đã không muốn đem nó cho người khác - đó là cây Kyahi Trijoto rất hùng mạnh mà Eyang Tjokrojoyo đã dùng để bảo vệ đất nước mình không bị quân Mataram xâm chiếm. Tôi run sợ, mất bình tĩnh và thấy bồn chồn, cây lao tuột khỏi bàn tay mình và trở nên cong co.

Ông cụ đã đi ra ngoài khi điều đó xảy ra. Sự việc đó khiến tôi sững sốt, và tôi chậm chạp tìm cách làm cho đầu lao trở nên ngay thẳng. Điều khiến ngạc nhiên là tôi có thể dễ dàng khiến nó ngay thẳng trở lại. Tôi cảm thấy nó mềm như sáp ong. Khi chúng tôi ngồi chung nhau bên bàn, tôi hỏi cụ đã làm cách nào lấy được cây Kyahi Trijoto.

-“Từ Eyang Tjokrojoyo nó qua bàn tay các Tjokronegoros. Vì Chú Soegeng không là thừa kế hợp pháp của Kabupaten Purworejo, nên vị Tjokronegoro cuối cùng đã trao nó lại cho phụ thân tôi là Tjokrokusumo, và ông đã bảo mẹ tôi đưa nó cho tôi,” cụ nói.

Kyahi Trijoto là sự liên hệ duy nhất bằng xác thịt với phụ thân cụ, vì ông đã qua đời khi cụ sinh ra.

Xưa kia ở Java một *pusoko* hay vật gia bảo có một vai trò rất quan trọng. Một ông vua thường ủy nhiệm một đại sứ bằng cách trao cho người đó một cái *kris*. Một người đàn ông nhận được cái kris có thể coi là có sự hiện diện của nhà vua tại lễ cưới, khi mình kết hôn.

Một đêm nọ trong lúc tôi đang ngủ ở Wonoroto, có hai nữ nhân đến thăm mình (trong giấc mơ). Họ không nói gì hết mà chỉ mỉm cười. Sáng hôm sau tôi đến thăm ông cụ.

-“Đêm qua có hai nữ nhân đến thăm tôi,” tôi liền nói.

-“Tôi biết mà. Một người là Dewi Rantramsari. Người kia là Sinom Perdopo. Họ là bạn bè và thường đi chung với nhau,” cụ nói xen vào.

-“Làm sao cụ biết được?” tôi hỏi.

-“Vì họ đến gặp tôi, sau khi đến thăm cậu,” ông cụ nói.

-“Sinom Perdopo sống ở đâu?” tôi hỏi.

-“Ở Pandan Aran,” ông cụ nói.

-“Cụ muốn nói Pandan Aran phía bắc nơi đây?”

-“Không” ông cụ nói. “Pandan Aran là một nơi xa xôi tại Trung Đông.”

-“Bà là trợ tá của Nabi Suleman (Ngôn Sứ Salomon),” ông cụ nói.

-“Họ đến thăm để làm gì?” tôi hỏi.

-“Họ muốn giúp cậu,” ông cụ nói.

Tôi không thể tin hay chấp nhận những gì cụ nói. Làm sao một người dốt chữ lại có thể hiểu biết về địa lí của Trung Đông? Chính tôi cũng chưa từng nghe nói tới Padam Aram.

Một buổi sáng khi trở về Jakarta, tôi đến chơi nhà cô con gái tôi là Sri Purwati mà chồng là anh Haris Hoar, một người Anh. Trên bàn có một cuốn sách mà Haris đang đọc. Trên trang sách được lật ra có một bản đồ của vùng Trung Đông xưa kia. Và trên bản đồ đó tôi trông thấy một nơi chốn được gọi là Padam Aram. Vậy thì ông cụ đã không chỉ đùa cợt với tôi.

Một hôm tôi đến thăm cụ thì cụ hỏi tôi bằng tiếng Java thượng lưu: “*Menopo panjenengan nate nglumpati segoro?*” (nghĩa là “Bạn đã từng nhảy qua đại dương?”)

–“Ý cụ muốn nói gì?” tôi hỏi.

–“Cậu đã đi máy bay ra hải ngoại?” cụ hỏi tôi một lần nữa.

–“Nữ Hoàng Bagelen” cụ nói. “Bà đến nói với tôi là tuy cậu nhiều lần bay qua đất đai của Eyang Krakatau, nhưng cậu đã không xin phép hay tỏ lòng tôn kính ông. Nên các tổ tiên của Java cho đến nay đã chưa chấp nhận cho cậu trở về. Nữ Hoàng Bagelen bảo tôi nói với cậu là cậu nên tỏ lòng tôn kính Eyang Krakatau bằng cách ngâm mình vào nước của biển Java (vùng biển phía bắc đảo Java) vào ngày Thứ Tư-*Legi*.”

Quả thực tôi thường bị xui xẻo sau khi đi Mỹ về. Vợ chồng tôi được mấy người con mình hợp sức lại nuôi dưỡng. Điều may mắn là tôi có 10 đứa con, vì nguồn thu nhập của tôi chẳng có gì hết trong 8 năm và 10 tháng.

Nhưng ngay sau khi tôi làm điều mà Nữ Hoàng Bagelen bảo nên làm (nhờ ông cụ) thì vận may của tôi hầu như lập tức đến. Hiển nhiên theo luân thường đạo lý của người Java thì việc không để ý tới tổ tiên là điều bị coi là kiêu căng, và như vậy thì phải bị cho một bài học. Do nền giáo dục Hồi giáo của mình, tôi quả thực đã không để ý tới “*Thế Giới Huyền Bí của Java*”. Thậm chí tôi cũng không ý thức được sự tồn tại của cái thế giới hùng mạnh đó mãi cho tới khi chính mình được dẫn nhập vào đó nhờ một bậc kỳ lão.

Khi sắp xây cất một *pendopo*, một phòng rộng lớn thoáng mát trước mặt căn nhà chánh, tôi nói với ông cụ là mình sắp xây một căn nhà.

Một hôm tôi đến thăm cụ thì cụ nhận xét: “Ồ, tôi không biết là

cậu đang xây một lâu đài. Cậu nói với tôi là chỉ muốn xây một căn nhà thôi.”

“Là thế này, tôi chỉ đang xây một *pendopo*, và sau này nếu đủ tiền thì sẽ xây một khu ăn ở đằng sau đó, chứ không là một lâu đài,” tôi nói.

“Eyang Tjokrojoyo, (vị lập ra Kabupaten Purworejo) cho tôi hay là cậu đang xây một lâu đài, khá hơn cái kabupaten này (trong ngữ cảnh này kabupaten nghĩa là cái cao ốc, biệt thự hay lâu đài trở thành nơi chốn ăn ở và văn phòng của một bupati)”. Ông nói: “Cháu tôi xây cất một lâu đài khá hơn cái của tôi.” Điều may mắn với cậu là ông không thấy bị xúc phạm, nhưng đã vui lòng chấp nhận,” ông cụ nói.

-“Và ông đã chúc phúc cho cậu,” cụ nói thêm.

-“Không chỉ Eyang Tjokrojoyo, mà cả Eyang Bagelen, Nữ Hoàng Bagelen, cũng nói y như vậy,” ông cụ lại nói.

Tuy ý định ban đầu của mình chỉ là xây cất một nơi trú ẩn đơn sơ với một mái nhà lợp tranh, nhưng điều này về sau tự động phát triển và bộc lộ thành một *pendopo* đẹp đẽ, cân đối và thanh lịch, nơi từ đó biến thành nhà cửa những linh hồn của những ông vua, bà hoàng và nhiều nhân vật quan trọng khác. Đó quả thực là một lâu đài trong “Thế Giới Thần Bí của Java.”

Như điều đã được người em mình là Tjokrokusumo tiên tri, không có một con cháu nào của Bupati Soegeng trở thành một *bupati*. Thực vậy, sau khi ông mãn nhiệm, chức tước bupati của Kabupaten Purworejo được giao cho người ngoài, những người không thuộc dòng họ chúng tôi.

Nhưng Eyang Tjokrojoyo vẫn còn theo dõi cái *kabupaten* của mình. Nếu không ư kẻ nào đang nắm quyền trên cái *kabupaten*



của mình, ông làm đủ những điều quái dị như khiến cho đương sự bị đem khỏi giường ngủ tới chuồng ngựa trong lúc đang ngủ.

Bapak Kartoharjo, một người sau này trở thành Bupati của Purworejo, đã kể cho tôi là có lần ông đã đến Jakarta vì một chuyện làm ăn. Vì phải lưu lại Jakarta lâu hơn điều mình nghĩ, nên ông không thể về Purworejo đúng lúc để làm lễ cúng trong ngày Thứ Sáu-*Kliwon*. Khi cuối cùng về tới nhà, ông nhận thấy có một điện tín của Bộ Nội Vụ. Nhiệm kỳ Bupati của Purworejo của ông đã chấm dứt.

Bupati Suharto, một học trò trước đây của tôi tại Đại Học Bộ Nội Vụ, một người sau này trở thành Bupati của Purworejo, đã phòng xa bằng cách chỉ làm việc ban ngày và chỉ ở trong một căn nhà bình thường bên ngoài những bức tường của kabupaten.

Tôi đã gặp linh hồn của Eyang Tjokrojoyo. Ông hiển nhiên trông như một người có nhiều thần thông và không làm những chuyện vô lí. Tôi vui mừng được ông chúc phúc cho cái *pendopo* của mình. Tất nhiên là tôi không muốn xúc phạm tới ông.

Một hôm khi cái *pendopo* được xây cất trong giai đoạn đầu, tôi nhận thấy ông cụ có vẻ rất yếu mệt và xanh xao.

-“Trời ơi, tôi cảm thấy yếu mệt và không còn sức nữa, xương cốt mình như muốn rụng rời,” cụ nói.

-“Sao lại thế?” tôi hỏi.

Ông kéo tôi vào chỗ giữ vật gia bảo. Nơi đó tôi trông thấy đồng tàn hương vỡ ra thành 3 phần. Đốt hương hết năm này qua năm khác, những tro tàn đã chồng chất lên nhau được khoảng một thước. Bây giờ thì tất cả vỡ thành 3 phần.

— “Điều này cho thấy là sự giao tiếp với thế giới tâm linh của tôi

đến đây là hết. Eyang Bhegawan Mayangkoro đem qua đã tới đây và làm cho vỡ thành 3 phần với bàn chân của ông. Ông bảo tôi đem chôn cất tâm điểm của nó (phần giữa của đồng tàn hương) nơi chính giữa cái *pendopo* của cậu. Từ nay trở đi cái *pendopo* của cậu sẽ được dùng làm trạm dừng chân cho các tổ tiên của Java.

-“Tôi thấy đời mình sắp tàn. Chẳng bao lâu tôi sẽ chết,” ông cụ nói.

-“Không được, không được, cụ không được chết. Chúng tôi còn cần cụ nơi đây,” tôi nói.

Tuy mất sức, nhưng cụ vẫn yêu cầu tôi đem cụ tới Wonoroto. Tại đó cụ đem chôn cất tâm điểm của tàn hương nơi chính giữa sàn nhà của *pendopo*.

Khi chỉ có chúng tôi ngồi trong nhà cụ, tôi hỏi: “Ai là Eyang Bhegawan Mayangkoro?”

-“Eyang Bhegawan Mayangkoro là Hanoman, con khỉ trắng,” cụ nói.

Có lẽ cụ đang nói đùa, tôi nghĩ, vì Hanoman chỉ là một nhân vật trong *wayang kulit* của Java, kịch bóng múa rối.

Cụ bất chấp việc tôi không tin và kể tiếp: “Khi còn trẻ Hanoman là một *senapati* (tướng quân) hùng mạnh, một người luôn đến giúp đỡ những vua chúa chiến đấu cho chánh nghĩa. Thực ra, ông là người che chở cho những ai đã nhận được ánh sáng của *Wishnu*. Nhưng lúc tuổi cao, ông dành hết thời gian của mình cho tâm linh. Ông sống như một nhà tu khổ hạnh và được gọi là Bhegawan (nhà hiền triết) Mayangkoro.

-“Nhưng ông vẫn có mặt chung quanh đây. Cái *pendopo* của cậu là đề án của ông,” ông cụ nói.

-“Khi nào cụ gặp Eyang Bhegawan Mayangkoro lần đầu?” tôi hỏi.

-“Khi tôi 6 tuổi,” cụ nói. “Hồi đó một người con gái của Sunan Pakubuwono tại Surokartoadingrat, bị mù lòa. Bố mẹ cô rất đau buồn và làm một *prihatin* (nhịn ăn uống và làm tình) cho tới khi có một giọng nói của một kẻ vô hình cho họ hay là người duy nhất có thể chữa bệnh cho con gái họ là một đứa bé mồ côi 6 tuổi ở vùng Purworejo, một nhân vật mà người ta gọi là Amat Sayuti.”

-“Nên Sunan Pakubuwono kêu chú Soegeng đến, hồi đó chú là Bupati của Purworejo, và bảo ông đi kiếm đứa bé mồ côi đó. Tôi được phái tới cái *kraton* (lâu đài) của Surokartoadingrat.”

-“Tôi không biết phải làm gì, nên ban đêm tôi đi dạo trên cái *aloon-aloon* (bãi cỏ rộng lớn) phía trước lâu đài. Khi đến chỗ chính giữa của bãi cỏ, tôi trông thấy những cành cao nhất của một cây đa cúi xuống phía mình.”

-“Chính Eyang Bhegawan Mayangkoro đã làm cho cành cây đa cúi xuống và bảo tôi ngắt 3 chiếc lá của cành cây mà dùng nó để vượt lên mắt cô công chúa. Tôi làm như được bảo và cô công chúa có thể nhìn lại được,” ông cụ nói.

-“Công chúa đã bị bệnh gì vậy khiến cô bị mù lòa?” tôi hỏi.

-“Ồ, đó chỉ là vì cô đã bị nguyên rủa vì một điều gì đó bậy mà cô đã làm,” ông cụ nói.

Tôi vẫn chưa tin và không thể chấp nhận những gì cụ nói về Hanoman. Nhưng khi đến Wonoroto, tôi thấy cậu con trai mình là Laksmonosusilo đang run sợ.

-“Chuyện gì vậy?” tôi hỏi.

-“Con trông thấy một con khỉ trắng cao lớn. Trước hết con thấy đuôi nó lòng thòng. Khi nhìn lên phía trên, con thấy thân hình nó. Nó đang bám vào giữa nóc của *joglo* (*Joglo* là cái kiến trúc đỉnh nóc nhà nơi trung tâm của *pendopo*)”

Hiển nhiên những nhân vật thuộc kịch bóng múa rối của Java không chỉ là những hư cấu hay truyện tưởng tượng, mà là những *wayang* (nghĩa là bóng) của những thực thể trong thế giới tâm linh. Điều này không có gì là khó hiểu, khi cái văn hóa *wayang* vẫn còn nhiều sức sống, tuy nguồn gốc của nó cách đây mấy ngàn năm.

Một nhân vật *wayang* khác mà nhiều người ở Java đã trông thấy trong thế giới tâm linh, là Semar. Trong kịch bóng múa rối, Semar đóng vai trò của một bày tôi trung thành của phe *Pendowos* (phe chánh). Nhưng người ta cũng gọi ông là Sang Hyang Ismoyo, một *Dewa*. Gần đây người ta thường trông thấy Ki Semar ở Java. Tôi ngạc nhiên khi một thành viên của một nhóm thần bí tại miền Trung Java đưa cho mình xem một tấm hình chụp Ki Semar. Người ta nói rằng theo yêu cầu của người cầm đầu nhóm thần bí đó thì Ki Semar đã chấp thuận cho được chụp hình. Trong tấm hình đó Ki Semar trông như nhân vật Semar trong kịch *wayang*, nhưng ta có thể nhìn thấy theo 3 chiều, không bằng phẳng như con rối chỉ là cái bóng của ông.

Một đêm nọ khi tôi đến thăm cụ thì cụ cho tôi hay là Eyang Ratu Bagelen đã bảo cụ nói với tôi rằng tôi nên làm một lễ *kungkum* một lần nữa. Lần này thì là tại cái *tempuran* của sông Bogowonto và sông Jali, gần nhà ông. Cái *kungkum* đầu tiên của tôi đã xảy ra tại cái *tempuran* giữa con sông Bogowonto và con sông Mongo gần nhà tôi.

Nên một ngày thứ sáu-*Kliwon* tôi đem cậu con trai tôi, Laksmonosusilo, và ông phó làng, Subroto, tới nhà ông cụ, và cụ hướng dẫn chúng tôi làm lễ *kungkum*. Lần này làm *kungkum*, tôi

cảm thấy thoải mái và thanh thản. Sau cái *kungkum*, chúng tôi trở về nhà cụ và trò chuyện trong một lúc. Khi tôi nói với cụ là ngày mai mình phải đi về vì phải đến Jakarta, thì cụ giữ tôi lại, như không muốn rời xa tôi. Tôi phải xin phép cụ 3 lần, cho tới khi cụ chịu để cho tôi đi.

Hai đêm sau sau khi tôi đến Jakarta, cậu con trai Laksmonosusilo của tôi điện thoại cho tôi: “Eyang Sayuti vừa qua đời,” cháu nói.

Hồi đó là năm 1986. Tôi đến nhà ông anh tôi là Erdy, chúng tôi cùng lấy máy bay đến Jogjakarta và từ đó lấy taxi đến nhà ông cụ cách đó 45 dặm về hướng tây. Nhiều người đến để tỏ lòng tôn kính với cụ. Xác cụ được đặt trong một tư thế để đem đi chôn, khi chúng tôi đến. Cô cháu gái nuôi của cụ đưa cho tôi nhiều món đồ được gói lại trong một tấm đra batik. Đó là những vật gia bảo của cụ.

“Eyang bảo cháu đưa cho bác tất cả những vật gia bảo này. Ông nói bác là người duy nhất có đủ sức giữ được những thứ này,” cô nói.

Tôi cảm thấy mình may mắn được Thượng Đế hướng dẫn mình gặp gỡ ông cụ. Nếu không thì những hiểu biết uyên thâm của cụ về thế giới huyền bí của Java sẽ vĩnh viễn mất sau khi cụ qua đời.

Cụ chưa từng nói những chuyện đó với những dân làng chất phác chung quanh mình, hay với ông anh Erdy và ông em Sargito của tôi, hoặc với những người đến thăm từ những đô thị xa xôi. Dù sao thì họ cũng không hiểu được cụ. Cụ có ý truyền lại những hiểu biết uyên thâm của mình cho tôi, vì cụ biết tôi đã phát triển được cặp mắt tâm linh của nội tâm. Nếu cụ đã kể những chuyện đó cho người khác, họ có thể nghĩ cụ là kẻ điên khùng. Đó là Ý Thượng Đế, chúng tôi có thể quen biết nhau được 1000 ngày, trước khi cụ mất.

Tôi rất nhớ cụ. Điều may mắn là quan hệ và sự liên lạc giữa chúng tôi đã không mất, sau khi cụ qua đời. Trong khi tôi còn ở Mỹ, cụ đến gặp tôi để đem tôi đi miền Trung Java, nơi cụ giới thiệu tôi với linh hồn của Đức Vua Hamengku Buwono đệ ngũ của Jogjakarta. Ông vua đó ở một nơi chốn mát mẻ và yên ổn gần tháp nước Kaliurang trên sườn của Núi Merapi. Tôi được cho hay là gia đình mẫu thân mình thuộc dòng họ của ông.

Cuộc thăm viếng gần đây của cụ xảy ra ngày 26 tháng giêng 1989, trong lúc tôi đang ngủ trong nhà mình tại Virginia. Chúng tôi đến đỉnh Núi Selamat tại miền Trung Java. Nơi đây cụ giới thiệu tôi với linh hồn của Ki Ageng Selo (*ki* viết tắt *kyahi* nghĩa là thầy và *ageng* nghĩa là vĩ đại) nói với tôi ông là tổ tiên tôi.

Ki Ageng Selo được coi là một người có nhiều phép thần thông. Khi tôi gặp Ki Ageng Selo nơi dinh thự ông trên đỉnh của núi Selamat, ông chỉ mặc quần soóc mà để hở ngực. Trông ông không dữ tợn và khiến khiếp sợ. Trái lại, ông mảnh mai và đẹp tuấn. Ông không để râu và tóc ông thì ngắn. Mắt ông hơi xếch như mắt mẹ tôi hay tôi.

Cặp mắt xếch của ông khiến tôi nhớ tới mình đã nghe lóm một cuộc trò chuyện giữa mẹ tôi và em họ bà là dì tôi, khi tôi còn bé. Điều đó liên quan tới sự việc có một vài người trong gia tộc đã sinh ra với cặp mắt hơi xếch. Tôi nghe họ nói có một vị tổ là người gốc Champa mà hiện nay người ta gọi là Cam Bốt. Sau này tôi biết được vị tổ đó là Hoàng Thân Rachmat.

Mẹ của Hoàng Thân Rachmat là con gái một ông vua Champa giữa thế kỉ 15. Ông vua đó là một người theo đạo Hồi. Bố của Hoàng Thân Rachmat là một lái buôn người Ả Rập. Công chúa Dhorowati, một người dì của Hoàng Thân Rachmat, em gái của mẹ mình, là vợ của Vua Kertowijoyo của vương quốc Mojopahit (1447-1451). Hoàng Thân Rachmat được bố mẹ mình giáo huấn theo đạo Hồi. Khi được 20 tuổi, ông cảm thấy bị thúc đẩy mãnh

liệt phải đến thăm di mình. Di ông, hoàng hậu Dhrowati, rất vui mừng. Được sự chấp thuận và chúc phúc của bố mẹ, Hoàng Thân Rachmat, lúc đó đã tinh thông đạo Hồi, liền đến Java. Theo yêu cầu của hoàng hậu Dhrowati, Vua Kertowijoyo cho Hoàng Thân Rachmat cái vinh dự được thường xuyên cư trú tại Java. Nhà vua cũng cấp cho ông một dinh thự và một thái ấp gồm 3000 hộ tại Ampel Dento, gần Surabaya, miền Tây Java.

Hoàng Thân Rachmat cũng được phép giảng dạy đạo Hồi tại Java. Sau này ông lập nên một ngôi trường Hồi giáo rộng lớn tại Ampel, một nơi trở thành trung tâm cho sự bành trướng của đạo Hồi tại Java. Hoàng Thân Rachmat được mọi nơi gọi là Sunan Ampel. Sunan là danh hiệu của một *wali* hay một vị thánh ngộ đạo. Năm 1450 Sunan Ampel kết hôn với Nyai Manilo, một nữ quý tộc của Tuban. Gốc nguồn máu Chăm của dòng họ mẹ tôi là Eyang Sunan Ampel.

Tôi thắc mắc là làm sao một người thanh nhã và đẹp trai như Ki Agency Selo lại có thể siêu quần tới mức đó - và ngay lúc đó tôi nhìn thấy với cặp mắt tâm linh mình một ngọn lửa siêu việt cháy trong ngực của Ki Agency Selo.

Xưa kia ở Java người ta có thể khai thác những phép thần thông kinh khiếp. Chẳng hạn bằng cách khống chế và lợi dụng bản chất của đất, ta có thể đạt được "*aji-aji bandung bondosowo*", một phép thần thông rất kinh khiếp có thể làm cho một ngọn núi bị lung lay hay chuyển động. Theo Pak Subuh, Panembahan là người có được cái quyền phép đó. Bằng cách khống chế và lợi dụng bản chất của nước, ta có thể bao che bản thân mình và khu vực chung quanh với một lớp sương mù để trở nên vô hình.

Có lần ông cụ dẫn tôi đi thăm một mồ mả. Cụ nói mồ mả đó là của Eyang Betitit, một ông tổ của chúng tôi. Cụ nói ông được gọi là Eyang Betitit, vì có thể biến mất trong sương mù. Bằng cách khống chế và lợi dụng bản chất của không khí hay gió, ta cũng có thể đi

nhanh như gió (*aji-aji sapu angin*). Bằng cách khống chế và lợi dụng bản chất của lửa, ta có thể ném một cục lửa vào một kẻ thù đằng xa (*aji-aji gelap ngampar*). Người ta nói rằng tiếng nói như sấm của một kẻ đã khống chế được *aji-aji gelap ngampar*, có thể làm cho tim của địch thủ mình ngưng đập, và do đó giết hẳn chết.

Hồi xưa, khi có những trận đánh người này đối mặt người kia, người Java đã biến sức mạnh cá nhân thành phép thần thông. Hiện nay ta vẫn còn thấy được những di tích của văn hóa đó, như việc thiên hạ có thể đi chân không qua lửa. Nhưng đó chỉ là những điều căn bản và thô sơ, so với cái quyền năng tinh vi hơn nhiều của Ki Ageng Selo chẳng hạn.

Hiện nay, trong thế giới vật chất, con người đã có thể khai thác năng lượng có bên trong những nguyên tố của vật chất, chẳng hạn như năng lượng nguyên tử. Xưa kia người Java khai thác được bản chất của đất, nước, không khí và lửa, nhờ quyền năng tâm linh của nội tâm.

Linh hồn những người đã phát triển được những quyền năng siêu nhiên, vẫn còn lưu trú trên trái đất này, vì họ đạt được những quyền năng đó nhờ sự diệt dục và một ý chí rất mạnh. Để có thể rời bỏ thế gian này mà trở về nơi Thượng Đế, ta phải có khả năng đem ý muốn mình phục tùng ý muốn của Thượng Đế.

Raden Mas Suryosuwamo, bậc kỳ lão, đã giới thiệu tôi với những tổ tiên thuộc dòng họ mẹ mình. Nội tâm của Pak Subuh đến gặp tôi trong một đêm nọ, đã cho tôi hay ba tôi là một hậu duệ của Sunan Kalijogo. Sunan Kalijogo là một hậu duệ của Sheikh Maulana Maghribi. Trong gia hệ của chúng tôi Sheikh Maulana Maghribi được gọi là *Kyahi Ngatas Angin* nghĩa là một *Kyahi* (ông thầy) từ hải ngoại. Sheikh Maulana Maghribi là một hậu duệ của Sheikh Abdulkadir thuộc Baghdad. Và Sheikh Abdulkadir là một hậu duệ của Ngôn Sứ Mohammad.



Lần đầu tiên tôi được gặp linh hồn của Sunan Kalijogo trong thế giới tâm linh là tại Malang, miền Tây Java, năm 1958. Ông đến đi theo nội tâm của Bapak để gặp tôi. Ông mặc một áo choàng đen. Tôi không biết ông là ai. Khi gặp Pak Subuh tại Jakarta sau khi có cái chứng nghiệm đó, tôi hỏi người mặc áo choàng đen là ai. Pak Subuh nói đó là Sunan Kalijogo.

Lần thứ nhì tôi gặp Sunan Kalijogo trong thế giới tâm linh là lúc chúng tôi ngồi cạnh nhau trong một nhóm độ vài người gồm những linh hồn, linh hồn của những vị *walis* trước đây của Java. Nhóm người gồm những linh hồn đó đang nghe nội tâm của Bapak thuyết trình. Hiển nhiên Sunan Kalijogo đã trở thành đệ tử của nội tâm Bapak, tuy trước kia ông là tổ tiên và hướng đạo tâm linh của Pak Subuh.



Prabu Romo

## Thế giới vô hình

Chứng nghiệm đầu tiên của tôi về thế giới vô hình xảy ra tại Jogjakarta năm 1964, khi tôi được 16 tuổi.

Khi ở Indonesia người ta được tin là Nhật Bản đã đầu hàng quân Đồng Minh, thì Sukarno và Hatta tuyên bố Indonesia được độc lập ngày 17 tháng 8 năm 1945. Điều không may là người Hà Lan trở lại đặng sau quân Đồng Minh, sau khi Nhật đầu hàng. Điều này là khởi đầu của cuộc chiến dành độc lập, khi người Hà Lan có ý định biến Indonesia trở lại thành một thuộc địa. Tuy nhiên, lịch sử đứng về phe người Indonesia. Hiển nhiên cái tình trạng bị trừ ếm do câu thần chú của Sheik Siti Djenar gây ra không còn hiệu nghiệm nữa. Dù cố gắng đến mấy đi nữa, người Hà Lan lần này không thể chinh phục được Indonesia.

Trong lúc chiến tranh xảy ra, thủ đô của một nước cộng hòa mới sinh thành phải chuyển từ Jakarta tới Jogjakarta. Gia đình chúng

tôi cũng chuyển tới cái thủ đô mới đó. Chúng tôi đến Jogjakarta trong 4 tháng cuối cùng của năm 1946.

Nhiều tuần sau tôi bị bệnh sốt rét trầm trọng. Trong lúc bị bệnh, tôi không ngủ được trong 40 ngày và 40 đêm. Tôi chỉ lành bệnh sau khi thức cả ngày lẫn đêm suốt lúc đó.

Ngoài việc được lành bệnh ra, tôi còn cảm thấy mình trở thành một con người khác. Tôi cảm thấy rất thanh thản, vui vẻ, tràn đầy hạnh phúc tuyệt vời. Trí óc tôi trong sáng và tôi cảm thấy mình rất gần gũi với Thượng Đế. Trong trạng thái đó, tôi chưa từng thấy buồn ngủ và mệt mỏi. Trong thời kì đó, tôi bắt đầu thấy được những điều mình chưa từng thấy trước đây, đó là cái thế giới vô hình.

Một hôm nọ vào khoảng cuối năm 1946, trong lúc đang ngồi ngoài cổng căn nhà ông chú tôi là Suratman, bên con đường Tutu Kolon của Jogjakarta, thì tôi trông thấy một đám rước gồm những xe ngựa bốn bánh đi qua trước mặt mình. Một chiếc xe có 8 con ngựa trắng giống nhau kéo, một chiếc khác có 8 con ngựa nâu, một chiếc khác nữa có 8 con ngựa đỏ và cuối cùng là một chiếc có 8 con ngựa đen. Ngoài kẻ lái xe, đằng sau mỗi chiếc xe còn có một người hầu mặc đồ sặc sỡ đứng. Trên mỗi chiếc xe có những cặp thuộc hoàng tộc ngồi và mặc những bộ đồ cổ truyền của Java. Họ có vẻ quen biết tôi, vì họ mỉm cười nhìn tôi và ngay cả gật đầu chào tôi.

Một trận mưa như vũ bão xảy ra trước khi có đám rước đó. Nhưng khi các xe ngựa đến gần, cơn vũ bão lắng xuống và một cơn mưa êm dịu đổ xuống đám rước. Khi đám rước đi qua, tôi vẫn có thể trông thấy các xe cộ tiếp tục giao thông như thường lệ, thiên hạ đi hay chạy trên đường, các xe đạp, xe hơi, các *bechas* (xe xích lô) và *andong*s (xe 4 bánh có hai ngựa kéo).

Tôi không thấy được việc đám rước đó thực sự không có trong

thế giới hiện thực, mà chỉ thuộc về lĩnh vực của tâm linh là điều mắt phàm không nhìn thấy được. Tôi chỉ nhận thức được sự thật vài tháng sau, khi tôi phát hiện được những chuồng ngựa trong lâu đài vua Jogjakarta đều vắng bóng ngựa. Tất cả ngựa đã bị người Nhật đem đi trong thế chiến thứ hai, và chưa từng được thay thế. Những cặp thuộc hoàng tộc ngồi trên xe ngựa là linh hồn của những ông vua bà hoàng xưa kia.

Có một hôm tôi còn nhớ tới là lúc mình còn là một đứa bé đang đi đứng trong vườn với bà nội. Chợt nhiên tất cả các con gà trong vườn đều đứng im và nhìn về một hướng duy nhất, như để theo dõi cử động của một người đi ngang qua. Khi làm như vậy, đám gà tạo nên một tiếng động đồng đều. Tuy không thể trông thấy bất cứ gì, nhưng tôi cảm thấy có ai đó đang đi ngang qua. Bà nội tôi là người đã cho tôi hay có một hồn ma đang đi qua.

Sau vụ đó, tôi có thêm nhiều chứng nghiệm về việc thấy các con gà trong vườn chợt đứng im, tạo nên một tiếng động đồng đều khác thường, trong khi mắt chúng theo dõi động tác của một kẻ vô hình. Những năm sau đó, khi cặp mắt tâm linh của mình đã phát triển, tôi cũng có thể trông thấy kẻ đi ngang qua, khi đám gà có hành động như trên. Như điều được bà nội tôi cho hay, quả thực có một hồn ma mà mắt phàm không trông thấy được nhưng trên thực tế là cái có trong thế giới vô hình.

Đây là một thí dụ, trong năm 1958, khi chúng tôi còn ở Malang, miền Tây Java; vào khoảng 3 giờ sáng tôi nghe thấy tất cả các con gà trong chuồng thuộc sân sau đều phát ra một tiếng động khác thường đồng đều. Tôi mở cánh cửa của sân sau để coi điều gì đang xảy ra. Khi mở cửa, tôi trông thấy một hồn ma đang đứng (đứng hơn là đang ngồi, vì chân nó không chạm mặt đất) trước cửa. Hồn ma có hình thù của một xác chết vẫn còn bao trong vải liệm trắng. Khi còn nhỏ, tôi nghe thấy thiên hạ ở Wonoroto nói chuyện về một hồn ma mà họ gọi là Pochong. Hồi đó tôi nghĩ rằng họ chỉ bịa đặt ra những chuyện đó để làm cho người khác sợ. Nhưng bây giờ

tôi nhận thấy quả thực có hồn ma đó. Nó có vẻ sợ hãi và khiếp sợ khi trông thấy tôi, cũng như tôi bị như vậy khi trông thấy nó. Nó lập tức trôi đi mất với một âm thanh khiến rợn tóc là Kweck.

Tại sao gà có thể trông thấy những hồn ma đó, trong khi con người lại không thể. Trong trường hợp của gà và những con vật khác, phần bên trong của chúng tương xứng với phần bên ngoài, đó là việc chúng có một thể xác thú vật và một linh hồn thú vật. Về loài người, tuy họ có thể xác của con người, nhưng phần bên trong của họ có thể tụt xuống trình độ vật chất là cái khiến họ thờ chủ nghĩa vật chất, cá nhân và vị kỉ.

Điều này khiến hiểu được tại sao trong cái xã hội hiện đại này ta đọc trên báo chí hay coi trên màn truyền hình những tin về một vụ cướp có vũ trang trong đó người này giết người kia để đoạt lấy những món đồ của nạn nhân. Đối với một linh hồn thiên về vật chất, món đồ vật chất quan trọng hơn mạng người.

Có một núi lửa vẫn còn hoạt động tên là Núi Merapi cách Jogjakarta 30 dặm về hướng tây bắc. Xưa kia thiên hạ có thể học hỏi được ở thú vật, khi núi lửa sắp nổ. Chuột, kiến, nai, cọp và những con vật khác liền chạy xuống đồi, điều này có nghĩa là núi lửa sắp nổ tới nơi. Thiên hạ thường đi theo những con vật bỏ chạy từ sườn hay chân núi. Nhưng khi sự di động của những con thú đó xảy ra ban đêm, những người mà bản năng đã chết (do ảnh hưởng của sức mạnh vật chất) không được báo cho biết về việc sẽ có núi lửa nổ, và họ vẫn còn ngủ dưới chân mền khi điều đó xảy ra. Một hiện tượng khác tương tự là việc tất cả các con chuột sẽ rời bỏ một chiếc tàu sắp chìm.

Trước khi tôi trông thấy đám rước của vua chúa trong năm 1946, Jogjakarta bị một bệnh dịch hoành hành. Điều đó thật kinh khủng, khi ta trông thấy thiên hạ chết như lá rụng. Nhiều người hàng xóm của tôi đã chết. Chính mắt tôi đã trông thấy là khi ai đó mắc bệnh, người đó sẽ chết chỉ độ một vài tiếng đồng hồ sau đó.

Sau khi có hàng ngàn người chết, dân chúng kêu gọi Đức Vua Jogjakarta lấy vật gia bảo linh thiêng nhất của vương quốc đem điểu hành chung quanh khu vực bị nhiễm bệnh. Đức Vua Hamengku Buwono IX chấp thuận và chẳng bao lâu *Kanjeng Kyahi* (Tôn Sư) *Tunggai Wulung*, một vật gia bảo linh thiêng có hình thù một ngọn cờ và những cái khác có hình thù của những *krises* (dao găm linh thiêng) được đem điểu hành chung quanh Jogjakarta, có binh lính và một đội kèn trống đi theo. Cuộc điểu hành xảy ra buổi tối và đứng xem điểu đó thì thật là đẹp mắt và li kì. Những ông vua và bà hoàng xưa kia của Java đã xúc động vì lời kêu gọi đó. Họ lập tức đáp ứng bằng cách chính mình cũng điểu hành chung quanh Jogjakarta ngày hôm sau, và chẳng bao lâu bệnh dịch tuyệt hẳn.

Phần đông mọi người chỉ trông thấy được những biểu lộ bên ngoài của sự việc. Họ trông thấy những vật gia bảo được đem đi như thế nào chung quanh thành phố, và việc như thế nào bệnh dịch chột tuyệt hẳn.

Họ không biết được những gì xảy ra ở hậu trường trong thế giới vô hình. Quyền lực tâm linh các ông vua bà hoàng xưa kia của Java đã xua đuổi bệnh dịch, để đáp ứng những cầu khẩn của con cháu mình.

Các tổ tiên của Java đã xua đuổi được bệnh dịch như thế nào? Tuy có thể trông thấy họ điểu hành trên những xe ngựa 4 bánh của vua chúa, nhưng tôi không chút nào hiểu được làm cách nào họ có thể xua đuổi bệnh dịch. Nhưng nhiều năm sau đó, tôi nhận thức được bệnh dịch đã được các sinh vật tâm linh đem đến và làm cho truyền nhiễm. Các tổ tiên của Java trong thế giới tâm linh có thể trông thấy những hồn ma đó, và bởi là những linh hồn hùng mạnh, nên họ có thể xua đuổi chúng.

Năm 1958 khi chúng tôi vẫn còn ở Malang, miền Tây Java, có lần tôi về nhà sau một chuyến đi tới Jakarta. Tôi về tới nhà khoảng giữa đêm. Khi bước vào phòng ngủ của vợ mình, tôi trông thấy

hai đứa con nhỏ nhất của mình, cháu gái Sri Purwati và cháu trai Martono, đang ngủ với bà. Cả hai đứa đều mắc bệnh thùy đậu. Khi mở mắt ra, tôi trông thấy một sinh vật tâm linh trông như do bản chất của nước tạo nên, nhảy từ thân thể của cháu Sri Purwati vào thân thể vợ tôi là Rukminati. Sáng hôm sau Rukminati mắc bệnh thùy đậu. Hiển nhiên hồn ma của bệnh thùy đậu đã tấn công cậu con trai Martono của tôi, rồi chuyển qua tấn công Sri Purwati, sau đó nó nhập vào thân thể của Rukminati.

Năm 1963 tôi ở Jambi, Sumatra và là giảng viên của Trường Luật nơi đó. Một đêm nọ tôi trông thấy một sinh vật tâm linh hiện ra từ mặt nước của sông Batanghari. Nó mặc một áo choàng màu vàng, và đầu nó thì hói. Một tiếng nói của nội tâm cho tôi hay sinh vật tâm linh đó đến từ vùng biển của Trung Quốc, để truyền bệnh dịch tả. Sáng chủ nhật hôm sau, tôi đến nhà một y sĩ thăm ông. Khi chúng tôi ngồi ngoài hiên, một phái đoàn gồm những người ở trên bờ sông Batanghari đến yêu cầu ông y sĩ đó giúp họ. Bệnh dịch tả đã bắt đầu lan tràn ra khu vực họ.

Giới y khoa có thể phát hiện được những nguyên nhân như vi khuẩn, vi trùng v.v... Nhưng người ta không biết được là có những sinh vật tâm linh đem những thứ truyền bệnh đó làm hại con người.

Trong lịch sử của Java xưa kia, khi đất nước phải đối phó với những khó khăn như nạn đói, bệnh dịch và những thiên tai khác, các ông vua và bà hoàng đều nhịn ăn uống, nhịn ngủ và ham vui, để cầu xin Thượng Đế hướng dẫn và giúp đỡ. Việc làm đó được gọi là *prihatin* hay *topo*. Một ông hay bà hoàng mà chỉ đắm đuối vui chơi thì chắc chắn không đủ tư cách giúp đỡ đất nước mình. Trái lại, sự say đắm vui chơi quá mức của họ sẽ chỉ tạo nên tai họa.

Thực vậy, con người được tự do lựa chọn giữa cái tốt và cái xấu. Khiến mình được phát triển tới một trình độ cao quý hơn, hay khiến mình bị hạ thấp xuống dưới trình độ thú vật. Do những việc



làm sai trái của mình, họ thậm chí có thể tụt xuống trình độ vật chất. Họ cũng có thể phát triển thành một sinh vật cao siêu nhìn biết khá hơn thú vật, và còn thể nhìn biết ngay được cả tương lai, bằng cách tiếp nhận được những điều cho mình nhìn thấy những gì xảy ra nhiều thế kỉ sau này.

Điều thú vị là sau khi tôi viết chương này, thì ngày 12 tháng 2 năm 1987 tổng thống Reagan nói về những hồn ma tại Tòa Bạch Ốc với một nhóm học sinh trung học. Ông đã nghe nhiều người nói tới việc cố tổng thống Lincoln vẫn còn sống tại Tòa Bạch Ốc. Chính ông cũng đã chưa từng gặp tổng thống Lincoln. Nhưng một hôm con chó của ông dừng lại trước phòng của tổng thống Lincoln và lên tiếng sủa. Tổng thống Reagan đến mở cửa, vì ông nghĩ rằng con chó muốn vào phòng. Thay vì vậy nó chỉ đứng đó nhìn chòng chọc mà không muốn vào. (Sự việc này được nói tới trên chương trình TV U.S.A Today, trong khi tôi còn ở New York.)



## Sự sống sau khi chết

Sau khi đọc những chương đầu, người đọc có thể thắc mắc về việc điều gì xảy ra cho con người, sau khi họ chết.

Con người gồm hai phần căn bản, đó là phần vĩnh hằng và phần nhất thời.

Phần vĩnh hằng là linh hồn. Vĩnh hằng vì nó đã tồn tại trước khi con người sinh ra trên trần gian này. Nó nằm bên trong con người trong thời gian họ sống trên trần gian, và sẽ tiếp tục tồn tại sau khi họ chết.

Phần nhất thời gồm những bộ phận cho cuộc sống trên thế gian, đó là những bộ phận của cơ thể, và những bộ phận cho sự sống của tinh thần, như ý chí, dục vọng và xúc cảm. Tuy là phi vật chất, nhưng những bộ phận cho sự sống của tinh thần chỉ có tính chất nhất thời. Nó có thể tan rã khi ai đó chết. Thậm chí nó còn có thể tan rã trước khi ai đó chết, như tình trạng lão nhược của người già.

Có 3 điều có thể xảy ra đối với những người đã chết.

Điều thứ nhất có thể xảy ra là trường hợp của những người có một cuộc sống bình thường của con người, trong lúc còn sống trên trần gian này. Nhưng những người này không mấy may mắn tiếp nhận được sự ngộ đạo, dưới hình thức một sự giao tiếp trực tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế. Nên linh hồn họ không không có cơ hội tăng trưởng, vì chính nhờ sự giao tiếp đó mà linh hồn có thể tăng trưởng và phát triển. Nếu những người đó chết, cơ thể họ sẽ tan rã. Linh hồn họ vẫn còn hình thù của một hạt giống chưa phát triển, và được giải thoát khỏi chỗ chứa đựng trước đây, để trở về nơi chốn cội nguồn của nó. Một linh hồn như vậy có thể bị cuốn hút trở lại vào thế gian này, do hành động giao cấu. Khi xảy ra thì điều này được gọi là luân hồi.

Điều thứ hai có thể xảy ra là trường hợp của những người có một cuộc sống say đắm vì dục vọng, trong lúc còn sống trên trần gian này. Chẳng hạn như những kẻ bị lòng tham lôi cuốn. Dù giàu có đến đâu đi nữa, họ không bao giờ thấy thỏa mãn. Dù có nhiều quyền thế tới đâu đi nữa, họ luôn muốn có thêm quyền thế. Để đạt được mục tiêu của mình, họ làm việc rất nhiều, bằng cách dùng trí óc, dục vọng và ý chí tới mức tối đa. Kết quả là những bộ phận cho sự sống tinh thần của họ trở nên rất mạnh. Khi những người đó chết trước khi tiếp nhận được sự ngộ đạo tâm linh, cơ thể họ sẽ tan rã. Nhưng những bộ phận cho sự sống tinh thần của họ có thể kết tinh tới một mức độ khiến nó không bị tan rã. Linh hồn họ, vẫn còn có hình thù của một hạt giống chưa được phát triển, sẽ bị mắc kẹt bên trong những bộ phận cho sự sống tinh thần của họ, và như vậy khiến họ không thể trở về nơi chốn cội nguồn của mình. Linh hồn những người đó, chứa đựng hay bị giam nhốt trong những bộ phận cho sự sống tinh thần của họ, vẫn còn quanh quẩn bám vào cái thế gian này sau khi họ chết. Theo lối nói bình dân, một linh hồn như thế người ta gọi là hồn ma.

Tất nhiên có nhiều hồn ma đang sống trên thế gian này mà mắt phàm không nhìn thấy được. Chúng sống trong những cộng đồng như chúng ta trong cái thế giới vật chất của mình. Những hồn ma

to lớn và hùng mạnh là lãnh tụ, và những hồn ma tầm thường hay nhỏ bé là kẻ hầu hay thuộc cấp. Chúng cũng có những ông vua và bà hoàng, những nam hoàng đế và nữ hoàng đế mà quyền hành và quyền xét xử không kém gì quyền của những kẻ đương nhiệm trong thế giới vật chất. Trên thực tế, chúng có thể thực thi quyền hành của mình trong cái trình độ vật chất của đời sống con người.

Chẳng hạn, khi tôi còn ở Surabaya, miền Tây Java, trong năm 1958, thì một buổi tối có một người đến gặp tôi để hỏi ý kiến. Tên anh là Hasan và anh có 9 đứa con. Anh kể cho tôi là nhiều năm qua gia đình anh chỉ bị xui xẻo. Mỗi năm, một đứa con anh đã chết. Có tới 4 đứa con anh đã chết trong 4 năm vừa qua. Anh hỏi tôi là tôi có thể làm gì cho anh không. Tôi chia buồn cùng anh, và làm một cái trắc nghiệm ngay tức khắc, để nhận được một chỉ dẫn về nguyên nhân của vấn đề. Tôi lập tức cảm thấy sự chấn động của một hồn ma hùng mạnh và tức giận. Vì được thúc đẩy phải giúp đỡ anh, nên tôi quyết định đến nhà anh để tìm dấu vết nguồn gốc của sự chấn động đó.

Hai người bạn của tôi, những hội viên của hội tâm linh Subud, đi cùng tôi. Khi chúng tôi đến nhà anh thì đã quá 12 giờ đêm. Trong khi đó thì tôi vẫn còn duy trì được sự giao tiếp với sự chấn động của hồn ma, và điều này khiến cho việc tìm được dấu vết của nó trở nên dễ dàng. Khi chúng tôi bước vào nhà anh, sự chấn động trở nên mạnh hơn. Do đó tôi biết chắc là hồn ma sống trong nhà anh.

Tìm kiếm thêm thì chúng tôi được khiến cho đi vào một phòng ngủ của căn nhà, trong đó có nhiều đứa con anh đang ngủ. Tôi thấy một vật nhỏ bé gói trong vải đen treo trên tường, phía trên giường ngủ của đám con anh. Đó là nơi chốn của một hồn ma hùng mạnh. Ngay lúc đó, tôi không những cảm thấy sự chấn động của hồn ma, mà thực ra còn trông thấy nó tỏ vẻ bồn chồn và tức giận.

Tôi hỏi Hasan vật đó là gì, và anh cho tôi hay đó là dao găm nhỏ nhưng rất cũ. Khi tôi yêu cầu anh đem nó xuống, hồn ma nhảy ra tấn công chúng tôi. Tôi cảm thấy luồng gió của cú đánh vụt qua và đập trúng một trong hai người bạn mình đứng đằng sau. Anh Kusumo Sutanto bị đánh trúng, một thiếu tướng hải quân Indonesia. Anh hầu như té ngã và lấy làm kinh hồn.

Trong khi vẫn còn trong trạng thái kinh hồn, anh cho tôi coi làn da sần gai ốc trên khắp thân thể mình. Điều may mắn anh là một người đã tiếp nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế. Nếu không thì cú đánh đó có thể chí tử. Tôi đề nghị với Hasan là anh vứt bỏ dao găm đó xuống sông. Trong ngôn ngữ Java việc làm đó được gọi là *nglarung*, nghĩa là vứt bỏ một vật gia bảo xuống sông. Hasan không dám làm điều đó. Anh bạn kia của tôi, Darmosewoyo, một người lớn tuổi, nói mình sẽ làm thay cho Hasan.

Vì con dao găm cũ kĩ được đem ra khỏi nhà, nên gia đình có thể sống an bình. Tuy nhiên, anh bạn lớn tuổi bị lôi cuốn muốn giữ lại con dao, và sau này tôi được biết là nó lấy đi một mạng người khác. Hồn ma đó có thể lấy sinh mạng của một kẻ nào đó một cách dễ dàng như một tên cướp có quyền lực có thể làm trong thế giới vật chất, nếu hắn thấy tức giận và bực mình. Hồn ma cư ngụ trong con dao găm cũ kĩ đã tức giận, vì nó không được cúng dâng như những chủ nhà trước đây thường làm.

Jakarta vừa là thủ đô của Indonesia, vừa là một hải cảng chính yếu và quan trọng nhất. Nó là một thành phố quốc tế. Trong môi trường đó, việc cúng dâng những thứ này nọ bị coi là *bijgelovig* (tiếng Hà Lan nghĩa là mê tín dị đoan). Nhưng sau vụ đó, tôi bắt đầu hiểu được tại sao dân thôn quê của Java và Bali thường cúng dâng tại những nơi chốn linh thiêng. Họ tin có thể chung sống với những hồn ma ở bên cạnh mình mà mắt phàm không trông thấy được. Chủ đích của việc cúng dâng là muốn làm vừa lòng hay làm hòa với hồn ma cư ngụ trong khu vực và kiểm soát nơi đó.

Như trong xã hội bình thường của loài người, ta thấy có những người tốt kẻ xấu, và giữa đó thì có vô số những tâm tính đủ loại. Những hồn ma tốt thông thường không can thiệp vào đời sống bình thường của loài người. Sau lễ tưởng niệm 1000 ngày qua đời, người chết thường rời xa căn nhà gốc rễ và gia đình mình. Nhưng nếu một con cháu nào cần được giúp đỡ, thì một tổ tiên trong vị thế làm được vậy sẽ đến giúp đỡ.

Người Java ý thức được rằng chỉ cầu nguyện bằng miệng không thôi thì họ sẽ không đạt được mục tiêu. Để lời cầu khẩn được Thượng Đế hay tổ tiên hay một sinh vật hùng mạnh nào khác nghe thấy, thì họ phải chứng tỏ lòng thành của mình bằng cách làm *prihatin* hay *topo*. Đặc biệt trong thế giới hiện đại, đó là điều không dễ, nếu phải nhịn ăn uống và ngủ nghỉ, nhịn những thú vui của xác thịt và những ham thích khác của cuộc sống. Tuy nhiên việc đó thường có hiệu quả, nếu ta làm được như vậy.

Một tổ tiên chỉ có thể giúp đỡ và che chở những con cháu mình cho tới thế hệ thứ bảy. Thế nên, một *kraton* hay lâu đài Java được chuyển đi một nơi khác, sau khi nó đã phục vụ cho hơn bảy thế hệ. Do đó mà những lâu đài đó thường được làm bằng gỗ, tuy đá có rất nhiều. Những lâu đài khác nhau bằng đá ở Java là điều chứng tỏ người Java có kỹ thuật xây cất những công trình kiến trúc bằng đá.

Những vị vua khai quốc thường làm nhiều *prihatin* hay *topo*, trong cuộc tranh đấu thành lập vương quốc của mình. Họ thường sinh ra với một linh hồn vĩ đại, do kết quả của *prihatin* hay *topo* của tổ tiên. Vì làm nhiều *prihatin* hay *topo*, nên họ trở thành những người có uy quyền.

Nhưng vì sinh trong sự giàu sang và danh vọng dồi dào, nên con cháu họ có thể không cảm thấy một cuộc sống y như vậy đầy *prihatin* là cần thiết. Trái lại, họ bị lôi cuốn tự cho phép mình hưởng thụ những thú vui của cuộc sống thế gian. Vì họ làm như

vậy, nên triều đại bắt đầu suy tàn và con cháu họ bị thoái hóa. Là một nhân vật có uy quyền, vị vua khai quốc có thể che chở và giúp đỡ triều đại mình cho tới thế hệ thứ bảy. Quá thời hạn đó, quyền lực tâm linh của họ không còn hiệu nghiệm nữa. Nếu không có người con cháu nào đang giữ ngôi của họ chịu quan tâm tới và noi theo gương mẫu làm *prihatin* của họ, thì triều đại sẽ sụp đổ và cuộc tranh đấu thành lập một vương quốc khác sẽ bắt đầu trở lại.

Có điều khá li kì là người tranh đoạt được ngôi luôn là con cháu của ông vua khai quốc. Dòng họ các triều đại Java chưa từng bị đứt đoạn. Tuy nhiên, nó không hề được tiếp nối bởi dòng họ của người con trưởng, một người đáng lí được thừa kế ngôi vua một cách danh chính ngôn thuận, mà bởi con cháu của một người thân thuộc không được quyền kế ngôi.

Điều này có thể là chuyện không may lại hóa ra may; vì ý thức được thân phận thấp kém của mình, nên nhân vật không được hưởng ngôi vua có thể có thiên hướng theo một lối sống khổ hạnh tại một nơi hẻo lánh. Con cháu trở thành thường dân, có lẽ chỉ là nông dân chất phác, tuy thuộc dòng máu quý phái của vua chúa. Dòng máu quý phái đó phối hợp với một lối sống có kỉ luật theo *prihatin* chắc chắn sẽ tạo nên những con cháu có phẩm chất cao quý hay tốt đẹp, những người một ngày nào đó có thể trở thành những ông vua khai quốc khác.

Điều thứ ba có thể xảy ra trong đời sống sau cửa tử là trường hợp của những người trong lúc sống đã đủ may mắn tiếp nhận được sự ngộ đạo, hay sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế. Điều này tất nhiên là tình trạng lí tưởng nhất.

Do kết quả của việc tiếp nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, hạt giống của linh hồn bắt đầu tăng trưởng và phát triển. Từ hạt giống nhỏ bé của một linh hồn, nó tăng trưởng và phát triển thành một linh hồn lớn hơn, và cuối cùng còn mọc cao hơn nơi chứa đựng của nó là xác thân và những bộ phận cho



đời sống tinh thần. Trong quá trình tăng trưởng và phát triển, xác thân cũng như những bộ phận cho đời sống tinh thần trải qua một sự thanh lọc. Kết quả là xác thân trở nên mạnh khỏe hơn, và tinh thần thì điềm tĩnh hơn, kiên nhẫn hơn và thông minh hơn. Những người được vậy khi chết thì xác thân họ cũng sẽ tan rã. Tuy nhiên, những bộ phận cho đời sống tinh thần của họ còn nguyên vẹn và được linh hồn bao bọc.

Vì là một yếu tố vĩnh hằng, nên linh hồn tiếp tục sống mãi mãi và những bộ phận được thanh lọc cho đời sống tinh thần cũng sẽ mãi mãi nằm trong linh hồn. Chính những bộ phận được thanh lọc cho đời sống tinh thần là cái vẫn còn nhớ tới và có thiên hướng giúp đỡ con cháu mình.

Giáo lí của những tôn giáo lớn như Hồi giáo, Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo chỉ nói tới trạng thái lí tưởng của đời sống con người sau khi chết. Những người đạt được trạng thái lí tưởng đó sẽ không bị luân hồi. Về trường hợp thứ hai của điều có thể xảy ra, những tôn giáo trên coi đó là vào địa ngục hay sống trong đó.

Người Java có khuynh hướng thích cái *hakeka*, cái thực chất hay nội dung của bất cứ giáo lí nào mà họ gọi là *kasunyatan jati* (chân lí đích thực) hơn là cái hình thức hay lễ nghi của nó. Kết quả là nhiều người Java đã nghiệm được chân lí tâm linh, chứng kiến được thế giới tâm linh và liên lạc được với những sinh vật tâm linh sống ở đó.

Tuy vui lòng chấp nhận giáo lí của những tôn giáo lớn đến Java sau này, nhưng họ không loại bỏ giáo lí của những tôn giáo trước đó, mà đã phối hợp một cách hài hòa cái mới với cái cũ. Những lễ nghi của một tôn giáo này có thể khác với tôn giáo kia. Tuy nhiên, vì tất cả đều xuất phát từ Đấng Thượng Đế Duy Nhất, nên thực chất đều như nhau. Do đó mà tuy người Java theo đạo Hồi hay trở thành những người Thiên Chúa giáo, nhưng ta vẫn còn có thể thấy được trong những tập tục cổ truyền của họ những yếu tố của

đạo Phật, đạo Hindu, cũng như của tín ngưỡng vật linh và tục thờ cúng tổ tiên.

Nhưng điều này không có nghĩa là vẫn còn những người Java tin tưởng những tập tục cổ truyền của mình, và họ là những người thấy việc làm này là thích đáng hơn, nếu mình theo đúng từng li từng tí những giáo lí của tôn giáo mới.



## Con mắt tâm linh

Độc giả có thể tự hỏi là làm sao ta có thể trông thấy được những hồn ma và sinh vật sống trong thế giới vô hình. Theo những kinh nghiệm của tôi ở Jogjakarta trong năm 1946, hiện tượng đó thường được gọi là năng khiếu tâm linh. Những người mà các bộ phận cho đời sống tinh thần được trong tình trạng trong sáng và thanh thản, do kết quả của việc nhịn ăn uống và ngủ, nhịn các thú vui, và điều này phần nhiều cũng do những năng lực được thừa hưởng, là những người có thể trông thấy và liên lạc được với thế giới tâm linh.

Những sinh vật trong thế giới tâm linh cũng muốn liên lạc với con người. Tuy nhiên, không phải là bất cứ ai cũng liên lạc được với họ. Những sinh vật tâm linh chỉ có thể liên lạc với những người có năng khiếu tâm linh. Hình thức liên lạc đơn giản nhất với thế giới tâm linh xảy ra qua những giấc mơ.

Tại những làng mạc của thôn quê Java, người ta thường trông thấy những cây đa to lớn chung quanh có hàng rào bằng tre. Đó là một dấu hiệu cho biết những cây cối đó là vật linh thiêng. Các hồn

ma rất thích những cây đa, và dùng đó làm nơi cư trú. Xâm lấn vào một khu vực như vậy có thể khiến cho những hồn ma cư ngụ ở đó tức giận hay bực bội, và kẻ xâm lấn có thể bị đau ốm mà không vì nguyên cơ nào.

Trong trường hợp này, hồn ma có thể đến gần dân làng báo cho họ biết tại sao mình tức giận và loại đồ cúng nào mình cần, để đền bù những thiệt hại. Kẻ xâm lấn có thể vô tình với bàn chân dơ dáy bước lên giường ngủ của một hồn ma, hay đã tiểu tiện trên khu vực đó.

Nếu yêu cầu không được đáp ứng làm hồn ma hài lòng, kẻ xâm lấn có thể tiếp tục bị đau ốm, hay thậm chí có thể chết. Sau khi có một vụ như vậy, dân làng dựng lên một hàng rào chung quanh cây đa, để ngăn chặn thiên hạ xâm lấn một khu vực linh thiêng. Đây là lối liên lạc chỉ có một chiều, vì hồn ma có thể liên lạc với con người, nhưng con người không thể liên lạc với hồn ma theo ý muốn mình.

Một buổi chiều trong năm 1958, trong lúc đang đi dọc theo một con đường ở Malang, miền Tây Java, tôi trông thấy những bó hoa và hương trầm được cúng dâng tại góc một giao lộ. Đi bộ mãi thấy chán, tôi đá vào những đồ cúng dâng đó. Về tới nhà, tôi nằm ngủ một chút. Trong lúc ngủ tôi trông thấy một hồn ma bụng béo mập, mặc bộ đồ có sọc của tù nhân đến gần mình. Trong tay phải hắn cầm một chiếc roi. Trước khi tôi biết được điều gì đang xảy ra, hắn đã nhanh chóng lấy chiếc roi đánh vào đỉnh đầu tôi. Cú đánh nghe như một phát súng. Tôi thức dậy và hỏi hồn ma tại sao hắn lại đánh mình như vậy. Hắn nói đó là bởi vì tôi đã đá vào những đồ cúng dâng cho hắn. Điều may mắn là khi điều đó xảy ra, tôi đã tiếp nhận được Ánh Sáng của Thượng Đế. Cú đánh không làm hại tôi. Tuy nhiên một cú đánh như vậy có thể chí tử đối với ai khác.

Một hồn ma cũng có thể liên lạc bằng cách nhập vào một kẻ có linh hồn yếu thấp. Tuy nhiên lối này không chắc ăn, vì kẻ bị nhập

vào có thể nằm trong trạng thái hôn mê. Trong trạng thái hôn mê kẻ đó có thể không ý thức được gì nữa, và không thể nhìn thấy hồn ma đang nhập vào mình, hoặc nhớ lại những gì hồn ma đã nói. Trong trường hợp này ta không thể kiểm chứng lại những gì hồn ma đã nói.

Lối liên lạc cấp tiến hơn là sự liên lạc theo hai chiều giữa hồn ma và những người có năng khiếu tâm linh. Nhưng điều kiện khiến làm được như vậy rất khó khăn, vì ta phải thường xuyên trong trạng thái *prihatin*, để duy trì sự trong sáng của năng khiếu tâm linh. Trong lối liên lạc theo hai chiều, cả hai bên, hồn ma và người có năng khiếu tâm linh, có thể tiếp xúc và liên lạc với nhau trong một trạng thái sáng suốt.

Thực ra, sự liên lạc trong thế giới tâm linh dễ hơn trong thế giới vật chất. Trong thế giới tâm linh, ta có thể đọc được trí óc và những ý định của phe bên kia. Nên những ngôn ngữ khác không là chướng ngại đối với sự liên lạc. Trong thế giới tâm linh, ta không phải trao đổi lời nói để truyền đạt những ý nghĩ và ý định của mình. Chỉ cần nhìn vào mắt là truyền đạt hay thu nhận được một thông báo.

Đối với những người Java có văn hóa, câu *Tanggap ing semu* là một dấu hiệu quan trọng cho biết về tình trạng tâm linh nhạy cảm và lễ lối cư xử tế nhị. *Tanggap ing semu* nghĩa là có thể cảm nhận hay tri giác được trong nháy mắt một thông báo, một giọng điệu hay sự biến sắc trên khuôn mặt của phe bên kia. Chẳng hạn một người Java tế nhị sẽ không bao giờ thẳng thừng từ chối một yêu cầu. Nhưng ta phải có khả năng cảm nhận và tri giác được việc người kia có thực sự ưng thuận hay không, nếu gạt đầu. Nếu cảm nhận hay tri giác được một vẻ miễn cưỡng, một người Java tế nhị không thể bàn thêm về vấn đề. Một thí dụ khác là câu *Sabda ingkang dereng kawijilling lesan*, nghĩa là những lời muốn nói mà không nói được. Một người khôn khéo phải có khả năng tri giác được những lời không muốn nói.

Trong những trường hợp kể trên, sinh vật tâm linh hiện hình dưới hình thù con người. Điều ta trông thấy là những bộ phận cho đời sống tinh thần hay cái thiên thể<sup>2</sup> của sinh vật tâm linh thường có cái hình thù như lúc còn sống của mình trong thế giới vật chất.

Tuy nhiên các sinh vật tâm linh có thể biến hóa theo bất cứ hình dạng nào mà mình thích. Vì không bị một xác thân bao bọc hay bị lệ thuộc vào những định luật của vật lí, nên nó thành bất cứ hình dạng nào theo tưởng tượng của mình. Nó có thể du hành hay bay bổng nhanh như tốc độ của trí óc.

Như ta biết, trong chớp nhoáng trí óc mình có thể đến Tokio, trong khi thân thể mình đang ngồi ở New York. Một lúc sau, trí óc mình có thể đến Paris, London hay Rome, có lẽ mình đang nghĩ tới những điều thật đẹp mình nhận thấy trong lúc có mặt tại đó. Không có xác thân, thiên thể có thể du hành tới bất cứ đâu trong chớp nhoáng.

Tình trạng của một người có một linh hồn ngộ đạo khác với tình trạng của những người có năng khiếu siêu linh<sup>3</sup>. Những gì mà những người có năng khiếu siêu linh tri giác được với những bộ phận trong sáng của đời sống tinh thần bị giới hạn trong thế giới của các thiên thể hay hồn ma. Chính cái thế giới của các thiên thể cũng không vĩnh hằng. Bản thể của nó là nhất thời. Nó sẽ tan biến và không tồn tại nữa, khi thế giới hết tồn tại. Do đó mà các *setans* ganh tị con người. Các *setans* không thể chết, ngày nào mà thế giới còn tồn tại. Chúng có thể đau khổ nhưng chúng không thể chết. Tuy nhiên chúng sẽ không còn tồn tại, khi thế giới bị hủy diệt.

Con người sẽ chết vì tuổi tác, bệnh tật và tai nạn. Nhưng họ có

2 astral body. Theo thuyết thần trí (theosophy) linh hồn hay hồn ma có một chất liệu khác với chất liệu của thế giới vật chất, cái chất liệu đó chỉ có siêu cảm giác mới nhận thấy.

3 psychic persons. Đây có thể là những người đồng bóng hay những người tu theo đường lối dùng tâm trí và ý chí.

cơ hội được sống mãi mãi vào bất cứ lúc nào, nếu tiếp nhận được sự ngộ đạo dưới hình thức một sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế. Sau khi tiếp nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, một quá trình thanh lọc và chuyển hóa xảy ra nơi con người.

Sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế được tiếp nhận bởi phần vĩnh hằng nơi con người là linh hồn. Kết quả sự giao tiếp đó là cái linh hồn dưới hình thức một hạt giống, có thể bắt đầu phát triển và tăng trưởng. Từ một chấm nhỏ là ánh sáng, nó càng lúc càng tăng trưởng thành một nguồn ánh sáng lớn hơn.

Khi linh hồn vẫn còn hình thức của một hạt giống nằm ngủ trong phần thâm sâu nhất của mình, con người chưa ý thức được sự hiện hữu của nó. Tuy chứa đựng một cái thai đang sống, nhưng hạt giống tương tự một vật vô tri vô giác, trước khi nó bắt đầu tăng trưởng. Thế nên, một linh hồn vẫn còn trong tình trạng đó được gọi là một linh hồn vật chất.

Trong giai đoạn phát triển đầu tiên, linh hồn tăng trưởng thành một nguồn ánh sáng càng lúc càng lớn, nên nó đẩy ra ngoài xác thân những dơ bẩn và bệnh tật. Thế nên dấu ấn đầu tiên của một con người ngộ đạo là sức khỏe xác thân và tình trạng sung sức. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là xác thân không bị những định luật của thiên nhiên chi phối như bệnh tật, tuổi tác và sự chết.

Trong sự phát triển thành một nguồn ánh sáng càng lúc càng lớn, linh hồn cuối cùng mọc cao hơn xác thân. Trong thuật ngữ huyền học của Java, tình trạng này được gọi là *kodok hanumuri leng*, nghĩa là một con ếch bao che cái hổ trong đó nó sống. Làm sao một con ếch có thể bao bọc một cái hổ trong đó nó sống? Nhiều người không hiểu được câu tục ngữ đó và tưởng tượng hết điều này tới điều nọ, hoặc lao vào những cuộc tranh luận và cãi vã dài dòng về việc nó thực sự có ý nghĩa gì. Ta chỉ biết được sự thật tượng trưng trong câu nói đó, nếu chính mình đã nghiệm được.



Chẳng hạn như nghiệm được một tình trạng trong đó linh hồn mình, nhỏ bé hơn hạt giống của hồ tiêu và đang ngủ bên trong bản ngã mình, càng lúc càng tăng trưởng lớn hơn và cuối cùng mọc cao hơn cái chứa đựng nó là xác thân.

Trong khi nó vẫn còn trong trạng thái vô tri vô giác, thiên hạ không thể cảm thấy sự hiện hữu của linh hồn mình. Nhưng sau khi tiếp nhận được sự ngộ đạo, linh hồn họ bắt đầu có sự sống và họ chắc chắn sẽ cảm thấy linh hồn rung động bên trong cơ thể. Họ cuối cùng sẽ cảm thấy linh hồn bên trong mình có ý chí của nó.

Cái Tôi là cá tính của những bộ phận cho đời sống tinh thần và được gọi trong ngôn ngữ Java là *kawulo*, nghĩa là một đầy tớ, trong khi đó cá tính của linh hồn được gọi là *Ingsun*, nghĩa là Ông Chủ. Tuy nhiên, trong phần nhiều trường hợp, chính *kawulo* là kẻ trở thành ông chủ bên trong con người. Tình trạng này được gọi là *Petruk dadi ratu* trong ngôn ngữ huyền học của Java. Petruk là một nhân vật làm đầy tớ trong kịch wayang cổ truyền hay kịch bóng múa rối. Dadi nghĩa là trở thành và ratu nghĩa là ông vua. Petruk dadi ratu là một hồi trong cốt truyện wayang trong đó Petruk trở thành vua, do một tình thế hỗn loạn và lộn xộn bên trong vương quốc.

Nếu *kawula* hay cái Tôi trở thành ông chủ bên trong vương quốc của cơ thể con người, thì hậu quả là sự hỗn loạn và lộn xộn. Cái Tôi là hiện thân của những bộ phận cho đời sống tinh thần. Những bộ phận cho đời sống tinh thần được Thượng Đế ban tặng và chỉ là dụng cụ nhất thời cho cuộc sống thế gian. Như vậy cái Tôi bị những sức mạnh hay ảnh hưởng của thế gian chế ngự và chi phối. Dụng cụ đó không thể dùng để liên lạc với Thượng Đế.

Là phần vĩnh hằng của một người có thể tiếp nhận sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, linh hồn sẽ luôn tuân theo ý muốn của Thượng Đế. Chỉ có thể có hòa bình, hòa hợp và hạnh phúc nơi con người, nếu linh hồn trở nên sinh động và lãnh nhiệm vụ làm

ông chủ hay vua chúa, trong khi cái Tôi được đặt vào vị thế của một đầy tớ.

Khi linh hồn mọc cao hơn xác thân, con người sẽ có một loại radar và có thể cảm nhận hay vươn ra ngoài xác thân để tri giác được tình trạng chung quanh mình. Khi ngồi gần ai bị nhức đầu, ta cũng sẽ cảm thấy nhức đầu, và gần ai thấy buồn phiền, ta cũng sẽ thấy buồn phiền. Tương tự, khi gần ai thấy nản chí, ta sẽ cảm thấy sự nản chí của họ, và gần một người điềm tĩnh và vui vẻ, ta cũng sẽ thấy điềm tĩnh và vui vẻ và vân vân.

Kế tiếp linh hồn sẽ tăng trưởng hay phát triển tới trình độ thực vật. Trong giai đoạn này linh hồn sẽ như một thân cây có ánh sáng, với một ăng-ten làm nó có thể thường trực giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế trong cái *dzhir* hay những cầu nguyện liên tục của nội tâm. Những cầu nguyện liên tục đó của nội tâm sẽ không xen vào đời sống thường nhật của con người. Ta vẫn có thể sinh sống và hoạt động một cách thông thường trên thế gian này, tất cả các công việc cho cuộc sống thế gian được *kawula* hay đầy tớ làm, trong khi đó *Ingsun* hay ông chủ thì thường trực cầu nguyện. *Ingsun* cũng làm việc kiểm soát để chắc chắn là đầy tớ đi đúng đường.

Kế tiếp là linh hồn sẽ tăng trưởng hay phát triển tới trình độ thú vật. Trong giai đoạn này phát triển những giác quan của nếm, ngửi, nghe, cảm và nhìn. Chính trong giai đoạn này linh hồn phát triển một con mắt tâm linh khiến có thể nhìn thấy thế giới tâm linh và những linh hồn nơi đó.

Khác với những giác quan của xác thân là những cái sẽ hư hại vì bệnh tật, tuổi tác và sự chết, những giác quan của linh hồn sẽ hiện hữu và hoạt động mãi mãi bất cứ lúc nào. Cái năng khiếu siêu linh của những người tri giác được thế giới vô hình của các thiên thể sẽ hư hại, khi họ tự cho phép mình hưởng thụ những thú vui của cuộc sống thế gian, vì những bộ phận cho đời sống tinh thần

không thuộc phần vĩnh hằng của con người.

Khác với năng khiếu siêu linh là cái được cái Tôi điều khiển theo ý muốn, những giác quan của linh hồn không thể được điều khiển theo ý muốn. Thế cho nên, những người mà linh hồn đã phát triển tới trình độ thú vật, thì không thể chứng tỏ cho người khác cái khả năng nhìn thấy thế giới tâm linh của mình. Khi cần thiết, Thượng Đế sẽ cho họ thấy thế giới tâm linh. Nhưng khi nào, nơi nào và những gì sẽ được cho thấy là điều tùy thuộc Thượng Đế. Vậy thì những người đó không thể khoe khoang là mình biết được mọi việc, và phải khiêm tốn. Những gì họ làm thì chỉ có thể làm được, nếu đó là Ý Thượng Đế.

Để đi hết đoạn đường phải đi, ta phải bước vào giai đoạn kế tiếp là trình độ con người. Trong giai đoạn này linh hồn con người sẽ phát triển những phương tiện hiểu biết của mình là tâm thức<sup>4</sup> hay Trí Huệ Nội Tâm<sup>5</sup>. Khác với trí óc trí tuệ chỉ có thể nhớ lại hay hiểu biết những gì ta được dạy bảo hay nghiệm được, Trí Huệ Nội Tâm có thể tiếp nhận được điều gì hoàn toàn mới mẻ, điều gì ta chưa từng thấy hay nghe nói tới. Trí Huệ Nội Tâm trực tiếp nhận được của Ánh Sáng Thượng Đế kiến thức, sự hiểu biết và minh triết qua con đường của cảm nhận hay thiên khai

Khi 16 tuổi, do tình cờ tôi có thể đạt được một trạng thái siêu linh trong sáng, sau khi thức 40 ngày và 40 đêm. Điều này do tình cờ, tôi không cố ý làm. Nó xảy ra ngay lúc tôi bị bệnh sốt rét cấp tính. Sau khi thức 40 ngày và 40 đêm, tôi không những được lành bệnh, mà còn cảm thấy vui sướng, tràn đầy hạnh phúc và rất gần gũi với Thượng Đế. Kết quả là tôi tiếp tục thức, đi lang thang tới bất cứ đâu mà đôi chân mình dẫn tới.

Một buổi chiều nọ, ông cậu tôi là Suratman đi theo tôi, trong khi tôi đang đi dưới cơn mưa lớn. Ông lo lắng vì tôi mới được lành

4 Inner consciousness

5 Inner Wisdom

bệnh sốt rét cấp tính và không được phép đi dưới cơn mưa. Vì không có ý cản tôi, nên ông để cho tôi làm những gì tôi muốn, và ông chỉ đi theo tôi từ đằng xa. Không ai có thể cản những gì tôi muốn làm hồi đó, vì trong trạng thái nói trên, cá tính tôi trở nên rất mạnh, và thiên hạ sợ tôi. Cậu tôi ngạc nhiên thấy tôi vẫn khô ráo, tuy tôi không mặc áo mưa và dùng một cây dù. Chính ông mặc áo mưa và có một cây dù che đầu. Tôi cảm tạ Thượng Đế đã khiến mình trở thành một con đường phát truyền Ánh Sáng của Ngài để khai mở hay khai tâm cho ông, trước khi ông mất.

Trong thời kì đó trong năm 1946 ở Jogjakarta, tôi bắt đầu nhìn thấy thế giới tâm linh. Những gì tôi nghiệm được tiếp diễn khoảng nửa năm. Cái năng khiếu siêu linh trong sáng của tôi bắt đầu suy yếu, khi tôi dần dần trở lại đời sống bình thường theo sự thúc giục của gia đình. Mọi người đều lo lắng, vì tôi đã không đi học nữa. Họ muốn tôi hoãn lại cái khuynh hướng và những hoạt động tâm linh của mình, và lôi kéo sự chú tâm và năng lực tôi vào việc học hành. Điều nghiệm được nói trên cho thấy năng khiếu siêu linh chỉ có tính cách nhất thời, vì nó được xây dựng trên những bộ phận cho đời sống nhất thời của con người, đó là những bộ phận đời sống tinh thần của con người.

Pak Subuh kể cho tôi là mình quen biết một ông thầy *Sufi* ở Java là Kyahi Abdurachman, một người đã đạt được khả năng siêu linh đích xác và thật lớn bằng cách chôn bản thân dưới đất trong 40 ngày và 40 đêm.

Pak Subuh nói rằng nhân vật đó có thể trông thấy rõ rệt dòng họ của ai đó ngược lại 7 thế hệ, và tiên đoán được những con cháu của 7 thế hệ tiếp theo một cách có chi tiết đầy đủ về năm, tháng, ngày của tuần lễ 7 ngày, cũng như ngày của tuần lễ 5 ngày thuộc âm lịch. Thậm chí ông biết đích xác được cả giờ và phút của lúc sinh. Nhưng khi những người ở những thành phố lớn đến thăm ông và chiều chuộng ông với những đồ ăn như bánh mì, bơ, pho mát, sữa, sôcôla và kẹo, những thứ xa xỉ đối với một nhà tu khổ

hạnh sống tại một nơi hẻo lánh trên núi, thì cái khả năng siêu linh của ông bắt đầu suy yếu. Sau khi cái khả năng siêu linh trong sáng của mình bị mất, ông lại phải phải chôn mình trong 40 ngày và 40 đêm, để lấy nó lại.

Trong thập niên 60 tôi được dịp thức 1000 ngày và đêm với Pak Subuh. Đó là cái chứng nghiệm tốt đẹp nhất tôi từng được trong đời mình, vì tôi thường xuyên được sự rung động của Ánh Sáng Thượng Đế bao bọc. Do sự rung động đó tôi không cảm thấy buồn ngủ và mệt mỏi. Trái lại, nó khiến tôi tràn đầy hạnh phúc, năng lực và cảm hứng. Tôi viết một luận án tiền sĩ trong thời kì đó nhan đề là “Tâm tính và Lối Cư Xử của Con Người” và lấy được bằng tiến sĩ về Luật và Xã Hội Học. Khác với sự sáng suốt siêu linh đạt được lúc 16 tuổi, lần này sự tiến bộ đạt được thì không bị mất, vì đó là sự phát triển của phần vĩnh hằng trong lòng là *jiwa* hay linh hồn.

Một *jiwa* hay linh hồn phát triển thành một thực thể toàn diện với những giác quan tâm linh vĩnh hằng cũng như những phương tiện hiểu biết vĩnh hằng thì không thể bị suy nhược và được gọi là *Ingsun* trong tiếng Java. *Ingsun* dịch ra tiếng Anh có lẽ là *inner self* (nội ngã).

Cái nhìn của con mắt tâm linh không bị giới hạn trong những hiện tượng có tính chất thiên thể<sup>6</sup>. Nó có thể đi sâu vào bản chất của hồn ma. Như vậy nó không thể bị lừa bịp hay bị đánh lạc hướng vì bất cứ thứ trá hình nào. Con mắt tâm linh có thể nhìn thẳng vào linh hồn là cái không có hình dáng và màu sắc, nhưng lại thực sự có thật và rất mãnh liệt.

Linh hồn hùng mạnh tới nỗi người Java gọi nó là *dewa*. Một *dewa* là hình tượng của một sinh vật hùng mạnh, và không biết tại sao từ *dewa* đã được dịch ra tiếng Anh là “god” (thần linh) không viết hoa. Thực ra, gốc của *dewa* là từ *jiwa* nghĩa là linh hồn. Vậy một *dewa* là một linh hồn đã phát triển thành một thực thể tâm

---

<sup>6</sup> astral phenomen. Điều tác giả muốn nói là thế giới của hồn ma

linh toàn diện, như đề cập trên kia.

Khi ai đó được thoát nạn mà xem phải chết, người Java nói *Oh, selamat margo isih di ayomi dewa-ne*, nghĩa là người đó được cứu thoát, vì được dewa mình che chở. Dewa dùng ở đây nghĩa là jiwa hay linh hồn, chứ không là thần linh của đa thần giáo.

*Jiwa* rất hùng mạnh, vì một jiwa phát triển thành một thực thể toàn diện thì thường xuyên giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế. Trên thực tế, một jiwa như vậy đã trở thành một với Ánh Sáng của Thượng Đế. Người Java gọi cái trạng thái tâm linh đó là *manunggaling kawulo lan Gusti*, có nghĩa là sự kết hợp giữa người hầu (con người) và Thượng Đế. Khi kết hợp với Ánh Sáng của Thượng Đế, một jiwa có thể trải rộng ra ngoài giới hạn của mình. Thậm chí nó còn có thể trải ra rộng hơn toàn thể bầu trời, vì Ánh Sáng của Thượng Đế có khắp nơi và bao bọc mọi vật.

Truyện *wayang* (kịch bóng múa rối của Java) kể lại là khi lần đầu gặp nội ngã mình, Bima đã ngạc nhiên trông thấy một sinh vật giống y hệt bản thân mình, nhưng rất nhỏ bé - chỉ bằng ngón tay cái. Sinh vật đó tự nhận mình với Bima là *Dewa Ruci*, nghĩa là một người lùn *dewa*. Dewa Ruci bảo anh chàng Bima cao lớn đi vào lỗ tai mình. Tất nhiên Bima rất lúng túng. Làm sao một người là khổng lồ như mình có thể đi vào lỗ tai của một kẻ lùn mà toàn thân không lớn hơn ngón tay cái của mình? Dewa Ruci dùng cái uy quyền rất lớn của mình hạ lệnh cho Bima cứ việc tự nhiên nhảy vào lỗ tai mình. Bima tuân lệnh và nhận thấy lỗ tai Dewa Ruci lớn hơn toàn thể bầu trời.

Vì có nhiều *dewas* trong *wayang* hay kịch bóng múa rối của người Java, nên thiên hạ nghĩ rằng văn hóa *wayang* là lối thờ cúng hay tôn giáo đa thần. Trong khi đó thì trên thực tế *dewa* nghĩa là *jiwa* hay một linh hồn rất hùng mạnh đã phát triển hoàn toàn. Một jiwa có thể co rút lại thành một thứ rất nhỏ bé, cũng như nở rộng để bao lấy bầu trời. Jiwa không trông thấy một vật thể nào

đó bằng cách nhìn hay ngắm từ bên ngoài, nhưng bằng cách bao lấy toàn bộ vật thể.

## Nogosora ông vua của các Kris

Xưa kia ở Java các *kris* đóng một vai trò quan trọng. Một người Java thiếu kris không thể được coi là một con người toàn diện. Đối với người đó một kris là khí giới, là thuộc tính và nguồn gốc của phép thần thông. Một kris là một kim loại sắc bén như dao găm, nhưng có nhiều hình dáng mỹ thuật khác nhau.

Nói chung thì hình dáng của nó có thể chia thành hai loại, loại *kris* thẳng và loại kris lưỡi cong. Tuy nhiên, ngay cả loại thẳng cũng không hoàn toàn thẳng tắp như một dao găm của Tây phương, mà có hình dáng đẹp đẽ theo mỹ thuật, với cái mũi cong xuống trong một thái độ khiêm tốn sẵn sàng phục vụ chủ nhân mình.

Loại cong có thể có 1, 3, 5, 7, 9, 11, 13 cho tới 35 những chỗ cong trên lưỡi hay nhiều hơn. Phần nhiều các kris đều có những chỗ cong trên lưỡi là số lẻ. Ta phải tránh xa những kris có chỗ cong trên lưỡi là số chẵn. Chỉ một người có tâm linh kiên định mới có thể sử dụng loại kris đó.



Một kris có những chỗ cong trên lưỡi là số chẵn được coi là ngoại lệ, bởi nếu là số chẵn thì phần cuối phải hướng lên phía trên thay vì phía dưới. Loại kris đó sẽ không tự đặt mình vào một tư thế khiêm tốn mà là ngạo mạn. Trong ngôn ngữ Java những kris đó được gọi là Ladhak, và phần đông thiên hạ sẽ tránh xa nó, vì nó sẽ lôi cuốn vào cư ngụ nơi nó một linh hồn can đảm nhưng thiếu thận trọng, dễ nổi nóng và ngạo mạn.

Tôi nghiệm được một điều kì thú liên quan tới Adipati Haryo Penangsang. Năm 1979 tôi đến thăm anh Sudomo, một người bạn cũ, hồi đó là Bupati của Kabupaten của Demak, một thành phố thuộc vùng biển phía bắc của miền Trung Java. Kabupaten của Demak nổi tiếng, vì đã từng là dinh thự của Raden Ajeng Kartini (1879-1904), một bà công chúa Java có công lao là người tiên phong của phong trào giải phóng phụ nữ ở Java và Indonesia.

Anh bạn Sudomo dẫn tôi đi coi đại giáo đường Mesjid Agung lừng danh được *Chín vị Walis* của Java xây cất trong thế kỉ 15. Có hai vật rất đáng chú ý trong giáo đường. Vật thứ nhất là hai cánh cửa do sự đóng góp của Ki Ageng Selo, trên đó khắc những nét vẽ về Gandrik hay Thần Sấm Sét. Vật thứ hai là cái *soko guru* (cột chính) do sự đóng góp của Sunan Kalijogo. Khi giáo đường đang được xây cất, Sunan Kalijogo có nhiệm vụ đóng góp một *soko guru*. Ông làm việc đó trễ, nên tới ngày trước lúc đáng lí 4 *soko guru* phải được dựng lên, ông vẫn chưa có cái nào. Tuy nhiên, ban đêm Sunan Kalijogo đã có thể làm được một *soko guru* bằng cách dùng những tatal (mảnh gỗ nhỏ). Ông không hề dùng keo hồ và đinh ốc. Điều kì diệu là cái *soko guru* đó hiện nay vẫn còn đứng vững, tuy nó được ráp nối nhiều thế kỉ trước đó.

Sau đó tôi đi với Sudomo tới Nghĩa Trang Kadilangu thăm mộ của Sunan Kalijogo, để tỏ lòng tôn kính. Trong khi đang đi tới mộ, tôi để ý thấy một mớ cỏ đơn sơ với một khu vườn khá rộng lớn được một hàng rào tre bao quanh. Khu đất của vườn sạch sẽ một cách quá kĩ càng. Tôi không thấy một cọng lá khô héo nào trên

cỏ màu xanh rêu bao phủ nó. Có một thân cây lớn đứng trong vườn, nhưng lá rụng xuống thì hoàn toàn không có. Tôi nhận xét với Sudomo rằng người coi mộ phải là một người rất siêng năng, khiến khu vườn được giữ sạch như vậy.

“Không đâu”, Sudomo kêu lên. “Không ai dám làm sạch cái mộ này. Bất cứ ai làm điều đó sẽ bị Haryo Penangsang đánh. Đó là mộ của Adipati Haryo Penangsang. Chính ông là người giữ cho khu vườn được sạch.”

Nghe thấy Sudomo giải thích như vậy, tôi ngạc nhiên. Khi thăm xong mộ của Sunan Kalijogo, tôi tách mình khỏi đám người đi chung, để đứng trong một lúc gần hàng rào quanh mộ của Haryo Penangsang. Một luồng gió mạnh thổi tới, và tôi thấy lá rụng khỏi cây, nhưng không rơi xuống khu vườn của mộ. Nó được cuốn ra chỗ khác và rơi xuống ngoài hàng rào.

Lưỡi một cái kris được làm bằng nhiều lớp kim loại mà lớp đầu là một kim loại bóng loáng màu trắng được gọi là pamor. Người ta lấy pamor từ những đá trời. Pamor của một cái kris được hỗn hợp pha trộn thành nhiều kiểu mẫu khác nhau. Thí dụ như kiểu melati renonce nghĩa là một vòng hoa nhài, kiểu pager gunung nghĩa là một hàng rào núi, udan mas nghĩa là mưa vàng và blarak sineret nghĩa là một dây lá dừa. Người ta biết được là một cái kris với một blarak sineret có thể tạo phép thần thông, trong khi vẫn còn nằm trong bao.

Những bậc thầy luyện kris được gọi là *empu*. Xưa kia họ không những chỉ phát triển thuật đó thành một kĩ năng tinh vi mà cũng là những người có phép thần thông. Trong tay họ những kim loại như sắt, thép và pamor có thể được uốn cong và nặn thành những hình dáng khác nhau theo ý muốn, như đó là chất sáp mềm mại. Nhiều cái kris hùng mạnh vẫn còn dấu những ngón tay sâu lõm trên lưỡi, nơi các *empu* chỉ dùng ngón tay để ép những kim loại nóng bỏng. Tôi tình cờ được thừa hưởng một thứ như vậy được

gọi là Kyahi Pajang.

Những kris và cây lao cổ xưa được các empu làm theo một lễ lối rất đặc biệt. Cái khả năng làm những vũ khí linh thiêng hình như là sự thừa hưởng của một vài gia đình từ thế hệ này qua thế hệ khác. Trở thành một empu là điều không chỉ tùy thuộc ở những năm tháng học nghề, mà quan trọng hơn hết là ở những năng khiếu tâm linh được thừa hưởng. Những năng khiếu tâm linh phải được triển khai qua những năm tháng khổ hạnh, trong khi kĩ năng thì đạt được qua những năm tháng học nghề dài lâu.

Sau một lúc vắng bóng dài lâu, một thế hệ mới gồm những con cháu của các *empu* lại xuất hiện ở Java mở những tiệm sửa xe hơi. Những cửa tiệm của họ được gọi là những tiệm thần diệu sửa xe. Chính tôi đã đến đó thử nhiều lần. Những chỗ lõm trên chiếc xe của tôi có thể được sửa lại trong một thời gian ngắn. Đi ra khỏi tiệm đó, ta nhận thấy thân xe lấy lại được những đường nét bằng phẳng ban đầu, như đó là một chiếc xe mới, và một chiếc xe bị nát bầy thì trông như không có gì hết. Tuy có thể làm cho những chỗ lõm trở lại tình trạng nguyên lành, nhưng họ không sơn hay hàn lại là việc làm đòi hỏi những dụng cụ không là bàn tay của họ.

Điều thú vị là cái cán bằng gỗ của cây lao mà một empu làm thì sẽ không bị côn trùng làm hư hại trong nhiều thế kỉ, miễn là lao còn được gắn trên cán. Tuy nhiên ngay khi lao được lấy ra, thì chẳng bao lâu cây cán bằng gỗ bị côn trùng làm hư hại.

Một cái *kris* hay cây lao hùng mạnh có nội dung là một linh hồn hùng mạnh. Một người nhạy cảm có thể dễ dàng cảm thấy sự rung động của linh hồn đó phát ra từ thứ vũ khí linh thiêng. Thứ vũ khí không có một linh hồn chỉ là kim loại lạnh ngắt như chết. Ta có thể cảm thấy một sự rung động tương tự phát ra từ những ngọn cờ, cây dù và những vật gia bảo linh thiêng khác. Như trường hợp của một *kris* và cây lao, một ngọn cờ hay cây dù với một linh hồn cũng sẽ không bị côn trùng làm hư hại trong nhiều thế kỉ và màu sắc của

nó sẽ tươi tốt như còn mới.

Người Java trọng vọng và tôn kính những vật gia bảo đó và thường cúng dâng cho nó, vì những linh hồn cư ngụ trong đó có thể là những nhân vật hùng mạnh trong lúc còn sống như những vị anh hùng, hay ngay cả những ông vua và bà hoàng. Do đó mà những vật gia bảo đó trở nên hùng mạnh, che chở cho những kẻ mang nó không bị hiểm nguy, giúp họ được thăng quan tiến chức, khiến họ không bị khí giới làm hại, khiến họ trở nên dũng cảm và tin tưởng khi chiến đấu. Một số vật gia bảo hùng mạnh nhất còn được coi là then chốt trong việc chiếm lấy ngôi vua. Xưa kia nhiều chiến trận đã xảy ra để chiếm đoạt những vật gia bảo đó.

Tất nhiên cũng có những vật gia bảo là nơi cư ngụ của những hồn ma xấu, và điều này có thể khiến chủ nhân của nó bị nhiều phiền phức và xui xẻo. Một kẻ tầm thường không đủ tư cách nhận biết được nội dung tâm linh của một vật gia bảo. Thế nên, ai không biết gì nhiều về việc đó thì không nên sở hữu một vật như vậy.

Một vật gia bảo tốt và hùng mạnh có thể không muốn phục vụ và giúp đỡ một chủ nhân không xứng đáng. Tuy nhiên, vật gia bảo đó có thể tạo nhiều vấn đề cho chủ nhân của nó, nếu họ muốn giữ nó. Nó có thể lựa chọn nơi nào và người nào mà nó muốn là chủ nhân, và có thể tự tìm lấy con đường đến tay người đó.

Năm 1967 khi đang nằm nghỉ trên một chiếc xôfa, khoảng 3 giờ sáng, tôi chợt trông thấy hai cục ánh sáng, mỗi cục lớn như mặt trăng mà ta trông thấy từ trái đất. Những vật sáng đó đến gần tôi. Khi đến trước mặt tôi, chúng cúi mình để tỏ lòng tôn kính, và khi làm như vậy, hình dạng chúng biến thành hai cái *kris*. Tôi hiểu được đó là hai cái *kris* của gia đình mình.

Sáng hôm sau tôi đến nhà bố mẹ mình ở thành phố (hồi đó tôi ở vùng ngoại ô phía nam của Jakarta, và bố mẹ tôi có nhà cửa riêng của họ ở thành phố). Tôi kể lại cho ba tôi hay những gì mình

nghiệm thấy, và ông nhận thức được nó có ý nghĩa gì.

“Con có thể có hai cái *kris*. Hiển nhiên cả hai muốn gần gũi con. Cứ lấy hết. Tất cả nằm trong tủ trong phòng ngủ của ba. Nhưng một cái đã biến mất, và không ai thấy nó trong bao trong nhiều năm,” ba tôi nói.

Tôi đi vào phòng ngủ của ông, mở tủ và thấy cả hai cái *kris* nằm yên ổn trong bao. Tôi đưa hai cái *kris* cho ba tôi coi.

“Ừa, Kyahi Pajang đã trở về. Vậy nó thực sự muốn gần gũi con,” ông la lên.

Một cái *kris* có sự sống có thể biến mất và tự ý đi đây đó.

Tuy tôi vẫn còn một ông anh còn sống, nhưng ba tôi tặng vật gia bảo đó cho tôi một cách không do dự, vì tôi là người đã nhận được *pulung* hay ánh sáng. Vì cảm thấy Jakarta, thủ đô của Indonesia, không là nơi chốn thích hợp cho những vật gia bảo, nên sau đó tôi đem tất cả đến nhà mẹ tôi ở thôn quê tại Wonoroto, miền Trung Java.

Một đêm trong năm 1983, tôi đến thăm ông cụ. Vì hôm đó là ngày thứ sáu *Kliwon*, một ngày đặc biệt ở Java trong đó các vật gia bảo được tắm gội, xoa dầu và đem cúng dâng bông hoa và hương trầm, nên tôi đem theo mình cây Kyahi Pajang để nó có thể tham dự buổi lễ.

Khi tôi đến thì đã trên bàn đã đặt nhiều vật gia bảo của những gia đình chung tiền làm buổi lễ. Suốt đêm một cơn mưa lớn đã đổ xuống. Khoảng 3 giờ sáng chỉ tôi và ông cụ là vẫn còn thức.

Mắt nhắm, cụ nằm nghỉ trên một chiếc ghế dài, và tôi thì ngồi trên một chiếc khác phía bên kia một cái bàn gần nơi cụ. Chợt nhiên cụ đứng dậy, đi vòng quanh bàn và lấy lên một cây *kris*. Vì

căn phòng chỉ có một chiếc đèn dầu duy nhất, nên tôi không thể trông thấy cây *kris* nào cụ đang cầm với tay phải. Phân biệt được cái nào là cái nào lại càng khó hơn nữa, vì tất cả đều nằm trần truồng trên bàn mà không có bao.

Khi đang cầm một cây *kris* với tay phải, cụ nói: “Tôi thấy một luồng sáng chớp liên tục từ cây *kris* này.”

Tôi đứng dậy và đến gần để coi đó là cây *kris* nào. Đó là cây *Kyahi Pajang*. Sau khi cầm cây *kris* trong một lúc với dáng vẻ trầm mặc, cụ đặt nó lại lên bàn và trở về chiếc ghế bằng tre. Tôi cũng ngồi xuống. Một cách thật chậm chạp, tôi hỏi hiện tượng đó nghĩa là gì.

“Nghĩa là cây *kris* đó có *wahayu kedaton*.” cụ nói.

*Wahayu kedaton* nghĩa là cái quyền lực tâm linh của một lâu đài hay ngôi vua. Nghe nói điều đó, tôi ngạc nhiên và bàng hoàng. Tôi không thể tin những gì cụ nói, và nghĩ cụ chỉ muốn đùa cợt với mình. Cụ có vẻ như không quan tâm tới phản ứng của tôi, và nằm xuống trên chiếc ghế bằng tre. Những giờ phút thật ngắn còn lại, tôi không thể ngủ và suy nghĩ về *wahayu kedaton*.

Một *wahayu kedaton* là một ánh sáng có sức sống và ý chí của nó. Nó có thể nhập vào một vật gia bảo và lại đi khỏi nơi đó, nếu hoàn cảnh không còn được thuận tiện. Có thể là nó đã nhập vào cây *Kyahi Pajang*, sau khi đi khỏi lâu đài của *Surokartohadiningrat* vừa mới bị cháy? Tôi không thể quên những gì ông cụ đã nói, và quyết định chờ đợi có thêm bằng chứng. Tôi cáo từ ngay lúc bình minh, để về nhà trên chiếc xe ngựa của mình.

*Kyahi Pajang* là một cây *kris* lớn. Nó có 5 chỗ cong, khiến nó thành một *Pendowo Limo Kris* (*Pendowo Limo* nghĩa là 5 anh em *Pendowo* trong kịch bóng múa rối của Java). Lưỡi của nó có vết lõm thuộc ngón tay của kẻ làm ra nó, *Empu Supo*. Bao của nó được làm bằng loại gỗ cứng *timoho* được gọi là *timoho macan gembong*,

loại gỗ *timoho* có màu sắc một con cạp thuộc xứ Bengale.

Xưa kia người *empu* hay bậc thầy luyện *kris* rất thận trọng lựa chọn loại gỗ cho bao một cây *kris*. Họ thường vào rừng kiếm một cây *timoho* toát ra một vẻ đặc biệt trong một vài đêm.

Tôi chẳng cần phải đợi lâu để có thêm bằng chứng về Kyahi Pajang. Một buổi sáng nọ, nhiều tuần sau khi trở về nhà mình ở Jakarta, tôi cảm thấy một sự rung động mãnh liệt bao lấy thân mình. Tôi đang ngồi trên một chiếc sofa và chỉ việc cho phép sự rung động đó tiếp tục tỏa ra bên trong mình. Điều nghiệm thấy đó kéo dài 4 tiếng đồng hồ, từ 8 giờ sáng cho tới 12 giờ trưa. Cậu con trai Prio Handoyo của tôi điện thoại cho tôi từ phòng làm việc và nói rằng có một người từ miền Trung Java muốn cho tôi xem một cây *kris*. Tôi hỏi chính ông ấy đã xem qua chưa; cậu con trai tôi nói là chưa và ông ấy muốn cho chính tôi xem qua, vì ông chẳng hiểu chút gì hết.

Người đó đến nhà tôi và đưa cho tôi coi cây *kris*. Hình như ông vừa đến với chuyến xe lửa ban đêm từ miền Trung Java. Tôi chưa từng gặp ông trước đây. Tôi rất ngạc nhiên, vì khoảng 12 giờ khuya trước đó, trong lúc đi ra ngoài dạo mát, thị lực tâm linh của tôi đã cho mình thấy chính cây *kris* đó. Tuy nhiên sáng hôm sau tôi đã quên hết tất cả.

Khi rút cây *kris* ra khỏi bao, tôi rất lấy làm say mê vì vẻ đẹp của nó. Quả thực là một kiệt tác. Bao và chuôi được làm bằng ngà và vàng, được khảm kim cương. Lưỡi có 13 chỗ cong. Được khắc chạm trên lưỡi là hình một con rồng đội mũ miện bao gồm 24 cara vàng. Đó là cây *kris* Nogososro lưng danh: *nogo* nghĩa là rồng và *sosro* nghĩa là một ngàn. Nogososro là cây *kris* của Một Ngàn Con Rồng. Đó là một cây *kris* mà quyền lực tâm linh ngang ngửa với quyền lực tâm linh của một ngàn con rồng. Xưa kia nhiều trận đánh đã xảy ra để đoạt vật gia bảo hùng mạnh đó.

Hồi đó tôi không có một đồng bạc nào trong túi. Tuy nhiên, tôi tin tưởng rằng nếu thực sự muốn được gần cận mình, thì vật gia bảo vĩ đại đó sẽ kiếm được cách khiến cho được như vậy. Tôi nói với người đem nó đến rằng mình đã nhận được một chỉ dẫn là nó muốn được gần cận mình. Nhưng tôi phải chờ đợi một chỉ dẫn xác thực hơn, đó là tới ngày thứ năm-*Wage*, trước ngày thứ sáu-*Kliwon*.

Cách tốt nhất nhận một vật gia bảo là lúc ngày thứ sáu của tuần lễ 7 ngày trùng hợp với *Kliwon* của âm lịch Java. Tôi nghĩ rằng ngay lúc đó hay trước đó mà mình có của hồi môn bằng vàng, thì chắc chắn là cây *kris* sẽ thực sự muốn được gần gũi mình. Điều này hiển nhiên là vậy, vì hồi đó tôi không có đồng xu nào và không có lợi tức trong 8 năm và 10 tháng.

Những vật gia bảo linh thiêng không phải là thứ để mua bán. Nhưng ta phải có của hồi môn như trường hợp hồi môn cho cô dâu. Người tặng cây *kris* không cần phải đòi hỏi mình muốn bao nhiêu vàng, và người nhận phải sòng phẳng, lương thiện và chân thành trong việc trao hồi môn. Nếu không làm được như vậy thì hậu quả sẽ là vận xui.

Thứ sáu-*Kiwon* kế tiếp của tháng *Suro* chỉ cách có 5 ngày. Quả thực 2 ngày trước thứ sáu-*Kiwon* tôi được một vận may bất ngờ. Điều này khiến tôi có đủ thời gian đến miền Trung Java để đem của hồi môn đến cho cây *kris*, rồi đến nhà mẹ tôi tại thôn quê Wonoroto. Tôi đến đó buổi sáng ngày Thứ Năm-*Wage* để kịp thời làm lễ mừng đón rước cái kris vĩ đại đó vào ngày Thứ Sáu-*Kliwon*.

Theo âm lịch ngày giờ thay đổi vào khoảng 4 giờ chiều, và theo dương lịch thì vào lúc nửa đêm. Như vậy Thứ Năm-*Wage* lúc 4 giờ chiều, ngày giờ đã thay đổi thành Thứ Sáu-*Kliwon*. Thứ Sáu-*Kliwon* trong tháng *Suro* (tháng đầu của lịch Java) là lúc tốt nhất để có một *selematan* cho việc đón rước một vật gia bảo vĩ đại.



Sau khi lấy được cây *Nogososro kris* độ một vài tháng, tôi nhận diện được nội dung của nó. Đó là Con Rồng Vĩ Đại mà tôi thấy ở Jogjakarta trong năm 1946, khi được 16 tuổi. Một buổi tối hồi đó tôi ngồi trên một chiếc ghế dài bằng tre tại cổng nhà. Có một cơn mưa rất lớn. Chợt nhiên mưa tạnh và ngay lúc đó tôi thấy một ánh sáng chuyển động phía trước mình gần đỉnh những thân cây. Đó là một ánh sáng dài, lớn như ánh sáng chiếu lên trời để kiểm máy bay. Tuy nhiên, nó không chuyển động theo đường thẳng, mà theo hình chữ chi như một con rắn, tạo nên một âm thanh như huyết gió. Đó là hồn của Con Rồng Vĩ Đại, tức *Nogososro* hay Một Ngàn Con Rồng.

Sau khi hồn của Con Rồng Vĩ Đại đi qua, một ánh sáng khác từ trên trời đến xuống trước mặt tôi. Nó lớn như trái dưa và có hình dáng của một trái lê. Nó tỏa một ánh sáng màu xanh nhạt chói rực. Đó là hồn của *Sabuk Inten Vĩ Đại* hay *Dây Đại Kim Cương*. Cả hồn của *Nogososro* và *Sabuk Inten* đều cư ngụ trong vật gia bảo vĩ đại đó của Java, vì nó được coi là bí quyết khiến đoạt được ngôi vua, đem đến uy tín và phú quý.

Hồi đó việc tôi không hiểu được ý nghĩa của những ánh sáng đó là một điều may. Nếu không thì tôi đã phải nóng lòng chờ đợi khiến nản chí sự xuất hiện của những vật gia bảo đó, mà không biết là điều đó sẽ chỉ đến khoảng 40 năm sau.

Một hôm ông cụ đến nhà chúng tôi thăm tại thôn quê Wonoroto là quê hương của mẹ tôi. Tôi đem theo cây *kris* *Nogosodro* mà tôi đưa cho cụ coi. Cụ sâu xa trầm tư cầm cây *kris* trong một lúc lâu.

Khi cuối cùng mở mắt ra, cụ nói: “Cây *kris* này có hai linh hồn, đó là *Nogososro Vĩ Đại* và *Sabuk Inten Vĩ Đại*.” Có những loại *kris* khác là *Nogososro* ở Java, nhưng theo chỗ tôi biết (điều này được ông cụ xác nhận một cách vô tư) thì đó chính là cây *kris* có những linh hồn của *Nogososro* và *Sabuk Inten*.

Hai tuần sau khi Kanjeng Kyahi Nogososro (nghĩa là Đức Thày Nogososro) xuất hiện, có độ một chục người đàn bà ở Wonoroto trông thấy một cây *kris* bay thấp tiến tới nơi đó từ hướng tây. Những người đàn bà đó đang đứng trong đám đông tại gian hàng rau cải. Lúc đó vào khoảng 9 giờ sáng.

Mọi người đều xô nhau kêu la *ono keris mabur, ono keris mabur* nghĩa là “một cây *kris* đang bay, một cây *kris* đang bay.”

Sau vụ đó, mọi người trong làng bắt đầu bàn tán. Hồi đó tôi tình cờ ở Wonoroto. Một cái *kris* mà có thể bay trong lúc còn sáng, là điều bất thường. Nó thường bay ban đêm, khi mọi người đã đi ngủ. Nhiều người nói rằng cây *kris* bay thấp ngay trên đỉnh những thân cây. Từ hướng tây là hướng lâu đài của Surokartohadiningrat vừa bị cháy, nó bay về nhà tôi thuộc hướng đông. Người ta không thể trông thấy nó sau khi nó bay qua trường học của làng, vì nó đâm xuống đất. Nhiều người nói rằng đuôi của cây *kris* có một thứ gì như lửa, như lửa đằng sau hỏa tiễn. Sự bất đồng duy nhất là về màu sắc của lửa. Một vài người nữ nói đó là màu đỏ nhạt, trong khi những người khác nói là màu vàng nhạt.

Đêm đó nhiều người nam dùng những ngọn đuốc và đèn pin đi tìm kiếm cây *kris* tại những ruộng lúa khô cạn, đằng sau trường học. Họ không thể tìm thấy nó, vì nó đáp ngay xuống nhà tôi để kết hợp với cây Nogososro. Nogososro là tương tri thuộc phái nữ của nó và có một lưỡi *kris* thẳng theo hình Hoàng Hậu Rồng xòe cánh. Hoàng Hậu Rồng cũng được bọc vàng nguyên chất; thân hình, cánh, đầu, mắt và miệng thì được khảm kim cương. Nó có tên là Nogo Lar Mungo, nghĩa là Con Rồng Xòe Cánh.

Nhiều cái *kris* khác, những cây thương hay loại gia bảo khác, đến tay tôi sau vụ đó. Theo những chuyện xưa kia được truyền khẩu qua nhiều thế hệ, người ta biết có một cây thương đã tự chôn cất dưới mặt đất của Wonoroto. Có những đêm trong đó nơi chôn cất của nó phát ra ánh sáng. Nhiều người đã cố tìm kiếm nó, nhưng

chẳng có kết quả gì. Nhưng nó tự động đi khỏi nơi chôn cất, sau khi Kanjeng Kyahi Nogososro đến Wonoroto. Tên cây thương đó là Kyahi Puger. Cũng có một cái *kris* từ mặt sông đến gần Wonoroto và bơi như con rắn. Tên nó là Kyahi Tunggul Jati. Đó là một cái *kris* với những chỗ cong là số chẵn, tương tự với Setan Kober. Hình như do những chỗ cong là số chẵn đó mà chủ nhân trước đây của nó đã bỏ nó xuống sông.

Theo ông cụ, cây *kris* đó được làm bởi người empu đã làm cây Setan Kober. Nhưng trong khi làm Kyahi Tunggul Jati, người empu đó đã được một vị wali giám sát. Thế nên, cây *kris* không có một linh hồn nóng giận, mà tuy là một linh hồn bình tĩnh và kiên định, nhưng lại rất hùng mạnh. Tất nhiên có nhiều học giả tường tận về nghệ thuật và lịch sử của các *kris*, nhưng những người hiểu được chân tướng của chúng thì không có là bao.

Ông cụ cũng nói rằng chính Hoàng Hậu Bagelen đã nhờ mình trao cây *kris* Kyahi Tunggul Jati cho tôi. Cả Kyahi Puger và Kyahi Tunggul Jati Raden đã được Mas Suryosuwarno tìm thấy và tặng cho tôi. Khi được 126 tuổi và qua đời, ông cụ để lại cho tôi tất cả những gia bảo của ông.

Cũng có một ông lão khác sưu tập những *kris* và cây lao trong 35 năm. Khi cảm thấy mình quá già để có thể trông giữ những gia bảo đó, ông tặng cho tôi tất cả những gì mình có: 154 *kris* và một cây lao. Mỗi cái đều là thứ chính cống, và chính ông cũng là một học gia hay tôn sư về các *kris* và cây lao. Trong bộ sưu tập của ông, tôi nhận diện được một cái *kris* đặc biệt là Ngorojo, nghĩa là Long Vương.

Khi ở Mỹ ngày 20 tháng 3 năm 1983, tôi có một chứng nghiệm trong lúc ngủ tại tư gia ở Virginia. Trong chứng nghiệm đó, linh hồn tôi đến miền Tây Java. Nơi đó tôi vào thăm một *kraton* (lâu đài) Java cổ xưa, lâu đài Mojopahit. Tuy không còn trong thế giới vật chất, nhưng trong thế giới tâm linh lâu đài vẫn còn nguyên đó.

Tôi được một người canh gác lâu đài chào đón. Ông mặc một bộ đồ Java cổ xưa.

Lâu đài là một kiến trúc rất xưa cũ bằng gỗ. Nó có nhiều cánh cửa được khắc chạm, và tôi đi qua tất cả những cánh cửa đó, vì người canh gác có vẻ sợ hãi phải đi vào những chánh điện của lâu đài. Khi tôi đi ra khỏi chỗ cuối của lâu đài, tôi thấy người canh gác đang đợi chờ mình.

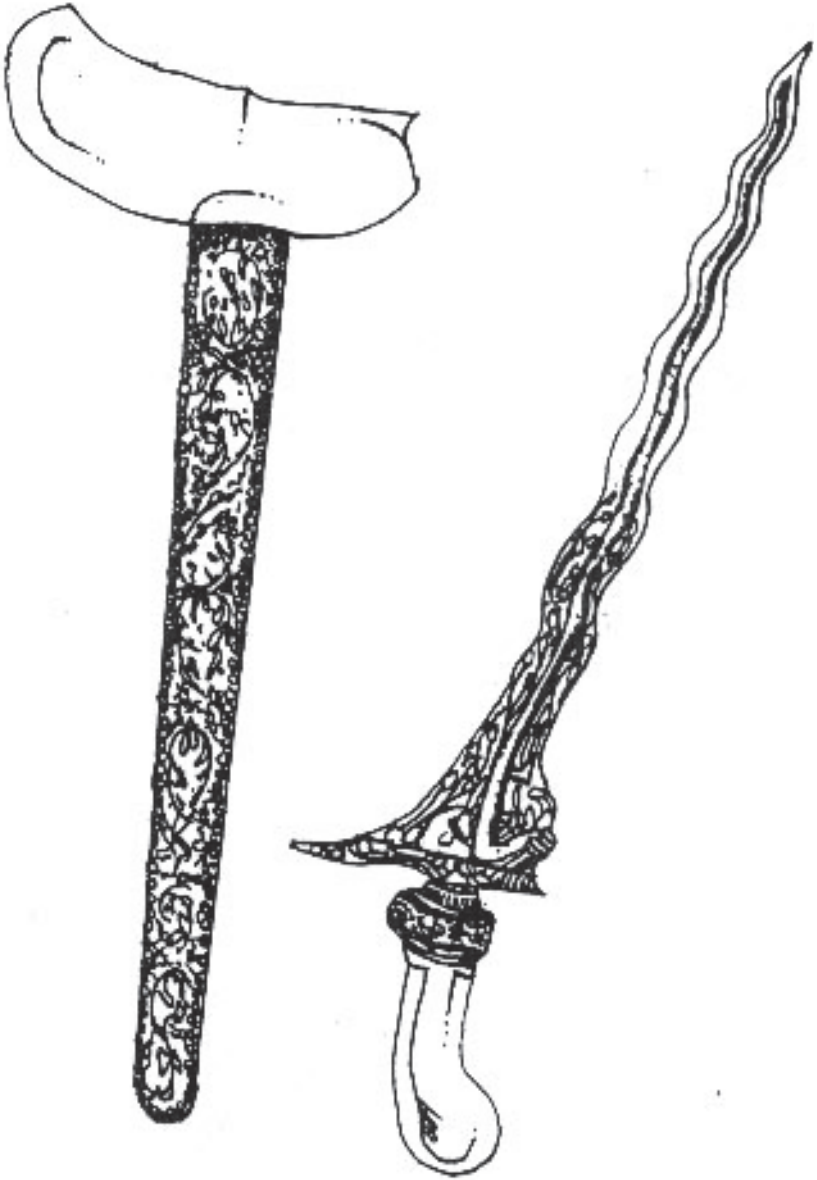
Ông dẫn tôi vào nơi cất vật gia bảo. Tại đó hán ngồi khoanh chân gần cửa ra vào, lưng dựa vào tường, sau khi quỳ lạy những vật gia bảo đặt giữa phòng. Nơi đó có hai vật gia bảo.

Một cái là *kuluk kanigoro*, một loại nón cổ xưa hay mũ miện của Java. Nó được làm bằng nhung xám và đen, với những viền và dải bằng vàng. Nó quá nhỏ đối với đầu tôi, nhưng khi tôi đội nó lên, thì thật vừa vặn.

Vật gia bảo thứ nhì có hình dạng một cái *kris*. Nó có một cái chuôi bằng ngà được khắc chạm theo kiểu cổ xưa của miền Tây Java, màu sắc của nó đã đen tối vì tuổi tác. Đó là cây Nogorojo hay Vương Long, sau này nó đến tay tôi dẫn theo một đạo quân gồm 154 *kris* và một cây lao. Không như cây Nogososro (hay Vạn Long) có 13 chỗ cong, Nogorojo chỉ có 11.

Những *kris* quan trọng khác vào tay tôi từ những nguồn khác là Nogo Pandito, Minh Long; Nogo Singo, Ròng và Sư Tử, Nogo Kingsru, Thủy Long; Singo Mataram, Sư Tử Mataram.

Điều tối quan trọng là có *sombro kris* trong bộ sưu tập. Empu Sombro là một người nữ luyện *kris*. Những cây *kris* của bà trông hơi xấu. Tất nhiên chúng được làm theo hình dáng của một dương vật, nhưng nó bằng phẳng. Những cây *kris* của bà thường rất mỏng, hầu như giấy. Dấu những ngón tay bà thường có thể trông thấy rõ rệt. Những cây *kris* của bà mà người ta gọi là *sombro*, có thể thuần



phục những *kris* hung dữ nhất. Tôi may mắn được hai cây *kris* *sombro* trong nơi chứa vật gia bảo của mình. Thông thường ta khó có được một *kris* hay cây thương chính cống, vì những người có những cái đó lại không muốn xa lìa chúng. Phần nhiều những *kris* kiếm được ngoài chợ chỉ là vật mô phỏng.

Sau khi Kanjeng Kyahi xuất hiện, hàng trăm *kris*, cây lao và vật gia bảo khác tụt ý đến tay tôi. Đó là đạo quân của Nogososro. Hình như trong những năm tháng vắng bóng, Kyahi Pajang đã có những buổi họp và hội nghị với nhiều vật gia bảo ở Java, để huy động chúng hợp lực với mình.

Tôi xin thuật lại hai chứng nghiệm đáng kể, có những kết quả sâu rộng đối với một người Java.

Trong khi lái xe suốt đêm trên con đường từ Denver, Colorado, tới Front Royal, Virginia, một nơi nào đó ở tiểu bang Ohio, vào ngày chủ nhật-*Wage*, ngày mùng 2 tháng 12 năm 1990, tôi cảm thấy sự hiện diện của nhiều linh hồn hùng mạnh. Tôi ý thức được những linh hồn đó đến từ Java. Do sự hiện diện của những linh hồn muốn liên lạc với mình, tôi thấy rất buồn ngủ. Thực ra, tôi đã gục ngủ trên tay đôi ba lần, trước khi kiếm được một trạm xăng, nơi tôi có thể đậu xe.

Tôi nhắm mắt lại. Nơi đó, trong trạng thái tôi nửa tỉnh nửa ngủ, Panembahan Senopati, ông vua khai quốc của triều đại Mataram, đến gặp tôi có hàng ngàn người đi theo. Ông bày tỏ ý kiến quyết liệt về tình hình ở Java. Tuy nhiên những *dawuh* (lời nói) của ông chưa thể tiết lộ được.

## Thờ cúng tổ tiên

Ngoài tín ngưỡng vật linh, sự thờ cúng tổ tiên cũng là một sự kiện hiển nhiên của văn hóa Java. Trẻ em được cho hay là xúc phạm cha mẹ, ông bà và tổ tiên là một tội lỗi trầm trọng, và nếu muốn thành công trong một vụ làm ăn hay ngoài đời thì ta cần phải được sự chúc phước của họ. Thật là tệ hại, nếu bị họ trừ.

Bất cứ ở đâu, ngay cả khi phải đi xa, người Java luôn cố gắng hết mình trở về nhà dự lễ *Lebaran*. *Lebaran* nghĩa là “sau cùng” và là một lễ lớn sau khi trai giới trong tháng Ramadhan. Người Java muốn có mặt ở nhà nhân dịp gia đình được tụ họp, và đó cũng là lúc để dâng cúng bông hoa và cầu nguyện trước mộ của tổ tiên. Trong lúc cầu nguyện họ cũng van xin được chúc phúc trở lại, để đổi diện được cuộc sống trong những năm tới.

*Lebaran* là một ngày rất đặc biệt đối với người Java. Ngày đó mọi người đều mặc những bộ đồ mới đẹp nhất mà mình có. Ngay sau bình minh họ đến giáo đường làm lễ tập thể Idulfitri, rồi đi thăm mộ. Một vài người đã làm điều đó buổi tối trước *Lebaran*.

Nhiều ngày trước *Lebaran*, những người nữ đã làm kẹo bánh và thức ăn cho buổi lễ. Thức ăn đặc biệt cho *Lebaran* được gọi là *ketupat*, gạo nấu trong một đồ đựng làm bằng lá dừa non được kết lại. Sau khi được cắt theo đường chéo, loại bánh đó được cắt thêm một lần nữa thành những miếng nhỏ, và được dọn lên một cái đĩa với đủ loại thức ăn có gia vị.

Sau bữa ăn sáng đó, họ trước tiên đến chào những nhân vật lớn tuổi nhất vẫn còn trong gia đình: ông cố bà cố, ông bà nội ngoại, bố mẹ, cô chú hay bác, anh chị, anh chị con bác vv...Người Java làm cái *sungkem* là việc quỳ xuống hôn lên đầu gối của những người lớn tuổi, để xin họ tha thứ và ban ân phước cho mình. Những người thuộc thế hệ tiền bối rất được tôn kính. Họ nằm nhà có đám hậu bối vây quanh. *Lebaran* cũng là dịp để thiên hạ tặng quà cho những thân nhân được trọng vọng và kính mến, cũng như cho bạn bè.

Ở Java quan hệ giữa người sống và những tổ tiên họ đã qua thế giới bên kia vẫn còn rất gắn bó. Mỗi lần làm *selematan*, họ đều cúng bái tổ tiên. Trước khi ăn uống người sống lấy một chút những phần ngon nhất đặt vào những đĩa nhỏ bé trên một cái bàn đặc biệt để cúng dâng cho tổ tiên. Những đồ cúng dâng còn có thể có thêm một ly trà, một ly cà phê và bông hoa.

Tuy tổ tiên tại thế giới bên kia không còn có thể ăn uống được nữa, nhưng người ta tin rằng họ vẫn còn có thể hưởng thụ được tinh chất và mùi vị thơm ngon của những đồ cúng dâng. Tối thiểu người ta cũng chứng tỏ cho tổ tiên thấy là mình vẫn còn triu mến nhớ tới họ.

Tập tục đó không còn được theo bởi những người có quan điểm mới tại những đô thị lớn và những người Hồi giáo chính thống và Thiên Chúa giáo ở Java. Nhưng nó vẫn còn được nhiều người ở trung tâm Java theo, nơi không những nó được triệt để theo ở thôn quê mà còn ở những thủ đô của nền văn hóa Java, đó là



những *kraton* hay lâu đài của hoàng tộc.

Tuy phần đông linh hồn của các ông vua, bà hoàng và những người khác trong hoàng tộc đã lui về những nơi chốn xa xăm, nhưng một vài người vẫn còn thích sống trong phạm vi những bức tường của lâu đài và chiếm cứ một vài cung điện cũng như những nơi chốn linh thiêng cất vật gia bảo của những *kraton*. Thực ra, hiện tượng này không chỉ xảy ra ở phương Đông, mà cũng có ở phương Tây. Thỉnh thoảng người ta đọc trong báo chí và tạp chí về những hồn ma trong những lâu đài của Tây phương. Nhưng ở Đông phương người ta ý thức được rõ rệt hơn.

Ban đầu tôi không hiểu được tại sao những người thuộc hoàng tộc và người hầu kẻ hạ của họ luôn cúi mình và quỳ xuống, hai tay chắp trước mũi trong một thái độ cung kính, trước khi bước vào một vài cung điện trong lâu đài. Sau này, tôi nhận thức được những cung điện đó là nơi linh thiêng và đã trở thành chốn cư ngụ của những linh hồn quan trọng. Họ đối xử với những linh hồn đó y như khi những linh hồn đó vẫn còn sống trên thế gian này, một cách cung kính và triu mến. Họ không bao giờ bước vào một cung điện như vậy một cách bất cẩn. Trái lại, trước khi bước vào, họ trước hết cung kính xin phép và xin phước lành của những người vô hình chiếm cứ những cung điện đó.

Sự hiểu biết của tôi được mở rộng, khi chính tôi xây cất một cái *pendopo* ở miền Trung Java, bằng cách dùng 4 cái *soko guru* (*soko* nghĩa là cột và *guru* trong cảnh ngữ này nghĩa là chánh yếu và quan trọng nhất; như vậy *soko guru* nghĩa là 4 cột chánh yếu nơi trung tâm cao ốc).

Một *pendopo* là một nhà ở thoáng rộng. Nó có một mái nhà riêng biệt nhưng hoàn toàn không có tường. Trở về nhà từ thế giới bên ngoài, ta phải thấy mình được thư thái trong một *pendopo*. Tại nơi thoáng rộng và trống không đó, ta nên dẹp bỏ tất cả những ảnh hưởng tiêu cực ở thế giới giới bên ngoài. Ta nên dẹp bỏ sân giận,

thất vọng, buồn phiền, những ý nghĩ dơ bẩn, tâm trạng vỡ mộng và bất cứ xúc cảm tiêu cực nào khác, trước khi bước vào những khu dành cho gia đình.

Như vậy, gia đình sẽ được cứu thoát khỏi hậu quả của những ảnh hưởng tiêu cực. Chẳng hạn, ta sẽ không tức giận và đánh đập hay nguyên rủa một người vô tội trong gia đình, vì mình vẫn còn mang sự tức giận đó của thế giới bên ngoài. Xưa kia khi nhiều người vẫn còn đạt được phép thần thông lợi hại, thì sự cố đó có thể có hậu quả. Bị một cú đánh của một người có uy lực tâm linh thì hậu quả có thể là bị chết, và một lời nguyên rủa có thể biến thành một thần chú làm hại nhiều thế hệ.

*Pendopo* cũng được dùng để trịnh trọng tiếp đón khách khứa, làm nơi chốn cho *selematan*, cho lễ cưới hỏi, cho những buổi hội họp hay lễ lạc lớn, những buổi trình diễn khiêu vũ và âm nhạc *gamelan*. Ngoài ra nó còn là chỗ ngồi cho những khách dự cuộc trình diễn *wayang kulit* hay những nhiệm vụ công cộng khác.

Chính bà mẹ kính yêu của tôi, trước khi qua đời, là người đã không ngớt thúc giục tôi xây cất một căn nhà cho bản thân mình. Hồi đó chúng tôi ở trong một căn phòng nhỏ bé chỉ có một giường ngủ do Trung Tâm Tâm Linh Quốc Tế Subud cấp, tại vùng ngoại ô phía Nam của Jakarta. Tôi hoàn toàn bận vì những hoạt động cho Subud, phải đi đến nhiều nơi dưới ánh nắng mặt trời, phải đi thăm những nhóm Subud cũng như những hội viên cô độc. Có một căn nhà cho chính mình là chuyện xa vời không khiến tôi chú ý.

Khi thường xuyên đến thăm làng quê mẹ mình, tôi bắt đầu nhận thức được sự quan trọng của việc có một *wismo* (căn nhà), vì đó là một trong những yêu cầu khiến trở thành một người Java hoàn toàn. Đó là nguyên do khiến mẹ không vui chút nào, khi tôi chưa có một căn nhà của chính mình. Tôi đã không ý thức được những hệ lụy thâm sâu của văn hóa Java, trong khi sống ở Jakarta và đi ra nước ngoài.

Ban đầu tôi chỉ muốn xây cất một nơi trú thân đơn sơ bằng thân cây dừa, với một mái tranh. Tất cả được biến thành 16 cột hình tròn, 4 cột lớn cho *soko guru* (những cột trung tâm) và 12 cột nhỏ cho *soko rowo* (những cột cạnh khu nhà khối giáp với *pendopo*). Tuy nhiên, việc xây cất căn nhà đơn sơ đó đã chưa từng trở thành hiện thực và trong hơn 8 năm trời những cột đó đã bị bỏ hoang trong kho mà làm mồi cho kiến trắng.

Nhưng một hôm có một vật gia bảo quan trọng vào tay tôi dưới hình thù một cây dù linh thiêng. Ban đầu là một chứng nghiệm trong giấc mơ, khi tôi ngủ thiếp đi trong phòng lớn dưới vòm của Trung Tâm Tâm Linh Quốc Tế ở Jakarta. Trong giấc mơ đó, một người đàn ông đến gặp tôi, đưa cho tôi một cây dù linh thiêng. Màu cây dù là xanh lá cây với nhiều viền bằng vàng chung quanh. Ngoài cây dù, người đàn ông đó còn ép vào bàn tay phải tôi một vật tròn hình trái trứng. Nó nhỏ hơn một trái trứng gà, có màu xanh da trời và nâu như màu quả địa cầu. Vật đó được ép mạnh vào bàn tay tôi đến nỗi tôi còn thấy đau khi thức dậy. Tôi nhìn đồng hồ và lúc đó là 3 giờ 45 sáng.

Điều đó xảy ra ngay sau khi tôi nhận được cây *Nogososro kris*. Tôi nhận được vật gia bảo qua ông cụ dưới hình thù một trái trứng màu xanh da trời. Cụ nói với tôi rằng mình đã được một vị tổ tiên của Java triệu đến, một vị ngự trên đỉnh Núi Selamat tại miền Trung Java. Khi đến thì cụ được cho một trái trứng xanh để trao lại cho tôi. Đó đúng là vật tặng cho tôi trong giấc mơ. Dùng phép thần thông *aji-aji sapu angin* của mình, cụ có thể đến đỉnh Núi Selamat gặp một vị tổ tiên và trở về trong vòng vài phút.

Khi tôi hỏi về công dụng của vật gia bảo đó, cụ nói: “Đó là một trái trứng biến thành đá. Có trái trứng này, bất cứ những gì cậu muốn sẽ lẫn mình tới tay cậu.”

Nhiều tuần sau, khi tôi đang trong nhà mình ở Wonoroto, một người đàn ông lái một chiếc xe tải nhỏ đến gặp tôi. Anh mang theo

một cái dù có giấy trang hoàng thật đẹp bao bọc, với một cái giá và hai cây lao làm việc canh gác bên phía trái cây dù. Một cây dù y như vậy đã được tặng cho tôi nhiều tuần trước đó trong lúc ngủ.

Trước khi nhận được chiếc dù, tôi không hiểu tại sao nó lại có thể trở thành một vật gia bảo quan trọng trong lịch sử của Java. Lí luận theo lẽ thường, tôi đi đến kết luận một cây dù được đặt phía trên đầu. Ở Java, đầu là bộ phận quan trọng và linh thiêng nhất của cơ thể. Đó là một sự nhục mạ không tha thứ được, nếu nắm đầu một người khác, nhất là khi người đó có một địa vị cao trong xã hội. Chỉ linh hồn những ông vua và bà hoàng là tổ tiên mới có thể đặt mình ngồi trên những ông vua và bà hoàng hiện thời.

Một chiếc dù có hình dạng như một *wahayu*, một ánh sáng tâm linh che chở và ban ân phước cho những ai nhận được nó.

Panembahan Senopati, vị vua khai quốc của triều đại Mataram, được cha nuôi mình là Vua Hadiwijoyo tặng cho mình cây dù linh thiêng Kanjeng Kyahi Mendung. Quà tặng đó là dấu hiệu ông được nhà vua lựa chọn là người kế ngôi, thay vì người con trai của nhà vua hay một người trực hệ. Người ta nói rằng khi dùng trong lúc nắng, Kanjeng Kyahi Mendung có thể gọi cho hiện lên một bầu trời nhiều mây với không khí mát mẻ.

Nhiều kẻ muốn tranh ngôi vua đã ganh ghét vì món quà đó. Nhiều trận chiến đã xảy ra để đoạt lấy cây dù linh thiêng đó, và có lần Kyahi Mendung của Panembahan Senopati bị một địch thủ hùng cường cướp đoạt. Có một trận chiến đẫm máu và nhiều người phải bỏ mạng, để đoạt nó trở lại.

Không đối thủ nào của Panembahan Senopati trở thành được Vua của Java, vì cây dù linh thiêng có *Wahayu Kedaton* hay quyền năng của ngôi vua nằm trong tay Panembahan Senopati. Điều này có nghĩa là linh hồn tổ tiên các ông vua bà hoàng của Java ủng hộ cho Panembahan Senopati trở thành vua chính thức. Người hùng

mạnh nhất ủng hộ ông là Nữ Hoàng Nam Hải Kanjeng Ratu Kidul, một người cũng trở thành phu nhân tâm linh của ông.

Khi chúng tôi đi xem một cuộc triển lãm những vật gia bảo của các vua chúa, Rukmiwati, nhà tôi, đã kinh sợ khi bà đụng vào với bàn tay một cây dù cổ xưa. Một sự chấn động rất mạnh thoát ra từ đó.

Khi đến nhà tôi sau lúc tôi nhận được cây dù, ông cụ không dám bước vào căn phòng nơi để cây dù. Cụ quỳ trước khung cửa để tỏ lòng tôn kính cây dù. Sau đó cụ nói rằng linh hồn của Ratu Kencono Wungu cư ngụ trong cây dù. Ratu Kencono Wungu là hoàng hậu của đại quốc Mojopahit. Đó là dấu hiệu đầu tiên về tầm quan trọng của chiếc dù.

Dấu hiệu thứ nhì xảy ra, khi một điêu khắc gia có năng khiếu siêu linh đến nhà tôi. Ông tên là Raden Sukocho và ở Muntilan, gần đền Borobudur. Tôi yêu cầu ông xây một cổng ra vào nơi nhà cửa tôi tại Wonoroto. Khi ông xin cho được coi phác họa của nó, tôi mời ông vào phòng cất vật gia bảo là nơi tôi để bức phác họa.

Khi tôi mở cửa, ông chột quỳ xuống tỏ lòng tôn kính chiếc dù và nói: "Ratu Kencono Wungu Nogo" là danh hiệu chiếc dù.

Chiếc dù được một bộ đồ màu vàng bao bọc.

Làm sao ông biết được đó là Ratu Kencono Wungu Nogo, tôi tự hỏi.

Khi tôi hỏi điều đó, ông không trả lời mà tiếp tục quỳ xuống theo tư thế *sembah* (hai tay chắp lại trước mũi)

Ông cứ như vậy khoảng được 35 phút.

Khi ông xong xuôi, tôi mời ông ngồi ngoài hiên uống một tách cà phê. Sau khi ông bình tĩnh hơn, tôi hỏi:

“Ông đã từng thấy cây dù trước đó?”

“Chưa”, ông nói.

“Ông đã từng đến thăm lâu đài của Surokartohadiningrat?” tôi hỏi.

“Chưa”, ông nói.

“Làm sao ông biết được đó là Kyahi Tunggul Nogo?”

“Nhìn tôi đây này” ông nói. “Toàn thân tôi vẫn còn run. Tôi vừa mới biết đó là Kyahi Tunggul Nogo.”

“Ông nói đúng, đó là Kyahi Tunggul Nogo. Nhưng làm sao ông biết được đó là Kyahi Tunggul Nogo bên trong cái bao màu vàng?” tôi hỏi lại một lần nữa.

“Ngay lúc trước khi mất, ông nội tôi kêu mọi người trong gia đình lại. Khi mọi người đã đến, ông nói: “Tất cả hãy chú ý nghe ông nói mà chớ xem! Một điều rất quan trọng sẽ xảy ra nay mai, đó là vật gia bảo của Java, Kyahi Tunggul Nogo, sẽ bay đi khỏi lâu đài. Tuy nhiên, cho đến nay ông cũng không biết được nó sẽ đi về đâu.”

“Một ông chú của tôi, một người suốt đời sống độc thân và ẩn dật, cũng nói một điều y hệt như vậy trước khi ông mất, ngoài ra ông còn nói thêm: Nếu những gì tôi nói không đúng, thì cứ việc đào mộ tôi lên.”

“Tôi cảm tạ Thượng Đế đã cho phép mình chứng kiến điều này

trước khi qua đời,” ông nói.

Một chứng nghiệm tâm linh khác xác nhận với tôi sự quan trọng của chiếc dù linh thiêng ở Java là một chứng nghiệm trong giấc mơ mà tôi có ban đêm, lúc Đức Vua Sri Sultan Hamengku Buwono IX mất ngày mùng hai tháng 10 năm 1988.

Trong giấc mơ đó tôi trông thấy hai chiếc *songsong gilap* (dù bằng vàng giống nhau) mỗi cái đều có viền màu xanh da trời và đứng cạnh nhau trên giá. Chợt nhiên một chiếc dù ngã xuống từ cái giá của nó. Ngày hôm sau Đức Vua Sri Sultan Hamengku Buwono IX qua đời. Chứng nghiệm trong giấc mơ đó cũng cho tôi thấy là Đức Vua Sri Sultan Hamengku Buwono IX đã nhận được *Wahyu Kedaton* và giữ được nó cho tới cuối đời mình.

Không như Kanjeng Kyahi Mendung và *songsong gilap* là những chiếc có một lớp, chiếc dù của tôi, Kanjeng Kyahi Tunggul Nogo, gồm ba lớp. Chiếc dù đó không được dùng để che đầu chống cơn nắng hay cơn mưa, mà thường được đặt trong *pendopo* theo nghi lễ.

Lâu đài Surokartohadiningrat bị thiêu hủy. Sau biến cố khiến xúc động đó, nhiều vật gia bảo đã đi ra ngoài lâu đài. Thậm chí một vài cái đã ra đi trước khi lâu đài bốc cháy.

Nữ Hoàng Nam Hải Kanjeng Ratu Kidul được gọi là phu nhân tâm linh của Panembahan Senopati, ông vua lập ra triều đại Mataram. Lâu đài vô hình của ông nằm giữa Biển Indonesia phía nam Java. Bà và những linh hồn hùng mạnh khác ở Java vẫn còn đóng một vai trò quan trọng trong những chính sách của đất nước. Hình như trong thế giới huyền bí của Java các tổ tiên vẫn còn giám sát tình trạng hạnh phúc của đất nước. Họ liên kết lại thành một hội đồng.

Các lãnh tụ của những nhóm thần bí ở Java luôn thiết tha mong biết được kết quả những buổi họp thường niên của hội đồng trong

đó có những quyết định về chính trị, kể cả những việc thay đổi nhân sự trong giới nắm quyền hành pháp cao cấp nhất của chính phủ Indonesia, một điều thường xảy ra trong tháng Suro của Java.

Trong những giờ phút ngắn ngủi của Thứ Năm-Kiwon, khi còn ở Wonoroto, tôi thấy một hiện ảnh như xi-nê vào khoảng 3 giờ sáng. Nó bắt đầu lúc tôi ngủ. Nhưng khi tôi thức dậy, xi-nê vẫn còn chiếu. Khi tôi ngủ trở lại, nó vẫn còn đó. Tôi thức dậy, ngủ lại, thức dậy, ngủ lại, như vậy 5 lần, và cảnh phim vẫn còn được diễn mà không bị gián đoạn. Điều này tình cờ là hiện ảnh về tương lai của Indonesia mà tôi không muốn tiết lộ vì những lí do có thể hiểu được.

Vì liên quan tới Đức Vua Sri Sultan Hamengku Buwono IX, nên khi đến Jakarta, tôi xin được yết kiến ông. Chúng tôi gặp nhau, và tôi kể cho ông hay về chứng nghiệm của mình. Ông có vẻ như không lấy làm ngạc nhiên. Trái lại, ông còn xác nhận điều đó.

Ông nói rằng mình vừa mới trở về từ Jakarta. Trong khi ông còn tại đó thì có một người được ông nội mình gọi tới là Panembahan Senopati, vị vua khai quốc của triều đại Panembahan Senopati. Người đó không đến để gặp Panembahan Senopati, khi được gọi lần thứ nhất và thứ nhì, vì ông sợ đi vào mộ của Panembahan Senopati mà không được phép của nhà vua.

Nhưng khi được kêu gọi lần thứ ba, ông đến xin phép nhà vua cho mình vào mộ của Panembahan Senopati.

Ông được phép và đi vào mộ. Nơi đó ông gặp 3 nhân vật: Panembahan Senopati, Kanjeng Ratu Kidul và phụ thân của Panembahan Senopati là Ageng Pemanahan.

Panembahan Senopati chỉ thị ông cho truyền một thông điệp cho nhà vua về những gì sắp xảy ra ở Indonesia và việc nhà vua nên ứng xử như thế nào. Thông điệp đó tương tự những gì tôi



thấy trong chứng nghiệm của mình.

Nhân dịp này nhà vua kể lại cho tôi về những điều ông đã trải qua trong năm 1939, khi ông Adam, viên thống sứ đại diện cho chính phủ Hà lan, ép buộc ông phải kí kết một khế ước trao lại hầu hết những quyền hành chính trị của mình cho chính phủ Hà Lan. Nhà vua từ chối làm việc đó và những cuộc đàm phán bị bế tắc khoảng 3 tháng. Thống sứ Adan hăm dọa mình sẽ chọn một người khác làm Vua Jakarta. Nhà vua không chịu kí kết và thách thức viên thống sứ cứ việc chọn một người khác.

Nhưng một buổi chiều nọ trong khi ông nửa tỉnh nửa ngủ, Panembahan Senopati đến thì thầm nói: “Con đừng lo. Cứ việc kí vào khế ước đó. Người Hà Lan sắp phải rời khỏi đất nước con.”

Nhận được thông điệp đó, nhà vua liền kí kết vào khế ước mà không đọc qua. Thực vậy, chẳng bao lâu sau đó, người Nhật đến Indonesia và người Hà lan phải bỏ chạy. Những kẻ không trốn chạy thì bị bắt và giết chết, hoặc bị nhốt trong những trại tập trung.

Linh hồn những vật gia bảo của vua chúa đòi hỏi tôi phải xây một căn nhà với một *pendopo* thích đáng cho họ ở. Tôi vui mừng làm điều đó, miễn là họ cung cấp tài chánh cho mình. Điều này thì họ nhanh chóng làm.

Vận may của tôi lập tức trở nên khá hơn, sau khi tôi nhận được cây Kanjeng Kyahi Tunggul Nogo, Kanjeng Nogososro và Sabukinten (Kanjeng Kyahi nghĩa là Chúa Tế và Tôn Sư). Người ta giới thiệu tôi với một nhà doanh nghiệp Indonesia, một người thấy mình có thể được lợi lộc nếu hợp tác với tôi. Vận may ông lập tức trở nên khá hơn, và ông là công cụ cấp cho tôi nguồn tài chánh để xây cất một *pendopo* và một căn nhà cho những vật gia bảo.

Tôi quyết định xây cất một căn nhà theo kiểu cổ truyền của Java, và lưu tâm đến những công thức và sự thông suốt tâm linh của

người Java. Khu vuông phía trong của một *pendopo* được chống đỡ bởi 4 cột chánh được gọi là *soko guru*. Khu vuông tiếp theo chung quanh được chống đỡ bởi 12 cột được gọi là *soko rowo*. Khu vuông tiếp theo hay thứ ba chung quanh được chống đỡ bởi 20 cột được gọi là *soko pengarak*. Một *pendopo* với 3 lớp khu vuông tổng cộng có 36 cột thì được gọi là một *pendopo agung* (vĩ đại) *proboyekso*, và đó là cái *pendopo* mà tôi có ý định xây cất.

Vì hiện nay những cột lớn và dài khó kiếm, nên anh Wiryam mà tôi giao cho trách nhiệm xây cất, đề nghị tôi chỉ việc mua một căn nhà cũ với một *soko guru* to lớn. Vị trí căn nhà được mua phải nằm nơi phía bắc căn nhà mới sẽ được xây cất. Những vật liệu xây cất thuộc căn nhà cũ như vậy sẽ được đem về hướng nam. Đem nhà về hướng bắc thì trái ngược với cái hướng thông thường của *Nogobumi*, con Địa Long, và điều này thật tai hại.

Có điều này là một căn nhà cũ được bán với một *soko guru* to lớn và xưa cũ thì lại nằm nơi một làng mạc phía bắc Wonoroto. Cái *soko guru* chỉ được đem tới nơi chốn mới, khi tất cả những sự chuẩn bị để đón tiếp nó được hoàn tất. Nó phải được đem đi trong thế đứng, và tức khắc được dựng lên tại nơi chốn mới. Một *soko guru* sinh động thì không nên để trên mặt đất trong thế nằm. Đặt để trong một tư thế như vậy sẽ khiến cho chủ nhà bị sa sút. Ngày và giờ đích xác để mang đi phải được tính toán kỹ lưỡng, khiến được kết quả tốt đẹp và an toàn nhất. Dù sao, sau khi làm theo những dặn dò của các bô lão, công việc đem *soko guru* đi để dựng lên tại nơi chốn mới đã diễn ra một cách êm đẹp. Những *soko guru* này đã được hơn một thế kỉ.

Khi khu hình vuông bên trong có 4 cái *soko guru* được xây cất xong, kể cả kết cấu bằng gỗ của mái nhà, một *selematan* được làm và tiếp theo là một buổi lễ vọng thức suốt đêm. Tôi không có mặt tại nơi, khi *selematan* và lễ vọng xảy ra.

Laksmonosusilo, cậu con trai tôi, kể cho tôi hay là khoảng nửa

đêm mình nghe thấy một âm thanh lạ lùng như tiếng còi. Sau đó, con tôi trông thấy một ánh sáng nhập vào phía tây bắc của *soko guru* (cột chính) và toàn thể kiến trúc đều rung động. Kế đến, khi tất cả 36 chiếc cột được dựng lên và mái ngói đặt xong, con tôi chứng kiến được một hiện tượng tâm linh khác. Một đêm nọ, nó trông thấy một quả cầu to lớn bằng lửa rớt xuống đỉnh nóc nhà của *pendopo*. Nó hết hồn, vì nghĩ cái *pendopo* đang bốc cháy, và nó la hét cầu cứu. Nhưng ngọn lửa tách thành bốn hướng trên mái nhà và biến mất khỏi tầm nhìn của nó. Đó không là một ngọn lửa thông thường, mà là lửa tâm linh hay *wahayu*.

Trước khi chính mình chứng kiến được hiện tượng tâm linh đó, Laksmonosusilo không mấy tin những gì là tâm linh. Nó sinh ra, lớn lên ở Jakarta và được huấn luyện hai năm tại Đức về thuật cưỡi ngựa. Tôi dụ nó đến Wonoroto, nơi trung tâm của Java, để xây cất chuồng ngựa và một chuồng dạy cưỡi ngựa, khiến những con ngựa của nó được huấn nghệ. Tôi tin là hiện nay nó thích ở đó, và hiểu rõ giá trị văn hóa và truyền thống của Java.

Một vài ngày trước lúc mất lúc 126 tuổi, ông cụ nói với tôi điều này:

“Có 3 cái *wahayu* (ánh sáng tâm linh) trong *pendopo* cậu.”

“Cái thứ nhất là *Wahayu Trilitang*, nghĩa là *Wahayu* của Ba Ngôi Sao nằm trong cái *soko guru* (cột chính) phía đông bắc.”

“Cái thứ nhì là *Wahayu Triwulan*, nghĩa là *Wahayu* của Ba Mặt Trăng nằm trong cái *dodo paksi* (xà ngang của trần nhà trung tâm).”

“Cái thứ ba là *Wahayu Tri Trenggoro*, nghĩa là *Wahayu* của Ba Lâu Đài nằm trong cái *dudur* (cái xà thẳng đứng giữa đỉnh của *pendopo*).”

“Với ba cái *wahayu* đó, nhà cậu là một nơi chốn tốt để sinh sống

từ thế hệ này qua thế hệ khác.”

“Cậu nên khánh thành nhà cửa mình vào *Ngày Thứ Sáu-Kliwon* của tháng Suro này”.

“Các tổ tiên sẽ đến từ 11 hướng khác nhau, kể cả vị hiện đang cư ngụ tại Gunung Ali-ali (nguyên văn có nghĩa là ngọn núi bên ngoài là Ayer’s Rock thuộc lục địa Úc).”

“Họ sẽ lưu lại nơi *pendopo* cậu từ 5 giờ chiều tới 3 giờ sáng.”

“Đức Hoàng Hậu Bagalen sẽ chủ tọa buổi họp. Bà vừa cho tôi hay về vụ sắp đặt đó.”

Điều này là ngoài sức tưởng tượng của tôi, việc buổi họp thường niên các tổ tiên của Java xảy ra nơi cái *pendopo* tầm thường chưa được xây cất xong của tôi.

Tôi rất lấy làm hân hạnh và cảm tạ Thượng Đế về điều đó. Tôi làm một cái *selematan* cho 200 người, và tiếp theo là một cuộc thức suốt đêm.

Thực vậy, ta có thể thấy yên tĩnh, trầm lặng và vui vẻ được có mặt nơi cái *pendopo* này, và có thể dễ dàng cảm thấy sự rung động của quyền năng Thượng Đế nơi đó. Nhiều người cũng nhận thấy niềm vui đó, khiến họ cảm thấy sung sức mà không không buồn ngủ.

Sau khi đã nghiệm được tất cả những điều đó, tôi bắt đầu hiểu rõ được tại sao những người hầu hạ các vua chúa ở Jogjakarta luôn quỳ xuống và kính cẩn cúi mình trước khi bước vào một *pendopo* trong cung vua. Họ không cúi mình trước nơi chốn, mà là trước những linh hồn cư ngụ tại đó.

Cách đây rất lâu, tôi tự hỏi làm sao mà linh hồn các ông vua bà hoàng Java biết được mình, khi mình vẫn còn là một cậu trai 16 tuổi. Tại sao hồi đó trong năm 1946 ở Jogjakarta, họ thân ái nhìn tôi cười và triu mến chào hỏi tôi? Hình như vậy, họ biết được tương lai sẽ ra sao. Họ thương mến tôi và tôi hết lòng thương mến họ.

Linh hồn các tổ tiên của người Tây phương cũng hiện hữu? Chắc chắn là cũng có. Đây là những trường hợp theo kinh nghiệm bản thân: tôi đã gặp linh hồn của Nã Pha Luân, khi đi thăm mộ ông ở Paris, tôi cũng gặp linh hồn của Simon Bolivar, khi đi thăm căn nhà nơi ông sinh ra ở Caracas, Venezuela, và tôi cũng đã gặp những linh hồn khác ở Tây phương. Quả thực họ hiện hữu và vẫn còn sống trên thế gian này, tuy ta không thể trông thấy họ với cặp mắt phàm.

Tuy nhiên, tôi nhận thấy quan hệ của người Tây phương với tổ tiên không được duy trì như điều người ta làm ở Java. Quan hệ của họ đối với cha mẹ, ông bà và tổ tiên, không còn được duy trì sau khi có tang. Hiện nay quan hệ của họ thậm chí còn bị mất đi trước khi đó nữa, với sự phát triển của những trại dưỡng lão. Phần đông những người già không sống chung với con cháu mình. Họ bị gửi tới những trại dưỡng lão, và con cháu họ có thể không có nhiều thì giờ tới thăm họ.

Từ ngữ “Thờ cúng tổ tiên” có thể khiến hiểu lầm. Người Java không thờ cúng tổ tiên mình như thánh thần. Họ chỉ kính trọng và mến thương tổ tiên mình y như họ kính trọng và mến thương bố mẹ và những thân nhân lớn tuổi của mình vẫn còn sống trên thế gian này. Người Java tỏ lòng tôn kính đối với một thân nhân lớn tuổi còn sống, và xin người đó chúc phúc cho mình. Lòng kính trọng, thương mến đối với cha mẹ và những thân nhân lớn tuổi không mất đi với cái chết. Người Java vẫn còn kính trọng và thương mến họ, sau khi họ đã bước sang thế giới bên kia.

Tình cảm thâm hậu và quan hệ tâm linh sâu đậm giữa người Java là do sự chi phối của sức mạnh con người nơi họ. Liên hệ thân thuộc có tính chất vĩnh hằng, nghĩa là nó vẫn còn sau khi ta chết và sống nơi thế giới bên kia.

Xét về tâm linh, chính sức mạnh con người là cái khiến loài người khác biệt với thú vật. Phần đông thú mẹ không còn săn sóc và chiều chuộng thú con, khi không còn cho nó bú nữa. Thế nên, không có quan hệ vợ chồng giữa thú vật như giữa con người. Chẳng hạn, đối với một con cừu đực, bất cứ con cừu cái nào cũng đáng để cho nó giao cấu với, dù đó là chị hay mẹ nó, và ngược lại. Nó cũng sẽ giao cấu với bất cứ con cái nào nếu được dịp. Do đó những kẻ mà nội tâm bị sức mạnh thú vật chi phối, có tính thích chung chạ bừa bãi.

Trong khi đó thì sức mạnh con người khiến ta có một quan hệ đậm đà giữa vợ và chồng, bố mẹ và con cái, ông bà và cháu chít v.v... Những con nhà gia giáo còn có thể truy nguyên dòng dõi mình đến nhiều thế kỉ hay mấy ngàn năm trước đó.

Thú vật không có cái tâm thức đó, vì không mang trong lòng sức mạnh con người.

Thật đáng buồn là do áp lực của đời sống hiện đại, sức mạnh con người đã suy sụp nơi ta. Nó không còn chi phối tình trạng nội tâm của con người. Địa vị của nó dần dần bị sức mạnh vật chất thay thế.

Sức mạnh vật chất khiến ta trở nên ích kỉ, ham mê của cải, không muốn chia sẻ và chỉ nghĩ tới cá nhân mình. Thay vì là những người có tình thương đối với gia đình, ta chỉ thấy những kẻ coi mình là trung tâm và chỉ nghĩ tới quyền lợi cá nhân.

Trong khi chạy theo quyền lợi cá nhân, những kẻ bị sức mạnh vật chất chi phối sẽ không ngần ngại hi sinh quyền lợi của những

người khác. Một vài kẻ đã suy đồi tới nỗi họ không ngần ngại sát hại những người khác, để lấy được những gì mình muốn.

Cái quyền năng không thể cưỡng lại được của sức mạnh vật chất đã phá hoại nền tảng của đời sống gia đình. Nên có nhiều thêm những vụ li dị và những gia đình bị đổ vỡ. Những kẻ mà nội tâm đã bị sức mạnh vật chất chi phối, bề ngoài vẫn trông giống con người, nhưng lòng họ đã trở nên cứng như đá. Xét về mặt tâm linh, họ không khác gì một vật vô tri vô giác không cảm xúc.

Càng thông minh, những kẻ đó càng trở thành một mối nguy cho xã hội loài người. Sức mạnh vật chất được coi là sức mạnh ma vương trong thế giới tâm linh. Một trí óc con người có đầy sức mạnh ma vương sẽ là một trí óc ác độc. Một tâm hồn có đầy sức mạnh ma vương sẽ là một tâm hồn có những ý định ác độc.

Thực ra có một sự liên hệ muôn đời giữa cha mẹ và con cái, cháu chít v.v...Người Java có một châm ngôn: bất cứ những gì con cái làm, hay bất cứ những gì xảy ra với con cái, thì cha mẹ sẽ tự động gánh hậu quả.

Nếu đứa con làm điều gì hổ thẹn, cha mẹ cũng sẽ hổ thẹn. Nếu đứa con đau ốm, cha mẹ cũng sẽ đau đớn. Nếu đứa con buồn phiền, cha mẹ cũng thấy buồn phiền. Nếu đứa con vui sướng, cha mẹ cũng thấy vui sướng và vân vân.

Nhưng nếu cha mẹ bị sức mạnh vật chất chi phối, thì những quan hệ giữa người này và người kia trong gia đình sẽ không thể duy trì được, và họ sẽ không quan tâm tới những gì xảy ra với con cái và ngược lại. Có những trường hợp cha mẹ đem cho con cái mình. Trên truyền hình Mỹ, tôi còn thấy những điều tệ hơn: có những người mẹ đã thẳng cánh liệng bỏ vào đồng rác những đứa bé sơ sinh.

Người Java cũng có một châm ngôn khác về việc này: Nếu xuống

địa ngục, bạn sẽ đem cha mẹ mình xuống dưới đó; ngược lại, nếu lên thiên đàng, bạn sẽ tự động đem cha mẹ mình lên thiên đàng cùng mình.

Tất nhiên là ta không thể tự mình lên thiên đàng, vì linh hồn của cha mẹ và tổ tiên còn ngồi trên đầu mình. Vậy nên ta cũng sẽ phải đem tất cả lên thiên đàng.

Cách thức con cái đến thế gian này là nhờ cha mẹ. Cha mẹ đau khổ và hi sinh nhiều cho con cái. Để làm cho điều đó được bù lại, thiên nhiên, đúng ra là Thượng Đế, đã khiến cho con cái phải có bốn phận giúp cha mẹ được lên thiên đàng cùng mình. Ta không thể lên thiên đàng, nếu không thể đem cha mẹ và tổ tiên mình theo, tính từ đời mình đi ngược lại cho tới thế hệ thứ bảy. Ngược lại, một tổ tiên có uy quyền thì có thể giúp đỡ và che chở một con cháu thuộc thế hệ thứ bảy, tính từ mình trở xuống.

Đạo Hồi cũng dạy điều quan trọng này là phải có những đứa con ngoan đạo, biết yêu thương và tuân lệnh Thượng Đế. Những người con đó có thể truyền đi những lời cầu nguyện có hiệu quả làm cho tình trạng cha mẹ mình được sáng sửa nơi thế giới bên kia.

Khi ba tôi qua đời trong năm 1972 ở Indonesia, tôi vẫn còn ở Mỹ. Sau khi ông mất, linh hồn ông nhập vào đỉnh đầu tôi và cư ngụ nơi đó trong một khoảng thời gian. Trong đầu tôi, ba tôi trải qua một quá trình điều chỉnh về tâm linh. Linh hồn ông được điều chỉnh để được ngang hàng với sự tiến bộ hay thành tích tâm linh của tôi.

Năm 1946 ở Jogjakarta, lúc tôi 16 tuổi, do những hành vi kì dị của mình (như không chịu đi học, đi ra ngoài suốt đêm cho tới lúc sáng tinh mơ, nói về việc thấy ánh sáng, thần linh hay linh hồn cùng với những hiện tượng tâm linh khác), tôi đã bị phần đông người nhà mình hiểu lầm. Hậu quả là họ xa lánh tôi, và đặc biệt một ông chú tôi là người đã khiến cho những cảm xúc của tôi bị



tổn thương nặng.

Một buổi tối nọ tôi bỏ nhà ra đi và tự nhiên thấy cần phải đến nơi mộ của tổ tiên ở Wonorodo. Tôi đi suốt đêm và đến Wonorodo ngày hôm sau. Nơi đó cách khoảng 65 cây số. Khi tôi đi thì không có ai khác bên cạnh mình để khuyên bảo và an ủi, bản năng thúc đẩy tôi đi tìm tổ tiên mình để nhờ họ hướng dẫn mình và làm cho đầu óc mình được yên lặng. Tôi không hiểu tại sao mình lại làm vậy, và cũng không có ai khuyên tôi làm điều đó. Nhưng tôi cảm thấy phải như vậy, và tuy bị xa lánh trên cái thế giới vật chất này, nhưng tôi cảm thấy các tổ tiên nơi thế giới tâm linh đã nồng nhiệt chào đón và thông cảm mình. Tôi ở bên cạnh mộ của tổ tiên trong 3 tháng, và ra về với một niềm tin mới.

Sau này tôi hay được là cũng có những người khác ở Java đã làm y hệt như vậy. Đến nghĩa địa ở một khoảng thời gian là một loại *prihatin* (một cách nhìn những thú vui của cuộc sống thế gian, để được tổ tiên hỗ trợ về mặt tình thần, và được Thượng Đế hướng dẫn.)

Sau đó nữa, tôi hay được là Eyang Kursinah, bà mẹ của Pak Subuh, thường ngủ bên cạnh mộ tổ tiên, trong lúc bà còn trẻ. Pak Subuh còn nói với tôi là chính trong lúc ngủ gần mộ tổ tiên mà bà đã nhận được những chỉ dẫn về việc mình sẽ mang bầu một đứa con trai có tầm quan trọng và tiềm năng tâm linh thật lớn.

Có lần khi tôi đang xem một tuồng kịch bóng múa rối, một nhận xét của người *dalang* (người điều khiển những hình rối) đã gài đúng vào chỗ ngứa của mình. Ông nói rằng những người Java đến ở bên cạnh mộ tổ tiên trong một khoảng thời gian thường thành đạt trong cuộc sống. Tại sao lại vậy? Hình như cái truyền thống đó có trong những câu nói *Kacang ora ninggal lanjaran* và *Sangkan paraning dumad*. *Kacang* là một chùm đậu mọc được bằng cách trườn bò trên cái *lanjaran* hay chỗ dựa là cây tre. *Ora ninggal* nghĩa là không bỏ đi hay quên đi. Không quên tổ tiên nghĩa là

chúng ta biết ơn họ là những công cụ để chúng ta tồn tại trên trần gian này. Biết ơn những người đã trợ giúp mình là một thái độ cao thượng và đáng khen đối với người Java. Ý nghĩa thâm sâu của truyền thống đó được ghi khắc trong câu nói *Sangkan paraning dumadi*, nghĩa là cội nguồn sự sống của mình.

Sau khi nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, ta sẽ tất nhiên được đưa tới một tình trạng giác ngộ. Ta cũng sẽ được đưa tới cách nhận thức và hiểu rõ nền văn hóa của mình. Trước khi có tình trạng giác ngộ, do nền giáo dục Tây phương của mình, tôi không hiểu và thương thức được nền văn hóa Java. Sau khi sự hiểu biết và nhận thức về nền văn hóa Java của mình trở nên thâm sâu hơn, tôi bắt đầu càng lúc càng thương thức được nó. Ánh Sáng của Thượng Đế đã hướng dẫn và giáo hóa tôi, khiến tôi thành một người Java tốt hơn. Tương tự, một người Anh, người Đức, người Ấn Độ, cũng sẽ được Ánh Sáng của Thượng Đế đã hướng dẫn và giáo hóa khiến nhận thức được chân ngã mình là cái làm cho họ thành một người Anh, người Đức, người Ấn Độ tốt hơn. Về phần họ, cha mẹ chúng ta đến được thế gian này do cha mẹ họ là tổ tiên chúng ta.

Đối với chúng ta cách trở về nơi Thượng Đế là việc truy nguyên được con đường của nơi từ đó chúng ta đến, bắt đầu từ tình trạng giác ngộ, thông qua cha mẹ, tổ tiên và cuối cùng trở về nơi Thượng Đế. Từ Thượng Đế chúng ta đến, và nơi Thượng Đế chúng ta trở về.

Cầu nguyện tiếng Java là *sembahyang*. Gốc của nó là những từ *sembah* và *eyang*; *sembah* là tỏ lòng tôn kính và *eyang* là ông bà hay tổ tiên. Vậy *sembahyang* đúng ra nghĩa là trở về nơi Thượng Đế thông qua tổ tiên mình.

Tỏ lòng tôn kính trong tiếng Java là *nyemba*. Điều đó được làm bằng cách chắp hai bàn tay lại đặt trước mũi. Khi nhìn kĩ hình thù của hai bàn tay chắp lại trước mũi, ta thấy đó là hình ảnh của một

âm đạo. Đó là để nhắc nhở người Java đừng quên mình đến được thế gian này là qua tử cung của người mẹ, và âm đạo của người mẹ là ‘cổng dẫn tới thiên đàng.’ Ta chỉ có thể trở về nơi Thượng Đế trên thiên đàng qua cánh cổng là âm đạo của người mẹ. Thế nên, có tội với mẹ mình là một trọng tội.

Tất nhiên điều đó chỉ những người đã trải qua mới có thể hiểu được, và những người đó thì lại giữ kín lấy cho mình. Họ coi đó là điều gọi linh thiêng, là sự minh triết bí truyền của nội tâm.

Trước khi vào tử cung người mẹ, linh hồn ta đến thế gian này qua người cha, và người cha thì đến thế gian này qua cha mình, và cứ thế qua tổ tiên. Nơi chốn linh hồn người cha là trên đầu người con trai có khả năng tâm linh mạnh nhất. Nên cha mẹ và tổ tiên trong tiếng Java là *Pepundrn*, nghĩa là những người ta mang trên đầu mình.

Bất cứ những tiến bộ tâm linh nào người con đã đạt được, thì điều đó sẽ tự động có lợi cho cha mẹ và tổ tiên. Dựa trên cái kinh nghiệm tâm linh thực sự đó, ở Java có một truyền thống là xưng hô người của một *Adipati* (thống đốc), chẳng hạn, cũng là một *Adipati*, tuy chức vụ của người đó có thể chỉ là một *lura* hay trưởng làng.

Thế nên, người Java coi việc được những đứa con có đức tính tốt là điều rất quan trọng. Ở Java con cái được coi là của cải quý giá nhất, vì họ có thể giúp cho linh hồn cha mẹ và tổ tiên được cứu rỗi.

Làm sao có thể đi vào ‘cổng dẫn tới thiên đàng’, như được đề cập trên kia? Hiển nhiên một đứa bé hay một người đã trưởng thành không thể dùng thể xác mình, để vào trở lại tử cung người mẹ qua âm đạo. Cách vào được ‘cổng dẫn tới thiên đàng’ là nhờ một việc làm thầm kín và linh thiêng là sự giao hợp nam nữ, không phải với người mẹ mà là với người vợ. Ở Java những người mình

triết không coi sự giao hợp là thú vui và khoái lạc, mà là dụng cụ linh thiêng để thờ phụng Thượng Đế. Sự giao hợp là một dụng cụ do Thượng Đế nghĩ ra, để làm sinh sôi nảy nở những tạo tác của Ngài. Khi làm điều đó, chúng ta thực ra là công cụ của Thượng Đế. Nếu được thực hiện một cách có ý thức và tinh thần trách nhiệm, sự giao hợp là việc chân thực phụng thờ Thượng Đế, và đôi bên sẽ tự động nhận thấy tâm linh mình được nâng cao. Tuy nhiên, bộ mặt trái của ‘cổng thiên đàng’ là ‘cổng địa ngục’, nếu người ta lạm dụng cái công cụ đó của Thượng Đế, bằng cách xả láng giao hợp với gái điếm, chẳng hạn vậy. Trong trường hợp đó, người mẹ sẽ phải đau khổ ở thế giới bên kia. Pak Subuh có lần đã nói với tôi rằng linh hồn của người mẹ tại thế giới bên kia sẽ cảm thấy như có một thanh sắt nóng đỏ đâm vào âm đạo, mỗi lần con trai mình giao hợp với một gái điếm. Việc làm đó bị coi là một tội nặng. Xưa kia kẻ phạm tội ngoại tình bị xử tử hoặc bị rút phép thông công. Những vi phạm đó bị thiên nhiên ngăn chặn dưới hình thức khủng khiếp của nhiều loại bệnh tật như bệnh giang mai, bệnh ecpet (herpes) và gần đây bệnh AIDS.

Nếu động cơ sự giao hợp là Ánh Sáng của Thượng Đế, thì đôi bên sẽ nhận thấy một quá trình thanh lọc tâm linh. Sau khi nhận thấy cái quá trình đó và càng đi sâu vào lĩnh vực tâm linh, ta sẽ nhận thức và nghiệm thấy sự hiện diện của linh hồn người mẹ trong phạm vi người vợ khi giao hợp. Sự giao hợp đó không những nâng cao linh hồn người vợ, mà luôn cả người mẹ. Trải qua một điều như vậy được coi như vào ‘cổng thiên đàng’ là việc có thể khiến ta đi sâu hơn và xa hơn vào lĩnh vực tâm linh.

Sự hiểu biết xưa kia của những người Java minh triết không chỉ dựa vào những phát hiện vật chất bị giới hạn như sử học và khảo cổ học, mà vào điều quan trọng nhất là việc trải qua ‘cổng thiên đàng’ và từ đó họ có thể du hành và đi thơ thần nơi thế giới vĩnh hằng. Tất cả những gì xảy trên thế gian này cũng như tại thế giới bên kia đều tự động được ghi lại về mặt âm thanh và hình ảnh. Ngay cả khi tất cả các dấu tích hiển hiện đã hoàn toàn bị xóa bỏ,

trong thế giới vĩnh hằng mọi việc vẫn còn được ghi lại.

Pak Subuh kể cho tôi nghe nhiều chuyện xưa kia, kể cả những điều người thấy được về Atlantis. Người nói rằng Atlantis đã có thật và thời đó con người đã đạt một trình độ phát triển cao về công nghệ. Họ có thể tạo được một vũ khí rất mạnh, mạnh hơn bom nguyên tử của thời đại chúng ta. Hình thức vũ khí hùng mạnh của họ là một ánh sáng có thể phá hủy và xóa bỏ tất cả những gì nó đụng vào. Nó trở thành một vũ khí hoàn toàn tự diệt mình.

“Bởi vì khi Atlantis chìm xuống đáy biển, phần đông thiên hạ chết theo”, Pak Subuh nói. “Những người sống sót không còn là bao, nhưng kí ức và kiến thức của họ cũng chẳng còn nữa. Trí tuệ của con người bị thụt lùi.

Khi cách mạng Nam Dương chống lại người Hà Lan vì họ cố áp đặt trở lại chế độ thực dân, một nhóm du kích quân phá hủy một chiếc cầu phía bắc Jogyakarta, bằng cách dùng rất nhiều chất nổ. Vì là một hoạt động thầm kín, nên điều đó tất nhiên xảy ra lúc đêm khuya. Có một căn nhà gần cầu trông như không có ai ở. Đám du kích quân không hay là trong nhà có một người đang ngủ. Khi bom nổ, người đó bị sốc và hoảng hồn đến nỗi bị điếc và mất tiếng nói. Đó chỉ là bom nổ, tuy có mạnh đến đâu đi nữa. Ta có thể tưởng tượng được tiếng động kinh khiếp và cái sức mạnh làm cho toàn thể một lục địa như Atlantis bị chìm xuống.

“Đất Java đã có khi Atlantis còn là một lục địa, và Java đã tồn tại, sau khi Atlantis bị chìm đắm. Java là một vùng đất rất xưa.”



## Năm đức tính của người Java

Để trở thành một con người toàn thiện, người Java phải có những đức tính sau đây:

*Cunigo* là một cây kris hay một cây đao linh thiêng.

*Turrongo* là một con ngựa.

*Kukilo* là một con chim *perkutut*.

*Wismo* là một căn nhà hay biệt thự.

*Wanito* là một người vợ.

Năm đức tính đó được gọi là *Mo Limo*, nghĩa là 5 danh từ tận cùng bằng "o". Hiển nhiên một cây kris là thứ đầu tiên mà một thanh niên phải có. Người thanh niên bắt đầu xây dựng được sự nghiệp nhờ một cây kris thích ứng. Sau đó mình sẽ mua một con ngựa, nuôi một con chim *perkutut*, xây cất một căn nhà và cưới vợ.

Ngoài việc có *Mo Limo*, ta cũng nên tránh năm động từ bắt đầu bằng "Ma" là:

*Main* là cờ bạc.

*Mabook* là rượu chè.

*Madat* là dùng thuốc phiện hay ma túy.

*Maling* là trộm cướp.

*Madon* là tìm vui thú với gái điếm.

Tôi đã giải thích ý nghĩa tâm linh của một *Cunigo* hay *kris* và của một *Wismo* hay căn nhà.

Tại sao người Java cũng cần phải có một *Turrongo* hay con ngựa? Con ngựa là một xe cộ. Nhưng địa vị của một *Turrongo* đã bị một xe cộ hiện đại thay thế như xe hơi hay xe gắn máy, vì xe hơi hay xe gắn máy là một vật vô tri vô giác, trong khi ngựa là một con vật có sự sống. Con ngựa có một linh hồn có thể ảnh hưởng tới chủ nó.

Những điều sau đây là kinh nghiệm của tôi về ngựa. Sau khi ở Mỹ 4 năm thì tôi về nước trong năm 1974. Tôi đến Wonorodo để thăm mẹ mình cùng mấy đứa con đã ở lại với bà ngoại khi chúng tôi vắng mặt. Đứa con trai tôi là Martono thúc giục tôi mua một con ngựa. Cho tới nay, nó đã chỉ được cưỡi ngựa với những con của ông em tôi là Erdy. Là một người cũng thích ngựa, nên tôi chấp thuận làm điều đó.

Chúng tôi nghe nói ở làng Kalidono cách phía Tây Wonoroto 4 dặm có một người là chủ nhân của một chuồng ngựa gồm 20 con. Chủ nhân đó lại là trưởng làng Kalidono. Chúng tôi đặc biệt thích một con ngựa giống Ả Rập màu xám mà ông trưởng làng có trong



số những con ngựa của mình. Martono tìm cách cưỡi con ngựa đó, và dáng đi của nó trông thật thanh nhã. Khi về nhà, tôi nói cho các cô lão ở Wonoroto hay là mình có ý định mua con ngựa đó của ông trưởng làng Kalidono. Tôi yêu cầu họ đi xem ngựa, trước khi dứt khoát quyết định.

Kyahi Sastrowinito và Raden Subroto đi coi ngựa. Tôi biết họ đã thừa hưởng được sự hiểu biết khiến đọc được những dấu hiệu trên ngựa. Khi đi về, họ khuyên tôi đừng mua con ngựa đó.

“Tại sao?” tôi hơi thất vọng hỏi, vì mình rất thích cái vẻ bên ngoài của nó.

“Có những dấu hiệu cho thấy là ngựa không sống được lâu.”

Vì đã hỏi ý kiến họ, nên tôi không làm gì hết. Một cách hết sức nhiệt tình, họ nói: “Nếu muốn mua ngựa, ông nên mua con ngựa giống Argentine.”

Tôi biết họ muốn nói con ngựa nào. Một con ngựa trông ốm yếu, với những vết thương trên chân và thân thể. Tôi không thích nó chút nào.

Tò mò tôi hỏi: “Tại sao?”

“Đó là vì con ngựa giống đó có dấu hiệu *Satriyo Manah*, nghĩa là một kỵ sĩ bắn tên”, họ trả lời.

Sau khi yên tĩnh trong một lúc để nhận được sự hướng dẫn của nội tâm, tôi nói: “Thôi được. Xin các cụ xúc tiến việc này và điều đình giá cả.”

Vì ngựa trông tồi tệ, nên chúng tôi mua được khá rẻ. Tôi đưa nó cho Kyahi Sastrowinito săn sóc. Ông bắt nhiều con thằn lằn đem

nướng, rồi lấy đó cho nó ăn chung với những thứ thường ăn. Điều kì diệu là các vết thương được lành lặn trong vòng hai tuần, và trong một khoảng thời gian tương đối ngắn, ngựa đã lấy lại được sức khỏe. Donorojo là tên ngựa có nghĩa là chúa tể của những kẻ giàu có, và nó trở thành một con ngựa giống màu xám, vừa đẹp để vừa đáng tôn quý.

Không đầy 3 tháng sau đó, chúng tôi đi coi những con ngựa ở Kalidono, con ngựa giống Ả Rập màu xám đã chết. Sự cố đó khiến tôi khó quên. Tôi nhận thức được hiệu quả đích thực của sự hiểu biết của người Java xưa kia.

Khi tôi trở về Wonoroto 3 tháng sau, Sastrowinito và Subroto cho tôi hay là gia đình chủ nhân trước đây của Donorojo muốn mua nó lại mà chịu trả giá gấp 3 lần.

“Các cụ khuyên tôi như thế nào?” tôi hỏi.

“Đừng bán Donorojo,” họ nói.

“Các cụ có thể cho tôi hay tại sao?,” tôi hỏi.

Họ kể cho tôi câu chuyện sau đây và giải thích: “Ban đầu Donorojo đã được trường Đại Học Quân Sự nhập cảng. Sau khi đã phục vụ nhiều năm, nó không được dùng nữa vì những vết thương không lành mạnh được. Nó được bán cho một nhà thầu khoán ở Magelang. Người đó đã thành công rất nhiều, sau khi mua Donorojo. Từ chỗ chỉ có một căn nhà xoàng, ông đã có thể xây cất và là chủ nhân của nhiều căn nhà đẹp. Thậm chí ông có đến 6 chiếc xe hơi.”

“Nhà thầu khoán đó bán Donorojo cho một nhà buôn thuốc lá ở Wonosobo, một thành phố gần cao nguyên Dieng.”

“Nhà buôn đó trở nên giàu có, sau khi mua Donorojo. Nhà thầu

khoán ở Magelang thì bị phá sản. Cuối cùng ông phải đi bán những thứ linh kính ở chợ trời. Nhà buôn thuốc lá bán Donorojo cho ông trưởng làng Kalidono.”

“Ông trưởng làng Kalidono thành người giàu có nhất trong suốt thời nhiếp chính. Ông có hai bộ nhạc cụ *gamelang* cùng với những con rối *wayang*, một diện tích rộng lớn trồng vani, những vườn cây đinh hương, những cây dừa và đồng lúa, hơn 20 con ngựa, những con ngựa kéo xe và thậm chí còn có đến hai bà vợ. Nhà buôn thuốc lá thì bị phá sản.”

“Lúc này thì ông trưởng làng Kalidono bị xui xẻo, kể từ lúc đem bán Donorojo. Ông mượn rất nhiều tiền, để đầu cơ trong thị trường cây đinh hương. Ông đã làm như vậy nhiều lần trước đó và luôn thành công. Tuy nhiên, khi ông muốn làm ăn nhanh chóng hơn và mượn thật nhiều tiền, thì thị trường cây đinh hương xuống dốc. Ông bị lỗ rất nhiều và không thể trả nợ.”

“Gần đây, ông đi dự một trận đua ngựa lớn ở Magelang với 12 con ngựa. Trên đường về nhà, chiếc xe chở ông và ngựa chạy rớt xuống một vách đá. Bốn con ngựa bị thiệt mạng và nhiều con khác bị thương trầm trọng. Bản thân ông cũng bị thương nặng và bị hôn mê hơn 20 ngày.”

“Trên đường đến bệnh viện thăm ông, bà vợ ông bị một tai nạn khác. Con ngựa kéo xe của bà chạy rớt xuống một vách đá. Điều may mắn là bà không bị thương trầm trọng.”

Sau khi nghe họ kể, tôi không bán con Donorojo, và quyết định đem nó tới nông trại trên núi của mình ở Cipanas, miền Tây Java. Donorojo và tôi trở thành đôi bạn thân. Ban đêm khi nó đi ăn cỏ, tôi thường ngồi nhiều tiếng đồng hồ trên lưng nó, để ngắm nhìn các ngôi sao, thưởng thức không khí trong mát của núi non và cảnh yên lặng của thiên nhiên. Nó cũng rất tử tế và hòa nhã với trẻ con.

Một buổi sáng nọ tôi cưỡi Donorojo để xem xét nông trại. Đến một nơi chốn tươi đẹp mà chúng tôi gọi là Thung Lũng Hạnh Phúc, tôi chợt nhận thấy có 20 con ngựa cái bao quanh. Donorojo như điên dại. Tôi không thể làm chủ được nó. Nó nhảy nhót và chạy quanh một cách duyên dáng, trong khi đám ngựa cái tiến lại gần. Tôi không còn thì giờ xuống ngựa, vì các con ngựa cái cũng đang chạy nhảy loạn xạ, và vòng vây càng bị xiết chặt thêm. Tôi sẽ bị ngựa dẫm chết, nếu xuống ngựa. Chợt nhiên Donorojo đặt mình lên một con ngựa cái và phục vụ nó. Nó làm điều đó một cách nhẹ nhàng và trang nhã, khiến tôi bị té vì mất thăng bằng. Sau vụ đó tôi không còn phải hốt hoảng nữa, vì biết rằng con Donorojo sẽ không làm mình bị té, bất chấp những gì xảy ra. Nên tôi cho phép nó được làm những gì nó thích. Nó lần lượt phục vụ 7 con ngựa cái, trong khi tôi vẫn còn ngồi trên yên.

Tôi được cho hay là Donorojo cũng có dấu hiệu của *Pancuran Mas*, nghĩa là ngọn suối vàng. Indhiharsono, người đốc công của tôi, là một ông đồng. Anh luôn làm *prihatin*. Anh nói với tôi rằng những đêm thứ sáu và thứ năm *Kliwon* anh thường ngủ thấy một mùi hương thơm chung quanh chuồng của Donorojo. Vận mệnh của tôi cũng thay đổi nhanh chóng và trở nên khá hơn, kể từ lúc tôi là chủ của con Donorojo.

Như những con vật khác, cuộc đời của Donorojo cũng chỉ có hạn. Nó chết vì già trong năm 1977. Khi nó chết thì không có tôi bên cạnh. Thân nó quá lớn, không thể dùng tay chân khiêng tới nơi chôn cất, nên những người làm công cho tôi đã làm điều sai lầm là cắt nó ra từng khúc, rồi đem chôn cất chung nhau. Tôi lấy làm đau buồn và kinh khiếp, khi nghe nói điều đó. Nó báo trước một điềm xấu. Vận may của tôi tuột mất, và tôi bị phá sản. Tình trạng bị trừ ám khiến xui xẻo đó liên tục kéo dài suốt một *windhu*, một chu kỳ 8 năm theo lịch Java.

Tôi mua một con ngựa Palomino đẹp đẽ của ông em mình là Erdy. Tên nó là Sultan. Các bô lão ở Wonoroto không xen vào hay

có ý kiến gì về việc mua bán đó. Tuy nhiên, sau này họ nói rằng Sultan có dấu hiệu *Pagas*.

“Nghĩa là thế nào?” tôi nói.

“Nghĩa là nó không là một con ngựa ngay thẳng. Nó không lương thiện.” họ trả lời.

Một lần nữa những gì họ nói chứng tỏ là đúng.

“Tại sao các cụ không cản tôi, khi tôi sắp mua?” tôi hỏi. Trong lúc tôi đang vui thú thúc ngựa phi nước đại, chẳng hiểu tại sao nó lại chạy sang bên trái, khiến tôi té ngã. Trên đường chạy đua, Sultan không chịu chạy thẳng tới đích. Nó luôn tìm cách nhảy qua rào chắn. Cuối cùng tôi không dùng nó và sau đó đem nó bán. Trong lúc đang đi chung quanh chỗ chuồng ngựa, tôi để ý đến một con ngựa đẹp đẽ màu hạt dẻ, trông mạnh khỏe. Tuy nhiên, khi đến gần nó, tôi bị một cơn chấn động kinh khiếp và toàn thân mình nổi da gà. Tôi hỏi các cô lão con ngựa màu hạt dẻ này là của ai.

“Đừng có ý mua con ngựa đó.” họ nói.

“Tại sao?” tôi hỏi.

“Nó có dấu hiệu *Buntel Mayit*,” họ nói.

*Buntel* nghĩa là vật bao bọc và *Mayit* là xác chết. Vậy *Buntel Mayit* thực ra nghĩa là một tấm vải liệm.

“Cái *Buntel Mayit* đó có dấu tích gì và ở đâu?” tôi hỏi.

“Khó mà tìm thấy nó. Vì cái dấu hiệu đó nằm tại một chỗ kín đáo của ngựa. Ông chỉ có thể nhận ra, khi ngựa đang trong tình trạng cương!” họ nói.

Vì thấy những hiểu biết của họ luôn đúng, nên tôi không còn hứng thú muốn mua. Hôm đó có rất nhiều người đến coi đua ngựa. Nhưng kết cuộc là một bi kịch. Con ngựa màu hạt dẻ chạy rất nhanh. Khi đến một chỗ quanh quyết định, người cưỡi ngựa không kiểm chế được nó nữa. Ngựa nhảy qua một hàng rào, nơi có đông người như cá hộp đứng xem. Bốn người bị thiệt mạng, trong đó có một người đàn bà mang bầu.

Chủ ngựa là một ông lão tên là Kasan. Hình như Kasan và con ngựa của mình rất hợp với nhau. Có lần tôi thấy Kasan cưỡi ngựa giữa nơi có đầy xe cộ. Người và ngựa có vẻ như vui vẻ và thư thái. Trên đường về nhà sau một cuộc đua ngựa ở Magelang, chiếc xe chở ngựa và cô con gái của Kasan chạy rớt xuống một vách đá. Ngựa sống sót, nhưng cô con gái của Kasan thì chết. Khi Kasan được cho hay về sự cố đó, phản ứng đầu tiên của ông là: “Gunawan (con ngựa) an toàn chứ?”

“Gunawan an toàn, nhưng cô con gái ông đã chết.”

“Trời ơi, tạ ơn Chúa cho Gunawan được an toàn.”

Tình gắn bó của Kasan với ngựa mình còn mạnh hơn tình thương và lòng lo âu cho con gái mình.

Tôi đã nhìn thấy con người có thể rất gắn bó với ngựa mình. Khi được cho hay một đứa con mình bị bệnh nặng, một ông chồng nợ đang quanh quẩn nơi chuồng ngựa chỉ nói: “Hãy bảo vợ tôi đem con đến bệnh viện.” Nhưng khi cũng chính ông đó được cho hay là con ngựa yêu quý nhất của mình bị bệnh, thì ông lập tức bỏ ngủ để đích thân đến chuồng ngựa lúc 3 giờ sáng. Tôi cũng trông thấy một người đàn bà Âu Châu mỗi ngày 3 lần từ nhà mình ở Jakarta lái xe đến chuồng ngựa cách đó 7 dặm. Bà thường chải lông cho ngựa, nuôi nó ăn, dẫn nó đi và cưỡi ngựa v.v... Tôi tự hỏi bà có âu yếm đối xử với chồng mình được như vậy không.

Liên hệ nội tâm giữa một cá nhân và con ngựa mình thì rất thâm hậu. Do đó mà người Java đặc biệt chú trọng tới việc lựa chọn một con ngựa thích đáng, vì điều này ảnh hưởng tới định mệnh họ.

Sau khi nhận thấy sự hiểu biết của các bô lão về những dấu hiệu là điều luôn đúng, có lần tôi hỏi họ:

-Ngựa có một dấu hiệu nào tốt đẹp nhất?

-*Satrio Panayungan*, họ nói.

-Nghĩa là gì? Tôi hỏi.

- *Satrio* nghĩa là kỹ sĩ và *Panayungan* nghĩa là được một cây dù che chở. Điều đó thực ra có nghĩa là con ngựa có dấu hiệu đó được sự che chở của một cây dù tâm linh hay *wahayu*.

-Xưa kia, ngựa luôn được dâng lên cho vua. Không một thường dân nào được giữ một con ngựa, và bất cứ ai có ngựa thì phải dâng lên cho vua.

Kể từ lúc đó, bất cứ nơi nào mình đến, tôi luôn cố gắng tìm kiếm một con ngựa có dấu hiệu đó. Tôi đến kiếm tại Jakarta, Bandung và những nơi khác tại miền Tây, miền Đông, miền Trung Java, tại Bali và đảo Sumbawa, tại Sumatra, Âu Châu và Mỹ Châu. Bất cứ nơi nào mình đến, đặc biệt khi có những sự cố địa phương, quốc gia hay quốc tế về ngựa, thì tôi thường đi vào chuồng ngựa, để xem coi có con ngựa nào có dấu hiệu đó không. Nhưng tôi không tìm thấy gì hết.

Một hôm, trong một cuộc đua ngựa ở Jakarta, trong lúc tôi đang dùng ống nhòm hồi hộp nhìn con ngựa mình nơi khởi hành, thì một người đàn ông đến ngồi đằng sau mình. Người đó chậm chạp thì thầm:

-Thưa, tôi có một con ngựa cho ông.

-Xin lỗi, tôi không muốn mua ngựa lúc này.

-Nhưng tôi cảm thấy đó đúng là con ngựa ông muốn.

-Xin lỗi, tôi không có ý định mua ngựa.

Cổng nơi khởi hành mở ra, cuộc thi đua bắt đầu, và cuối cùng con ngựa tôi thắng cuộc. Người đó vẫn còn nài xin:

-Thưa ông, mong ông đừng hiểu lầm tôi. Tôi không đến đây để bán ngựa. Tôi tình cờ có một con ngựa mà tôi cảm thấy phải tặng ông.

-Dù vậy đi nữa, tôi cũng phải nuôi ăn và chăm sóc ngựa. Tôi đã có quá nhiều ngựa phải chăm sóc. Ngựa đó loại nào?

-Chỉ là một con ngựa nhỏ.

-Tôi cần một con ngựa nhỏ để làm gì?

Người đó im lặng.

-Ngựa đó màu gì?

-Màu đen.

Vì ông nài nỉ và để không làm phật lòng ông thêm, tôi quyết định tối thiểu mình phải xem qua con ngựa đó.

-Bây giờ ngựa ở đâu?

-Tôi đã đem vào chuồng ngựa ông.



Ông tỏ vẻ lúng túng và bồn chồn.

Chúng tôi đi đến chuồng ngựa nơi đưa ngựa, và tại đó tôi trông thấy một con Pony con màu đen.

Khi đến gần ngựa, điều đầu tiên tôi trông thấy là dấu hiệu một cây dù trên lưng nó. Tôi điếng người và không nói được gì trong một lúc.

Khi giọng nói mình trở lại, tôi bảo: “Được, tôi nhận con ngựa này của ông và xin cảm ơn ông nhiều. Ông nói mình không muốn bán ngựa, nên tôi sẽ đến kiểm ông, để tỏ lòng biết ơn ông vì món quà này.”

Ông nói “Không dám”, rồi khuây khỏa ra đi.

Tuy con ngựa Pony rất nhỏ bé, nhưng con ngựa Argentine cùng với con ngựa nòi cao lớn của tôi đều sợ nó. Coi bộ như nó có một tư cách vĩ đại thích hợp với một con ngựa mang dấu hiệu một ông vua. Tôi nghe nói là xưa kia chủ nhận của một con ngựa như vậy sẽ đem nó tặng nhà vua tuy không được yêu cầu. Đó là điều tùy thuộc nhà vua, nếu ông muốn tặng bất cứ gì để đền ơn.

Có điều xảy ra là sau khi được con ngựa đó, tôi trở nên thân thiết với Đức Vua Hamengku Buwono IX và gia đình ông. Ông là người có một linh hồn vĩ đại. Tôi có thể cảm thấy sự chấn động của cái linh hồn đó, khi vẫn còn ngồi trong phòng đợi, trước vào yết kiến ông. Tôi cảm được và trông thấy linh hồn ông bao bọc toàn thể tòa nhà văn phòng ông. Nhân cách ông lôi cuốn được quần chúng. Ông luôn chăm chú nghe những gì tôi phải nói, và tỏ vẻ rất chú ý và thông cảm. Ông là người biết nghe những gì người khác nói.

Người ta thường nói là ông thích đi đây đó mà không để lộ tung tích mình. Có lần khi ông đang lái chiếc xe jíp tại vùng Tây Bắc của Yogyakarta, thì một người đàn bà đứng bên lề đường với hàng

hóa vấy tay ra hiệu cho ông ngừng xe. Lúc đó là sáng sớm vẫn còn mờ tối, và người đàn bà đó không thể trông thấy ai đang lái xe. Bà muốn đi nhờ xe tới chợ Bheringharjo ở Jogjakarta. Nhà vua chấp thuận cho bà đi, và giúp bà đem hàng hóa lên xe. Khi họ đến chợ Bheringharjo, nhiều người đến bu quanh chiếc xe của nhà vua. Người đàn bà đó bảo ông đem hàng hóa ra khỏi xe. Không chút ngần ngại, ông đem hết ra. Sau khi làm xong, ông từ biệt và nhã nhặn từ chối không lấy chút tiền mà người đàn bà muốn cho mình. Sau khi ông đi rồi, thiên hạ bắt đầu hỏi là làm cách nào bà đã được cho đi nhờ trên xe jíp của nhà vua.

“Cái gì?” bà hỏi.

-Bà không biết hay sao người mà bà sai đem hàng hóa mình ra xe là Đức Vua Hamengku Buwono IX?

Khi nghe nói như vậy, bà thấy chóng mặt và té xỉu.

Trên đường về nông trại mình tại Cipanas, tôi thấy một chuồng ngựa của một người rất giàu mới đây. Ông đã nhập cảng hơn 20 con ngựa từ Âu Châu và chở chúng đến bằng máy bay. Cuối tuần ông thường đến chuồng ngựa. Ông giàu đến nỗi mua được nhiều thùng táo nhập cảng để nuôi ăn cho ngựa. Táo nhập cảng là thứ rất mắc hời đó ở Indonesia. Sau này, tôi hay được là ông bị phá sản. Những chuồng ngựa của ông không được chăm sóc, và nhiều con phải chết. Một hôm lúc mờ sáng, khi đi ngang qua để về nhà, tôi dừng lại để nhìn những chuồng ngựa đó. Trông thật tồi tàn. Những con ngựa còn lại thì ốm yếu và bệnh hoạn. Tôi rất buồn chán.

Chợt nhiên một con ngựa pony nhỏ bé trắng tinh đến gần người thân thể tôi. Điều khiến tôi ngạc nhiên là nó có dấu hiệu một cây dù trên lưng. Tôi rùng mình. Suốt đêm đó tôi không ngủ được. Sáng hôm sau tôi trở về Jakarta thật sớm và đến gặp người chủ những chuồng ngựa đó. Tôi nói rằng nếu ông cho phép, thì tôi sẽ

săn sóc con ngựa pony màu trắng, và đưa cho ông một bao thư có tiền. Ông nhận bao thư mà không mở ra, và kí tên giao ngựa cho tôi. Tôi trở về Cipanas để đem ngựa tới nông trại mình.

Tôi mua nhiều con ngựa ở Sulawesi, một hòn đảo miền Bắc Java. Trong đó có hai con ngựa cái. Sau này cậu con trai tôi là Mono nói với tôi là một con ngựa cái mọc răng nanh trong miệng, đó là dấu hiệu *Durgo Ngerik*. Khi ngựa vẫn còn non, răng chưa mọc, nên tôi không hay gì hết. *Durgo Ngerik* là một *Dewi* (nữ thần) trong *wayang* của Java hay tuồng bóng múa rối. Bà là thủ lĩnh của những sức mạnh tà ác, và có thể điều khiển chúng. Mono thúc giục tôi tống khứ nó đi.

Trong cuộc đua ngựa toàn quốc ở Jakarta, Mono cưỡi con Gagak Ngampar và đoạt giải nhất. Gagak Ngampar có dấu hiệu *Surun*, nghĩa là con ngựa thích hợp với một tướng quân. Gagak Ngampar tạo một ấn tượng sâu sắc đối với ông tư lệnh Bắc Jakarta. Ông hỏi một thành viên của hội đồng tổ chức thi ngựa con Gagak Ngampar là của ai, và được khiến cho làm quen với tôi.

Ông hỏi tôi là có muốn bán con Gagak Ngampar hay không.

Tôi nói mình không thể bán con Gagak Ngampar cho ông, nhưng nếu ông thích, tôi sẽ vui lòng bán một con ngựa khác là em gái của Gagak Ngampar. Ông bảo tôi đến nhà ông sau cuộc đua ngựa. Tại đó ông đưa tôi một séc cho con ngựa. Không đầy 3 tháng sau, tôi nghe tin ông mất cái chức vụ béo bở của mình.

Sau này Mono nói cho to biết là con ngựa cái Sulawesi kia cũng phát hiện dấu hiệu *Durgo Ngerik* trong miệng. Những dấu hiệu đó không hiệu nghiệm đối với người Tây phương, vì họ không hay biết gì và do đó không tin những thứ đó. Nên tôi đem bán con ngựa cái đó cho một người Tây phương ở Jakarta. Nhưng rồi công việc làm ăn của bà bị phá sản, và điều xui nhất là vợ chồng phải li dị.

Một hôm tôi được tướng Surono tiếp kiến - hồi đó ông là bộ trưởng quốc phòng nước Cộng Hòa Indonesia. Nhân danh Hội Đua Ngựa Indonesia, tôi mời ông đến vinh danh cuộc thi đua đoạt giải quán quân Đông Nam Á. Nhân dịp, ông kể cho tôi việc phải thận trọng lựa chọn ngựa. Trong chiến tranh du kích chống Hà Lan, khi chỉ huy quân đội Nam Dương tại những núi non của miền Trung Java, ông cần một con ngựa. Viên trợ tá kiếm cho ông được một con ngựa của ông trưởng làng. Tuy nhiên, ông trưởng làng khuyên ông đừng dùng con ngựa đó.

-Tại sao?

- Đó là vì con ngựa có dấu hiệu *Satrio Wirang*.

Đó là dấu hiệu về một nghĩa sĩ bị nhục. Tướng Surono không coi chuyện đó ra gì, và leo lên ngựa. Đến giữa làng, ông bị té ngựa, khi chạy vào một nơi treo quần áo giặt mà mình không nhìn thấy. Ông xấu hổ vì bị té ngựa trước mặt đông đảo binh lính mình, và điều này cho ông một bài học nghiêm trọng về việc phải kĩ lưỡng xem xét những dấu hiệu trên ngựa.

Một ông bạn của tôi, tướng Suharjo, cũng kể cho tôi nghe một câu chuyện thú vị khác về những con ngựa của ông. Ông nói rằng mình có con ngựa *Turun Tangis*, nghĩa là dấu hiệu về sự khóc lóc. Hồi đó ông có mấy trăm con ngựa, và bản thân mình thì không con cái. Chẳng có chuyện gì xảy ra, khi ngựa còn là sở hữu của ông. Nhưng ông trưởng làng thấy thích con ngựa đó, và nài nỉ tướng Suharjo tặng nó cho mình. Tướng Suharjo cảnh giác ông là ngựa có dấu hiệu *Turun Tangis* là sự đau buồn. Ông trưởng làng vẫn khẳng khái đòi cho được, và không đếm xỉa gì tới dấu hiệu đó. Sau khi được cảnh giác 3 lần, ông vẫn đòi cho bằng được.

Cuối cùng tướng Suharjo tặng ông con ngựa đó. Hai tuần sau vụ đó, ông trưởng làng chết. Hai tuần sau nữa con trai ông cũng chết. Rồi đến phiên cô con dâu ông chết. Chỉ trong một khoảng

thời gian ngắn, tất cả 4 người con ông đều chết. Cuối cùng vợ ông cũng chết, và gia đình ông bị tan tành. Hình như tướng Suharjono có nhiều con ngựa khác có những dấu hiệu có thể vô hiệu hóa con ngựa *Turun Tangis*. Nhưng con ngựa đó là con ngựa duy nhất mà ông trưởng làng có.

Sau khi nhận được cây dù linh thiêng Kanjeng Tunggul Nogo qua ông cụ, Đức Hoàng Hậu Kencono Wungu nói với tôi rằng bà hiện diện trong *pendopo* thì tôi không cần những con ngựa *Satriyo Pinanyungan* nữa. Chẳng bao lâu sau đó, con ngựa Satriyo Pinanyungan màu trắng của tôi phải chết. Một tháng sau, con ngựa *Satriyo Pinanyungan* màu đen cũng chết.

Chúng may mắn được chết ở Wonoroto là nơi chúng được mọi người trọng vọng. Chúng được chôn cất một cách long trọng.

Ngoài ngựa ra còn có một con thú khác cũng có một sự liên hệ nội tâm thâm hậu với chủ nhân nó. Theo văn hóa Java thì đó là con chim *perkutut*. Trong tiếng Anh chim *perkutut* được gọi là chim bồ câu trên đất.

Chim *perkutut* tại Java được coi là sống được lâu. Một vài con có thể sống qua 3 thế hệ của một gia đình. Theo người Java, chim *perkutut* là con thú có linh hồn cao nhất trong thế giới thú vật, chứ không là loài cọp, hổ, voi hay ngựa.

Tiếng hát của những con chim khác ngoài con *perkutut* được gọi là *ngoceh* trong tiếng Java, nghĩa là lối nói trẻ thơ, không có ý nghĩa gì. Trong khi đó thì tiếng hát của chim *perkutut* được gọi là *mangung*, nghĩa là báo trước hay thông báo.

Một con *perkutut* có phẩm chất thì rất nhạy cảm và có thể nhận thấy những gì sắp xảy ra cho chủ nhân và gia đình. Chẳng hạn, nó có thể báo trước là sẽ có một người khách đến thăm. Không như ở Tây phương là nơi thiên hạ chỉ đến thăm khi được mời hay có

hẹn, ở Java thiên hạ đến thăm một cách bất chợt mà không hẹn hay thông báo trước. Ngay cả một thân nhân hay một người bạn ở một nơi xa xôi cũng có thể bất ngờ đến thăm mà không cho hay trước. Thế nên, sự thông báo của con *perkutut* là điều có ích vào một lúc nào đó.

Vì chính mình cũng nhạy cảm khi nhận thấy những chấn động của nội tâm, nên người Java dễ dàng nhận thấy những gì chim *perkutut* muốn truyền đạt với sự tiếp nhận của nội tâm nó. Khi chủ nó buồn phiền, con *perkutut* không muốn hát chút nào. Tất nhiên, như trong trường hợp của loài người, chim *perkutut* cũng có những trình độ khác nhau, từ cao nhất cho tới thấp nhất. Con chim vua *perkutut* cư xử một cách oai vệ, và sự chấn động mà nó tạo nên có sức lôi cuốn rất mạnh.

Một hôm có một người đến Wonoroto từ Semarang, thủ đô của miền Trung Java. Anh đem cho tôi một con *perkutut* ca hát rất hay. Dù nắng hay mưa, con chim đó ca hát suốt ngày. Nó ca hát ngay cả ban đêm. Thông thường một con *perkutut* không ca hát lúc mưa gió hay u ám.

Một đêm nọ, khi tôi đến thăm thì ông cụ nói: “Đức Hoàng Hậu Eyang Bagelen cho tôi hay là cậu vừa có một con *perkutut* thuộc Semarang. Bà bảo tôi nói với cậu là nên đem con *perkutut* trở về Semarang. Bởi vì từ mỏ tới chân trái, nó mang dấu hiệu một bệnh viện, và từ mỏ tới chân phải thì có dấu hiệu của sự chết.”

Tôi liền tuân theo chỉ thị đó không một chút ngần ngại, vì không có ai đã nói với ông cụ về con *perkutut* mà tôi chỉ vừa nhận được cách đó vài tuần. Tôi cũng biết rằng chính Eyang Bagelen đã chỉ thị như vậy, để che chở tôi khỏi những ảnh hưởng không tốt đẹp. Vậy có loại *perkutut* đem vận may tới, nhưng cũng có loại đem vận xui cho chủ nhân.

Một hôm nọ, khi tôi đến thăm cung điện Yogyakarta, Hoàng Thân

Yodoningrat tặng tôi một *perkutut* có dấu hiệu *Satrio Pinanyungan*.

Con *perkutut* thứ nhất mà tôi có nhờ ông em mình là con chim thật tốt. Ông em tôi cho một con buôn chim *perkutut* một món tiền. Để đáp ơn, người đó cho một con *perkutut* thật tốt mà giá tiền ngang với giá bán. Vì hồi đó không biết một chút gì về chim *perkutut*, nên ông em tôi tặng nó cho tôi. Khi nhận nó trong tay mình, tôi cảm thấy một sự chấn động rất êm dịu thoát ra từ nơi chim. Trên kia tôi vừa nói rằng mình chịu nhận chim, nhưng chưa có tiền mua. Ông em tôi nói rằng tôi có thể trả khi có tiền. Tôi không hiểu tại sao, nhưng con chim đó khiến tôi vui vẻ. Ba ngày sau có một kẻ tặng một món quà bằng đúng giá tiền phải bỏ ra để mua chim. Con *perkutut* đặc biệt đó luôn đem đến cho tôi hạnh phúc và may mắn.

Tùy theo trình độ tâm linh và phẩm chất của tiếng hót, một con *perkutut* có thể đáng giá hàng triệu *rupiah* (tiền tệ của Indonesia) hoặc không đáng một đồng xu nào. Để người đọc hình dung được việc một con *perkutut* thi hành nhiệm của nó như thế nào, tôi sẽ trích dẫn nơi đây một vài hàng trong cuốn *Inner Wisdom* của mình về những điều liên quan tới con *perkutut* đầu tiên của mình.

“Chẳng bao lâu tôi bắt đầu hiểu được những chỉ dẫn của nó. Một hôm đặc biệt nọ, khi nó hát bài hát ‘kim tiền’ thì một vài giờ sau có một người xuất hiện đem đến cho tôi chút tiền. 30 phút sau nó lại hát y như vậy. Tôi nghĩ là nó cho mình biết một chuyện đã xảy ra, vì mình đã có tiền.

“Nhưng 2 giờ sau đó lại có một người khác đến và đưa cho tôi tiền. Khi chim lại hát lúc 5 giờ chiều, tôi nghĩ là nó muốn trêu chọc mình. Ai có tin hay không thì tùy, lại có một người nữa xuất hiện lúc 7 giờ nơi cửa nhà đem theo tiền.”

“Thế thì quá nhiều, nhưng không chỉ có bấy nhiêu thôi. Lúc 10 giờ tối con *perkutut* lại chỉ dẫn thêm nữa.”

“Con chim này chắc muốn lường gạt mình”, tôi nghĩ.

“Nhưng giữa đêm lại có một người khác nữa đem tiền đến.”

“Lúc một giờ sáng chợt nhiên chim lại ca hát nữa.”

“Thằng khùng nào mà muốn đem tiền đến cho mình lúc sáng sớm?”

“Hai tiếng đồng hồ sau đó anh bạn Varindra Vittachi gõ cửa. Anh từ New York đến và máy bay đã tới trễ. Thậm chí tôi không biết là anh đang đến. Anh cũng đem đến tiền cho tôi.”

Trên kia tôi đã giải thích về 4 trong 5 điều cần phải có, để trở thành một người Java toàn thiện, đó là có một cây kris, một con ngựa, một con chim *perkutut* và một căn nhà hay biệt thự.

Điều phải có thứ 5 là một người vợ.

Hình thức thấp kém nhất của quan hệ vợ chồng là *simah*. Gốc của là hai từ *isining* nghĩa là những gì có bên trong và *omar* nghĩa là căn nhà. Vậy *simah* nghĩa là những gì có trong nhà. Một quan hệ vợ chồng trong đó người vợ là *simah* thì hiển nhiên là một quan hệ chủ yếu về xác thịt.

Quan hệ vợ chồng trở nên khá hơn, khi người vợ là *bojo* hay *dojo*, nghĩa là một đôi hay cặp. Ngoài quan hệ xác thịt, vợ chồng còn là những người xứng hợp về mặt tinh thần.

Tình trạng lí tưởng là khi người vợ có thể được gọi là *garwo*. Gốc của *garwo* là hai từ *sigaring*, nghĩa là thành phần của và *nyowo* mà nghĩa là linh hồn. Như vậy người vợ trở nên thành phần vĩnh cửu của mình. Điều này sẽ biến thành một quan hệ vợ chồng không mất đi sau khi chết. Họ vẫn còn là vợ chồng ngay cả nơi thế giới



bên kia.

Ngày 29 tháng 7 năm 1990, một ngày trùng hợp với tháng Suro của Java, tôi trở về Indonesia để điều khiển lễ tắm cho những vật gia bảo.

Anh Marcus Lampard mà con gái đã đính hôn với con trai tôi là Partono, đề nghị là phải làm đám cưới cho Partono và Mariana, khi tôi có mặt ở Indonesia. Sau khi điện thoại cho các bạn đồng liêu và sắp xếp lại những chuyến bay trở về Mỹ, tôi đến Wonoroto để chuẩn bị lễ cưới.

Tôi chẳng có gì phải làm nhiều. Tôi chỉ nói với các bô lão trong làng về ý định muốn có một lễ cưới cho cậu con trai sắp cưới Mariana Lampard là người Anh. Chẳng bao lâu mọi người trong làng đều tích cực tham gia giúp chuẩn bị lễ cưới.

Trước hết là một *selematan* vào ngày 30 tháng 8 năm 1980. Dưới sự chỉ huy của bà vợ ông trưởng làng, các người nữ tổ chức việc nấu ăn là điều được làm trong nhiều nhà. Cơm và những món ăn ngon được để trong những giỏ đan tre.

Thức ăn trong giỏ có thể đủ cho cả một gia đình, và những bà góa phụ không có mặt trong *selematan* cũng được đưa cho một giỏ. Việc chuẩn bị thức ăn là một biến cố vui vẻ thân hữu, vì nhiều người nam và nữ cùng làm việc chung nhau từ trưa thứ tư cho tới sáng thứ năm. Họ nghỉ một một chút lúc sáng sớm tinh sương và bắt đầu trở lại lúc 9 giờ sáng cho tới buổi *selematan* chiều tối.

Buổi chiều có những người của 150 gia đình đến cầu nguyện cho sự an toàn và hạnh phúc của lễ cưới và cho sự tốt đẹp đời sống vợ chồng của Partono và Mariana. Đó là một buổi lễ cầu nguyện chân thành, và tôi rất hoan hỉ sau đó.

Trưa thứ sáu ngày 31 tháng 8 năm 1990, Partono và Mariana

làm lễ tắm gội để được trong sạch. Mariana mặc đồ batik và một kebaya (áo choàng Java) màu tím. Tiếp theo là một cuộc thức suốt đêm được gọi là *Midolarení*, do *widodari* là thiên thần. Những người trong gia đình cũng như các bạn bè thân thiện đều đến dự cuộc thức suốt đêm đó là ‘ban đêm của thiên thần.’

Trong đêm đó, hai anh bạn trẻ lặt lẽ từ lúc sớm chiều cho tới 7 giờ sáng làm hai vòng lá *Janur* tương tự (lá dừa non) là đồ trang hoàng; trước hết là hai cái lớn, theo sau là hai cái nhỏ.

Tất cả những thứ đó phải được tươi tốt trước lễ cưới. Ngoài ra còn có hai khung tò vò dài là thứ trang hoàng liền kề những cọc tre mới cắt và được đặt nơi cổng của *pendopo*. Những trang hoàng ngoài nhà báo hiệu cho biết chủ nhà đang có lễ cưới. Tôi rất phục lòng kiên trì và nhẫn nại của anh bạn trẻ đã làm những trang hoàng tươi mát và phức tạp đó.

Lễ cưới chính thức và theo tôn giáo bắt đầu lúc 10 giờ sáng thứ bảy, mừng một tháng 9 năm 1990.

Tiếp theo là những lễ nghi cưới hỏi truyền thống của Java là *Paniwahan Pagghi* (lễ ra mắt).

Trong lễ cưới Java, bố mẹ cô dâu chú rể mang một khăn quàng vai màu đỏ và trắng là *Sindur*. Trong lúc rước dâu, điều đó có ích, vì nó khiến người ta phân biệt được họ với những người khác đi dự cưới.

Cô dâu và đám phù dâu chậm chạp bước từ nơi chốn mình trong *pendopo* tới nấc đường trước của *pendopo*, trong khi chú rể và đám phù rể đến đó từ nơi cổng ra vào, theo nhịp điệu của nhạc *gamelang*.

Khi họ đến gần nhau, cô dâu ném một nắm lá *sirih* được cuốn lại vào chú rể, và chú rể cũng làm y như vậy. Lá *sirih* có hình trái tim.

Ném lá sirih tượng trưng cho việc trao cho nhau tất cả tình yêu của mình. Đàng trước pendopo, chú rể bước lên một trái trứng, và cô dâu lấy nước có mùi thơm của nhiều loại hoa rửa chân cho chú rể. Lễ đó tượng trưng cho việc chú rể làm mất trinh cô dâu, và việc cô dâu chịu phục vụ chồng mình là người chủ gia đình.

Rồi cô dâu và chú rể được ông bố chú rể dẫn tới nơi chốn ngồi, tại đó chú rể ngồi bên phải và cô dâu bên trái.

Tới lúc lễ *Kadar Kucur* bắt đầu. Cô dâu và chú rể mỗi người đưa cho nhau ăn 3 miếng xôi vàng. Rồi chú rể đổ những gì chứa trong túi đựng đồ quý lên một tấm khăn đặt trên đùi cô dâu.

Điều đó tượng trưng cho việc sẽ đưa tất cả tiền bạc mình kiếm được cho cô dâu là người khôn khéo quản lí kinh tế của gia đình. Cô dâu thận trọng gói những món đồ quý vào trong tấm khăn, và đưa nó cho bố mẹ đôi bên coi. Ông bố chú rể ngồi có cô và chú rể bên cạnh. Ông nắm lấy tay hai người đặt lên ngực mình và hỏi: 'Ai cân nặng hơn, cô dâu hay chú rể?' Ông tự trả lời: 'Cả hai đều nặng như nhau.' Việc làm này tượng trưng cho việc ông sẽ thương yêu và coi họ như nhau.

Sau đó đến lễ *Sungkeman*. Cô dâu và chú rể quỳ trước bố mẹ để tỏ lòng tôn kính.

Biển cổ lớn nhất của lễ cưới là *Kirap mantem*, hay việc đám cưới diễu hành với những xe ngựa kéo.

Mọi người trong làng Wonoroto và những làng lân cận, cùng với tất cả các quan nhiếp chính của Purworejo, đều tích cực hợp tác và ủng hộ. Những nhân vật trong vùng có uy tín tâm linh cũng đến dự để ủng hộ.

Trước ngày cưới, Java suốt tuần bị đắm ướt vì những trận mưa nặng. Những thân nhân và người trong gia đình đến trong hai

chiếc xe buýt và một xe tải đã kể lại rằng mưa nặng suốt đoạn đường từ Jakarta miền Tây Java tới miền Trung Java. Cũng đã mưa ban đêm trước khi có đám cưới.

Lúc 5 giờ sáng mây vẫn còn dày đặc, và trận mưa lại đổ xuống làng chúng tôi. Lúc 6 giờ, tôi phái một người đến gặp ông Ikesan, một nhân vật có uy tín tâm linh tại một làng kế cận, để yêu cầu ông giúp làm *Narang Udan*, khiến cơn mưa bị ngăn cản hay trì hoãn.

Người tôi phái đi trở về cho hay là ông Ikesan chấp thuận thực hiện điều đó. Chẳng bao lâu những đám mây nặng nề bắt đầu quay tròn, như bị một sức mạnh vô hình làm cho chuyển động. Tuy mây vẫn còn trên trời, nhưng không có một trận mưa nào đổ xuống suốt lễ cưới.

Ông trưởng ban của ban tổ chức đám cưới dự tính cho đám cưới diễn hành lúc một giờ trưa. Đến lúc đó, ông Ikesan không đồng ý về thời khắc đó, và nói rằng nó sẽ vi phạm một điều cấm kị. Ông nói rằng cuộc diễn hành chỉ có thể bắt đầu lúc 2 giờ 10. Nhiều người thấy sốt ruột, nhưng Ikesan vẫn giữ vững lập trường. Tôi tôn trọng ý kiến ông. Ngay cả khi ông trưởng ban đến gặp mình lần thứ ba vào lúc 2 giờ, Ikesan vẫn chưa cho phép bắt đầu diễn hành. Đúng 2 giờ 10 tôi cảm thấy một luồng gió thổi khiến cực kì vui sướng. Khi tôi hỏi ông đó có là lúc cho diễn hành hay không, Ikesan mỉm cười tỏ vẻ đồng ý.



Dewi Shinto

## Đạo Phật ở Java

Hiện nay ở Java chỉ còn rất ít người theo đạo Phật, và họ phần đông là người Trung Hoa. Khoảng 95% dân chúng Java đều theo đạo Hồi.

Tuy nhiên, giáo lí của đạo Phật đã được lưu giữ thật kĩ ở Java dưới hình thức một công trình kỉ niệm thật vĩ đại là Borobudur. Công trình bằng đá đó được triều đại Salendra xây cất giữa thế kỉ thứ 7 và thứ 8, nó nằm khoảng 10 dặm cách Tây Bắc của Magelang, thủ đô của vùng Kedu tại miền Trung Java. Có nhiều đền chùa khác của đạo Phật ở Java, nhưng Borobudur là cái lớn nhất.

Công trình kỉ niệm cao lớn Borobudur là một *stupa*. Nền của nó là chỗ đất đắp cao hình chữ nhật, mỗi cạnh là 100 thước, và tường thì có đầy những phù điêu. Dựa trên đó là 5 địa tầng đường hành hương bao quanh 4 nền đất. Nhìn những hình khắc chạm trong lúc đi trên những đường hành hương, ta có thể hiểu biết đời sống của thái tử Siddharta theo giáo lí đạo Phật. Những hình đó diễn tả sự tiến hóa trở thành Phật của thái tử.

Trên các nền đất hình chữ nhật là 3 nên hình tròn có 72 *dagobs* thành rào mắt cáo. Tận bên kia 3 nền hình tròn là cái *dagob* cao nhất hay cái *dagob* hoàn thiện. Cái *dagob* cao nhất không có thành rào mắt cáo, nhưng trong đó là căn phòng hình kim tự tháp.

Từ thế kỉ này qua thế kỉ khác, nhiều học giả đã tham gia tranh luận và bút chiến về những giáo lí hay triết lí mà Borobidor biểu lộ. Nếu tìm cách hiểu tôn giáo và kinh nghiệm tâm linh theo những biểu lộ bên ngoài, và dựa vào đó mà lập nên những thuyết này nọ, thì hậu quả sẽ là sự rối loạn. Thuyết này tạo nên thuyết khác, và những thuyết mới đó lại lồi theo nhiều thuyết khác nữa. Đọc tất cả những thuyết đó sẽ không giúp cho bất cứ ai đến được gần chân lí tâm linh. Trái lại, ta sẽ không tìm thấy đường đi và chỉ thấy lộn xộn trong những khu rừng lí thuyết đó. Đúng ra, chân lí thì luôn giản dị và nhất quán.

Ta không thể giác ngộ hay nội tâm không thể tỉnh thức nhờ giáo lí, kinh sách hay nghiên cứu, nhưng đó là một thiên khai có tính chất của một sự tiếp giao với Ánh Sáng của Thượng Đế. Sự giao tiếp đó chỉ có thể đạt được nhờ cái bản ngã thường hằng và vĩnh cửu của một cá nhân là linh hồn.

Trí óc con người có tính chất vô thường. Do đó, nó chỉ có thể dùng để xử lí những gì là vô thường hay những vấn đề thế gian. Dùng trí óc để cố đạt được giác ngộ sẽ chỉ có hậu quả là tạo nên những ảo tưởng hay những thuyết do tưởng tượng, dù mình có chân thành hiến cả đời mình đi nữa cho việc làm đó.

Điều nói trên cũng y như trường hợp của Sidharta Gautama, vị thủy tổ của đạo Phật. Sidharta Gautama sinh khoảng năm 563 trước công nguyên tại Kapilavastu, một thị trấn dưới chân núi Himalaya của xứ Nepal. Những thắc mắc của ông về những vấn đề triết học đã không được giải đáp nhờ kinh sách và sự học hỏi với trí óc, mà nhờ tiếp nhận được thiên khai.

Kết quả của thiên khảo là trong lòng mình ông nhận thức được tôn giáo và tâm linh, và điều này chỉ có thể xảy ra, sau khi ông nhận được sự giác ngộ.

Sidharta Gautama đã không nhận được sự giác ngộ nhờ chối bỏ thế gian, nhờ tu khổ hạnh hay tập thiền, mà do lúc ông quy thuận và phó thác trong một tình trạng thư thái. Điều đó thực ra là một bí ẩn thường bị óc suy luận hiểu lầm.

Ta không thể đạt được giác ngộ nhờ chối bỏ thế gian, nhờ tu khổ hạnh hay tập thiền, vì những lối tập đó đòi hỏi một ý chí mãnh liệt bắt nguồn từ sức mạnh của dục vọng.

Một cá nhân chỉ có thể được giác ngộ, khi quy thuận và phó thác cho Thượng Đế. Trên thực tế, quy thuận và phó thác là việc ta nhìn nhận việc Thượng Đế tồn tại và việc mình lệ thuộc nơi Thượng Đế. Ngược lại, việc chối bỏ thế gian, lối tu khổ hạnh và tập thiền được dựa trên nỗ lực của bản thân mình. Dựa trên nỗ lực của bản thân mình có một yếu tố là sự kiêu hãnh, trong khi quy thuận và phó thác cho Thượng Đế là một thái độ khiêm nhường.

Thiền định là một nỗ lực đòi hỏi phải tập luyện rất nhiều để tập trung tư tưởng và những ý nghĩ lan man. Điều này sẽ khiến mình càng lúc càng mất đi lòng quy thuận và phục tùng Thượng Đế cùng với sự nhận thức là mình lệ thuộc Thượng Đế. Tập thiền còn khiến tinh thần mình bị bí kín không nhận thức được thế giới bên ngoài. Cuối cùng mình có thể sẽ sống trong một thế giới do tinh thần mình tạo ra nhưng không ăn nhập gì tới thực tế của cái thế gian này, và cũng không còn sát với thực tại tâm linh và tôn giáo.

Sidharta Gautama lo âu vì những đau khổ của con người mà ông nhìn thấy bên ngoài dinh thự mình. Cuối cùng ông bỏ vợ đẹp con ngoan và sự xa hoa trong những dinh thự của mình, để cùng đi ăn xin với một nhóm người tu khổ hạnh. Sau khi thử những đường lối gay go mà không thấy kết quả nào khiến hài lòng, một hôm ông



ngồi nghỉ dưới bóng một cây bồ đề. Một cơn gió nhẹ mát mẻ đã khiến ông thấy thư thái.

Thái độ quy thuận và phục tùng sau khi không ngộ được đạo qua 6 năm sống một cuộc đời khổ hạnh, khiến ông nhận được sự giác ngộ ngoài mong đợi trong trạng thái nửa tỉnh nửa ngủ. Sự giác ngộ đó đem ông đến con đường phải đi, đó là con đường theo Thượng Đế.

Con đường thích hợp theo Ý Thượng Đế là trung đạo. Không ham mê lạc thú và lối sống xa hoa, nhưng cũng không khắc khổ quá mức mà động lực là tham vọng làm cho tâm linh được tinh khiết. Con đường theo Thượng Đế luôn không khó khăn hay phức tạp. Trái lại, nó luôn giản dị, dễ dàng và thư thái.

Chẳng hạn như cách Thượng Đế làm gia tăng những tạo tác của Ngài: Ngài đã tạo nên một cách rất đơn giản là hình thức giao hợp. Điều đó đơn giản và dễ dàng đến nỗi mọi người có thể làm mà không cần được dạy bảo. Không cần phải định tưởng để thực hiện. Trái lại, mọi người có thể làm một cách thư thái. Ai đã từng thi hành nhiệm vụ đó đúng cách, thì sẽ nhận được một phần thưởng dưới hình thức lạc thú và cảm giác cực kỳ vui sướng. Nếu không có sự can thiệp của (nafsu) con người, thì kết quả luôn là một tạo tác hoàn thiện.

Những gì xảy ra trong lòng Sidharta Gautama trong giai đoạn đầu sau khi ông nhận được sự giác ngộ dưới hình thức một sự tiếp giao với Ánh Sáng của Thượng đế, là điều mà không phải bất cứ ai cũng có thể thấy được.



## Những trải nghiệm cá nhân

Sau khi viết những trang trên kia, tác giả tập sách này thấy đau ốm. Ngày 3 tháng 4 năm 1989 tôi được đưa vào bệnh viện vì nóng ruột thừa. Vì phải đi đây đó khi việc đó xảy ra, nên tôi chỉ vào bệnh viện vài ngày sau đó. Dạ dày tôi sưng lên thê thảm do hậu quả của nhiễm trùng. Toàn thể bụng cho tới hệ thống dây thần kinh phía sau dạ dày bị nhiễm trùng một cách thê thảm. Tôi coi như phải chết.

Linh hồn tôi đã đi lang thang nơi thế giới bên kia, tôi còn thấy cả một nhóm người hay linh hồn hợp thành một ban tiếp đón, để chào mừng mình nơi thế giới bên kia. Nhưng nội ngã của Pak Subuh xen vào. Người đến trú ngụ trên thân thể tôi 3 ngày và 3 đêm, và như vậy đã cứu được mạng sống tôi. Người muốn tôi còn hiện diện nơi đây, vì bản thân người sẽ phải ra đi ( Pak Subuh mất ngày 23 tháng 6 năm 1987)

Trong lúc có mặt nơi thế giới bên kia, tôi đã gặp Đức Phật. Khi tôi đến, Phật đang có một cuộc tiếp kiến, và bên cạnh là người vợ Yashodhara của mình. Người đến gặp Phật là một nhà sư mặc áo màu nâu sẫm. Ông có tầm vóc cao lớn, đầu cạo bóng loáng, và khuôn mặt ông để lộ vẻ chân thành và lương thiện. Tôi tình cờ

nghe được họ trò chuyện. Nhà sư đặt những câu hỏi về đạo Phật. Câu hỏi và câu trả lời xảy ra một cách êm xuôi cho tới khi nhà sư chợt hỏi:

-Ngài đã đạt được sự giác ngộ như thế nào? Ngài đã làm gì?

-Chẳng làm gì hết, Phật đáp.

-Chẳng có gì hết? Nhà sư hỏi và lấy làm ngạc nhiên về câu trả lời của Phật.

- Chẳng có gì hết, hoàn toàn không có gì hết, Phật xác nhận.

Cuộc tiếp kiến đến đó là hết, và Phật cáo từ.

Sau này tôi riêng tư đến gặp Đức Phật, người nói với tôi một cách buồn bã: “Những kẻ theo đạo của ta thường chọn con đường dài dòng và khó khăn. Ta không tin một ngày nào đó họ sẽ chọn con đường đơn giản và dễ dàng.”

Tại thế giới bên kia Đức Phật trông không gầy ốm và xanh xao. Trái lại, thân hình người đầy đặn và bụng thì hơi mập. Người cũng có bên cạnh mình bà vợ Yashodhara. Bà quả thực có sắc đẹp cổ điển của đàn bà phương Đông, như được tả trong nhiều cuốn sách. Điều này cho thấy tại thế giới bên kia Đức Phật vẫn còn tiếp tục sống theo nguyên tắc trung đạo.

Thực vậy, Thượng Đế đã cho chúng ta thấy bằng nhiều cách là con người thực sự là con người nên sống một cuộc đời bình thường và hòa hợp trên trần gian. Ta nên lập gia đình và có con cái, để gia tăng những tạo tác của Thượng Đế là loài người, và ta cũng nên cung cấp cho gia đình mình đầy đủ những của cải mà Thượng Đế đã tạo ra cho con người. Điều đáng kể là sự tinh khiết của nội tâm, chứ không là những biểu lộ tâm linh bề ngoài.

Bằng cách dùng trí óc và trí tưởng tượng, những môn đồ của Đức Phật có khuynh hướng thần thánh hóa người. Tuy nhiên Đức Phật không hề tự cho mình là thế này thế nọ. Người không tự cho mình là thần thánh, thiên thần hay thánh nhân. Người chỉ nói rằng nội ngã mình đã thức tỉnh.

Thực vậy, linh hồn, như kẻ nằm ngủ trong phần thâm sâu nhất của con người, sẽ bắt đầu rung động, và đó là dấu hiệu nó thức tỉnh thông qua linh hồn là phần vĩnh cửu của con người, Ánh Sáng của Thượng Đế sẽ thấm vào toàn thể bản ngã con người.

Vì thấm vào cơ thể, nên Ánh Sáng của Thượng Đế gột sạch tất cả những bệnh tật và dơ bẩn của thể chất. Ánh Sáng của Thượng Đế cũng thấm vào những bộ phận của đời sống tinh thần, để gột sạch tất cả những chất độc tinh thần như lòng hận thù, ganh ghét, bất lương, sợ hãi, buồn phiền, những ham muốn quá mức và những thô thúc mờ ám về nhục dục.

Mỗi bộ phận thuộc con người được Ánh Sáng của Thượng Đế thấm vào là bộ phận được cái Ánh Sáng đó điều khiển. Một người được như vậy sẽ không thể làm trái lại những mệnh lệnh của Thượng Đế. Khi chân tâm mình được Ánh Sáng của Thượng Đế thấm vào và điều khiển, người đó sẽ tự động trở thành một thánh thư của Thượng Đế. Điều này có nghĩa là định luật sống động của Thượng Đế sẽ tự động hoạt động nơi mình.

Người đó không sợ hãi, không thể giết người, trộm cướp, có những chuyện tình dục mờ ám, ham mê lạc thú, xét đoán hay xử thiên vị, tạo hận thù hay làm những chuyện sai quấy vì ngu đần.

Việc gột sạch những chất độc và dơ bẩn khác trong lòng Đức Phật không do chính Đức Phật làm nhờ chối bỏ thế gian, tu khổ hạnh và tập thiền, mà do Ánh Sáng của Thượng Đế ngụ trong lòng mình kể từ lúc nhận được sự giác ngộ. Tương tự, sự hiểu biết, thông thái và minh triết của Phật không do người khác, hay nguồn

gốc khác bên ngoài mình, mà do Ánh Sáng của Thượng Đế dưới hình thức thiên khai.

Vì sự hiểu biết, thông thái và minh triết của Phật do Ánh Sáng của Thượng Đế, nên những điều đó hầu như chắc chắn hợp với sự hiểu biết, thông thái và minh triết mà Thượng Đế đã ban cho những người khác. Vậy, lời nói của Đức Phật là không được lấy đi mạng sống của một sinh vật thì cũng tương đương với 'Người không được giết người' của Mười Điều Răn.

Tuy nhiên, bằng cách dùng óc suy luận và trí tưởng tượng, thêm vào đó là cái khuynh hướng thích làm những điều quá khích, nhiều môn đồ của Phật đã đi kết luận là họ chỉ nên ăn rau cải. Ngay cả khi chỉ ăn rau cải, ta cũng không thể tránh khỏi việc lấy đi mạng sống của các sinh vật, vì có hàng triệu sinh vật trong những rau cải và trái cây mà mình ăn, và cái không khí mà ta hít thở thì có đầy vi khuẩn và vi trùng.

Tuy đạo Thiên Chúa và đạo Hồi không đề cập tới đầu thai, nhưng những người Java cổ truyền đã trở thành người Thiên Chúa giáo hay Hồi giáo thì vẫn còn tin. Họ vẫn còn tin nơi định luật của luân hồi. Vậy thực chất của đạo Phật vẫn còn sức sống ở Java.

Sau khi đã gặp Đức Phật, tôi nhận thấy có một sự thay đổi đáng kể nơi linh hồn những nhà sư và cao tăng Phật giáo tại thế giới tâm linh của Bangkok, Thái Lan. Trước khi có sự trải nghiệm nói trên và khi đến thăm Bangkok, tôi thường bị nhức đầu kinh khủng và cảm thấy khó chịu, nhất là khi mình đi thăm một ngôi chùa. Điều đó là do việc các linh hồn trong thế giới tâm linh của Thái Lan chống đối sự hiện diện của tôi. Tôi bị coi là một kẻ xâm phạm đem đến một sự chấn động tâm linh không quen thuộc với họ.

Sau khi gặp Đức Phật tại thế giới bên kia và khi trở lại Bangkok cuối tháng 11 năm 1987 với vợ mình là Rukmiwati, tôi cảm thấy rất an vui. Khi cô Yoenyaw Ketununti, người tiếp đón chúng tôi,

mời tôi đi với cô thăm một ngôi chùa, thì tôi ngần ngại. Kí ức tôi vẫn còn sâu đậm cơn nhức đầu như búa bổ do những lần đi thăm trước đây. Tuy nhiên, do tài thuyết phục dịu dàng của cô, tôi phải chiều lòng đi cùng cô. Tôi cùng với Yoenyaw và Rukmiwati đi theo đoàn người đến thờ cúng tại Chùa Phật Lục Bảo.

Điều ngạc nhiên là tôi cảm thấy rất an vui và thoải mái trong ngôi chùa đó. Tôi không thờ cúng tượng Phật trong chùa, nhưng thông tri bằng tâm linh và theo chiều dọc với Đức Phật nơi xa xôi tận trên trời. Toàn thân tôi được sự chấn động của Ánh Sáng của Thượng Đế bao bọc, sự hiện diện của tôi không những được chấp thuận, mà còn được thế giới tâm linh của Thái Lan vui vẻ chào đón. Tôi gặp Yoenyaw lần đầu trong năm 1967, khi cô cho tôi trọ nơi nhà cô tại Bangkok, trên đường đến Việt Nam, Hong Kong và Nhật Bản. Cô là con gái của tướng Nom Ketunuti của đội Kị Binh Hoàng Gia Thái.

Khi còn tại Bangkok, tôi mua một cặp chim đặc biệt mà người Java rất quý trọng. Người Java gọi đó là chim *perkutut*. Người Thái gọi chúng là chim núi đồi Java, vì ban đầu chúng được đem tới Thái Lan từ Java. Còn người Anh thì gọi chúng là chim bồ câu dưới đất. Cặp chim tôi mua rất đặc biệt và mắc, vì con đực đã có lần đoạt được giải của Nữ Hoàng Sirikit trong một cuộc thi đua toàn quốc của chim bồ câu tại Ayotla, Thái Lan. Rồi nó được nuôi dưỡng để gây giống.

Cặp chim khiến tôi được may mắn. 37 ngày sau khi tôi về miền Trung Java vào ngày thứ sáu *Kliwon* là một ngày thiêng liêng đối với người Java, chúng cho ra đời lần đầu hai con chim con xinh đẹp ở Java. 7 ngày sau đó, lại vào ngày thứ sáu *Kliwon*, chúng cho ra đời thêm hai con chim con khác. Nhưng cũng trong ngày đó, một con rắn đột nhập vào lồng chim và nuốt mất hai con chim con. Chim cha hình như đã cố gắng bảo vệ hai đứa con. Chúng tôi tìm thấy cái cơ thể mất đầu không còn sinh khí của nó, và đầu thì cũng bị rắn nuốt mất.

Rắn có lẽ đã đột nhập vào ban đêm lúc một nhóm người lớn tuổi trong làng đang có một buổi họp suốt đêm. Đó là buổi thức đêm theo truyền thống mà họ làm những đêm thứ sáu và thứ ba *Kliwon*. Như đã đề cập trên kia, một tuần lễ của người Java có 5 ngày là *pendopo*, *Legi*, *Pahing*, *Wage*, *Kliwon*. Cứ 35 ngày là có một ngày thứ sáu-*Kliwon*. Biến cố con rắn xảy ra lúc có nhật thực hoàn toàn ở Nam Dương trong năm 1988. Làm cách nào một con rắn, loại mãng xà nhỏ, có thể đột nhập vào lồng chim, là một bí ẩn. Đầu và thân thể nó rõ rệt là lớn hơn những mắt lưới bằng thép của lồng chim. Ban đêm chúng tôi nghe thấy chim vỗ cánh trong một lúc không lâu. Nhưng không ai nghi là có một con mãng xà đột nhập vào.

Việc đó khiến tôi bị một cú sốc nặng. Ở Indonesia loại chim đó rất được coi trọng, đó là chưa kể tới giá trị tâm linh của hai con chim con sinh ra vào ngày thứ sáu-*Kliwon*. Hình như tầm quan trọng tâm linh của chim là mục tiêu chủ yếu của rắn. Đêm đó có nhiều con ếch nháy chung quanh nơi đó, nhưng rắn chỉ tập trung vào chim. Nó cần có thêm cái năng lực tâm linh đó. Bằng cách ăn hai con con chim *perkutut* vào ngày thứ sáu-*Kliwo*, nó sẽ biến mình thành vua chúa của loài rắn. Một kẻ chuyên bắt rắn của làng đã bắt được con rắn đó, và trong lúc bị giam nhốt nó đã tự sát bằng cách tự cắn vào thân mình cho tới khi chết.

Cú sốc đó có điều kì diệu là một ánh sáng tâm linh được truyền xuống cho tôi. Nhờ ánh sáng đó, tôi trông thấy linh hồn các tổ tiên và cộng đồng Phật giáo của Thái Lan mời mình đến Thái Lan một lần nữa. Họ có vẻ như ý thức được cơn sốc và sự buồn phiền mà tôi nhận thấy, và tỏ lòng đồng cảm.

Tôi trở về nhà mình ở Jogjakarta và độ một vài ngày sau thì chợt có một mối làm ăn mang lời đến cho mình. Việc đó khiến tôi có thể trở lại Thái Lan, để mua nhiều con chim *perkutut*. Tháng 3 năm 1988 tôi đến Bangkok. Lần này tôi may mắn được dự một cuộc thi đua toàn quốc thường được tổ chức. Tôi đã thấy có một con chim



đoạt được giải vô địch, khi mình còn ở Bangkok lúc cuối tháng 11 năm 1987, nhưng tôi không có đủ tiền để mua. Nó vừa mới đoạt được một giải toàn quốc khác của Thái Lan, và chim cùng giải thưởng được đề nghị bán cho tôi với một giá phải chăng. Chủ nhân của nó, một người Thái Hồi giáo, lấy làm vui mừng được trả chim trở về Java là quê hương tổ tiên của nó. Như vậy, những gì tôi đã mất được đền bù tương xứng hơn.

Ở Java thiên hạ bắt những con chim đó trong rừng là nơi có rất nhiều. Tuy nhiên phải mất nhiều năm thì mới nuôi được một con chim rừng tới giai đoạn khiến nó cất tiếng hát ngâm nga trong lồng. Ở Thái Lan những con chim sinh ra trong lồng là những con đã thuần hóa. Lối nuôi chim kén chọn khiến sinh sản được những con rất tốt.

Sau ngày giúp tôi mua chim, Yoenyaw dẫn tôi đi tham quan sở thú ở Bangkok. Sau khi đi vòng quanh sở thú trong một lúc, chúng tôi ngồi trên một chiếc ghế dài gần một con kênh chạy xuyên qua sở thú. Có nhiều thân cây làm cho sở thú được mát mẻ, và chúng tôi ngồi dưới bóng cây trong một lúc.

Yoenyaw gốc là người Phật giáo. Năm 1967 cô trở thành một người Hồi giáo. Tuy nhiên, cô có vẻ như lấy làm khó chịu về vấn đề đa thê trong đạo Hồi.

Sau khi ngồi trong một lúc, cô hỏi:

-Tại sao trong đạo Hồi chỉ có đàn ông mới được lấy 4 vợ, và đàn bà thì lại không được?

-Tôi không biết. Theo sinh vật học, có lẽ đó là do đàn bà có thời kì kinh nguyệt kéo dài trong một tuần. Cái chu kì kinh nguyệt cứ mỗi tháng là có một lần; như cô biết, một tháng thì có 4 tuần. Còn đàn ông thì không bị sự hạn định đó.

Cô không thích lối giải đáp đó.

-Điều gì sẽ xảy ra khi cả 4 người vợ đều cùng một lúc có kinh?  
-Cô hỏi.

“Tôi không biết. Nhưng như cô biết, không phải bất cứ người đàn ông nào cũng có thể có nhiều vợ. Về mặt tâm linh, một người đàn ông chỉ có thể có nhiều vợ, khi linh hồn mình phát triển tới mức phục vụ được nhiều người vợ.

“Linh hồn chỉ có thể phát triển, sau khi nhận được sự tiếp giao với Ánh Sáng của Thượng Đế. Khi sự giao tiếp được vững vàng, linh hồn con người có thể phát triển ngoài giới hạn”.

“Trong hình thức phát triển, linh hồn con người có đầy Ánh Sáng của Thượng Đế và có thể bao trùm toàn thể bầu trời, có thể còn hơn thế nữa. Tôi có thể tưởng tượng được linh hồn của ngôn sứ Muhammed vĩ đại như thế nào. Linh hồn vĩ đại của ông chắc chắn phục vụ được nhiều linh hồn khác, và đó là điều tại sao ông có nhiều vợ”.

“Về mặt tâm linh, khi kết hôn với một người đàn bà, ngôn sứ Muhammed đã giúp cho linh hồn người đàn bà được nâng cao, và đưa người đó lên thiên đàng”.

“Một người bình thường chưa nhận được sự giác ngộ tâm linh, không thể nâng cao tâm linh người đàn bà mình lấy làm vợ. Làm sao có thể đem linh hồn người vợ mình lên thiên đàng, khi chính mình vẫn chưa thể lên được thiên đàng? Thay vì nâng cao lên thiên đàng, người đàn ông lại đem vợ mình xuống địa ngục. Về mặt tâm linh, người đàn ông nâng cao được linh hồn người đàn bà, là người có đủ tư cách được lấy nhiều vợ”.

“Về mặt tâm linh, hôn nhân có những hệ quả thật sâu rộng. Người chồng phải có khả năng trở thành *guru laki* của vợ mình”.

“*Guru laki* là một người chồng đã giúp được vợ mình nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế và tiến triển thêm trong quá trình thanh lọc tâm linh, để thoát khỏi áp lực của dục vọng và sức mạnh hạ đẳng”.

“Giúp vợ mình loại trừ những sức mạnh vật chất, thực vật, thú vật cũng như con người mà người vợ đã thừa hưởng của cha mẹ và tổ tiên hay của những người đàn ông khác”.

“Quá trình thanh lọc phải xảy ra, trước khi linh hồn người vợ được kết hợp với linh hồn người chồng. Cách thức linh hồn người vợ và người chồng được kết hợp là do một quá trình tâm linh trong đó linh hồn người vợ nhập vào cơ thể người chồng”.

“Khi vào trong cơ thể người chồng, linh hồn người vợ trải qua một quá trình thích nghi của tâm linh. Linh hồn người vợ được xây đắp lại và làm cho thích nghi với khuôn mẫu và bản chất của linh hồn người chồng. Trong khi rời khỏi cơ thể mình để vào cơ thể người chồng, linh hồn người vợ sẽ quên đi tất cả và bị thu hút mạnh tới nỗi khiến cho như bị mất đi trí nhớ”.

“Sau khi cái quá trình xây đắp và thích nghi của tâm linh được hoàn tất, linh hồn người đàn bà sẽ trở về cơ thể mình. Nhưng đến đây thì có một linh hồn khác. Linh hồn người đàn bà không còn mang tính chất và đặc tính của cha mẹ hay tổ tiên nữa, mà là tính chất và đặc tính của người chồng”.

“Người đàn bà sẽ có những tư tưởng và cảm xúc y như của người chồng. Họ thường đồng thời có những tư tưởng và cảm xúc y như nhau về một điều gì đó”.

“Do đó mà sau khi lấy chồng, theo truyền thống người đàn bà không còn mang tên gia đình mình nữa, mà lấy tên gia đình người chồng”.

“Tuy nhiên, trong phần nhiều các trường hợp, người vợ vẫn còn giữ cá tính mình là thứ khác biệt với cá tính người chồng. Khi hai cá tính không thể trở thành một sự kết hợp hài hòa, thì sự xung đột giữa cá tính không thể tránh được, và điều này có thể dẫn tới li dị”.

“Một người đàn bà mà linh hồn đã kết hợp được với linh hồn người chồng được gọi trong tiếng Java bác học là *garwo*. Gốc của *garwo* là những từ *sigaring* nghĩa là thành phần của, và *nyowo* nghĩa là linh hồn”.

“Vì linh hồn là thành phần vĩnh cửu của con người, nên sự kết hợp giữa đôi bên cũng trở nên vĩnh cửu. Điều này có nghĩa là họ sẽ mãi mãi thành vợ chồng cho tới khi chết và sống tại thế giới bên kia”.

“Như đã nói trước đó, tôi có thể tưởng tượng được linh hồn của thiên sứ Muhammed vĩ đại như thế nào, vì ngay cả linh hồn một người bình thường như tôi cũng có thể bao phủ cả bầu trời và còn hơn thế nữa, khi nó phát triển và hợp nhất được với Ánh Sáng của Thượng Đế”.

“Có lần ở Arizona linh hồn của 400 chiến binh người Mỹ da đỏ nhập vào cơ thể tôi. Họ chỉ chiếm được một góc nhỏ xíu không đáng kể trong linh hồn được phát triển của tôi. Chỉ cần một chiến binh thôi cũng có thể hoàn toàn làm chủ được linh hồn một người khác”.

“Như vậy từ ngữ *linh hồn vĩ đại* không chỉ có ý nghĩa trừu tượng, mà nó thực sự là vậy. Tôi đi đến kết luận là nếu linh hồn một người bình thường như mình có thể phát triển tới mức đó, thì linh hồn thiên sứ Muhammed còn đi xa hơn nữa. Linh hồn ông có thể dễ dàng phục vụ được nhiều người vợ và đem họ lên được thiên đàng.”

-Nhưng tại sao lại 4 người vợ? -Cô hỏi.

-Tôi không là một học giả về đạo Hồi hay bất cứ một đạo nào khác. Những gì tôi biết về tôn giáo và tâm linh phần nhiều do kinh nghiệm trực tiếp. Tôi quả thực không biết đạo Hồi nói những gì về điều này. Nhưng có lẽ *wayang* hay kịch bóng múa rối có thể cho ta một khái niệm về điều đó.

“Trong kịch *wayang* Harjuno có 4 vợ là Sembodro, Larasati, Srikandi và Sulastri”.

“Sembodro thuộc mẫu người là người mẹ. Bà là người sinh con đẻ cái, một người sâu xa yêu mến, gắn bó với con cái mình và hi sinh cả đời mình cho con cái. Phạm vi bà bị giới hạn vì những người thân trong gia đình. Bà thường không thể làm việc xã hội. Bà thường không muốn cho người khác những gì mình có, vì những gì bà có là để trước hết cho con cái mình. Không bao giờ có những gì còn dư cho người khác. Phần đông những người đàn bà Sembodro là hạng người rất gọi tình”.

“Larasati, là mẫu người xã giao. *Laras* nghĩa là hòa hợp và *ati* nghĩa là trái tim. Bà là người khiến thấy thú vị nhất, là người mà đàn ông muốn có bên cạnh mình – một người rất lãng mạn, thi vị, có một giọng ca rất hay. Bà là người biết chiều chuộng chồng với nhiều thú vui. Bà có bản tính dịu dàng, luôn thương yêu, ban tặng và tha thứ. Mọi người chung quanh đều mến thích bà như một người bạn. Bà là người biết chiều đãi và làm việc xã hội một cách đắc lực nhất”.

“ Srikandi là mẫu người của sự nghiệp. Bà có thể hợp tác với chồng để làm việc. Trong kịch bóng Java, Srikandi trợ giúp Harjuno trong những trận đánh chống kẻ thù. Trong trận chiến *Bharotoyudo* bà còn được bổ nhiệm làm tướng lĩnh của đạo quân *Pendowo* trong cuộc chiến chống lại đạo quân *Kurowo*”.

“Sulastri là người đàn bà sinh ra đã giàu có. Bà có thể tài trợ cho chồng, trong những việc chồng mình làm”.

Ở Java chúng tôi có châm ngôn là bốn chị em được người thứ năm kết hợp lại. Người thứ năm là người chồng. Hình tượng của sự kết hợp đó là ngón tay cái tượng trưng cho người chồng, và bốn ngón tay còn lại là bốn người vợ. Bốn ngón tay kia và ngón tay cái tạo thành một bàn tay toàn diện. Một nhóm gồm 5 thành viên thích ứng có thể làm được nhiều hơn mỗi ngón tay.

Khi trở về nhà mình ở Nam Dương, tôi được tin là những người bạn đồng liêu của mình ở Mỹ đã tìm cách kêu điện thoại gọi mình. Khi tôi liên lạc điện thoại với Livingston Dodson, thì anh cho biết là rất cần sự có mặt của tôi ở Mỹ. Trước hết, anh cho biết cuốn sách đầu tiên của tôi là Inner Wisdom đã bán hết. Phải bàn luận lại để cho in thêm. Nhưng điều quan trọng hơn là hiện có một luồng gió mới về tâm linh đang thổi bên kia nơi các quốc gia Tây phương, nên cần có sự hiện diện của tôi để tương tác. Tôi nói với anh rằng mình cần độ một vài tuần nữa để chuẩn bị qua Mỹ.

Những người đi tìm đạo ở Tây phương không còn muốn chấp nhận nữa những học thuyết tôn giáo chỉ dựa trên đức tin. Trí thức họ luôn tìm cách hiểu được lô-gích của mọi việc, kể cả tâm linh và tôn giáo. Họ muốn hiểu được những gì có nghĩa lí. Họ không muốn bị hạn chế trong phạm vi một tôn giáo hay tín ngưỡng nào đó. Họ muốn được tự do và cởi mở trong việc đi tìm những trị giá phổ quát.

Điều đó khiến họ đến gần hơn thực chất của tất cả các tôn giáo là Ánh Sáng của Thượng Đế vốn không có hình thù và danh hiệu - Ánh Sáng Vĩnh Cửu không bị giới hạn trong không gian và thời gian.

Vì từng nghiệm được những điều kì diệu về tâm linh tại Chùa Phật Ngọc Lục Bảo, nên tôi gọi điện thoại cho Yoenyaw, để cho hay

là trên đường qua Mỹ mình muốn ghé lại Bangkok một vài ngày.

Yoenyaw gặp tôi tại phi trường quốc tế Don Muang. Cô cho tôi trọ tại căn nhà khác nhỏ bé của cô. Ở Bangkok mỗi ngày tôi đến thăm Chùa Phật Ngọc Lục Bảo mấy tiếng đồng hồ.

Trước ngày tôi đi Mỹ, Yoenyaw có thì giờ đi thăm chùa cùng tôi. Đến chùa, chúng tôi đi qua hành lang nơi anh hùng ca Ramayana được sặc sỡ phô bày trên tường. Yoenyaw chỉ vào hình của Hanoman, con khỉ trắng, đang căng phòng trên bầu trời trong tư thế triwikomo hay sự căng phòng của linh hồn.

Tôi nói:

-Yoenyaw, thiên hạ nghĩ rằng anh hùng ca *Ramayana* chỉ là truyện thần tiên, vì phần đông không thể trông thấy hay nghiệm được thế giới tâm linh. Thực ra, những nhân vật đó, như Hanoman chẳng hạn, có thật trong thế giới tâm linh. Những nhân vật như Hanoman chẳng hạn quả thực có trong thế giới tâm linh và đóng một vai trò quan trọng trên thế gian này.

“Hiện nay Hanoman đã lớn tuổi hơn nhiều và là hiền nhân Beghavan Mayangkoro. Ông chỉ xuất hiện, khi một biến cố trọng đại sắp xảy ra. Ông canh gác cho *Wishnu*”.

“*Wishnu* thực ra là ánh sáng dưới hình thức thiên khải. Bất cứ ai nhận được ánh sáng đó thì nội tâm trở nên uyên thâm. Trong anh hùng ca *Mahabaratha* người nhận được sự mặc khải của *Wishnu* là Kreshna. Trong *Ramayana* thì đó Romo”.

“Theo lịch sử thì Đức Phật cũng nhận được sự mặc khải. Hanoman hay Beghavan Mayangkoro đã từng đến thế gian này. Nhiều người vừa trông thấy ông ở Java. Beghavan Mayangkoro đang âm thầm hoạt động nơi hậu trường trong thế giới tâm linh, để làm những điều này nọ xảy ra. Những sự việc bề ngoài như

ngẫu nhiên thực ra đã được các thực thể trong thế giới tâm linh sắp đặt trước”.

Tại Bangkok tôi cáo từ các linh hồn của tổ tiên và cộng đồng Phật giáo Thái Lan. Tôi cầu nguyện bằng tiếng Java bác học.

*Tôi xin phép quý vị là tổ tiên và cao tăng của Thái Lan*

*Tôi là Hartono Suryoatmojo, một kẻ hèn mọn, đến đây gặp quý vị*

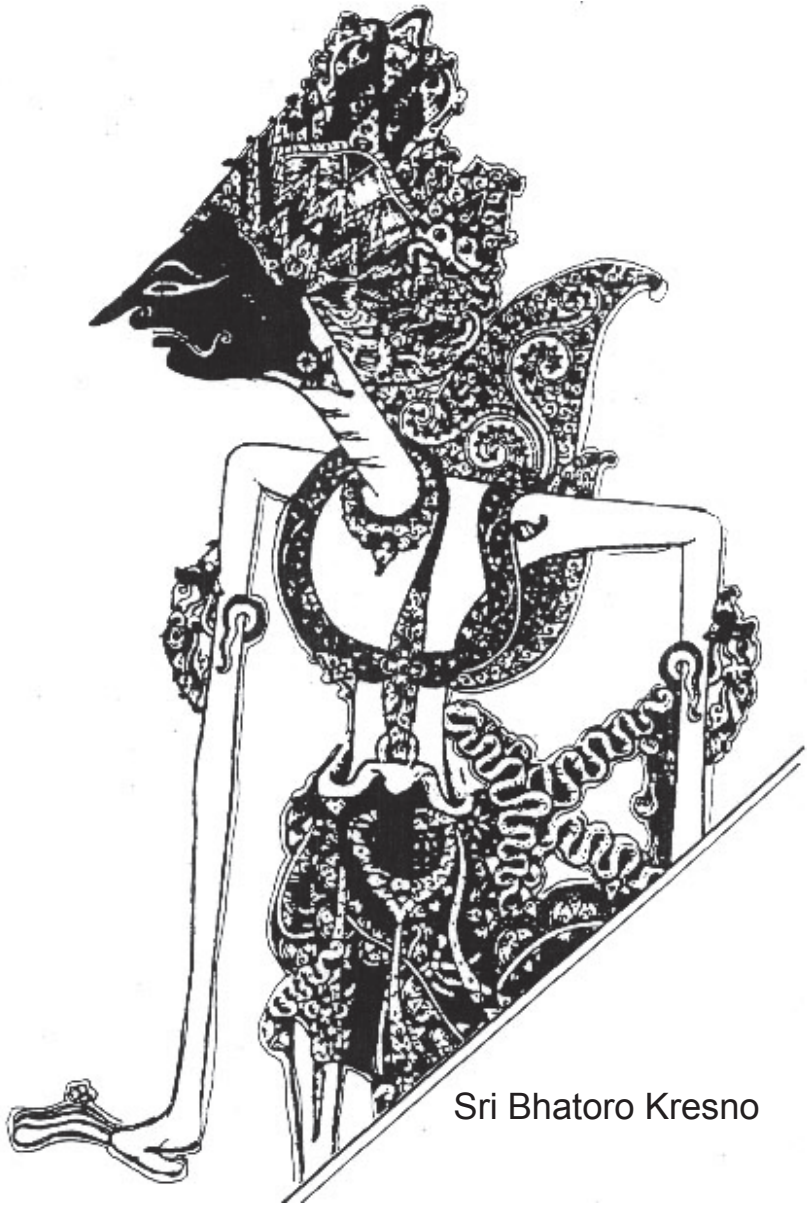
*Tôi đến đây để cáo từ, vì ngày mai tôi sẽ vượt đại dương để đến nhiều nơi trên thế giới*

Đi với mục đi làm cho cái thế giới thật đẹp này được đẹp thêm

*Xin quý vị chúc phước và phù hộ cho tôi*

Để trong chuyến đi này tôi luôn kiếm được một nơi chốn thanh cao, được may mắn và không bị nguy hại





Sri Bhaturo Kresno

## Đạo Hindu ở Java và sự tăng trưởng của linh hồn

Ban đầu chế độ đẳng cấp là những giai đoạn về sự phát triển của nội tâm. Trước khi nhận được sự giác ngộ tâm linh, con người chưa có địa vị tâm linh và như vậy là một *pariah*.

Sau khi nhận được sự giác ngộ, linh hồn bắt đầu tăng trưởng. Từ một cái chấm nhỏ bé là ánh sáng, kích thước chỉ bằng một hạt tiêu, nó phát triển thành một ánh sáng càng lúc càng lớn và loại bỏ ra ngoài những dơ bẩn và bệnh tật của cơ thể. Giai đoạn phát triển nội tâm trong đó linh hồn hoạt động để thanh lọc cơ thể và làm nó thành một nơi trú ẩn tạm thời nhưng trong sạch và lành mạnh, được gọi là giai đoạn vật chất.

Kế đến linh hồn sẽ hoạt động để thanh lọc trí óc, tâm cảm và xúc động, trong khi dục vọng được đẽ gọt khiến cho có kích thước thích ứng, được làm cho cân bằng và sắp xếp lại thành một cơ cấu hài hòa.

Linh hồn càng lúc càng tăng trưởng thành một ánh sáng to lớn hơn, tương tự sự tăng trưởng của thảo mộc hay cây cối. Trong giai đoạn này, linh hồn sẽ triển khai một ăng-ten, để có thể trực tiếp nhận được một tín hiệu liên lạc của Thượng Đế. Giai đoạn này được gọi là giai đoạn thảo mộc của sự phát triển tâm linh. Người Java gọi linh hồn trong giai đoạn đó là *Tejo manther sak sodo lanang*. *Tejo* nghĩa là ánh sáng. *Manther* nghĩa là chiếu sáng. *Sak* nghĩa là kích thích của. *Sodo* là xương lá dứa. *Lanan* nghĩa đen là giống đực, theo ngữ cảnh nó có nghĩa là to lớn. Vậy *Tejo manther sak sodo lanang* nghĩa là một tia sáng dài lớn chiếu sáng từ trong lòng con người. Khi linh hồn đã phát triển từ một chấm ánh sáng nhỏ bé thành một tia sáng dài rộng, thì con người có thể thường xuyên tiếp xúc và liên lạc với Ánh Sáng của Thượng Đế. Nghĩa là mình có thể nhận được một *dzikir* thường xuyên (tụng niệm trong lòng).

Kế đến, linh hồn sẽ phát triển những giác quan là cảm quan, khứu giác, thính giác, thị giác và xúc giác. Giai đoạn này được gọi là giai đoạn thú vật của sự phát triển tâm linh. Trong giai đoạn này linh hồn phát triển những giác quan tương tự như của thú vật. Linh hồn bắt đầu nhìn thấy hay chứng kiến được thế giới tâm linh hay vĩnh hằng mà những giác quan của cơ thể không thấy được.

Kế đến, linh hồn phát triển một phương tiện tâm linh của sự hiểu biết, tương tự trí óc mình. Giai đoạn này được gọi là giai đoạn phát triển của con người. Thành quả sự hiểu biết tâm linh không là tư tưởng, lí thuyết hay khái niệm, mà là sự *minh triết của nội tâm*. Nguồn gốc kiến thức của linh hồn không do học hỏi, mà do thiên khả hay việc trực tiếp nhận được nguồn cảm hứng do Thượng Đế.

Khi giai đoạn phát triển của linh hồn là vật chất, ta rất thích những thứ vật chất. Do đó ta có khuynh hướng làm việc với những thứ vật chất, và một *vaisa* là người chọn nghề buôn bán.

Khi giai đoạn phát triển của linh hồn là thực vật, ta rất thích thực

vật, và có khuynh hướng làm việc với thực vật. Người chọn nghề nông là một *sudra*.

Khi giai đoạn phát triển của linh hồn là thú vật, ta rất thích đấu tranh, chinh phục và thống trị. Người có khuynh hướng thích làm chiến binh hay giới chức nhà nước là một *satriya*.

Khi giai đoạn phát triển của linh hồn là con người, ta rất thích khai sáng, khuyên bảo, an ủi, giúp đỡ và yêu thương người khác. Thế nên, một *brahman* là người có khuynh hướng làm thầy giáo hay giáo sĩ.

Một chế độ đại nghị lí tưởng là một chế độ trong đó các đảng phái chính trị đại diện cho 4 nhóm có chức năng nói trên. Những đảng phái đó có căn cứ tồn tại, không như những đảng phái chỉ dựa trên một chính thuyết. Trí óc và ý nghĩ của người này khác với người kia. Không ai có trí óc và ý nghĩ như nhau. Ngay cả trí óc và ý nghĩ của một cá nhân cũng có thể thay đổi nhiều lần. Những đảng phái chỉ dựa trên một chính thuyết không sớm thì muộn sẽ bị sụp đổ.

Quyền lợi của mỗi nhóm có chức năng nói trên thì luôn như nhau. Việc 4 nhóm đó sống hòa hợp chung nhau là tình trạng lí tưởng của một quốc gia theo chế độ đại nghị.

Hiển nhiên sự phân chia hiện nay thành tập cấp không ăn nhập gì tới tình trạng tâm linh của nội tâm. Không có gì bảo đảm là những con cái của một cặp vợ chồng *brahman* sẽ sinh ra với linh hồn *brahman*. Trái lại, luôn luôn có thể có một đứa bé với một linh hồn *brahman* mà cha mẹ là *sudra*. Siddharta Gautama không sinh ra trong một gia đình *brahman*. Phụ thân ông là một nhà vua, một *satriya*. Tuy thế, ông là thủy tổ của đạo Phật và làm công việc của một *brahman*.

Vì những kẻ không nhận được sự giác ngộ chỉ có thể dùng trí óc

và óc tưởng tượng để hiểu tôn giáo gốc của mình, nên hậu quả là những gì họ hiểu được thì khác nhau. Thậm chí có một vài kẻ đã đi đến những kết luận kì cục và ngông cuồng mà hậu quả là có vô số những giáo phái trên khắp thế giới. Những lối hiểu của họ còn có thể bị những sức mạnh xấu xa xâm nhập vào, và chính những sức mạnh đó sẽ dễ dàng xâm nhập vào trí óc và óc tưởng tượng của con người. Do đó có những giáo phái có những lối hành đạo man rợ, như đem con người ra cúng tế để làm vừa lòng những thần thánh chỉ có trong tưởng tượng.

Con người là một thực thể phức tạp, một tạo tác hoàn hảo nhất của Thượng Đế trên trái đất. Trong chương này tôi sẽ cố gắng giải thích sự phức tạp đó.

Có hai thành phần rõ rệt trong con người: đó là bản ngã thường hằng và bản ngã vô thường. Bản ngã thường hằng gồm cơ thể được tạo nên bởi 4 thành tố là đất, nước, khí và ánh sáng. Cơ thể được điều khiển hay vận hành bởi trí óc và những phụ tùng của nó như trí tuệ, kí ức và trí tưởng tượng. Chức năng của nó tương tự cơ quan hành pháp của một chính quyền.

Trí óc tuân theo và thi hành ý muốn của tâm cảm. Tuy nhiên, tâm cảm không là một cơ quan độc tài, mà là một hội đồng gồm nhiều thành viên hay phe phái, tương tự một quốc hội. Do đó mà ý muốn của tâm cảm rất dễ thay đổi. Có một sự tranh chấp quyền hành thường xuyên xảy ra giữa những thành viên của hội đồng. Mỗi thành viên của hội đồng đại diện cho một đảng phái.

Có 4 thành viên bên trong bản ngã thường hằng của con người, đó là lòng tham lam, lòng sân si, lòng ham muốn và lòng kiên nhẫn. 4 cái đó tuân theo mệnh lệnh hay áp lực của những sức mạnh dưới trình độ con người (subhuman forces) ảnh hưởng tới đời sống mình.

Bốn sức mạnh đó là:

Sức mạnh vật chất do những thứ vật chất bao quanh con người.

Sức mạnh thực vật do những thực vật mà con người ăn.

Sức mạnh thú vật do thịt của thú vật mà con người ăn.

Sức mạnh con người do cha mẹ, tổ tiên, do vợ chồng.

Bốn sức mạnh dưới trình độ con người đó có thể so với 4 nhóm người có chức năng trong xã hội là thương gia, nhà nông, quân đội, nhà cầm quyền (hay hành pháp) và các tu sĩ (hay giới lãnh đạo tâm linh) cùng với các giáo chức.

Chính tôi đã nghiệm được những điều đó.

Khi trong giai đoạn vật chất của sự phát triển tâm linh, tôi rất say mê kinh doanh.

Khi trong giai đoạn thực vật của sự phát triển tâm linh, tôi rất thích vui thích, khi làm việc nơi nông trại mình.

Khi trong giai đoạn thú vật của sự phát triển tâm linh, tôi rất vui thích được gần gũi những con thú mà mình nuôi.

Khi trong giai đoạn con người của sự phát triển tâm linh, tôi bỏ lại tất cả những gì mình có ở Indonesia và ra nước ngoài thăm viếng những nhóm Subud tại Á Châu, Phi Châu, Mỹ Châu, để giúp đỡ các hội viên Subud trong giai đoạn kinh nghiệm tâm linh đầu tiên của họ.

Sức mạnh vật chất ảnh hưởng tới con người, khiến mình trở nên ích kỷ, duy vật, có ý muốn chiếm hữu và chỉ tính toán cho cá nhân.

Sức mạnh vật chất tạo nên những tật xấu và tội ác của con người.

Một cá tính duy vật sẽ quý trọng những thứ vật chất hơn mạng sống con người. Do đó có tội ác giết người để đoạt lấy vật chất. Ý muốn chiếm hữu là điều khiến ta ganh ghét những kẻ có nhiều đồ vật hay những đồ tốt đẹp hơn mình. Ta cũng lo sợ mất đi những của cải của mình, và buồn bực nếu mình không có được những gì mình muốn. Một kẻ ích kỉ chỉ tính toán cho cá nhân sẽ chỉ nghĩ tới quyền lợi, thú vui và hạnh phúc mình, ngay cả khi mình phải thí mạng người khác. Sức mạnh vật chất kiểm đường vào ý chí con người thông qua lòng tham lam. Thực chất của lòng tham lam là đất. Đất sẽ nuốt gọn bất cứ những gì chôn trong đất.

Sức mạnh thực vật ảnh hưởng tới con người, khiến mình trở nên thờ ơ, lãnh đạm và tin tưởng số mệnh. Nó khiến con người trở nên như thực vật; mình thờ ơ đến nỗi không muốn hoạt động hay hành động để nắm thể chủ động; mình lãnh đạm và ngu si không biết có những gì đang xảy ra chung quanh. Ta cũng không muốn hành động, để cải thiện vận mệnh mình, mà chỉ có thái độ chịu đựng. Sức mạnh thực vật kiểm đường vào ý chí con người thông qua lòng sân si. Thực chất của lòng sân si là nước. Khi đầy tràn, lòng sân si sẽ phá hủy tất cả những gì trong phạm vi của nó, như nước một con sông bị lụt.

Sau cuộc đảo chánh bất thành của cộng sản ở Indonesia trong năm 1965, những nông dân hiền hòa tại các làng mạc trở nên điên cuồng khát máu. Trong vòng nửa tháng có nửa triệu đảng viên Đảng Cộng Sản Indonesia và những chi nhánh trực thuộc bị sát hại. Ở nông thôn đảng cộng sản đã bị nhổ rễ tận gốc. Trong những trận đánh, quân đội chỉ sát hại một số ít những người cộng sản, phần đông đã bị bắt và nhốt khám để xét xử. Nhưng những nông dân mộc mạc, những kẻ thường thờ ơ, lãnh đạm và tin tưởng số mệnh, do ảnh hưởng của sức mạnh thực vật, đã sát hại người cộng sản một cách tàn nhẫn, vì lòng họ đầy sân si.

Sức mạnh thú vật ảnh hưởng tới con người khiến mình trở thành một con thú. Có đầy sức mạnh thú vật, ta sẽ chỉ muốn tranh đấu

để thống trị, và rất thèm khát những cuộc phiêu lưu tình dục. Sức mạnh thú vật kiếm đường vào ý chí con người thông qua lòng ham muốn. Thực chất của lòng ham muốn là khí. Nên chẳng hạn khi đầy lòng ham muốn tình dục, hơi thở mình trở nên nặng nề, vì nguyên tố của thực chất khí phồng lên.

Sức mạnh con người ảnh hưởng tới chúng ta để mình trở thành những kẻ có tinh người. Sức mạnh đó là nguồn gốc của lương tâm, luật pháp và những chuẩn mực đạo đức, cũng như của lòng gắn bó với gia đình. Sức mạnh con người kiếm đường vào ý chí con người thông qua lòng kiên nhẫn. Thực chất của lòng kiên nhẫn là ánh sáng.

Những sức mạnh dưới trình độ con người cạnh tranh nhau, để thống trị hay điều khiển con người. Chúng nằm ngoài phạm vi của trí óc và ý chí. Nên trí óc và ý chí không thể điều khiển chúng. Trái lại, chúng điều khiển trí óc, ý chí và dự vọng của con người. Chúng thuộc phạm vi của vô thức.

Trí óc, ý chí, dự vọng và 4 sức mạnh dưới trình độ con người đều nằm trong phạm vi của cảm xúc. Tất cả đều tạo thành phần hồn vía (astral part) của con người. Linh hồn nằm trong phần thâm sâu nhất của hồn vía và thể chất (những cái tạo thành bản ngã thường hằng). Linh hồn là bản ngã thường hằng của con người. Nó nằm bên trong phần thâm sâu nhất của con người, trong lúc ta sống trên trái đất và sau khi ta chết. Nếu chưa nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, nó vẫn còn mê ngủ nơi bên trong con người, dưới hình thức một hạt giống chưa phát triển của linh hồn. Người Java gọi kích thước của linh hồn đó là *sak mrico binubut*, nghĩa là một hạt giống chưa được phát triển của linh hồn, nhỏ bé như một hạt tiêu chưa được bóc vỏ. Một hạt tiêu thì nhỏ bé và hình tròn. Nếu vỏ được bóc, kích thước hạt tiêu sẽ còn nhỏ bé hơn nữa. Do đó con người không ý thức được là có linh hồn.



Nhận được Ánh Sáng của Thượng Đế cũng được gọi là nhận được sự giác ngộ. Kết quả là linh hồn sẽ thức tỉnh. Khi linh hồn thức tỉnh, ta bắt đầu cảm nhận và ý thức được là có linh hồn. Sự giác ngộ là một đặc ân của Thượng Đế. Chỉ Thượng Đế mới có quyền ban đặc ân cho những người mà Ngài chọn. Không những là Đấng Toàn Năng, Ngài còn là Đấng Toàn Tri trong sự lựa chọn ai là người được ban cho đặc ân. Sự lựa chọn của Ngài có thể ngoài sự mong đợi và tưởng tượng của trí óc con người. Lịch sử đã không ngớt chứng tỏ điều đó. Phần đông các vị ngôn sứ đều sinh ra trong một gia đình khiêm tốn, không thuộc giới giáo sĩ có chức vụ cao.

Các vị ngôn sứ đều bị coi là kẻ thù của giới giáo có uy quyền, vì lẽ lối suy tưởng, hành động và cư xử của họ không chính thống, trái với thông lệ. Họ đem một nguồn sống và tinh thần mới vào tôn giáo, trong lúc nó đang suy sụp, vì bản ngã vô thường của các giáo sĩ đã đưa ra quá nhiều điều lệ, giới luật và cách lí giải.

Vì những sức mạnh dưới trình độ con người ngoài tầm điều khiển của ý chí và trí óc, nên việc làm này là điều vô ích, nếu ta cố gắng khắc phục những sức mạnh đó qua những phương pháp do ý chí và trí óc tạo ra. Đức Phật đã nhận thức được điều đó, sau khi tu khổ hạnh trong 6 năm mà chẳng có kết quả.

Ngôn ngữ Java là một ngôn ngữ rất khó, vì nó có nhiều trình độ. Chẳng hạn:

Mắt của một kẻ chưa nhận được sự giác ngộ, một *pariah*, là *ciplos*.

Mắt của một kẻ trong giai đoạn phát triển tâm linh là vất chất, một *vasia*, là *moto*.

Mắt của một kẻ trong giai đoạn phát triển tâm linh là thực vật, một *sudra*, là *pandulu*.

Mắt của một kẻ trong giai đoạn phát triển tâm linh là thú vật, một *satriya*, là *paningal*.

Mắt của một kẻ trong giai đoạn phát triển tâm linh là con người, một *brahman*, là *mripat*.

Hiện nay những trình độ đó trong ngôn ngữ Java không còn được dùng nữa để nói về sự phát triển tâm linh, mà để xưng hô tùy theo địa vị xã hội của một người nào đó.

Ngoài 4 nghề nghiệp nói trên là thương gia, nông gia, quân nhân và giáo sĩ hay thầy giáo, người Java còn nói đến một nghề nghiệp thứ 5 là *wali*. Một người đã đạt trình độ thứ năm của sự phát triển tâm linh hay giai đoạn *rochani*, là một *wali*.

Một cách khôi hài Pak Subuh gọi nghề nghiệp thứ năm đó là *Joko Klantung*, nghĩa là một kẻ vô công rồi nghề, hay không có nghề nghiệp.

Sau khi nhận được một thiên khải vĩ đại, Pak Subuh bỏ công ăn việc làm, và bị hàng xóm và thân nhân coi là một kẻ vô công rồi nghề, một kẻ không công ăn việc làm và nguồn thu nhập đều đặn. Tuy thế, một *Joko Klantung* lại là một người có nhiều tài. Đó là một người không ràng buộc mình vào một nghề nghiệp đặc biệt nào, mà có thể làm bất cứ công việc nào khác nếu thấy cần. Theo lối nói tỏ lòng tôn kính hơn của người Java thì đó là một *Raden Ngabehi*, nghĩa là một *Raden* (một người cao quý) có thể làm được mọi việc.

Indonesia hiện nay là một nước cộng hòa theo chế độ đại nghị. Những vương quốc Java thời xưa luôn có một ông vua cai trị. Nguồn gốc quan niệm về quốc vương của Java là cái cơ cấu của những bộ phận thuộc đời sống vĩnh hằng của con người.

Cách hoạt động của những bộ phận thuộc đời sống vĩnh hằng của con người là như sau:

Động lực của cơ thể là *rasa* hay cảm xúc.

Động lực của cảm xúc là *rhasa* hay nội cảm.

Động lực của nội cảm là *kesadaran jiwa* hay trí tuệ của nội tâm.

Động lực trí tuệ của nội tâm là *jiwa* hay linh hồn, và giai đoạn cao cấp hơn là *Ingsun* hay nội ngã.

Chỉ *jiwa* hay linh hồn mới nhận được những mệnh lệnh nơi Ánh Sáng của Thượng Đế hay Nguồn Đại Sinh Lực.

Một người chưa nhận được Ánh Sáng của Thượng Đế, nói cách khác là chưa nhận được sự giác ngộ hay tâm linh chưa thức tỉnh, sẽ không thể cảm nhận và ý thức được những bộ phận của đời sống vĩnh hằng. Những bộ phận đó vẫn còn nằm ngủ trong phần thâm sâu nhất của nội tâm và bị sự bao che của những tầng lớp thuộc đời sống vô thường, những cái của thế gian và chỉ có tính cách nhất thời.

Một người bình thường mà có thể điều khiển được một trong những tầng lớp phía ngoài cùng nhất là trí óc, hầu như là một điều không thể thực hiện được. Chỉ có một vài người có năng khiếu mới có thể ý thức được nội cảm họ là cái đôi khi nhận được sự chỉ dẫn của *jiwa* hay linh hồn dưới hình thức bản năng hay trực giác. Nhưng phần đông người ta chỉ sống với tâm cảm, trí óc, dục vọng và cảm xúc

Quan niệm xưa kia về quốc vương của người Java là quan niệm về một 'nhà vua thánh nhân'. Một nhà vua là thánh nhân và nhận được sự giác ngộ thì có thể cai trị vương quốc mình, nhờ ân huệ, ý muốn và sự hướng dẫn của Thượng Đế.

Người Java có một phương cách được dùng để biết một ông vua là một thánh nhân, hay chỉ là một phạm phu tục tử. Trong

cung vua có một phòng thoáng rộng, một kiến trúc có mái nhưng không có tường mà người ta gọi là *settinggil*. Gốc của *settinggil* là những từ *siti* nghĩa là mặt đất và *inggil* nghĩa là cao lớn.

Đó là một phòng trong cung điện, nơi nhà vua ngồi để chủ trì phiên tòa của công lí. Từ nơi mình ngồi trong *settinggil*, một *pandito-ratu* hay nhà vua thánh nhân phải có khả năng nhìn thấy thanh sắt nhỏ bé trên đỉnh của *tugu* là nơi cách xa mình đến 7 tầm nhìn. Một *tugu* là một cái cột xây cất ngay phía bắc của *settinggil*. Khoảng cách giữa *tugu* và *settinggil* là *pitung pandeleng* nghĩa là 7 tầm nhìn của con người. Ta đi từ *settinggil* tới chỗ tầm mắt mình có thể phóng tới, và đánh dấu một điểm là nơi mình không còn thấy xa hơn nữa. Từ điểm đó ta đi xa hơn nữa tới tầm nhìn thứ nhì của con người, cho tới khi đạt tới cái *tugu*, bằng cách cứ làm như thế tất cả là 7 lần. Tất nhiên, với mắt phàm, nhà vua chỉ có thể nhìn tới điểm thứ nhất.

Trừ phi đã nhận được sự giác ngộ và nhờ đó phát triển được con mắt tâm linh, nếu không thì nhà vua sẽ không nhìn thấy được thanh sắt nhỏ bé trên đỉnh của *tugu* là nơi cách xa mình đến 7 tầm nhìn. Chỉ một nhà vua có thể nhìn thấy nó thì mới được gọi là *Ratu Pandito* và có thể duy trì công lí trên vương quốc mình. Thông qua nhà vua Thượng Đế ban ân huệ cho đất nước và các thần dân. Một đất nước được một nhà vua như thế cai trị sẽ trở thành *panjang a punjung*, nghĩa là đất đai rộng lớn; *pasir wukir loh jinawi*, nghĩa là có những vùng biển, đồi núi và đất đai phì nhiêu, có đủ loại thức ăn, và hàng hóa thì mua bán đều rẻ; *gemah ripah* nghĩa là đông dân cư, trên đất và biển thì tấp nập xe cộ và thuyền bè; *karto pur raharjo* nghĩa là dân chúng thì tận tâm làm việc, chăm chỉ hành nghề; giới quý tộc và các quan chức từ cao tới thấp thì lương thiện và công bằng; quyền hành thu phục được thần dân của nhà vua thì làm mất đi những tật xấu và tội ác.

Tất nhiên không phải bất cứ ai cũng có thể trở thành một nhà vua cỡ đó, vì phải nhận được *wahayu kedaton*. Một *wahayu* là

ánh sáng tâm linh xuất phát từ Thượng Đế dưới hình thức mặc khải. Ai nhận được *wahayu kedaton* thì sẽ có thể trở thành một nhà vua do ân huệ Thượng Đế, và cai trị được đất nước mình với ân phúc và sự hướng dẫn của Thượng Đế.



Borobudur

## Wayang Kulit

*Wayang kulit* hay kịch bóng múa rối đóng một vai trò quan trọng trong giáo dục đạo đức và văn hóa của người Java.

*Wayang* nghĩa là hình bóng và *kulit* là da sống. Gọi là *Wayang kulit* vì những con rối bằng da sống được dùng để hình dung những nhân vật trong truyện. Trên thực tế, *wayang* không chỉ là bóng mà còn bao hàm một ý nghĩa thâm sâu hơn. Đó là việc những gì ta thấy được trong cái thế giới vật chất này chỉ là hình bóng của chân lí trong thế giới tâm linh. Các sự việc trước tiên có và xảy ra trong thế giới tâm linh, là hình bóng được phản chiếu vào thế giới vật.

Từ *wayang* còn được dùng trong những vở kịch khiêu vũ là *wayang wong*. *Wong* nghĩa là con người. Trong *wayang wong* những thiên anh hùng ca *Ramayana* và *Mahabaratha*, con người là những kẻ diễn kịch dưới hình thức khiêu vũ. Tuy không là kịch bóng, nhưng nó vẫn còn được gọi là *wayang*, vì những nhân vật trong truyện chỉ là những phản chiếu hay hình bóng của linh hồn, của những thực thể hay sức mạnh có trong thế giới tâm linh.

Hình thức kịch bóng múa rối hiện nay là kiệt tác của một vị *wali* thuộc thế kỉ 15 ở Java. Ông là Sunan Kalijogo. *Sunan* là danh tước của một *wali*, nghĩa là một người được trọng vọng. *Kali* là con sông và *jogo* là canh chừng. Tên riêng ông được người ta nhắc tới, vì hồi trẻ ông thường làm prihatin (cách hạn chế ăn uống, thú vui và ngủ) bằng cách ban đêm di dọc theo bờ sông và ngược lại. Sunan Kalijogo là một vị *wali* đóng một vai trò quan trọng trong sự bành trướng của đạo Hồi ở Java. Ông đạt được nhiều thành quả, vì những lễ lối thâm nhập ôn hòa.

Phần đông dân Java hồi đó là những tín đồ thành tâm của đạo Hindu. Thấy *Mahabaratha* và *Ramayana* rất được quần chúng ưa chuộng, nên ông không khuyên răn cấm đoán những anh hùng ca đó. Thay vì vậy, ông dùng những anh hùng ca đó là một con đường để làm cho các tín đồ đạo Hindu đổi qua đạo Hồi, bằng cách lồng vào đó những giáo lí của đạo Hồi.

Sunan Kalijogo thực sự là một thánh nhân có thể nhìn vào thế giới tâm linh mà thấy được con người bị khiến cho cử động như những con rối, để diễn một vai trò nào đó trên thế gian này. Người *dalang* (người điều khiển những con rối và nói thay cho các nhân vật) tượng trưng cho Thượng Đế và những nhân vật *wayang* thì tượng trưng cho những nhân vật trong truyện. Kịch được các con rối diễn đằng sau sân khấu, và phía trước sân khấu khán giả thấy hình bóng của chúng.

Màn ảnh phân chia người *dalang* với các con rối ở một bên, bên kia là hình bóng của các con rối. Bên có người *dalang* với các con rối thì tượng trưng cho thế giới vĩnh hằng. Còn thế giới vật chất thì được tượng trưng bởi những hình bóng trên màn ảnh.

Thế giới vĩnh hằng là thế giới đích thực, trong khi thế giới vật chất chỉ là hình bóng. Loài người như những con rối bị giật dây theo bàn tay của Thượng Đế.

Một trong những giáo lí quan trọng nhất của đạo Hồi mà Sunan Kalijogo lồng vào kịch bóng múa rối của Java, là sự tuyên tín không có thần thánh nào ngoài Thượng Đế, không có gì đáng tôn thờ ngoài Thượng Đế, và Muhammed là sứ giả của Thượng Đế. Sự tuyên tín đó là *kalimah syahadah*.

Sunan Kalijogo lồng nó vào một lá bùa hay vũ khí lợi hại nhất thuộc người anh cả của các anh em *Pendowos*, những kẻ thuộc phe chánh, là *Yidishtiro*. Tên của bùa hộ mệnh là *Jimat kalimosodho*. *Jimat* nghĩa là bùa hộ mệnh hay vũ khí lợi hại, và *kalimosodho* là sự trá hình của *kalimah syahadah*. Trong tiếng Java, nguyên âm "a" được đọc là "o".

Trong truyện wayang có nhiều thứ vũ khí lợi hại. Một thứ là *Sunjoto Kuntho*, một mũi tên của *Adipati Karno*. *Karno* nhận được vũ khí đó của phụ thân mình là *Bhatoro Suryo*, Thần Mặt Trời.

Việc là con của *Bhatoro Suryo* có nghĩa *Karno* là kết quả của sự giao hợp giữa hai *jiwa* hay *dewas*. Một *dewa* là một linh hồn cao cấp. Khi *Karno* sinh ra, cha mẹ ông là những người có linh hồn cao cấp. *Karno* cũng có tên là *Suryoatmojo*, nghĩa là đứa con của mặt trời. Động lực của sự giao hợp có thể là *jiwa* (linh hồn) hay *nafsu* (dục vọng).

Trong sự giao hợp tình trạng nội tâm của một cặp vợ chồng là điều định đoạt tình trạng nội tâm của đứa bé sinh ra. Đứa bé như là tấm hình của tình trạng nội tâm của cha mẹ nó, trong lúc giao hợp.

Người Java nhận thức được điều đó. Những người Java minh triết thường khuyên răn là vợ chồng nên giao hợp sau nửa đêm và trước bình minh. Đó là những lúc phần đông thiên hạ đã ngủ, và thế giới chỉ hơi bị ô nhiễm vì dục vọng và sức mạnh hạ đẳng. Nếu giao hợp trong lúc đó, thì động lực hầu như do chân tâm. Lúc ban ngày hay đêm chưa khuya, những ham muốn về tính dục hầu như



do dục vọng.

Sự khó khăn là không có nhiều người có đủ kiên nhẫn đợi chờ tới nửa đêm. Những người tập *prihatin* đều biết rằng nhịn ngũ còn khó hơn nhịn ăn uống và vui thú. Do đó mà nhịn ngũ đáng làm hơn.

Những người Java minh triết thường khuyên rằng khi bị sốc hay xúc động mạnh thì không nên giao hợp. Cú sốc và sự xúc động mạnh sẽ cấy vào đứa bé, nếu kết quả sự giao hợp là mang thai.

Karno là kết quả của sự giao hợp do *dewa* hay *jiwa*, và như vậy là sự giao hợp do Ánh Sáng của Thượng Đế. Bởi *jiwa* chỉ có thể tuân theo Ý Thượng Đế.

Kết quả Karno là một linh hồn vĩ đại có một vũ khí lợi hại là mũi tên Sunjoto Kuntho, một mũi tên có thể tự tìm đến mục tiêu như một hỏa tiễn được điều khiển. Bất cứ ai bị vũ khí đó bắn trúng đều phải chết, dù mình hùng mạnh tới đâu đi nữa. Tuy nhiên, mũi tên Sunjoto Kuntho không tìm được đến mục tiêu và trở về tay trắng với chủ nhân của nó, khi nó nhắm vào Yudistiro. Sở dĩ vậy là vì Yudistiro có *Jimat kalimosodho* (sự tuyên tín được che dấu của đạo Hồi, như đã nói trên kia)

Sau khi nhận được *Jimat kalimosodho*, nghĩa là sau khi được khai tâm vào đạo Hồi, Yudistiro được thanh lọc khỏi dục vọng và những sức mạnh thấp kém. Cho nên, Yudistiro hoàn toàn không có tư lợi, sân si và những ham muốn thấp kém. Vì ông không sân si, nên người ta không thể sân si với ông. Vì không thù ghét ai, nên ông không trở thành mục tiêu sự thù ghét của người khác. Vậy nên, Sunjoto Kuntho không thể bắn trúng vào ông. Người Java rất nể phục *Jimat kalimosodho*.

Trước kia họ nghĩ rằng Sunjoto Kuntho có thể đâm thủng bất cứ vũ khí siêu đẳng nào, như *aji aji tamang wojo* (một quyền năng

siêu đẳng để tự vệ có hiệu quả như một cái khiên bằng sắt) hay *aji aji lembu selikan* ( một quyền năng siêu đẳng để tự vệ khiến vũ khí của địch thủ cách xa mình một tầm tay mà không đụng vào mình được). Vì trội hơn những quyền năng siêu đẳng nhất là *aji aji tamang wojo* và *aji aji lembu selikan*, nên *Jimat kalimosodho* hiển nhiên là điều cố phải đạt được. Nhiều nhà lãnh đạo Java đến gặp Sunan Kalijogo, để tìm hiểu nhiều hơn về *Jimat kalimosodho*.

Họ dần dần được làm cho hiểu được rằng sự an toàn nhất không là nhờ chạy đua vũ trang, mà nhờ hòa bình. Bằng cách vào đạo Hồi, ta được an bình với chính mình và an bình với những người khác. Nếu được an bình với những người khác, ta không còn cần đến những vũ khí lợi hại. Họ hiểu được thông điệp đó và xin theo đạo Hồi.

Một trong những nhà lãnh đạo quan trọng nhất theo đạo Hồi là Ki Ageng Selo. Ki Ageng Selo sau này lấy tên Hồi giáo là Kyahi Ngabdurachman. Cháu trai ông, Raden Sutowijoyo, lập nên triều đại Mataram. Ki Ageng Selo là hậu duệ của nhà vua cuối cùng theo đạo Hindu là Browidjojo Đệ Ngũ của Mojopahit.

Sunan Kalijogo cũng hiểu được rằng thực chất của các tôn giáo không mâu thuẫn nhau. Trái lại, các tôn giáo bổ túc và làm phong phú cho nhau. Cho nên, ông có thể dễ dàng dùng thực chất của đạo Hindu, để dẫn dắt thiên hạ vào đạo Hồi.

Có hàng trăm *wayang lakons* hay kịch *wayang* mà phần nhiều được sáng tạo bởi những cá nhân là *dalang*, trong đó có Sunan Kalijogo là nhân vật vĩ đại nhất. Những lakons hay kịch đó không có trong bản gốc của những anh hùng ca Mahabaratha và Ramayana.

Ngoài tính chất quý tộc, lãng mạn, anh hùng, triết học và huyền bí, những kịch *wayang* của Java còn có đầy những điều mô tả về sự phát triển tâm linh của con người. Cũng được mô tả là những biến cố và những gì xảy ra trong thế giới tâm linh nhưng ảnh hưởng tới

những diễn tiến trong thế giới vật chất.

Thỉnh thoảng Thượng Đế tỏa ra một chút Ánh Sáng vào trí óc con người. Trong ngôn ngữ bình dân, một điều như vậy được gọi là *tia chớp của cảm hứng*. Đó là cái cảm hứng khiến cho con người có được những ý nghĩ và tư tưởng mới mẻ. Chẳng hạn, những chính phủ có chế độ khác nhau như quân chủ và đại nghị thực ra là hình bóng của những bộ phận thuộc đời sống tâm linh được phản chiếu vào trí óc mình, trong lúc trạng thái của một người nào đó được yên tĩnh và sáng suốt. Cảm hứng được trí óc con người chuyển đổi thành tư tưởng và ý nghĩ.

Ở Java những buổi trình diễn *wayang kulit* được những người thuộc mọi tuổi tác, mọi tầng lớp xã hội thưởng thức.

Sự hiểu biết về những truyện *wayang* thay đổi tùy theo khả năng lĩnh hội tâm linh và trí tuệ của mỗi người. Trẻ thơ, chẳng hạn, thì thích những con rối *wayang* đủ màu và đẹp để được *dalang* (người điều khiển những con rối) làm cho nhảy múa và chiến đấu.

Nhạc *gamelan* và những giọng hát của các *sinden* (những người nữ xướng ca) hòa lẫn với giọng ca của những người nam khiến ta tạm thời được đưa lên một bầu trời thanh tịnh và an hòa. Ánh đèn dầu lung linh làm cho các hình bóng trở nên sống động và khiến ta thấy mình gần gũi hơn với lĩnh vực tâm linh.

Mọi người đều thích coi những trò hề của các *Punokawan* là những nhân vật đóng vai đầy tớ. Những nhân vật đầy tớ đó cũng là các *kawan*, nghĩa là những bạn bè hay người khuyên giải, và đôi khi họ cũng đóng vai trò cố vấn cho chủ mình.

Ngôn ngữ và văn chương tinh vi của Java được các *dalang* bày tỏ một cách hoàn toàn làm cho những khán giả có học thức hài lòng và vui thích. Lòng ái quốc, danh dự và tinh thần mã thượng được khơi dậy trong tâm trí và cảm xúc của khán giả. Thiên hạ thấy ghê

tởm và xấu hổ, khi nhìn thấy mình là những yêu tinh, những kẻ ác ôn tham lam, giả dối, có tính nết và những thói quen xấu.

Những ai đã trưởng thành luôn học hỏi được điều gì mới mẻ và khiến mình suy nghĩ trong *wayang kulit*, vì Sunan Kalijogo đã đưa vào đó rất nhiều điều uyên thâm. Có những điều thâm sâu đến nỗi ngay cả người *dalang* cũng không hiểu được những chân lí ẩn tàng trong kịch bóng. Nên có châm ngôn này: Chỉ một *wali* mới hiểu được một *wali*. Ta chỉ hiểu được thế giới tâm linh, nếu chính mình đã đi vào và nghiệm được thế giới tâm linh.

Để minh giải tôi tìm cách thuật lại một đoạn trong những truyện của wayang, đó là đoạn *Wahayu Makuto Romo*. Trong đoạn *Wahayu Makuto Romo* của wayang kulit Java, Thượng Đế cho đem xuống trần gian vương miện *Romo* có quyền lực tâm linh, và nó đang bay đây đó để tìm một chỗ đậu thích đáng là một cơ thể của con người.

Prabu Duryudono của Hastinopuro nhận được một *wisik* (một chỉ dẫn tâm linh) về điều đó. Ông lập tức kêu đến họp tất cả các thượng quan và cố vấn, cũng như tất cả các anh em mình. Các tướng lĩnh và binh lính của ông cũng đến dự.

Sau một cuộc tranh luận dài lâu, Pandito (hiền nhân) Durno được hỏi ý kiến về việc có thể lấy được và tìm kiếm *Wahayu Makuto Romo* ở đâu. Sau một lúc trầm tư, Pandito Durno nhận được một chỉ dẫn là có thể lấy được *Wahayu Makuto Romo* tại đỉnh núi Kutorunggu.

Adipati Kamo được phái đi lấy *Wahayu Makuto Romo*. Có một đạo quân hùng hậu đầy đủ khí giới đi theo ông. Patih (tể tướng) Sengkuni cũng đi theo ông để giám sát và cố vấn ông. Trong khi đó thì Harjuno, một người trong đám *Pendowo* (đám *Pendowo* gồm 5 anh em), đã đi khỏi vương quốc Amartho, để tìm gặp Shri Bhatoro Kresno đã mất tích từ nơi cung điện của ông tại Dworowati.

Harjuno không nói cho những người trong gia đình mình, những anh em và những người vợ mình, biết về việc mình đi tìm Shri Bhatoro Kresno. Harjuno nghĩ mình sẽ sớm gặp được Shri Bhatoro Kresno, rồi nhanh chóng trở về nhà sau đó. Ông không ngờ rằng mình sẽ mất nhiều thời gian để tìm gặp Shri Bhatoro Kresno. Ông đi tìm khắp nơi, nhưng Kresno vẫn vắng bóng.

Prabu Kuntho Wibisono, một người đã bỏ ngôi vua của Sengglapuro để trở thành một hiền nhân, đang ở một nơi chốn có tên là Hamulyoso, trên sườn núi Kutoronggo. Ông nhường ngôi vua lại cho con mình là Prabu Denthowilokromo, và được mọi người gọi là Bhegawan (hiền nhân) Kuntho Wibisono.

Sau nhiều năm thánng kiên nhẫn, thành tâm, quy thuận và phục tòng, ông được Thượng Đế ban ân phước và đạt được một trạng thái trong đó bốn người anh em tâm linh của mình có thể tách biệt được ra khỏi linh hồn mình. Bốn người anh em tâm linh đó được đẩy ra khỏi cơ thể ông.

Ra ngoài cơ thể ông họ trông như những người khổng lồ.

Họ tự nhận mình như sau:

Người thứ nhất:

- Tôi là Koloangkoro và được tạo thành do ánh sáng màu đen. Tôi cư ngụ trong dạ dày ông, và tạo nên một ảnh hưởng qua miệng lưỡi ông, khiến ông thèm ăn uống, và nhờ vậy tạo sức lực cho ông trong suốt đời mình.

Người thứ hai:

- Tôi là Kololudro và được tạo thành do ánh sáng màu đỏ. Tôi cư ngụ trong gan ông và tạo nên một ảnh hưởng qua lỗ tai ông, khiến ông lo lắng, sân si và phẫn nộ, khiến ông nói xấu về những kẻ khác.

Nhưng tôi cũng chưa từng chối từ làm bất cứ những gì phải làm, để tạo cho ông lòng dũng cảm trong suốt đời mình.

Người thứ ba:

- Tôi là Kolosukardo và được tạo thành do ánh sáng màu vàng. Tôi cư ngụ trong tim ông, và tạo nên một ảnh hưởng qua cặp mắt ông, khiến ông ham thích những thứ đẹp đẽ. Nhưng đôi khi tôi cũng khiến ông ham thích những gì thuộc về người khác, và khiến ông trở nên bất lương.

Người thứ tư:

- Tôi là Nugroho và được tạo thành do ánh sáng màu trắng. Tôi cư ngụ trong xương cốt ông và tạo nên một ảnh hưởng qua lỗ mũi ông, khiến ông có một thái độ cao thượng và hành động một cách cao thượng. Tôi cũng khiến ông cảm thấy mình gần gũi với Thượng Đế, thương xót những người khác và luôn muốn tha thứ cho những ai đã chơi xấu với mình. Tôi cũng luôn khiến ông bố thí cho những kẻ cần được bố thí.

Nugroho nói thay cho bốn người anh em:

- Bốn người chúng tôi đã phục vụ ông trong suốt cuộc đời ông. Tại sao ông đẩy chúng tôi ra khỏi cơ thể ông? Chúng tôi không thể chấp nhận cách đối xử của ông.

(Bốn thực thể tâm linh đó thực ra là bốn tấm lòng của Kuntho Wibisono. Người Java gọi linh hồn và bốn tấm lòng đó là *Sedulur Papat kelimo pancer*, nghĩa là bốn anh em có thêm một người thứ năm khiến họ được đoàn kết.)

Kuntho Wibisono đáp:

- Các bạn không chịu chấp nhận như vậy là không đúng. Các bạn không thể tự mình sống được trên thế gian này. Cách duy nhất khiến các bạn sống được nơi đây là ở chung với tôi nơi bên trong tôi. Đó đã từng là ý muốn hay quy luật của Thượng Đế.

- Tôi đã đón nhận các bạn, kể từ lúc chào đời khỏi bụng mẹ. Quả thực các bạn đã giúp ích cho tôi rất nhiều. Các bạn đã giúp tôi làm được những gì tôi muốn làm, và đạt được những gì tôi muốn đạt trên thế gian này.

- Tuy nhiên, các bạn nên hiểu rằng tôi là nhân vật chính. Các bạn chỉ là những kẻ được tôi cho đi theo. Các bạn đã được cho ở chung nơi bên trong tôi, kể từ khi tôi sinh ra trên trần gian.

- Bây giờ tôi đang chuẩn bị trở về thế giới bên kia. Tôi không cần tới các bạn nữa. Trong lúc tôi sống trên thế gian này, các bạn đã giúp đỡ và hỗ trợ tôi rất nhiều. Nhưng khi tôi trở về nơi chốn cội nguồn của mình tại thế giới bên kia, các bạn lại trở thành gánh nặng và chướng ngại.

- Do đó mà tôi đã đem các bạn ra khỏi nội tâm mình.

Nugroho nói thay cho các anh em mình:

- Xin ông đem chúng tôi theo lên thiên đàng. Chắc ông không muốn các anh em tâm linh của mình phải luẩn quẩn trong một *kayu watu* (một thân cây hay tảng đá) như những hồn ma không nơi nương tựa. Điều đó sẽ làm hại thanh danh ông.

Kuntho Wibisono:

- Chính tôi cũng chưa thể trở về thiên đàng. Làm sao tôi có thể đem các bạn theo? Chúng ta vẫn còn phải hoàn thành một số bổn phận nơi đây trên trần gian, sau khi đi khỏi cơ thể mình.

- Các bạn nên đi kiếm Harjuno là người thứ ba trong năm anh em *Pendowo*. Hãy giúp cho ông thắng được được trận chiến Bharotoyudo sắp xảy ra. Biết đâu đấy, sau khi các làm việc nghĩa, Thượng Đế sẽ ban ân phước cho các bạn được lên thiên đàng.

Bốn người anh em tuân lệnh và đi kiếm Harjuno.

Dù tôn giáo mình theo là gì đi nữa, khi thực sự tiến bộ về tâm linh, ta sẽ đạt được trạng thái không bị ảnh hưởng và sự chi phối của bốn tấm lòng nói trên. Những người đã sáng tác văn hóa *wayang kulit* của Java đã đạt được trạng thái đó, bởi vì nếu tự mình không nghiệm được, thì ta không thể minh giải với những chi tiết rõ rệt. Xét theo con mắt tâm linh, bốn tấm lòng đó quả thực là những thực thể tâm linh khổng lồ.

Trong đạo Hồi, những người đã phát triển về tâm linh phải có khả năng xua đuổi bốn tấm lòng đó khỏi cơ thể, khi họ thực hiện *solat* hay làm lễ cầu nguyện. Nhờ vậy mà bốn tấm lòng đó không gây phá sự kết hợp với Thượng Đế.

Khi làm lễ xong, người Hồi giáo quay đầu qua bên trái và nói một điều có ý nghĩa chào hỏi và cầu chúc Thượng Đế ban ân phước cho người khác. Sau đó, họ quay đầu qua bên phải và cũng nói y như vậy. Lễ nghi đó phải được thực hiện, dù là cầu nguyện trong một giáo đường với nhiều người khác, hay chỉ có một mình ở nhà.

Thực ra, những lời chào hỏi đó là đối với bốn người anh em tâm linh là những người đứng đợi ngoài cơ thể, khi ta làm lễ cầu nguyện. Khi ta làm lễ xong, bốn người anh em tâm linh hay bốn tấm lòng của mình nhập vào cơ thể trở lại. Ta cần bốn tấm lòng đó để đối phó với cuộc đời mình trên thế gian.

Nếu không đẩy ra ngoài bốn tấm lòng đó trong lúc cầu nguyện, ta sẽ luôn bị xáo trộn vì những ý nghĩ, tưởng tượng, ham muốn và cảm xúc về thế gian và v.v..



Thế nên, tuy mỗi tôn giáo có những lễ nghi, học thuyết và giáo lí khác nhau, nhưng cái thực chất hay nội dung nơi trình độ tâm linh thì y như nhau. Tuy nhiên, chỉ có ít người đã đạt được cái thực chất, cái chân lí trên thực tế của tôn giáo. Phần đông các tín đồ của một tôn giáo chỉ theo được cái *Shariat* hay những lễ nghi theo truyền thống, và đó chỉ là cái dung lượng của tôn giáo. Cái dung lượng đó khác nhau tùy theo mỗi tôn giáo, nhưng khi đã đạt được cái *hakekat* thì ta thấy tất cả những cái đó đều như nhau, vì tất cả đều xuất phát từ Thượng Đế.

Nếu thiên hạ dùng trí óc, dục vọng, cảm xúc và trí tưởng tượng, thì những tín ngưỡng khác nhau sẽ trở thành đối tượng của sự tranh cãi càn xung đột, và điều này có thể gây ra một cuộc chiến ác liệt, nhưng tôn giáo đã được Thượng Đế ban cho con người để đem tình thương và hòa bình đến thế gian.

Sau khi đạt được trạng thái tâm linh đó, Bhegawan Kuntho Wibisono trông thấy một ánh sáng tâm linh trên đỉnh núi Kutorunggu và đi lên đó. Tới nơi ông nhận thấy nơi chốn đó là nơi trú ẩn đẹp đẽ của Bhegawan Kesowowidhi. Nhờ trạng thái tâm linh trong sáng của mình, Bhegawan Kuntho Wibisono có thể nhận biết được thực ra Shri Bhatoro Kresno đã cải trang thành Bhegawan Kesowowidhi.

Bhegawan Kuntho Wibisono yêu cầu Bhegawan Kesowowidhi trợ giúp mình, để dẫn dắt mình vào thế giới tâm linh, khiến mình thoát khỏi được sự ràng buộc của thế giới vật chất. Bhegawan Kesowowidhi vui lòng giúp đỡ nhưng cho ông biết về việc để có thể làm được điều đó, ông phải hiến dâng tất cả tình cảm mình chỉ cho Thượng Đế. Ông không được để những tình cảm khác khiến mình đả đố, ngay cả tình cảm cho gia đình mình.

Họ cùng nhau nhập định và một lần nữa Bhegawan Kuntho Wibisono được Thượng Đế ban ân phước khiến có thể rời bỏ thân xác mình để đi qua thế giới bên kia. Tuy nhiên, khi đến thế giới

bên kia, ông nghe thấy tiếng kêu rên trong cơn đau đớn cực độ gọi tên mình của người anh mình là Kumbokarno. Wibisono đi gặp anh mình, Kumbokarno rất vui mừng được gặp nhau. Ông nói rằng mình đã nhiều lần kêu gọi Wibisono, vì muốn chia sẻ sự giàu có và hạnh phúc mình của tại thế giới bên kia.

Kumbokarno không hiểu tại sao Wibisono đã mất nhiều thì giờ để rời bỏ cái thế gian đầy giả tạo và đau khổ. Kumbokarno khoe những quần áo đẹp mê hồn, sự giàu có và ngôi lâu đài tráng lệ của mình. Ông nói rằng mình vui sướng ra sao, vì có được một nơi chốn cao quý tại thế giới bên kia.

Wibisono nói:

- Anh Kumbokarno, anh đang chỉ sống trong thế giới của tưởng tượng. Lâu đài mà anh trông thấy chỉ là *kayu-watu* (cây cối và sỏi đá). Những quần áo đẹp mê hồn của anh chỉ là vỏ cây và lá khô. Trong tưởng tượng anh vui sướng và giàu sang, nhưng trong thực tế thì anh lại đang kêu rên trong cơn đau khổ cực độ. Anh đã không kiếm được một nơi chốn cao quý tại thế giới bên kia. Anh bị chìm đắm trong thế giới của tưởng tượng.

Do trình độ tâm linh của Wibisono đã đạt tới *hakekat*, thế giới tưởng tượng của Kumbokarno chợt bị tước bỏ. Ông có thể nhận thức được sự thật về những lời nói của Wibisono. Ông không còn nhìn thấy nơi chốn của mình là một lâu đài tráng lệ, mà chỉ là *kayu-watu*. Những quần áo đẹp mê hồn của ông chỉ là vỏ cây và lá khô, và ông liền cay đắng khóc.

- Anh đừng khóc nữa! Hiện nay thì Thượng Đế chưa ban cho anh thiên đàng. Anh hãy trở về thế gian để nhập vào thân thể của Bima. Hãy giúp ông ấy chiến thắng trong trận đánh Bharotoyudo sắp xảy ra. Cầu xin Thượng Đế ban thưởng cho anh thiên đàng vì hành vi cao thượng của mình.

Kumbokarno tuân theo những chỉ thị của em mình. Ông trở về thế gian để đi kiểm Bima. Trong khi đó thì thay vì bay lên thiên đàng, Bheghawan Kuntho Wibisono lại rớt xuống trần gian và thấy mình đứng trên đỉnh núi Kutorunggu. Ông cay đắng khóc trước mặt Bheghawan Kesowowidhi. Bheghawan Kesowowidhi nói với Bheghawan Kuntho Wibisono rằng Thượng Đế đã chưa ban cho ông thiên đàng. Ông vẫn cần phải có mặt nơi đây, để giúp đánh bại và chế ngự những sự xấu xa và tội ác trên thế gian.

Bheghawan Kesowowidhi nói với Bheghawan Kuntho Wibisono rằng không có nơi chốn nào thích hợp cho ông hơn là thân thể của Bheghawan Kesowowidhi và mời ông nhập vào đó. Vậy nên, linh hồn của Bheghawan Kuntho Wibisono nằm trong lòng Bheghawan Kesowowidhi mà thực tế là trá hình của Shri Bhatore.

Tuy đã có thể giải thoát khỏi tất cả bốn tấm lòng nói trên, nhưng Bheghawan Kuntho Wibisono không thể tự giải thoát khỏi sức mạnh con người. Sức mạnh con người thì rất mạnh, mạnh hơn những sức mạnh vật chất, thực vật và thú vật. Chính sức mạnh con người trói buộc chúng ta vào gia đình mình, một sợi dây khó cắt đứt được.

Một người nhà mà mất đi thì phải đau khổ rất nhiều. Do đó mà các quan tòa không được phán quyết những điều liên quan tới người nhà mình. Họ không thể vô tư trong sự phán xử. Cũng do đó mà những kẻ yêu nhau thậm chí có thể tự sát, nếu họ không lấy được người mình yêu.

Một trường hợp điển hình về điều đó ở phương Tây là chuyện tình giữa Romeo và Juliet. Vì gia đình đôi bên chống đối việc họ muốn thành vợ chồng, và áp lực của sức mạnh con người nơi họ khiến yêu họ nhau thì quá mạnh, nên cuối cùng họ đã tự sát.

Một trường hợp khác là tình yêu trong thế kỉ này giữa Vua Edward VIII và cô Wallis Warfield Simpson. Áp lực của sức mạnh

con người nơi họ khiến họ yêu nhau là điều mạnh đến nỗi khiến cho cô Warfield Simpson li dị chồng và Vua Edward VIII phải từ ngôi, và thời gian trị vì của ông chỉ được 325 ngày, khiến ông thành quốc vương Anh đầu tiên tự nguyện bỏ ngôi vua.

Điều may mắn là tình yêu của họ kết thúc một cách tốt đẹp. Ngày 3 tháng 6 năm 1937 họ thành hôn ở Pháp, và sống chung tình cho tới cuối đời. Những kẻ mà tâm trí bị sức mạnh vật chất thống trị, không hiểu ông đã bỏ ngôi vua của Anh quốc và Ái Nhĩ Lan, chỉ để cưới một người đàn bà mà mình thích. Ông đã có thể dễ dàng kiếm một người đàn bà khác làm vợ mà vẫn duy trì được cái địa vị là quốc vương có uy tín nhất trên thế giới.

Dù mạnh tới đâu đi nữa, nhưng sức mạnh vật chất không thể chọi lại sức mạnh con người chân chính. Khi sức mạnh con người của hai linh hồn bám chặt vào nhau, chỉ có cái chết mới chia lìa họ được. Có lời khuyên cho người Java là họ không được khóc, khi một người nhà chết. Khóc lóc chỉ làm cho linh hồn người chết khó đi khỏi được cái thế gian này, như trường hợp của Kuntho Wibisono.

Hanoman, một người đã xa lánh thế sự để sống ẩn dật với danh hiệu là Bheghawan Mayang Koro, đã trở thành đệ tử của Bheghawan Kesowowidhi. Khi được hỏi về mục đích của việc là đệ tử của Bheghawan Kesowowidhi, Hanoman đáp rằng mình không còn hứng thú nhìn những cái đẹp của thế gian này nữa. Ông không còn muốn ăn những đồ ngon và uống nước tươi mát của thế gian này. Ông muốn được hướng dẫn về việc làm cách nào để có một cái chết toàn hảo, khiến linh hồn mình không bị vướng mắc vào thế gian này để thành một linh hồn sống lạc lõng trong một *kayu watu* (cây cối và sỏi đá).

Trong khi đó thì Adipati Karno, Patih Sengkuni và đạo quân Kurowo đã đến Núi Kutorunggu. Khi binh lính mình đóng trên một chỗ cao, Adipati Karno và Patih Sengkuni lên đỉnh núi. Họ ngạc

nhiên nhận thấy một nơi chốn tôn nghiêm và yên lặng. Có nhiều cây mang trái, nhiều cây trồng và cây cỏ tươi tốt, có cả ao cá và nhiều loại hoa khắp nơi. Họ càng ngạc nhiên hơn nữa, khi thấy chủ nhân nơi đó chào hỏi mình với tên tuổi thật của mình. Họ chưa từng gặp nhân vật đó trước đây. Làm sao ông ấy biết được tên tuổi và nơi sinh quán của mình? Ông ấy biết luôn được cả biệt danh họ.

Bheghawan Kesowowidhi, trên thực tế là Shri Kresno đã cải trang, biết họ là ai. Nhưng họ lại không biết được Bheghawan Kesowowidhi là Shri Kresno. Sau những chào hỏi xã giao, Bheghawan Kesowowidhi lễ phép hỏi họ đến đây để làm gì.

Adipati Karno, người cầm đầu phái đoàn, đáp: “Tôi được nhà Vua của Hastinopuro ủy thác cho việc đi tìm kiếm *Wahayu Makuto Romo* để mang nó về. Theo quân sư Bhegawan Durno của nhà Vua thì có thể tìm thấy *Wahayu Makuto Romo* trên đỉnh núi Kutorunggo.

- Tới đây, tôi nhận thấy ông là người duy nhất cư ngụ trên đỉnh núi. Thế nên, tôi tin là *Wahayu Makuto Romo* thuộc quyền sở hữu của ông.

- Nhân danh nhà Vua Duryudono, tôi yêu cầu ông cho tôi *Wahayu Makuto Romo* để đưa cho nhà Vua của Hastinopuro.

Shri Kresno đáp:

- Trước hết, tôi phải cho hay *Wahayu Makuto Romo* không là một vật hữu hình mà ông có thể mang đi.

- *Wahayu* là một ánh sáng tâm linh xuất phát từ Thượng Đế. Chỉ Thượng Đế mới có thể ban cái ánh sáng đó cho người mà Ngài đã chọn. *Wahayu Makuto Romo* là một ánh sáng dưới hình thức thiên khải trong đó có *sự minh triết của nội tâm* khiến cho một

ông vua cai trị được vương quốc mình nhờ ân huệ và sự hướng dẫn của Thượng Đế.

-Kể đến, cách nhận được *Wahayu* là qua *prihatin* và *topo* -đó là sự hạn chế ngũ nghệ, ăn uống và những thú vui của cuộc sống thế gian.

-Ông đã đến đây với một đạo quân đông đảo sẵn sàng dùng vũ lực. Đó không là cách nhận được *Wahayu*. Đó là một cách gây chiến hay một cuộc phản loạn.

-*Wahayu* là một thiên khải dưới hình thức ánh sáng tâm linh. *Makuto* là một vương miện. *Romo* là tên vị vua quá cố của *Ngayodya*, tại *Poncowati*. Cái *Wahayu* này được ban cho một người đã dẹp bỏ được tư lợi để coi quyền lợi của đại chúng là ưu tiên. Ông phải làm *prihatin*, hạn chế ngũ nghệ, ăn uống và những thú vui của cuộc sống thế gian, nếu ông muốn nhận được một *Wahayu*.

Sau khi nghe những gì *Bheghawan Kesowowidhi* nói, *Adipati Karno* bàn luận với *Patih Sengkuni*. *Patih Sengkuni* kết luận *Bheghawan Kesowowidhi* là then chốt khiến lấy được *Wahayu Makuto Romo*. Thế nên, ông phải được dẫn về *Hastinopuro*. Một cách ôn hòa nếu có thể, nhưng nếu không thể thì phải dùng bạo lực mang ông đi.

*Adipati Karno* nói với *Shri Kresno* một lần nữa:

- *Bheghawan Kesowowidhi*, tuy trông nghèo khổ, nhưng tôi là sứ thần của một nhà vua vĩ đại. Trong tư cách đó, tôi không thể trở về tay không. Hình như ông sở hữu *Wahayu Makuto Romo*, hay tối thiểu biết được nó ở đâu. Thế nên, tôi yêu cầu đi với tôi về *Hastinopuro* để trình diện nhà Vua *Duryudono*.

- Tôi mong ông sẽ đi cùng tôi trong sự ôn hòa. Nếu không thì tôi

không còn cách nào khác hơn phải dùng bạo lực để dẫn ông đi.

(Bheghawan Mayangkoro, thực ra là Honoman, một người đã lập được nhiều chiến công trong thời niên thiếu, không thể tự chủ được)

Ông nhảy tới trước mặt Adipati Karno nói:

- Ông chỉ có thể đem Bheghawan Kesowowidhi đi trên xác chết của tôi.

Bheghawan Mayangkoro nói với Hanoman rằng nhìn vào cặp mắt của Karno thì thấy ông ấy đang thách thức cá nhân mình, chứ không là Hanoman. Thế nên, Karno không nên làm cho Karno thất vọng, vì ông ấy muốn thử quyền lực của Kesowowidhi. Hanoman chỉ nên ra tay, khi đạo quân Kurowo bắt đầu tấn công.

Hanoman tuân theo.

Một cuộc thử tài xảy ra giữa Alpati Karno và Bheghawan Kesowowidhi. Là một tướng quân dũng mãnh, Karno nghĩ rằng mình có thể đánh bại ông lão Bheghawan trong nháy mắt. Nhưng chẳng bao lâu, ông nhận thấy mình bị dồn vào thế thủ, thay vì có thể tấn công ông Bheghawan.

Ông dùng tất cả tài năng mình, nhưng vô ích. Thậm chí ông còn thấy khó có thể bảo vệ bản thân mình với một đối thủ tài ba và hùng mạnh. Trong thế bí, Karno dùng mũi tên rất mạnh là Sunjoto Kuntho, để giết ông Bheghawan.

Thấy vũ khí tàn hại đó bắn vào sư phụ mình, Hanoman mau lẹ phản ứng. Ông mau lẹ chụp lấy mũi tên, trong khi nó vẫn còn đang bay trong không trung. Những động tác của ông chớp nhoáng đến nỗi không ai biết được Sunjoto Kuntho chợt biến mất như thế nào.

Thấy vũ khí hùng mạnh và chắc ăn nhất của mình không bắn trúng mục tiêu, Karno bỏ chạy. Ông rất đau buồn, vì không những Sunjoto Kunto đã không trúng vào mục tiêu, mà còn không trở về với mình như thường lệ.

Thấy thủ lĩnh được ngưỡng mộ và hùng dũng nhất của mình bỏ chạy vì chiến bại, toàn thể đạo quân *Kurowo*, kể cả tế tướng gian xảo Sengkuni, hốt hoảng chạy theo. Họ tập hợp lại một khu rừng dưới Núi Kuntorunggo. Không hoàn thành được sứ mệnh của mình, nên Karno không muốn trở về Hastinopuro. Ông thấy thà chết còn hơn là sống nhục nhã.

Tế tướng gian xảo Sengkuni an ủi ông bằng cách khuyên ông về báo cáo cho nhà Vua Duryudono là mình quả thực đã lấy được *Wahayhu Makuto Romo*. Tuy nhiên, trên đường đi về, *Wahayhu Makuto Romo* bị các anh em *Pendowo* cướp đoạt. Cuối cùng Karno đồng ý báo cáo láo cho nhà vua, và họ chuẩn bị trở về Hastinopuro.

Sau khi đạo quân *Kurowo* rút đi, Bhegawan Mayangkoro đưa Sunjoto Kunto cho Shri Kresno.

Shri Kresno:

- Hanoman, làm sao ông có được Sunjoto Kunto?

Hanoman:

- Thưa Bhegawa, trong cơn tuyệt vọng Karno đã bắn Sunjoto Kunto vào ông. Làm như vậy là vi phạm luật lệ của các *Dewa*. Các *Dewa* đã cảnh giác ông là chỉ được dùng Sunjoto Kunto hùng mạnh trong cuộc chiến Bharotoyudo. Karno đã hấp tấp dùng Sunjoto Kunto.

- Kể đến, tôi nghĩ ông đã không biết là Karno bắn Sunjoto Kunto vào mình. Sunjoto Kunto là vũ khí hùng mạnh và chí tử. Nếu ông





Gatokoko  
Gandrung

bị bắn trúng và chết, tôi sẽ mất đi ông thầy đáng kính và thân yêu của mình.

Shri Kresno:

- Hanoman, ông đã phạm vào bốn tội. Thứ nhất, ông đã phạm tội với các *Dewa*. Karno làm những gì phải làm như một chiến sĩ. Khi ông nghĩ mình sắp thua, điều tự nhiên với một chiến sĩ là dùng bất cứ vũ khí nào mình có để giết chết hay đánh bại đối thủ.

- Nếu làm vậy là vi phạm luật lệ của *Dewa*, thì đó chỉ là vấn đề giữa ông và các *Dewa*. Nếu Karno sai trái thì các *Dewa* sẽ trừng phạt Karno, chứ không là Hanoman. Bằng cách chộp lấy Sunjoto Kunto, ông đã trừng phạt Karno mà không được sự ủy nhiệm của các *Dewa*. Ông đã phạm tội với các *Dewa*.

- Thứ hai, ông đã phạm tội với sư phụ mình. Khi tự khiến cho mình là đệ tử của tôi, ông nói rằng mình sẽ tin tưởng tôi. Nhưng khi trông thấy Sunjoto Kunto đe dọa tôi, lòng tin của ông không còn nữa. Ông nghĩ rằng tôi sẽ bỏ mạng, nếu bị Sunjoto Kunto bắn trúng. Vì không tin cậy cái khả năng có thể tránh né Sunjoto Kunto của tôi, nên ông đã phạm tội với sư phụ mình.

- Thứ ba, ông đã phạm tội với những người khác, trong trường hợp này là Karno. Karno là một chiến sĩ, và ngoài ra còn là sứ thần của một nhà vua. Được nhà vua tin cậy, ông cảm thấy mình phải hết sức cố gắng để hoàn thành sứ mệnh.

- Khi lấy Sunjoto Kunto bắn vào tôi, ông muốn thấy được kết quả. Ông sẽ cảm thấy mình đã hoàn thành nhiệm vụ, nếu thấy được kết quả. Vũ khí đó có giết tôi chết được hay không là một chuyện khác. Khi vũ khí đó chợt biến mất, ông đau buồn và thất vọng.

- Thứ tư, ông giấu giếm và sở hữu một thứ không là của mình, mà không được chủ nhân của nó chấp thuận. Ông đã phạm tội

bằng cách đánh cắp những gì của người khác.

Hanoman cay đắng khóc. Ông không ngờ rằng việc làm bốc đồng của mình đã khiến mình phạm bốn tội.

Shri Kresno:

- Hanoman, hình như lúc này Thượng Đế chưa ban ân phước cho ông được trở về thiên đàng. Ông vẫn cần phải có mặt nơi đây. Hãy trở về đền thờ của mình và tiếp tục làm *prihatin*.

- Hãy chuẩn bị cho tới khi được cơ hội giúp sức cho chánh nghĩa. Cầu xin Thượng Đế ban phước cho ông, và chúc ông được trở về thiên đàng, nhờ những công lao của mình.

Hanoman tuân theo.

Sau khi tìm kiếm khắp nơi mà không được gì hết, Harjuno cuối cùng quyết định cầu xin Thượng Đế hướng dẫn mình về việc tìm gặp Shri Kresno ở đâu. Trong trạng thái nhập định ông được cho hay là nếu muốn tìm gặp được Shri Bhatoro Kresno thì ông phải tới đỉnh Núi Kutorunggu, để xin được là đệ tử của Bhegawan Kesowowidhi. Ông hỏi ý kiến của Limar, và Ki Semar cùng với những người con mình là Gareng, Petruk và Bagong đều trung thành đi theo ông để làm tô tử cho ông. Ki Semar khuyên ông nên làm theo những chỉ dẫn nhận được trong trạng thái nhập định.

Trên đường tới núi Kutorunggu, ông gặp bốn người anh em khổng lồ là Koloangkoro, Kololudro, Kolosukardo và Nugroho. Sau khi bàn luận với nhau không lâu, bốn người anh em đó đi đến kết luận anh chàng tuấn tú có nghĩa khí trước mặt mình phải là Harjuno, như sự mô tả của sư phụ mình là Bhegawan Kuntho Wibisono. Họ đến gần Harjuno và tự giới thiệu mình.

Harjuno hỏi ý kiến Ki Semar về việc bốn kẻ khổng lồ đó là ai. Họ

đứng trước mặt ông, nhưng chân họ không đụng đất. Họ có thể trông thấy được khi ông nhìn họ, nhưng lại biến mất khi ông nháy mắt, và khi nhìn trở lại thì ông lại trông thấy họ.

Tuy đóng vai trò đầy tớ của các anh em *Pendowo* trên trần gian, nhưng trên thực tế Ki Semar là một *Dewa* tên là San Hyang Ismoyo. Ông biết được bốn kẻ đó là những anh em tâm linh của Bhegawan Kuntho Wibisono, và cảnh giác Harjuno phải thận trọng.

Bốn người anh em đó bày tỏ ý muốn được đi theo Harjuno, nhưng Harjuno từ chối. Họ dùng vũ lực xông vào Harjuno, và sau một trận đánh ngắn ngủi họ nhập vào được thân thể của Harjuno. Harjuno cảm thấy mình dũng mạnh thêm sau vụ đó và tiếp tục lên đường tới đỉnh Núi Kutorunggu, và bốn người anh em *Punokawan* đi theo ông là Semar, Gareng, Petruk và Bagong.

Đến sườn Núi Kutorunggu, Harjuno trông thấy một tia sáng từ đỉnh núi bắn lên nền trời. Nhờ đó ông biết được mình đi đúng đường và tiếp tục leo núi.

Khi được hỏi tại sao đến đây, Harjuno đáp rằng mình muốn trở thành đệ tử của ngài Bhegawan. Khi được nhận là đệ tử, Harjuno cầu xin ngài Bhegawan hướng dẫn mình, để mình tìm được người anh họ là Shri Barato Kresno. Bhegawan Kesowowidhi nói với Harjuno rằng khi thời cơ đến thì sẽ gặp được Shri Barato Kresno. Trong khi đó thì Harjuno nên ở trên Núi Kutorunggu trong nhiều tháng.

Bhegawan Kuntho Wibisono:

- Hardjuno, tôi biết ông đã nhận được ân huệ của Thượng Đế khiến ông tiếp đón được trong lòng mình bốn anh em tâm linh của Bhegawan Kuntho Wibisono. Họ sẽ giúp ông thắng được trận chiến Bharotoyudo. Ông phải làm *prihatin* trong nhiều tháng.

- Là Đấng che chở thiên hạ, Thượng Đế đã ban cho ông một đặc ân khác - một *wahayu* được gọi là *Wahayu Makuto Romo*, để củng cố vương quốc. *Wahayu* là một đặc ân của Thượng Đế chỉ có thể nhận được bởi một người có đủ sức mạnh tâm linh, và đã làm được nhiều chuyện tốt đẹp cho vương quốc và nhân dân. Một người như vậy thường coi quyền lợi của đại chúng là ưu tiên, và quyền lợi của bản thân là thứ yếu.

*Makuto là cái đội trên đầu của một ông vua, một vương miện. Romo là tên nhà vua của Ngayodya*, đó là nhà vua quá cố Prabu Bhaturo Romo. Trong đời mình, Vua Romo không những chỉ được mọi người thương yêu, mà ngay cả loài khỉ cũng thương yêu ngưỡng mộ ông, và trở thành những binh lính trung thành của ông. Nhà Vua Romo cai trị vương quốc mình theo những nguyên tắc của Hasto Broto.

*Hasto* nghĩa là tám. *Broto* nghĩa là nguyên tắc hay đặc tính.

Tám nguyên tắc hay đặc tính là:

Thứ nhất: *Đặc tính của đất*.

Đất độ lượng, luôn ban tặng và nhận lãnh bất cứ ai đi trên mặt đất.

Nếu có đặc tính đó, con người trở nên khoan dung, sẽ dẹp bỏ quyền lợi cá nhân của mình, và luôn phục vụ cho quê hương và đồng hương một cách kiên nhẫn, chân thành và độ lượng.

Thứ hai: *đặc tính của gió*.

Gió có thể đi tới bất cứ đâu, lên đỉnh núi, xuống thung lũng, đi sâu vào hang động, xuyên qua thành thị làng mạc và đi trên mặt biển.

Một nhà lãnh đạo phải sẵn sàng đi bất cứ đâu, tới những đô thị lớn và những làng mạc xa xôi, không tin vào những báo cáo của các quan chức, mà chỉ trực tiếp liên lạc với các thần dân để biết được tình hình đích thực của đất nước.

Thứ ba: đặc tính của biển.

Một nhà lãnh đạo không được thiên vị trong việc duy trì công lí trên đất nước.

Thứ tư: đặc tính của mặt trăng.

Một nhà lãnh đạo phải đem ánh sáng vào bóng tối, phải soi sáng một tình trạng hay ý nghĩ tối tăm, nêu gương mẫu và giáo dục ngay cả những người dân thấp cổ bé họng tại các làng mạc. Ông phải đối xử tốt với những kẻ thù nghịch mình, và tỏ vẻ thân thiết hơn nữa với những kẻ là bạn mình.

Thứ năm: *đặc tính của mặt trời.*

Ánh sáng mặt trời khiến cho nước bốc hơi thành mây, rồi cuối cùng thành mưa. Một nhà lãnh đạo phải tạo nơi trú ẩn hay bóng mát cho những người chịu khổ vì cơn nắng, phải bố thí tiền bạc cần thiết cho những kẻ bị khó khăn, và không được tích lũy của cải để làm lợi cho cá nhân mình.

Thứ sáu: *đặc tính của bầu trời.*

Bầu trời là cái gì rộng lớn bao bọc vạn vật -núi non, thung lũng, thành thị, làng mạc, đất đai, biển cả và toàn thể thế giới. Một nhà lãnh đạo phải có một tâm hồn cao thượng bao dung được mọi người, từ hạng thấp nhất cho tới cao nhất, hạng nghèo nhất cho tới giàu nhất.

Thứ bảy: *đặc tính của sấm sét.*

Một nhà lãnh đạo phải có khả năng đánh gục tật xấu và tội ác.

Thứ tám: *đặc tính của tinh tú.*

Một nhà lãnh đạo phải kiên định và không được để cho mình dễ dàng bị ảnh hưởng của một phe nhóm nào đó.

- *Wahayu Makuto Romo* chứa những nguyên tắc và đặc tính được gọi là *Hasto Boro*. Bây giờ thì ông đã nhận được cái *wahayu* đó, cái *Hasto Boro* có tám đặc tính cao quý đó sẽ nảy nở trong lòng ông.

Trong khi đó thì Bima cũng lên tới đỉnh Núi Kutorunggu và kết hợp với những người đã đến trước.

Cuối cùng Shri Bhatoro cho biết chân tướng của mình, và mọi người đều lên đường đi về.

Tại sao Adipati Karno lại chiến đấu cho phe tà (các anh em *Kurowo*)? Ở đây ta nên biết một vài điều về bối cảnh của Adipati Karno. Karno cũng được gọi là *Suryoatmojo* (nghĩa là đứa con của mặt trời), vì quả thực ông là con của Bhatoro Suryo, *Dewa* mặt trời. Sự thật ông là đứa con đầu lòng của Dewi Kunthi, bà mẹ của năm anh em *Pendowo*. Vì Kunthi chưa có chồng khi bà được Bhatoro Suryo làm cho mang bầu, nên đứa bé sinh ra bị thả cho trôi lên đênh trên sông trong một chuồng súc vật. Trong lúc trôi dạt xuôi dòng, đứa bé được Hadiroto cứu vớt. Ông cùng người vợ mình là Nodho nuôi nấng đứa bé với tình thương của cha mẹ đối với con cái ruột thịt. Đứa bé lớn lên trở thành một thanh niên cường tráng, và được mọi người biết đến là Adipati Karno. Sau khi Karno sinh ra, Dewi Kunthi có chồng là Pandu, quốc vương của Hastinopuro, và cho ông được ba người con trai là Punthodewo, Bima và Harjuno. Bà vợ thứ nhì của Pandu, Dewi Madrim, sinh

ra những đứa con sinh đôi là Nakulo và Sadewo. Nhưng Pandu và Dewi Madrim đều qua đời, sau khi cặp sinh đôi chào đời. Nên Nakulo và Sadewo đã được Kunthi cho bú và coi đó như con ruột mình. Năm người con của Pandu sau này được gọi là Năm Anh Em *Pendowo*.

Patih Sengkuni và Adipati Karno phục vụ cho Một Trăm Người Anh Em *Kurowo*, và khẩn khoản khuyên họ đừng trả vương quốc lại cho các Anh Em *Pendowo*. Cả hai đều biện hộ cho một cuộc chiến chống lại Anh Em *Pendowo*. Sự khác biệt ở chỗ động lực của Patih Sengkuni là những quyền lợi vật chất cho bản thân, trong khi đó thì Adipati Karno cố tình gây chiến tranh, vì ông biết rằng đó là cách duy nhất để phá hủy những cái xấu trong nội bộ của các anh em *Kurowo*, đó là bằng cách tiêu diệt họ.

Hanoman, một nhân vật xuất hiện trong sử thi *Ramayana*, sinh ra trong bụng của Dewi Anjani. Phụ thân ông, Bhatoro Guru, là thủ lĩnh hay vua chúa của các Dewas. Hanoman sống lâu hơn mọi người trong *Ramayana*. Ngoại trừ Dosomuko hay Rahwana. Rahwana, vua chúa cao lớn của sức mạnh vật chất hay sức mạnh ma vương, không bao giờ chết được, ngày nào còn cái thế gian này.

Hanoman (cũng được gọi là Beghawan Mayangkoro) cũng sống lâu hơn tất cả các nhân vật của *Mahabharata*. Hanoman vẫn còn sống trong thế giới hiện nay của chúng ta. Ông là người duy nhất ngăn cản hay chế ngự được Rahwana. Thịnh thoảng trong lịch sử, Rahwana phá phách, tạo nên những sự tàn phá trầm trọng làm hại cho thế giới và loài người. Trong tình cảnh đó, Hanoman được kêu gọi đến, để đánh bại Rahwana và cứu thoát thế giới khỏi bị tàn phá.

Tại sao Hanoman đã được tạo ra trong hình hài một con khỉ, chứ không là một con người? Đó là vì một con người vẫn còn bị chi phối bởi sức mạnh con người, hay tâm tính con người, và như



vậy thì không thể thích đáng hay trọn vẹn thi hành nhiệm vụ của một chiến sĩ. Một con người thì vẫn còn đầy những bản khoăn đầy tình người như lòng hối hận, thương hại, tha thứ và trắc ẩn. Một tâm tính con người luôn trở nên yếu đuối vì nghi ngờ và ngây ngô, và như vậy thì dễ bị thất vọng và bị chinh phục một cách không thể tránh được bởi sức mạnh của những cái xấu. Một con người thường không có cách nào chống lại nổi những sức mạnh xảo trá, khôn khéo và tàn nhẫn của những cái xấu, và những sức mạnh đó thì bất chấp mọi việc mà thực hiện tội ác. Là một con khỉ, Hanoman không có những nhược điểm đó, và như vậy có thể hoàn toàn trở thành một chiến sĩ - một chiến sĩ không ngần ngại chiến đấu hay chém giết.



*Perkutut Bird s*

## Lời Bạt

Trong thế kỉ 15 ở Java, Sheikh Siti Djenar bị sát hại, vì ông mở đầu cho con đường của *hakekat*.

Trong thế kỉ 20, Java một lần nữa lại được may mắn vì sự ra đời một đứa con của đất nước cũng đã tiếp nhận được con đường của *hakekat*. Ông sinh ra lúc bình minh của ngày 22 tháng 6 năm 1901. Dựa vào thời gian ông sinh ra, người ta đặt tên ông là Muhammed Subuh. Về sau, ông có thêm cái tên Sumohadiwidjojo. Vậy nên, tên họ toàn vẹn của ông là Muhammed Subuh Sumohadiwidjojo.

Con đường của *hakekat* được gọi là *kasunyatan jati* trong tiếng Java. *Kasunyatan* nghĩa là chân lí. *Jati* nghĩa là có thật. Vậy nên, *kasunyatan jati* nghĩa là sự thật đích thực hay sự thật trần trường.

Vì thông thường thiên hạ không hiểu được cái chân lí có thật hay chân lí hiển nhiên, nên Sheikh Siti Djenar có rất ít đệ tử. Một đệ tử của ông, Kebo Kenongo, cũng bị hành hình như Siti Djenar. Tuy nhiên, Kebo Kenongo có một con trai được một người thân nuôi nấng ở làng Tingkir. Người con trai đó được gọi là Joko Tingkir,

nghĩa là đứa trẻ của Tingkir.

Joko Tingkir thừa hưởng những tính chất tâm linh của thân phụ mình. Ban đầu cuộc đời mình chỉ là của một đứa trẻ mồ côi, nhưng về sau Joko Tingkir trở thành vua của Java, và đất nước của ông được gọi là quốc vương Pajang.

Sự thật hiển nhiên về bản thân mình, hay con đường của *hakekat*, quả thực là điều khó chấp nhận được. Người khác mà hiểu được những người đã chấp nhận nó thì lại càng khó khăn hơn nữa. Trước khi nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, đời sống của thiên hạ đã bị điều khiển bởi ý chí và trí óc.

Ý chí và trí óc của con người luôn có khuynh hướng, đặc biệt đối với những người khác, che đậy những gì xấu xa và chỉ cho thấy những gì tốt đẹp về bản thân mình. Vậy nên, những kẻ mà đời sống bị ý chí và trí óc điều khiển, thường sống trong một thế giới giả tạo làm cho mình tin là có thật.

Chẳng hạn, có những kẻ sẽ tươi cười trước mặt bạn bè, hàng xóm hay ngay cả thân nhân mình, nhưng trong thâm tâm thì những kẻ đó lại thù ghét và nguyện rửa họ. Một linh mục hay nhà sư trông bề ngoài có vẻ mộ đạo, vì họ có lối ăn mặc và cư xử của một người mộ đạo, nhưng không có gì bảo đảm là họ cũng mộ đạo trong lòng mình.

Ngày 23 tháng 6 năm 1953, nhờ một sự ngẫu nhiên không mong muốn, tôi trở thành hội viên của hội tâm linh Subud do Pak Subuh sáng lập. Kể từ lúc đó, tôi đã thấy được rất nhiều sự thật trần trường được biểu lộ hay tiết lộ nơi thiên hạ.

Trong mùa *Ramadhan* (tháng trai giới của đạo Hồi) năm 1960, tôi được Pak Subuh phái tới một chi nhánh ở Tangerang miền Tây Java, để khai mở cho một hội viên mới. Tangerang hồi đó được coi là thành trì của nhiều phương pháp tà thuật.

Một đêm nọ trước khi đi, tôi có một chứng nghiệm tâm linh trong đó tôi thấy nội ngã mình đến gần Tangerang. Trong cảnh giới tâm linh, tôi thấy Tangerang là một thành trì vững mạnh bằng đá, với nhiều ma quỷ canh gác nơi đó. Ngoài việc cái thành trì đó được canh gác chặt chẽ, tôi còn thấy nội ngã mình vào đó mà không ai biết. Sáng hôm sau, tôi kể cho Pak Subuh nghe về cái chứng nghiệm tâm linh đó.

Người nói:

- Thì ra là vậy, nội ngã con đã vào được thành trì mà không ai biết. Điều này có nghĩa là con sẽ thành công. Hãy đến đó đêm nay để khai mở cho những người đang chờ đợi mình.

- Tuy mắt phàm không trông thấy được ma quỷ, nhưng jiwa còn tinh khiết hơn ma quỷ.

- Ma quỷ không thấy được *jiwa* con, y như việc mắt phàm của con người không thấy được ma quỷ. Cái tinh khiết có thể thấy được cái thô sơ, nhưng cái thô sơ không thấy được cái tinh khiết.

Đêm hôm đó tôi khai mở được khoảng ba mươi người ở Tangerang. Đêm lúc khai mở thì như có một tiếng nổ của mìn. Căn phòng trong đó xảy ra những cuộc khai mở được Ánh Sáng của Thượng Đế rọi chiếu. Tôi chứng kiến cảnh thiên hạ la khóc, ngay cả bò và sủa như chó. Tôi thấy cảnh thiên hạ giậm chân trên sàn nhà, đấm đá vào tường, Một vài người huýt gió và gãi thân thể mình, họ hành động như loài khỉ và vượn vượn.

Đêm hôm đó tôi còn chứng kiến một điều kì ngộ hơn nữa. Tôi thấy một người vừa chạy lòng vòng, vừa la khóc và chửi bới, tay trái cầm nắm dương vật, tay phải thì đánh đập nó. Kế đến, anh lăn lóc trên sàn nhà, làm chuyện giao cấu, nhưng với sàn nhà cứng lạnh. Sau này, tôi hay được người đó có ba bà vợ, là một hadji và Imam của một chùa Hồi địa phương. Thông thường anh có lối cư

xử của một kẻ mê đạo, nhưng khi sự thật trần trụi của bản tính anh được bộc lộ, thì anh trở thành một con người hoàn toàn khác biệt. Tất nhiên, tôi không còn thấy anh đến tập những xuất latihan kể đó nữa.

Thay vì tạ ơn Ánh Sáng của Thượng Đế sẽ khiến cho những ý nghĩ và ham muốn dơ bẩn được dập tắt, thanh lọc và loại trừ, anh đã không thể chấp nhận cái sự thật trần trụi được bộc lộ về bản tính mình, đặc biệt trước mặt những người khác. Cái ý chí và trí óc điều khiển những hành động và lối cư xử của anh, đã được Ánh Sáng của Thượng Đế làm cho không hoạt động được trong lúc tu tập theo Subud. Nên tuy có thể trông thấy và ý thức được những động tác và hành động tự nhiên của cơ thể, nhưng ý chí và trí óc anh lại không thể ngăn chặn những cái đó và che giấu chân tướng mình.

Vì *sự thật trần trụi* của nội tâm có thể tự động bộc phát thành những cử động và âm thanh tục tĩu, nên đàn ông và đàn bà trong Subud tu tập riêng biệt.

Khi tôi có mặt ở Swaziland, Nam Phi lúc cuối năm 1962, một hội viên đưa cho tôi coi một đoạn được cắt ra của một bài báo về Subud. Kẻ viết bài đó là một kí giả của một nhật báo và anh đã len lỏi vào được một buổi tu tập của Subud mà không ai biết. Những gì anh mô tả về Subud là "một căn phòng ánh đèn mờ nhạt, trong đó mọi người khóc thét, la hét, bò lết và hành động như thú vật".

Lập tức các thẩm quyền của giáo hội đã phản ứng bằng cách cấm đoán Subud, coi đó là ma thuật.

Thiên hạ khó hiểu được việc trên thực tế Subud là việc nội tâm sự chân chính thờ phụng Thượng Đế mà động lực là Ánh Sáng của Thượng Đế, và cái Ánh Sáng đó hoạt động nơi thâm sâu nhất của con người, để tống khứ tất cả những cảm xúc, ý nghĩ và ham muốn bị dồn ép trong nhiều năm. Chính Ánh Sáng của Thượng Đế hoạt

động trong lòng chúng ta, để thanh lọc những dơ bẩn thể chất cũng như tâm linh. Nếu sau này được dịp một lần nữa len lỏi vào một buổi tu tập của Subud, thì anh kí giả nói trên sẽ có thể chứng kiến cảnh những người trước đây khóc thét, la hét, bò lết và hành động như thú vật, thì nay họ lại nhảy múa, ca hát những bài ca siêu thoát hay chỉ yên lặng tiếp nhận cái dzikir là sự cầu nguyện của nội tâm.

Thiên hạ thường quan niệm sự phụng thờ Thượng Đế là có những người ăn mặc đàng hoàng ngồi trong nhà thờ chăm chú nghe giảng đạo, hay đó là những người trong một chùa Hồi hướng mặt về phía điện Kaabah tại Mecca mà cùng nhau làm lễ *sholat*. Những nghi lễ của tôn giáo được thực hiện như thế. Mọi điều được sắp xếp và tổ chức từ ngoại giới, tùy theo một khuôn mẫu hiện tại.

Tuy nhiên, Ánh Sáng của Thượng Đế hoạt động từ nội giới, và kết quả thì trái với cái phương pháp hoạt động từ ngoại giới. Thay vì chế ngự và che đậy những động lực thú vật và ham muốn dơ bẩn với lối cư xử đạo đức, Ánh Sáng của Thượng Đế tổng khứ những cảm xúc và ham muốn dơ bẩn đó, để thanh lọc nội tâm. Chúng kiến và nghiệm thấy những biểu hiện tức thời của cái quá trình đó có thể thấy khó chịu, nhưng đó là sự thật hiển hiện, thay vì là một sự che đậy giả tạo. Sau cái quá trình thanh lọc đó, nội tâm sẽ đạt được một tình trạng an vui và tĩnh lặng, khiến nhận được sự hướng dẫn của Ánh Sáng Thượng Đế.

Hiển nhiên những đệ tử của Pak Subuh như Sheikh Siti Djenar thì không có là bao. Tuy đó là điều kì diệu mà Subud đã bành trướng tới 74 quốc gia, nhưng tổng số các hội viên tích cực trên khắp thế giới không hơn được mười ngàn người.

Tuy khởi đầu với *hakekat*, nhưng về sau Pak Subuh đạt được cảnh giới *marifat*. Trong cảnh giới *marifat*, *hakekat* và *shariat* kết hợp với nhau. *Shariat* là việc thực hành theo truyền thống những

nghi thức của tôn giáo. Trong cảnh giới đó, người ta để hết tâm tư vào tôn giáo, nhưng đối với phần đông thì đó chỉ là tuân theo các nghi thức.

Ở Java tôi thấy nhiều người Hồi giáo đều đặn làm lễ mỗi ngày, nhưng phần đông lại không hiểu được ý nghĩa của những điều mình tụng niệm, vì các câu kinh đều bằng tiếng Ả Rập. Sau *shariat* là *tarekat*. Trong cảnh giới đó, thiên hạ dùng trí tuệ trong những sinh hoạt tôn giáo. Người Hồi giáo học tiếng Ả Rập để hiểu được kinh Quran là thánh thư của họ, và những hadith là các phương châm và lẽ lối cư xử được coi là gương mẫu của thiên sứ Muhammed. Ngoài ra còn có những điều được lí giải khác nhau về Quran và hadith. Shariat tạo nên những truyền thống và nghi thức của tôn giáo. Còn tarekat thì tạo nên thần học.

*Tarekat được phân chia như sau:*

*Tarekat* lí thuyết trong đó thiên hạ dùng trí óc để học hỏi về tôn giáo.

*Tarekat* thực dụng trong đó ngoài trí óc ra thiên hạ còn dùng ý chí để áp dụng những điều được phát hiện về mặt lí thuyết. Những hoạt động đó tạo nên những dòng tu thần bí được gọi là dòng tu Sufi.

Đạt được cảnh giới marifat nghĩa là chân ngã hay jiwa đã phát triển được những phương tiện hiểu biết của chính nó, và đó là sự minh triết của nội tâm. Nhờ *sự minh triết của nội tâm* ta hiểu được rằng tuy ý thức được *sự thật trần trụi* nhưng ta cũng phải dung hòa với *shariat* hay những nghi thức truyền thống.

Vậy, ta nên sống trong xã hội như một người bình thường giữa những người khác mà không có những lối cư xử bất thường hay lập dị.



Như đã nói về *wayang* hay kịch múa rối của Java, những gì chúng ta thấy trong thế giới vật chất trên thực tế là sự phản chiếu của những gì thực sự xảy ra trong thế giới tâm linh.

Trước khi tôi đến khai mở những người thuộc một chi nhánh của Subud ở Tangerang, miền Tây Java, điều nội ngã tôi làm trước hết là thực hiện công việc tâm linh. Về sau, cái bản ngã bên ngoài của tôi chỉ việc đi theo nội ngã như hình với bóng.

Thứ bảy *Kliwon*, ngày 11 tháng 11 năm 1989, trong khi cuốn *Thế Giới Huyền Bí của Java* đang được chuẩn bị để xuất bản, tôi thức dậy lúc một giờ rưỡi sáng sau một giấc mơ.

Trong giấc mơ tôi thấy phụ thân mình tại thế giới bên kia cầm trong tay một cuốn sách. Ông đang tìm cách kêu gọi sự chú ý của một người bạn thân là một y sĩ trong lúc còn sống. Phụ thân có ý định làm cho người bạn mình quan tâm tới việc đọc một cuốn sách có thể khiến mình được khai mở hay tiếp nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế. Vì linh hồn của ông y sĩ đó chưa được khai mở, nên hoàn cảnh ông tại thế giới bên kia thật bi đát. Ông nửa sống nửa chết. Ông không thể mở mắt, dạ dày thì bị sưng phù và hôi thúi. Tình trạng của phụ thân thì rất khá, tốt hơn lúc ông còn sống trên thế gian này.

Khi nhìn cuốn sách ông đang cầm, tôi nhận thấy đó là cuốn *Thế Giới Huyền Bí của Java*. Hình như tác phẩm đó đã được viết trong thế giới vĩnh hằng. Tôi chỉ việc nhận lấy những phản chiếu của nó, trong lúc trí óc mình được an tĩnh và trống không.

Trong thế giới vật chất, *Thế Giới Huyền Bí của Java* đang được chuẩn bị để xuất bản, nhưng tác phẩm đã có trước trong thế giới vĩnh hằng. Thế giới vật chất chỉ là sự phản chiếu hay hình bóng của những sự thật trong thế giới vĩnh hằng.





**Kumbokarno**







Hanoman

